

EPSON

ET-4810 Series L5590 Series ET-2840 Series L3560 Series

SỔ hướng dẫn sử dụng

In

Sao chép

Quét ảnh

Fax

Bảo trì máy in

Giải quyết vấn đề

Mục lục

Hướng dẫn sử dụng

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng	7
Sổ hướng dẫn an toàn quan trọng (hướng dẫn sử dụng trên giấy)	7
Bắt đầu tại đây (hướng dẫn sử dụng trên giấy)	7
Sổ hướng dẫn sử dụng (hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số)	7
Thông tin về các sổ hướng dẫn mới nhất	7
Hướng dẫn đến Sổ h.dẫn xem phim qua mạng	7
Tìm kiếm thông tin	8
Chỉ in trang bạn cần	8
Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này	9
Nhãn và Ký hiệu	9
Ghi chú về ảnh chụp màn hình và hình minh họa	9
Tham khảo Hệ điều hành	10
Thương hiệu	10
Bản quyền	11

Hướng dẫn quan trọng

Hướng dẫn an toàn	13
Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mực	13
Lời khuyên và cảnh báo của máy in	14
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Thiết Lập Máy in	14
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Dùng Máy In	14
Tư vấn và Cảnh báo khi Sử dụng Màn hình LCD	15
Khuyến nghị và cảnh báo về kết nối Internet	15
Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây	15
Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Vận Chuyển Hoặc Bảo Quản Máy In	15
Lưu ý đối với mật khẩu quản trị viên	15
Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn	17

Tên và chức năng của các bộ phận

Mặt trước	19
Bên trong	20
Mặt sau	21

Hướng dẫn đến bảng điều khiển

Bảng điều khiển	24
-----------------	----

Cấu hình màn hình chính	25
Hướng dẫn cho biểu tượng mạng	26
Nhập các ký tự	26
Xem hoạt ảnh	27

Nạp giấy

Thận trọng khi xử lý giấy	29
Cài đặt khổ giấy và loại giấy	30
Danh sách loại giấy	30
Nạp trang	31
Nạp giấy vào khay nạp giấy sau	31
Nạp nhiều loại giấy	33
Nạp phong bì	33
Nạp giấy dài	34

Đặt bản gốc

Bản gốc không được ADF hỗ trợ	36
Đặt bản gốc lên ADF	36
Đặt bản gốc lên kính máy scan	37

In

In tài liệu	40
In từ máy tính	40
In tài liệu từ các thiết bị thông minh	54
In trên phong bì	56
In trên phong bì từ máy tính (Windows)	56
In trên phong bì từ máy tính (Mac OS)	56
In ảnh	57
In ảnh từ máy tính	57
In trang web	57
In trang web từ máy tính	57
In trang web từ thiết bị thông minh	57
In bằng dịch vụ đám mây	58

Sao chép

Sao chép bằng màu hoặc đơn sắc	60
Sao chụp phóng to hoặc thu nhỏ	61
Sao chụp nhiều bản gốc trên một tờ	61
Sao chụp thẻ CMNN	63
Sao chụp không có lề	64
Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp	64
Số bản sao	64

Đen trắng:	64
Màu:	64
Cài đặt:	64

Quét ảnh

Các phương pháp quét có sẵn.	67
Quét bản gốc vào máy tính.	67
Quét bằng WSD.	68
Thiết lập cổng WSD.	69
Quét bản gốc vào thiết bị thông minh.	71

Fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax.	73
Kết nối máy in với đường điện thoại.	73
Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax.	76
Thực hiện cài đặt cho các tính năng fax của máy in theo mục đích sử dụng.	78
Đăng ký danh bạ.	81
Tổng quan về các tính năng fax của máy in này.	84
Tính năng: gửi fax.	84
Tính năng: Nhận fax.	84
Tính năng: Gửi/nhận bằng PC-FAX (Windows/Mac OS).	85
Tính năng: các báo cáo fax khác nhau.	85
Tính năng: bảo mật khi gửi và nhận Fax.	85
Tính năng: Các tính năng hữu ích khác.	86
Gửi fax bằng bảng máy in.	86
Chọn người nhận.	87
Các cách gửi fax khác nhau.	87
Nhận fax trên máy in.	90
Nhận fax gửi đến.	90
Nhận fax bằng cách thực hiện một cuộc gọi điện thoại.	91
Tùy chọn menu cho fax.	92
Fax.	92
Cài đặt quét.	93
Cài đặt gửi fax.	93
Xem thêm.	94
Trình q.ly Danh bạ.	95
Sử dụng các tính năng fax khác.	95
In báo cáo fax theo cách thủ công.	95
Gửi fax từ máy tính.	96
Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Windows).	96
Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Mac OS).	98
Nhận fax trên máy tính.	100
Kiểm tra fax mới (Windows).	100

Kiểm tra fax mới (Mac OS).	102
Hủy tính năng lưu các bản fax đến vào máy tính.	102

Bảo trì máy in

Kiểm tra mức mực.	104
Cải thiện chất lượng in, sao chụp, quét và fax.	104
Kiểm tra và vệ sinh đầu in.	104
Chạy Vệ Sinh Tăng Cường.	106
Ngăn ngừa tắc kim phun.	107
Căn chỉnh Đầu In.	107
Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bắn	108
Vệ sinh Kính Máy Scan.	108
Làm sạch ADF.	109
Vệ sinh máy in.	111
Làm sạch mực bị tràn.	112

Trong các trường hợp này

Khi thay máy tính.	114
Tiết kiệm điện.	114
Kiểm tra tổng số trang đã nạp qua máy in.	114
Tắt Kết nối Wi-Fi của bạn.	115
Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ.	115
Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows.	116
Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Mac OS.	118
Cài đặt lại kết nối mạng.	118
Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính.	118
Thực hiện cài đặt để kết nối với thiết bị thông minh.	119
Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển.	119
Kiểm tra trạng thái kết nối mạng (báo cáo kết nối mạng) của máy in.	122
Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng.	123
Kết nối trực tiếp thiết bị thông minh và máy in (Wi-Fi Direct).	128
Giới thiệu về Wi-Fi Direct.	128
Kết nối với thiết bị qua Wi-Fi Direct.	129
Ngắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản).	130
Thay đổi cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) như SSID.	131
Thêm hoặc thay đổi kết nối của máy in.	132
Để thiết lập máy in trên nhiều máy tính.	132
Thay đổi kết nối mạng từ Wi-Fi sang USB.	133
Thay đổi kết nối mạng từ Wi-Fi sang Ethernet.	134
Cài địa chỉ IP tĩnh cho máy in.	134

Vận chuyển và bảo quản máy in. 136

Giải quyết vấn đề

Không thể in, quét hoặc fax.	141
Khắc phục sự cố.	141
Ứng dụng hoặc trình điều khiển máy in không hoạt động thích hợp.	142
Máy tính không thể kết nối mạng.	145
Không thể gửi hoặc nhận fax.	150
Giấy nạp không đúng cách.	155
Chất lượng in, sao chụp, quét và fax kém.	157
Chất lượng in kém.	157
Chất lượng sao chụp kém.	166
Các vấn đề với ảnh quét.	173
Bản fax gửi đi có chất lượng kém.	175
Fax đã nhận có chất lượng kém.	177
Không thể chọn loại giấy hoặc nguồn giấy trong trình điều khiển máy in.	178
Trình điều khiển máy in Epson chính hãng chưa được cài đặt.	178
Mã lỗi hiển thị trên màn hình LCD.	178
Giấy bị kẹt.	179
Gỡ bỏ giấy bị kẹt.	179
Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ ADF.	183
Ngăn ngừa kẹt giấy.	185
Đã đến lúc nạp lại mực cho hộp mực.	185
Phòng ngừa khi xử lý lọ mực.	185
Nạp lại mực cho hộp mực.	186
Đã đến lúc thay thế hộp bảo trì.	190
Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì.	190
Thay thế hộp bảo trì.	191
Không thể vận hành máy in như mong muốn.	194
Máy in không bật hoặc tắt.	194
Hoạt động chậm.	195
Màn hình LCD bị tối đi.	196
Âm thanh hoạt động lớn.	197
Ngày và giờ không chính xác.	197
Cần cập nhật chứng nhận gốc.	197
Không thể thực hiện in 2 mặt thủ công (Windows).	197
Menu Cài đặt in không hiển thị (Mac OS).	198
Thông báo nhắc bạn cài lại mức mực sẽ hiển thị ngay cả khi bạn đã nạp lại mực.	198
Mức mực hiển thị không thay đổi ngay cả khi bạn đã nạp lại mực.	198
Không thể thực hiện cuộc gọi trên điện thoại kết nối.	198
Số fax của người gửi không được hiển thị.	198

Số fax của người gửi được hiển thị trên fax đã nhận là sai.	199
Máy Trả Lỗi Không Thể Trả Lỗi Cuộc Gọi Thoại.	199
Đã nhận được rất nhiều fax rác.	199
Không thể khắc phục sự cố.	199
Không thể giải quyết vấn đề in hoặc sao chụp.	199

Thông tin sản phẩm

Thông tin giấy.	202
Các loại giấy sẵn có và các khả năng.	202
Các loại giấy không khả dụng.	204
Thông tin sản phẩm vật tư tiêu hao.	204
Mã lọ mực.	204
Mã Hộp Bảo Trì.	205
Thông tin về phần mềm.	206
Ứng dụng để in từ máy tính (Trình điều khiển máy in cho Windows).	206
Ứng dụng để in từ máy tính (Trình điều khiển máy in cho Mac OS).	207
Ứng dụng điều khiển máy quét (Epson Scan 2).	207
Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility).	208
Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX).	209
Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in (Web Config).	209
Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater).	210
Danh sách menu cài đặt.	211
Bảo trì.	211
Thiết lập máy in.	212
Cài đặt mạng.	214
Dịch vụ Epson Connect.	215
Trình q.ly Danh bạ.	215
Cài đặt fax.	216
In tờ tình trạng.	221
Bộ đếm bản in.	222
Ng.cứu khách hàng.	222
Phục hồi cài đặt mặc định.	222
Cập nhật firmware.	223
Thông số kỹ thuật của sản phẩm.	223
Thông số kỹ thuật máy in.	223
Thông số kỹ thuật máy quét.	224
Thông số kỹ thuật ADF.	225
Thông số kỹ thuật fax.	225
Thông số kỹ thuật giao diện.	226
Thông số kỹ thuật mạng.	226
Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ.	228
Kích thước.	229

Thông số kỹ thuật điện.	229
Thông số kỹ thuật môi trường.	230
Yêu cầu hệ thống.	231
Thông tin pháp lý.	231
Tiêu chuẩn và phê chuẩn.	231
Giới hạn sao chép.	233

Nơi nhận trợ giúp

Trang web hỗ trợ kỹ thuật.	235
Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.	235
Trước khi liên hệ với Epson.	235
Trợ giúp dành cho người dùng ở Châu Âu.	235
Trợ giúp dành cho người dùng ở Đài Loan.	236
Trợ giúp dành cho người dùng ở Úc.	236
Trợ Giúp Đối Với Người Dùng Ở New Zealand.	237
Trợ giúp dành cho người dùng ở Singapore.	237
Trợ giúp dành cho người dùng ở Thái Lan.	238
Trợ giúp dành cho người dùng ở Việt Nam.	238
Trợ giúp dành cho người dùng ở Indonesia.	238
Trợ giúp dành cho người dùng ở Hong Kong.	241
Trợ giúp dành cho người dùng ở Malaysia.	242
Trợ giúp dành cho người dùng ở Ấn Độ.	242
Trợ giúp dành cho người dùng ở Philippines.	242

Hướng dẫn sử dụng

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng.	7
Hướng dẫn đến Sổ h.dẫn xem phim qua mạng.	7
Tìm kiếm thông tin.	8
Chỉ in trang bạn cần.	8
Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này.	9
Thương hiệu.	10
Bản quyền.	11

Giới thiệu hướng dẫn sử dụng

Các hướng dẫn sử dụng sau đây được kèm theo máy in Epson của bạn. Giống như các hướng dẫn sử dụng, hãy xem các loại thông tin trợ giúp khác nhau có sẵn từ chính máy in hoặc từ ứng dụng phần mềm Epson.

Sổ hướng dẫn an toàn quan trọng (hướng dẫn sử dụng trên giấy)

Cung cấp cho bạn các hướng dẫn để đảm bảo sử dụng an toàn máy in này.

Bắt đầu tại đây (hướng dẫn sử dụng trên giấy)

Cung cấp cho bạn các thông tin về cách thiết lập máy in và cài đặt phần mềm.

Sổ hướng dẫn sử dụng (hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số)

Hướng dẫn sử dụng này. Có sẵn sổ hướng dẫn ở định dạng PDF và Web. Cung cấp những thông tin và hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng máy in và khắc phục sự cố.

Hướng dẫn sử dụng này được sử dụng cho ET-4810 Series/L5590 Series và ET-2840 Series/L3560 Series. Các tính năng sau đây chỉ khả dụng cho ET-4810 Series/L5590 Series.

- Fax
- ADF (Bộ nạp tài liệu tự động)
- Kết nối ethernet

Thông tin về các sổ hướng dẫn mới nhất

- Hướng dẫn sử dụng trên giấy
Truy cập trang web hỗ trợ của Epson châu Âu tại <http://www.epson.eu/support>, hoặc trang web hỗ trợ của Epson toàn cầu tại <http://support.epson.net/>.
- Hướng dẫn sử dụng kỹ thuật số
Truy cập trang web sau đây, nhập tên sản phẩm, sau đó vào mục **Hỗ trợ**.
<https://epson.sn>

Hướng dẫn đến Sổ h.dẫn xem phim qua mạng

Bạn có thể xem Sổ h.dẫn xem phim qua mạng để học cách sử dụng máy in. Truy cập trang web sau. Nội dung của Sổ h.dẫn xem phim qua mạng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.



ET-4810 Series: https://support.epson.net/publist/video.php?model=ET-4810_Series

L5590 Series: https://support.epson.net/publist/video.php?model=L5590_Series

ET-2840 Series: https://support.epson.net/publist/video.php?model=ET-2840_Series

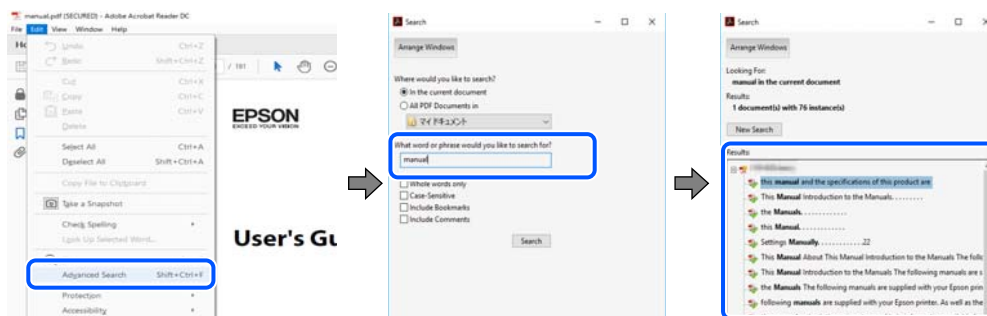
L3560 Series: https://support.epson.net/publist/video.php?model=L3560_Series

Tìm kiếm thông tin

Hướng dẫn sử dụng PDF cho phép bạn tìm kiếm thông tin bạn đang tìm kiếm theo từ khóa hoặc chuyển trực tiếp đến các phần cụ thể bằng các dấu trang. Phần này giải thích cách sử dụng hướng dẫn sử dụng PDF đã được mở trong Adobe Acrobat Reader DC trên máy tính của bạn.

Tìm kiếm theo từ khóa

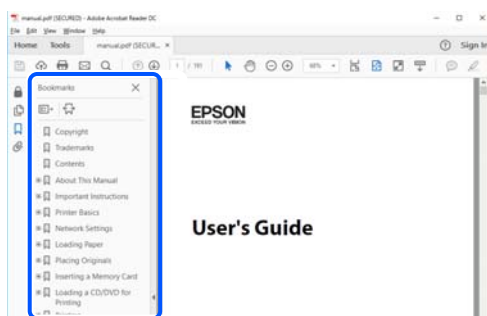
Nhấp vào **Chỉnh sửa** > **Tìm kiếm nâng cao**. Nhập từ khóa (văn bản) cho thông tin bạn muốn tìm trong cửa sổ tìm kiếm, sau đó nhấp vào **Tìm kiếm**. Các kết quả hiển thị dưới dạng một danh sách. Nhấp vào một trong các kết quả hiển thị để chuyển tới trang đó.



Chuyển ngay từ dấu trang

Nhấp vào một tiêu đề để chuyển tới trang đó. Nhấp vào + hoặc > để xem các tiêu đề ở mức thấp hơn trong phần đó. Để quay về trang trước, thực hiện thao tác sau đây trên bàn phím.

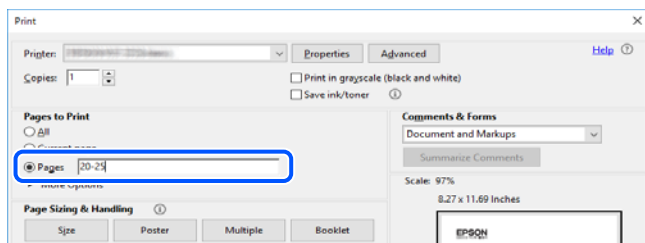
- ❑ Windows: Nhấn và giữ **Alt**, sau đó nhấn ←.
- ❑ Mac OS: Nhấn giữ phím lệnh, sau đó nhấn ←.



Chỉ in trang bạn cần

Bạn cũng có thể trích xuất và chỉ in những trang bạn cần. Nhấp vào **In** trong menu **Tệp**, sau đó chỉ định trang bạn muốn in trong **Trang trong Trang sẽ in**.

- Để chỉ định một loạt trang, hãy nhập một dấu nối giữa trang bắt đầu và trang kết thúc.
Ví dụ: 20-25
- Để chỉ định các trang không nằm trong loạt trang, chia tách các trang bằng dấu phẩy.
Ví dụ: 5, 10, 15



Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn này

Phần này giải thích ý nghĩa của các dấu và ký hiệu, ghi chú về mô tả và thông tin tham khảo hệ điều hành được sử dụng trong hướng dẫn này.

Nhãn và Ký hiệu



Chú ý:

Bạn phải làm theo hướng dẫn để tránh thương tích cơ thể.



Quan trọng:

Bạn phải làm theo hướng dẫn để tránh hư hỏng cho thiết bị.

Lưu ý:

Cung cấp thông tin bổ sung và tham khảo.

Thông tin liên quan

➔ Liên kết đến các phần liên quan.



Cung cấp Số h.dẫn xem phim qua mạng về các hướng dẫn vận hành. Xem liên kết thông tin liên quan.

Ghi chú về ảnh chụp màn hình và hình minh họa

- Ảnh chụp màn hình của trình điều khiển máy in được lấy từ Windows 10 hoặc macOS High Sierra(10.13). Nội dung được hiển thị trong các màn hình thay đổi tùy theo kiểu máy và tình huống.
- Hình minh họa được sử dụng trong hướng dẫn này chỉ là ví dụ. Mặc dù có thể những khác biệt một chút tùy thuộc vào kiểu máy, phương pháp vận hành vẫn không thay đổi.
- Một số mục menu trên màn hình LCD thay đổi tùy thuộc vào kiểu máy và thiết lập.

- Bạn có thể đọc mã QR bằng ứng dụng riêng.

Tham khảo Hệ điều hành

Windows

Trong hướng dẫn này, các thuật ngữ như “Windows 11”, “Windows 10”, “Windows 8.1”, “Windows 8”, “Windows 7”, “Windows Vista”, “Windows XP”, “Windows Server 2022”, “Windows Server 2019”, “Windows Server 2016”, “Windows Server 2012 R2”, “Windows Server 2012”, “Windows Server 2008 R2”, “Windows Server 2008”, “Windows Server 2003 R2” và “Windows Server 2003” là nói đến các hệ điều hành sau. Ngoài ra, “Windows” được sử dụng để đề cập đến tất cả các phiên bản.

- Hệ điều hành Microsoft® Windows® 11
- Hệ điều hành Microsoft® Windows® 10
- Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8.1
- Hệ điều hành Microsoft® Windows® 8
- Hệ điều hành Microsoft® Windows® 7
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Vista®
- Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP
- Hệ điều hành Microsoft® Windows® XP Professional x64 Edition
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2022
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2019
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2016
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012 R2
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2012
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008 R2
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2008
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003 R2
- Hệ điều hành Microsoft® Windows Server® 2003

Mac OS

Trong số hướng dẫn này, “Mac OS” được sử dụng để đề cập đến Mac OS X 10.9.5 hoặc mới hơn cũng như macOS 11 hoặc mới hơn.

Thương hiệu

- QR Code is a registered trademark of DENSO WAVE INCORPORATED in Japan and other countries.
- Microsoft®, Windows®, Windows Server®, and Windows Vista® are registered trademarks of Microsoft Corporation.
- Apple, Mac, macOS, OS X, Bonjour, ColorSync, Safari, AirPrint, iPad, iPhone, and iPod touch are trademarks of Apple Inc., registered in the U.S. and other countries.

- ❑ Use of the Works with Apple badge means that an accessory has been designed to work specifically with the technology identified in the badge and has been certified by the developer to meet Apple performance standards.
- ❑ Chrome, Google Play, and Android are trademarks of Google LLC.
- ❑ Adobe, Acrobat, and Reader are either registered trademarks or trademarks of Adobe in the United States and/or other countries.
- ❑ Firefox is a trademark of the Mozilla Foundation in the U.S. and other countries.
- ❑ The Mopria™ word mark and the Mopria™ Logo are registered and/or unregistered trademarks of Mopria Alliance, Inc. in the United States and other countries. Unauthorized use is strictly prohibited.
- ❑ Thông báo chung: các tên sản phẩm khác được sử dụng ở đây chỉ nhằm mục đích nhận dạng và có thể là nhãn hiệu của các chủ sở hữu tương ứng. Epson tuyên bố miễn trừ bất kỳ và mọi quyền có trong các nhãn hiệu này.

Bản quyền

Không được tái tạo, lưu trữ phần nào của ấn phẩm này trong hệ thống có thể truy xuất hoặc truyền ở bất cứ dạng nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào, điện tử, cơ khí, photocopy, ghi lại hay nói cách khác là không có sự cho phép trước bằng văn bản của Seiko Epson Corporation. Không phải chịu trách nhiệm pháp lý về bằng sáng chế đối với việc sử dụng thông tin có ở đây. Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với các thiệt hại do việc sử dụng thông tin ở đây. Thông tin có ở đây chỉ được thiết kế để sử dụng với sản phẩm Epson này. Epson không chịu trách nhiệm đối với việc sử dụng thông tin này như đã áp dụng với các sản phẩm khác.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó đều không chịu trách nhiệm pháp lý đối với người mua sản phẩm này hoặc các bên thứ ba cho các thiệt hại, mất mát, chi phí hoặc phí mà người mua hoặc bên thứ ba phải chịu do tai nạn, sử dụng sai hoặc lạm dụng sản phẩm này hoặc các sửa đổi, sửa chữa hoặc thay thế trái phép sản phẩm này hoặc (trừ Hoa Kỳ) không tâm thủ nghiêm ngặt hướng dẫn vận hành và bảo trì của Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation và các công ty liên kết của nó sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại hoặc sự cố nảy sinh từ việc sử dụng mọi tùy chọn hoặc mọi sản phẩm có thể tiêu hao nào ngoài những sản phẩm được chỉ định làm Sản phẩm Epson gốc hoặc Sản phẩm được Epson phê duyệt bởi Seiko Epson Corporation.

Seiko Epson Corporation sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với mọi thiệt hại nảy sinh từ nhiễu điện từ xảy ra từ việc sử dụng cáp giao diện không phải là cáp được chỉ định làm Sản phẩm được Epson phê duyệt của Seiko Epson Corporation.

© 2023 Seiko Epson Corporation

Nội dung của hướng dẫn sử dụng này và các thông số kỹ thuật của sản phẩm này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

Hướng dẫn quan trọng

Hướng dẫn an toàn.	13
Lời khuyên và cảnh báo của máy in.	14
Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn.	17

Hướng dẫn an toàn

Đọc và làm theo các hướng dẫn này nhằm đảm bảo sử dụng an toàn máy in này. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này. Đồng thời, hãy chắc chắn làm theo tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên máy in.

- Một số biểu tượng dùng trên máy in của bạn là nhằm đảm bảo sử dụng máy in an toàn và thích hợp. Truy cập trang web sau để tìm hiểu ý nghĩa của các biểu tượng.
<http://support.epson.net/symbols/>
- Chỉ sử dụng dây điện đi cùng với máy in và không sử dụng dây điện với bất kỳ thiết bị nào khác. Sử dụng các loại dây điện khác với máy in này hoặc sử dụng dây điện đi kèm cho thiết bị khác có thể dẫn đến cháy hoặc giật điện.
- Hãy chắc chắn rằng dây điện AC của bạn đáp ứng tiêu chuẩn an toàn liên quan tại địa phương.
- Không tự mình tháo gỡ, sửa đổi hoặc tìm cách sửa chữa dây điện, phích cắm, bộ phận máy in, bộ phận máy quét hoặc các tùy chọn, trừ khi được giải thích cụ thể trong hướng dẫn sử dụng máy in.
- Rút phích cắm máy in và chuyển việc bảo trì cho nhân viên bảo trì có trình độ chuyên môn trong các điều kiện sau:
Dây điện hoặc phích cắm bị hỏng; chất lỏng vào máy in; máy in bị rơi hoặc vỏ hộp bị hỏng; máy in hoạt động không bình thường hoặc thể hiện sự thay đổi khác biệt về hiệu suất. Không điều chỉnh các nút điều khiển không được đề cập trong hướng dẫn vận hành.
- Đặt máy in gần ổ cắm điện mà ở đó có thể rút phích cắm dễ dàng.
- Không đặt hoặc bảo quản máy in ngoài trời, gần nơi quá ẩm hoặc bụi, nước, nguồn nhiệt, hoặc các địa điểm khác chịu sốc, rung, nhiệt độ hoặc độ ẩm cao.
- Cẩn thận không làm tràn chất lỏng lên máy in và không giữ máy in bằng tay ướt.
- Để máy in cách máy trợ tim ít nhất 22 cm. Sóng vô tuyến từ máy in này có thể gây ảnh hưởng xấu cho việc vận hành của máy trợ tim.
- Nếu màn hình LCD bị hỏng, hãy liên hệ với đại lý của bạn. Nếu dung dịch tinh thể lỏng dính vào tay của bạn, hãy rửa tay thật kỹ bằng xà phòng và nước. Nếu dung dịch tinh thể lỏng dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Tránh sử dụng điện thoại khi có bão tố. Có thể có nguy cơ giật điện từ xa do sét đánh.
- Không sử dụng điện thoại để báo cáo về rò rỉ khí gas trong vùng lân cận của nơi rò rỉ.

Hướng Dẫn An Toàn Đối Với Mực

- Cẩn thận không chạm vào mực khi bạn cầm hộp mực, nắp hộp mực và lọ mực đang mở hoặc nắp lọ mực.
 - Nếu mực dính vào da của bạn, hãy rửa kỹ vùng da bằng xà phòng và nước.
 - Nếu mực dính vào mắt của bạn, hãy rửa sạch mắt ngay lập tức bằng nước. Nếu thấy không thoải mái hoặc có vấn đề về thị lực tiếp diễn sau khi rửa kỹ, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
 - Nếu mực vào miệng của bạn, hãy đến gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Không tháo rời hộp bảo trì; nếu không, mực có thể văng vào mắt hoặc lên da của bạn.
- Không lắc chai mực quá mạnh hoặc làm chai bị va đập mạnh vì điều này có thể khiến mực rò rỉ.
- Để chai mực và hộp bảo trì ngoài tầm với của trẻ em. Không để trẻ em uống từ chai mực.

Lời khuyên và cảnh báo của máy in



Đọc và thực hiện theo các hướng dẫn này để tránh làm hỏng máy in hoặc tài sản của bạn. Đảm bảo rằng bạn cất giữ hướng dẫn sử dụng này để tham khảo sau này.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Thiết Lập Máy In

- Không chặn hoặc bịt các lỗ thông hơi hoặc lỗ hở trong máy in.
- Chỉ sử dụng kiểu nguồn điện được chỉ dẫn trên nhãn của máy in.
- Tránh sử dụng các ổ cắm trên cùng mạch với máy photo hoặc hệ thống điều hòa không khí thường xuyên bật và tắt.
- Tránh sử dụng các ổ cắm điện được điều khiển bởi công tắc trên tường hoặc bộ định thời gian tự động.
- Giữ toàn bộ hệ thống máy tính tránh xa các nguồn nhiễu điện từ trường tiềm ẩn, như loa hoặc bộ phận cơ sở của điện thoại không dây.
- Cần đặt dây điện cấp nguồn để tránh bị mài mòn, cắt, gậy tước, gấp mép và xoắn. Không đặt các vật lên trên dây điện cấp nguồn và không để dây điện cấp nguồn bị bước lên trên hoặc chạy qua. Đặc biệt thận trọng khi giữ thẳng dây nguồn ở các đầu dây.
- Nếu bạn sử dụng dây điện nối dài cùng với máy in, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của các thiết bị cắm vào dây điện kéo dài không vượt quá định mức ampe của dây điện. Đồng thời, hãy đảm bảo rằng tổng định mức ampe của tất cả các thiết bị cắm vào ổ cắm điện không vượt quá định mức ampe của ổ cắm điện.
- Nếu bạn định sử dụng máy in ở Đức, hệ thống lắp đặt của tòa nhà phải được bảo vệ bằng cầu dao 10 hoặc 16 amp để cung cấp đủ khả năng bảo vệ ngắn mạch và bảo quá dòng cho máy in.
- Khi kết nối máy in với máy tính hoặc thiết bị khác bằng dây cáp, hãy đảm bảo hướng chính xác của các đầu nối. Mỗi đầu nối chỉ có một hướng chính xác. Lắp đầu nối theo hướng sai có thể làm hỏng cả hai thiết bị nối với dây cáp.
- Đặt máy in trên bề mặt phẳng, ổn định và rộng hơn đế của máy in theo tất cả các hướng. Máy in sẽ không thể vận hành đúng cách nếu bị nghiêng đi một góc.
- Để một khoảng trống phía trên máy in để bạn có thể nâng hoàn toàn nắp tài liệu.
- Để đủ khoảng trống phía trước máy in để giấy có thể được đẩy ra hoàn toàn.
- Tránh các vị trí chịu sự thay đổi nhanh chóng của nhiệt độ và độ ẩm. Đồng thời, giữ máy in tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp, nguồn sáng mạnh hoặc nguồn nhiệt.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Dùng Máy In

- Không chèn các vật qua các khe trong máy in.
- Không đặt tay của bạn vào bên trong máy in khi đang in.
- Không chạm vào dây cáp det màu trắng và các ống mực bên trong máy in.
- Không sử dụng các sản phẩm aerosol chứa khí gas dễ cháy bên trong hoặc xung quanh máy in. Làm như vậy có thể gây ra cháy.
- Không di chuyển đầu in bằng tay; làm như vậy, bạn có thể làm hỏng máy in.
- Cẩn thận không để kẹp ngón tay của bạn khi đóng bộ phận máy quét.
- Không ấn quá mạnh lên kính máy scan khi đặt các bản gốc.

- Kéo dài việc sử dụng máy in khi mức mực nằm dưới vạch phía dưới có thể làm hỏng máy in. Nạp mực đến vạch trên của hộp mực trong khi máy in không hoạt động. Để hiển thị mức mực ước tính chính xác, hãy đặt lại mức mực sau khi nạp mực vào hộp.
- Luôn tắt máy in bằng nút . Không rút phích cắm của máy in hoặc tắt nguồn tại ổ cắm khi đèn  vẫn chưa ngừng nhấp nháy.
- Nếu bạn không sử dụng máy in trong một khoảng thời gian dài, hãy chắc chắn rút phích cắm dây điện ra khỏi ổ điện.

Tư vấn và Cảnh báo khi Sử dụng Màn hình LCD

- Màn hình LCD có thể có một vài điểm sáng hoặc tối nhỏ, và vì những tính năng của màn hình, màn hình có thể có độ sáng không đều. Điều này là bình thường và không phải là chỉ báo cho thấy màn hình bị hỏng theo bất kỳ cách nào.
- Chỉ sử dụng vải khô và mềm để lau màn hình. Không sử dụng chất làm sạch hóa học hoặc chất lỏng.
- Phần vỏ phía bên ngoài của màn hình LCD có thể bị vỡ nếu gặp tác động mạnh. Hãy liên hệ với đại lý của bạn nếu bề mặt màn hình nứt mẻ hoặc bị nứt, và không chạm vào hoặc tìm cách loại bỏ các mảnh vỡ.

Khuyến nghị và cảnh báo về kết nối Internet

Không kết nối sản phẩm này trực tiếp với Internet. Kết nối sản phẩm trong mạng lưới được bảo vệ bởi bộ định tuyến hoặc tường lửa.

Lời khuyên và cảnh báo dành cho việc sử dụng máy in bằng kết nối không dây

- Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của thiết bị điện tử y tế, khiến cho chúng gặp lỗi. Khi sử dụng máy in này bên trong các cơ sở y tế hoặc gần thiết bị y tế, hãy thực hiện theo các chỉ dẫn từ nhân viên có thẩm quyền đại diện cho các cơ sở y tế, và thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên thiết bị y tế.
- Sóng vô tuyến từ máy in này có thể có ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các thiết bị điều khiển tự động như của tự động hoặc chuông báo cháy, và có thể dẫn đến tai nạn do lỗi. Khi sử dụng máy in này gần các thiết bị điều khiển tự động, hãy thực hiện theo tất cả các cảnh báo và chỉ dẫn đã đăng trên các thiết bị này.

Khuyến Nghị Và Cảnh Báo Về Cách Vận Chuyển Hoặc Bảo Quản Máy In

- Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.
- Trước khi vận chuyển máy in, đảm bảo rằng đầu in ở vị trí gốc (tận cùng bên phải).

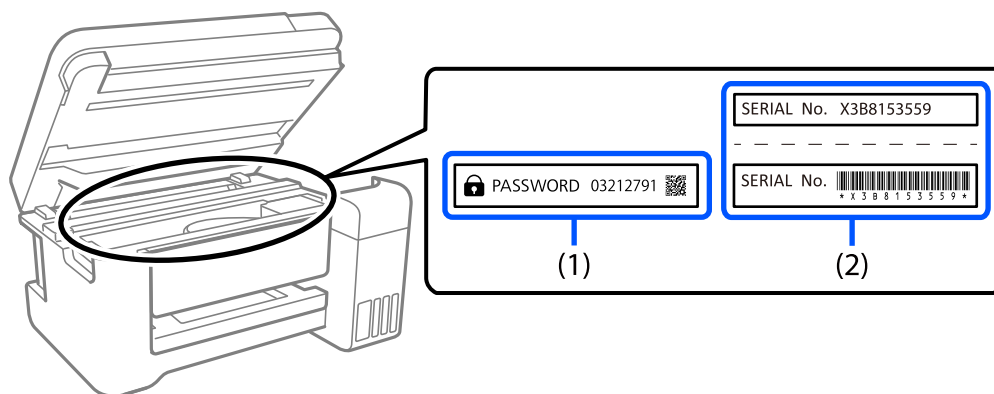
Lưu ý đối với mật khẩu quản trị viên

Máy in này cho phép bạn cài mật khẩu quản trị viên để ngăn chặn truy cập trái phép hoặc những thay đổi đối với cài đặt thiết bị và cài đặt mạng được lưu trữ trên sản phẩm khi kết nối mạng.

Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên

Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên được in trên nhãn trên chính sản phẩm, ví dụ như nhãn hiển thị. Vị trí dán nhãn tùy vào sản phẩm, chẳng hạn như ở mặt mở nắp, mặt sau hoặc mặt dưới.

Hình minh họa sau đây là ví dụ về vị trí dán nhãn ở mặt mở nắp máy in.



Nếu dán cả nhãn (1) và (2) thì giá trị bên cạnh MẬT KHẨU được ghi trên nhãn trong (1) là giá trị mặc định. Trong ví dụ này, giá trị mặc định là 03212791.

Nếu chỉ dán nhãn (2) thì số serial in trên nhãn trong (2) là giá trị mặc định. Trong ví dụ này, giá trị mặc định là X3B8153559.

Thay đổi mật khẩu quản trị viên

Vì lý do bảo mật, bạn nên thay đổi mật khẩu ban đầu.

Nó có thể được thay đổi từ Web Config và Epson Device Admin. Khi thay đổi mật khẩu, hãy cài mật khẩu có ít nhất 8 ký tự chữ và số một byte và ký hiệu.

Thông tin liên quan

➔ [“Chạy Web Config trên Trình duyệt web” ở trang 209](#)

Các thao tác yêu cầu bạn nhập mật khẩu quản trị viên

Nếu được nhắc nhập mật khẩu quản trị viên khi thực hiện các thao tác sau, hãy nhập mật khẩu quản trị viên được thiết lập trên máy in.

- Khi cập nhật phần mềm điều khiển của máy in từ máy tính hoặc thiết bị thông minh
- Khi đăng nhập vào phần cài đặt nâng cao của Web Config
- Khi thiết lập bằng một ứng dụng, chẳng hạn như Fax Utility, mà có thể thay đổi cài đặt của máy in

Khởi tạo mật khẩu quản trị viên

Bạn có thể chuyển mật khẩu quản trị viên trở về cài đặt mặc định bằng cách khởi tạo cài đặt mạng.

Thông tin liên quan

➔ [“Phục hồi cài đặt mặc định” ở trang 222](#)

Bảo vệ thông tin cá nhân của bạn

Khi bạn đưa máy in cho người khác hoạt vất bỏ máy in, hãy xóa toàn bộ thông tin cá nhân được lưu trữ trong bộ nhớ của máy in bằng cách chọn **Cài đặt > Phục hồi cài đặt mặc định > Xóa hết mọi dữ liệu và cài đặt** trên bảng điều khiển.

Tên và chức năng của các bộ phận

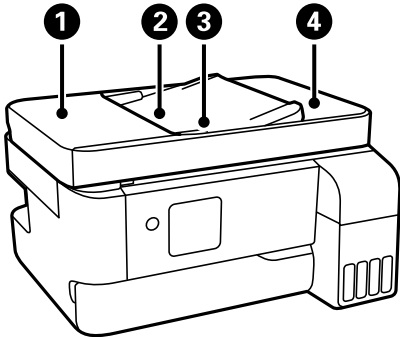
Mặt trước. 19

Bên trong. 20

Mặt sau. 21

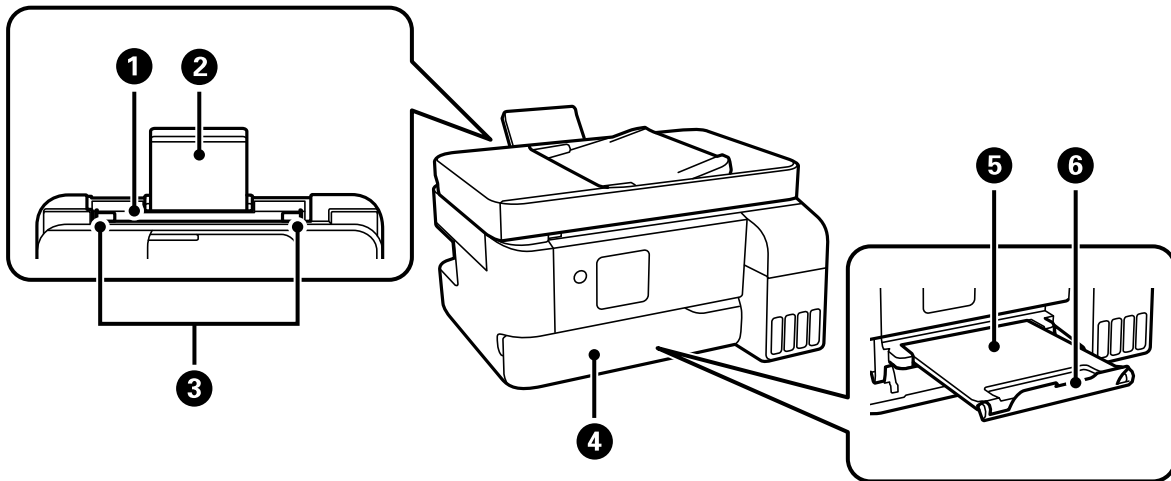
Mặt trước

Chỉ dành cho ET-4810 Series/L5590 Series



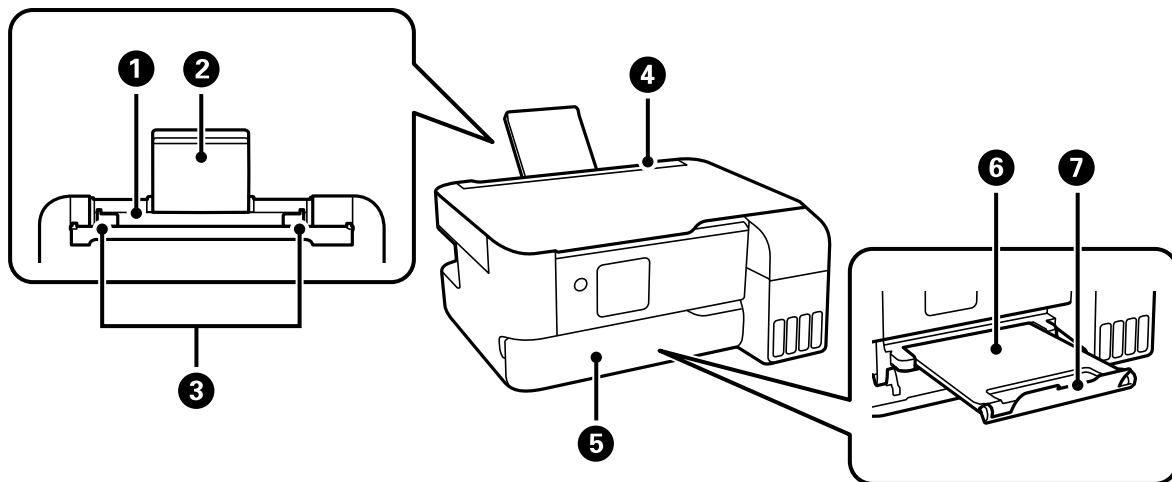
❶	Nắp ADF (Khay nạp tài liệu tự động)	Mở khi loại bỏ bản gốc bị kẹt trong ADF.
❷	Khay đầu vào ADF	Tự động nạp bản gốc.
❸	Thanh dẫn hướng cạnh ADF	Nạp bản gốc thẳng vào máy in. Trượt đến mép của bản gốc.
❹	Khay đầu ra ADF	Giữ bản gốc được nhả ra từ ADF.

Chỉ dành cho ET-4810 Series/L5590 Series



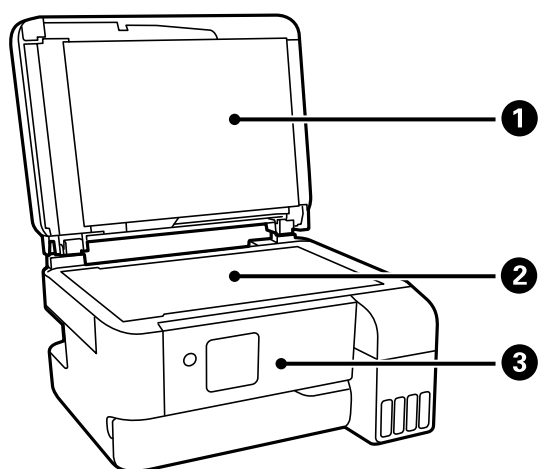
❶	Khay nạp giấy phía sau	Nạp giấy.
❷	Đỡ giấy	Đỡ giấy đã nạp.
❸	Thanh dẫn hướng cạnh	Nạp giấy thẳng vào máy in. Trượt đến mép của giấy.
❹	Nắp khay đầu ra	Mở tự động khi bắt đầu in.
❺	Khay đầu ra	Giữ giấy được đẩy ra. Kéo khay ra theo cách thủ công và đẩy lại vào để cất giữ.
❻	Bộ chặn	Định vị bộ chặn để ngăn không cho các bản in rơi ra khỏi khay đầu ra.

Chỉ dành cho ET-2840 Series/L3560 Series



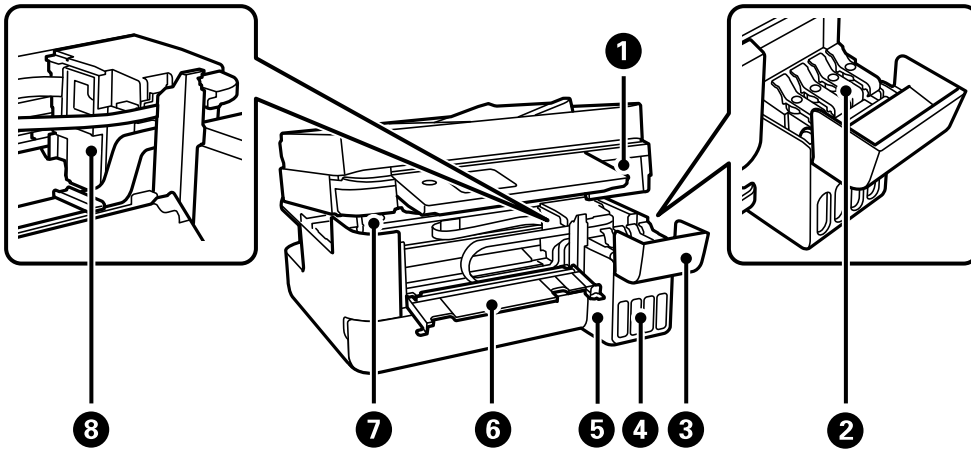
❶	Khay nạp giấy phía sau	Nạp giấy.
❷	Đỡ giấy	Đỡ giấy đã nạp.
❸	Thanh dẫn hướng cạnh	Nạp giấy thẳng vào máy in. Trượt đến mép của giấy.
❹	Tấm bảo vệ khay nạp	Tránh các vật lạ lọt vào máy in. Luôn đóng tấm bảo vệ này.
❺	Nắp khay đầu ra	Mở tự động khi bắt đầu in.
❻	Khay đầu ra	Giữ giấy được đẩy ra. Kéo khay ra theo cách thủ công và đẩy lại vào để cất giữ.
❼	Bộ chặn	Định vị bộ chặn để ngăn không cho các bản in rơi ra khỏi khay đầu ra.

Bên trong



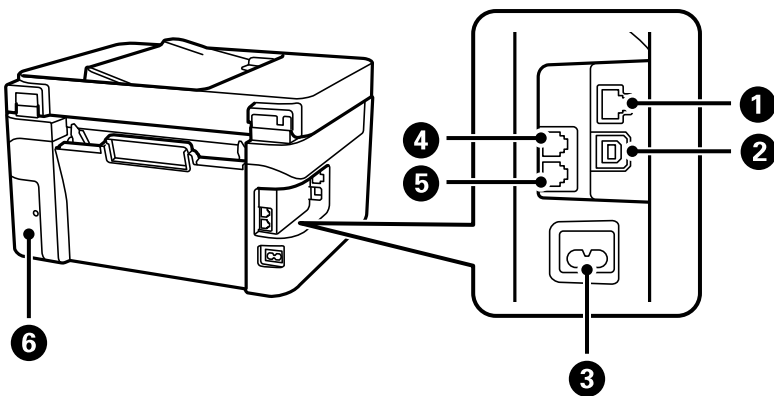
❶	Nắp tài liệu	Chặn ánh sáng bên ngoài khi đang quét.
---	--------------	--

2	Kính máy quét	Đặt bản gốc vào.
3	Bảng điều khiển	Cho biết trạng thái của máy in và cho phép bạn thực hiện cài đặt in.



1	Bộ phận máy quét	Quét bản gốc đã đặt vào. Mở khi loại bỏ giấy bị kẹt. Bộ phận này thường phải luôn đóng lại.
2	Nút đẩy hộp mực	Mở để nạp lại hộp mực.
3	Nắp hộp mực	
4	Hộp giữ mực (Hộp mực)	Cấp mực cho đầu in.
5	Bộ phận hộp mực	Chứa các hộp mực.
6	Nắp đậy trong	Mở khi loại bỏ giấy bị kẹt bên trong máy in.
7	Hỗ trợ bộ phận máy quét	Đỡ bộ phận máy quét khi mở.
8	Đầu in	Mực bị đẩy ra từ kim phun đầu in bên dưới.

Mặt sau



1	Cổng LAN*	Kết nối với cáp LAN.
---	-----------	----------------------

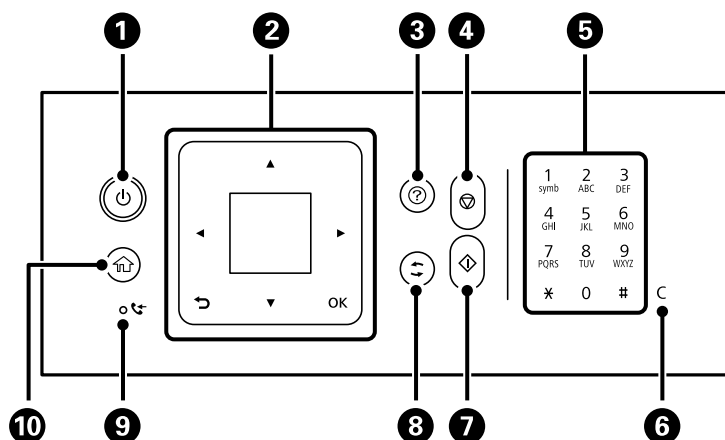
②	Cổng USB	Cắm cáp USB để kết nối với máy tính.
③	Lối vào AC	Kết nối với dây điện nguồn.
④	Cổng EXT.*	Kết nối với thiết bị điện thoại ngoài.
⑤	Cổng LINE*	Kết nối đường điện thoại.
⑥	Nắp hộp bảo trì	Tháo khi thay hộp bảo trì. Bạn cần một tuốc nơ vít đầu phẳng để tháo hộp bảo trì. Hộp bảo trì là một hộp chứa thu gom một lượng rất nhỏ mực thừa trong khi vệ sinh hoặc in.

* Chỉ dành cho ET-4810 Series/L5590 Series

Hướng dẫn đến bảng điều khiển

Bảng điều khiển.	24
Cấu hình màn hình chính.	25
Nhập các ký tự.	26
Xem hoạt ảnh.	27


Bảng điều khiển



1	<p>Bật hoặc tắt máy in. Rút phích cắm điện sau khi kiểm tra thấy đèn nguồn tắt.</p>
2	<p>Màn hình Hiển thị các menu và thông báo. Sử dụng các nút trên bảng điều khiển để chọn một menu hoặc thực hiện cài đặt.</p> <p>Các nút ▲ ▼ ◀ ▶ và nút OK Sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶ để chọn một menu, sau đó nhấn nút OK để vào menu đã chọn.</p> <p>Nút ↶ Quay lại màn hình trước.</p>
3	Hiển thị những giải pháp khi bạn gặp sự cố.
4	Dừng thao tác hiện tại.
5*	Nhập số, ký tự và ký hiệu.
6*	Xóa hết các cài đặt số như số bản sao.
7	Bắt đầu một thao tác như in hoặc sao chép.
8	Áp dụng cho các chức năng khác nhau tùy vào tình huống.
9*	Bật khi các tài liệu đã nhận chưa được in hoặc lưu được lưu vào bộ nhớ của máy in.
10	Hiển thị màn hình chính.




* Chỉ dành cho ET-4810 Series/L5590 Series

Cấu hình màn hình chính







Màn hình chính sau đây sẽ hiển thị khi bạn bật máy in hoặc nhấn nút  trên bảng điều khiển. Bạn có thể dễ dàng sao chụp và in bằng cách chuyển đổi menu và chọn tùy chọn cần dùng.



	<p>Cho phép bạn sao chụp tài liệu.</p>
	<p>Cho phép bạn quét tài liệu và lưu vào máy tính.</p>
	<p>Cho phép bạn quét các tài liệu và lưu chúng vào máy tính bằng tính năng WSD.</p>
	<p>Cho phép bạn gửi fax.</p>
	<p>Hiển thị cài đặt Chế độ im lặng cho phép bạn giảm tiếng ồn do máy in tạo ra. Tuy nhiên, bật chế độ này có thể làm giảm tốc độ in. Tùy vào loại giấy và cài đặt chất lượng in bạn đã chọn, có thể không có sự khác biệt ở mức ồn của máy in.</p>
	<p>Cho phép bạn thực hiện các cài đặt liên quan đến bảo trì, cài đặt máy in và vận hành.</p>
	<p>Hiển thị màn hình Trợ giúp. Bạn có thể xem hướng dẫn hoạt động hoặc giải pháp cho sự cố.</p>
	<p>Hiển thị các menu được đề xuất để cải thiện chất lượng bản in như khắc phục kim phun bị tắc bằng cách in mẫu kiểm tra kim phun và thực hiện vệ sinh đầu in và cải thiện tình trạng mờ hoặc dải vạch trong bản in bằng cách căn chỉnh đầu in.</p>

	Cung cấp các giải pháp khi bạn không thể in như dự kiến.
	Chọn kích cỡ giấy và kiểu giấy bạn đã nạp vào nguồn giấy.
	Hiển thị menu cho phép bạn thiết lập máy in để sử dụng trong mạng không dây.





Hướng dẫn cho biểu tượng mạng

	Máy in không được kết nối với mạng có dây (Ethernet) hoặc mạng không dây (Wi-Fi).
	Máy in được kết nối với mạng có dây (Ethernet).
	Máy in đang tìm kiếm SSID, địa chỉ IP đã bỏ đặt hoặc đang xảy ra sự cố với mạng không dây (Wi-Fi).
	Máy in được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi). Số vạch cho biết cường độ tín hiệu của kết nối. Càng có nhiều vạch, kết nối càng mạnh.
	Máy in không được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi) trong chế độ Wi-Fi Direct (AP đơn giản).
	Máy in được kết nối với mạng không dây (Wi-Fi) trong chế độ Wi-Fi Direct (AP đơn giản).

Nhập các ký tự


Để nhập các ký tự và ký hiệu cho cài đặt mạng và đăng ký các liên hệ từ bảng điều khiển, hãy sử dụng các nút ▲, ▼, ◀ và ▶ và bàn phím của phần mềm trên màn hình LCD. Nhấn nút ▲, ▼, ◀ hoặc nút ▶ để chọn một ký tự hoặc nút chức năng trên bàn phím và sau đó nhấn nút OK. Khi bạn nhập xong ký tự, chọn **OK**, và sau đó nhấn nút OK.



Nút chức năng	Mô tả
	Di chuyển con trỏ sang trái hoặc phải.
A 1 #	Chuyển đổi kiểu ký tự. Bạn có thể nhập ký tự chữ và số hoặc biểu tượng. Bạn cũng có thể chuyển đổi chúng bằng cách sử dụng nút  .
	Nhập dấu cách.
	Xóa một ký tự bên trái (phím lùi).
OK	Nhập ký tự đã chọn.

Xem hoạt ảnh

Bạn có thể xem hoạt ảnh về hướng dẫn vận hành như nạp giấy hoặc lấy giấy bị kẹt trên màn hình LCD.

- Nhấn nút : Hiển thị màn hình trợ giúp. Chọn **Cách làm** và chọn các mục mà bạn muốn xem.
- Chọn **Xem Mô tả** ở cuối màn hình thao tác: Hiển thị hoạt ảnh thay đổi theo ngữ cảnh.

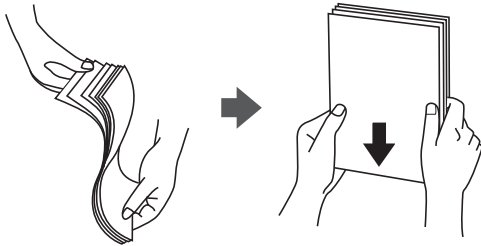


Nạp giấy

Thận trọng khi xử lý giấy.	29
Cài đặt khổ giấy và loại giấy.	30
Nạp trang.	31
Nạp nhiều loại giấy.	33

Thận trọng khi xử lý giấy

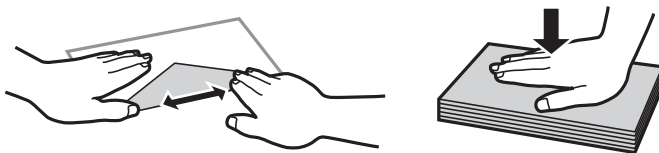
- ❑ Hãy đọc tờ hướng dẫn đi cùng với giấy.
- ❑ Để có bản in chất lượng cao với giấy Epson chính hãng, hãy sử dụng giấy trong môi trường nêu trên các trang đi kèm giấy.
- ❑ Vuốt và căn thẳng mép của giấy trước khi nạp vào. Không vuốt hoặc uốn giấy ảnh. Làm như vậy có thể làm hỏng mặt có thể in được.



- ❑ Nếu giấy bị cong, hãy làm phẳng hoặc uốn nhẹ theo chiều ngược lại trước khi nạp vào. In trên giấy cong có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.



- ❑ Các vấn đề về nạp giấy có thể xảy ra thường xuyên đối với in 2 mặt thủ công khi in trên một mặt của giấy đã in sẵn. Giảm số lượng tờ giấy xuống còn một nửa hoặc ít hơn hoặc nạp một tờ giấy mỗi lần in nếu kẹt giấy vẫn tiếp tục xảy ra.
- ❑ Đảm bảo bạn đang sử dụng giấy thích hợp. Nếu không chắc về loại giấy bạn đang sử dụng, hãy kiểm tra bao bì giấy hoặc liên hệ với nhà sản xuất để xác nhận các thông số kỹ thuật của giấy.
- ❑ Vuốt và căn thẳng mép của phong bì trước khi nạp vào. Khi phong bì xếp chồng bị phồng lên do không khí, ấn chúng xuống để làm phẳng trước khi nạp vào.

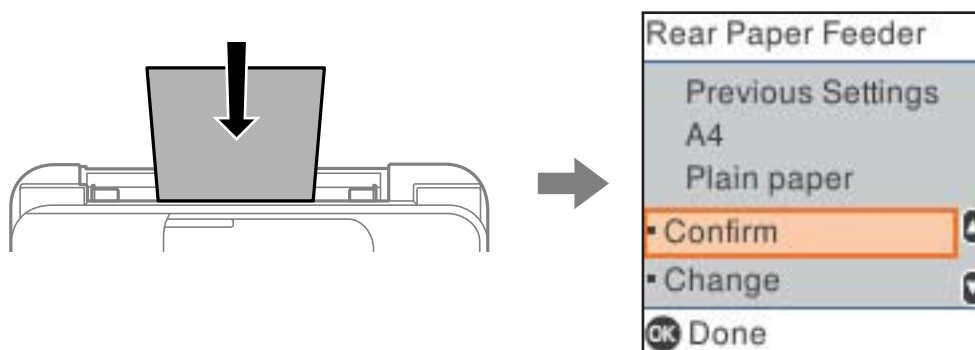


Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202
- ➔ “Các loại giấy không khả dụng” ở trang 204

Cài đặt khổ giấy và loại giấy

Đảm bảo bạn đã đăng ký khổ giấy và loại giấy trên màn hình hiển thị khi bạn nạp giấy. Máy in sẽ thông báo cho bạn khi có sự khác biệt giữa thông tin vừa đăng ký và cài đặt in. Điều này giúp bạn không lãng phí giấy và mực bằng cách đảm bảo rằng bạn không in trên khổ giấy sai hoặc in sai màu do sử dụng các cài đặt không khớp với loại giấy.



Nếu kích thước và loại giấy được hiển thị khác với giấy đã nạp, hãy chọn **Thay đổi** để thay đổi. Chọn kích thước giấy và loại giấy, kiểm tra cài đặt, sau đó nhấn nút OK. Nếu cài đặt khớp với giấy đã nạp, chọn **Xác nhận**.

Lưu ý:

Nếu bạn không muốn hiển thị màn hình cài đặt giấy một cách tự động khi nạp giấy, hãy chọn các menu trên màn hình chính như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Thiết lập máy in > Cài đặt nguồn giấy > Tự hiện th.lập giấy > Tắt.

Thông tin liên quan

➔ “Tự hiện th.lập giấy:” ở trang 212

Danh sách loại giấy

Để có được kết quả in tối ưu, hãy chọn loại giấy phù hợp với giấy.

Tên phương tiện	Loại phương tiện	
	Bảng điều khiển	Trình điều khiển máy in, Thiết bị thông minh*
Epson Bright White Ink Jet Paper	giấy thường	Giấy thường
Epson Ultra Glossy Photo Paper	Ultra Glossy	Epson Ultra Glossy
Epson Premium Glossy Photo Paper	Prem. Glossy	Epson Premium Glossy
Epson Premium Semigloss Photo Paper	Cao cấp Hơi bóng	Epson Premium Semigloss
Epson Photo Paper Glossy	Glossy	Photo Paper Glossy
Epson Matte Paper-Heavyweight Epson Double-Sided Matte Paper	Matte	Epson Matte

Tên phương tiện	Loại phương tiện	
	Bảng điều khiển	Trình điều khiển máy in, Thiết bị thông minh*
Epson Photo Quality Ink Jet Paper Epson Double-sided Photo Quality Ink Jet Paper Epson Photo Quality Self Adhesive Sheets	Giấy ảnh in phun	Epson Photo Quality Ink Jet

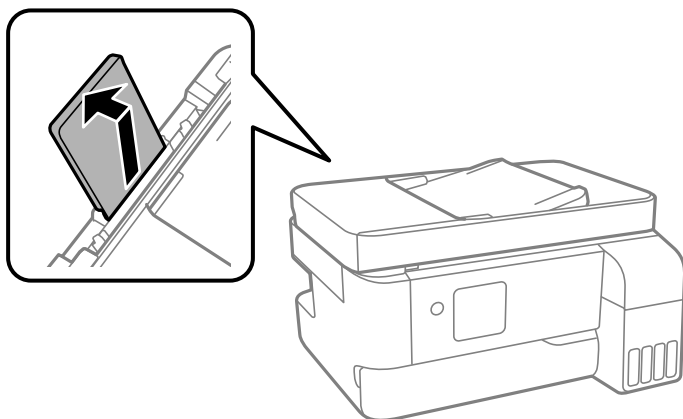
* Với thiết bị thông minh, có thể chọn các kiểu phương tiện này khi in bằng Epson Smart Panel.

Nạp trang

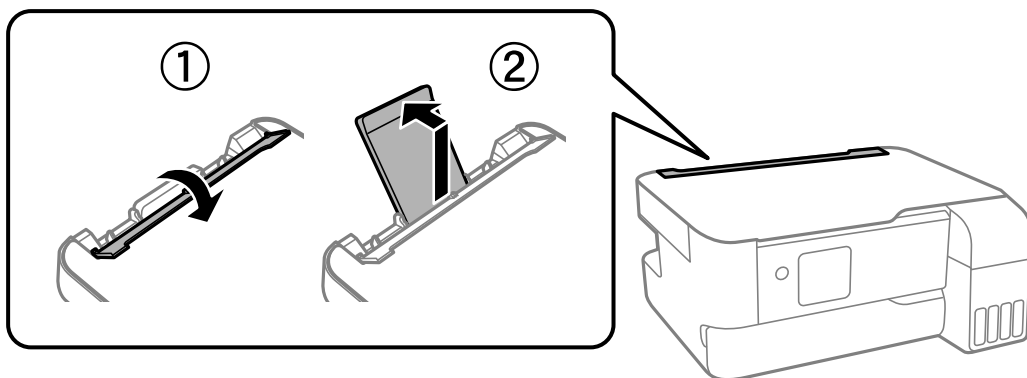
Nạp giấy vào khay nạp giấy sau

1. Kéo bộ phận đỡ giấy ra.

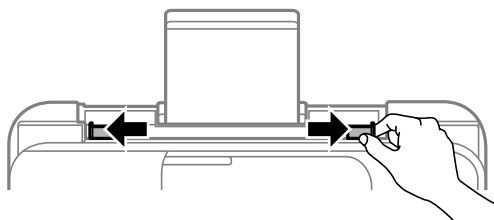
ET-4810 Series/L5590 Series



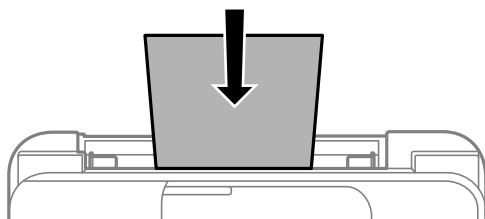
ET-2840 Series/L3560 Series



2. Trượt thanh dẫn hướng cạnh.



3. Nạp giấy ở giữa bộ phận đỡ giấy với mặt in hướng lên trên.

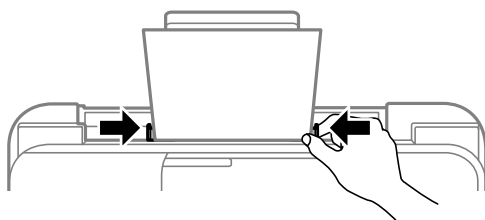


! **Quan trọng:**

- Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy. Với giấy thường, không nạp cao hơn vạch ngay phía dưới biểu tượng ▼ bên trong thanh dẫn hướng bên cạnh.
- Nạp cạnh ngắn của giấy trước. Tuy nhiên, khi bạn đã đặt cạnh dài làm chiều rộng của khổ giấy do người dùng xác định thì hãy nạp cạnh dài của giấy trước.

4. Trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép giấy.

ET-2840 Series/L3560 Series: Đậy tấm bảo vệ khay nạp sau khi trượt các thanh dẫn hướng bên cạnh.

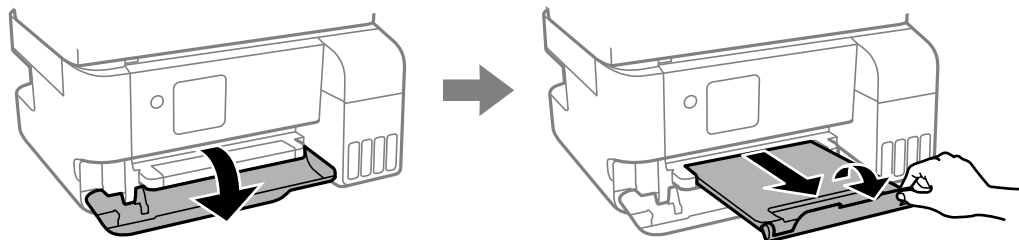


! **Quan trọng:**

ET-2840 Series/L3560 Series: Không đặt các vật dụng lên tấm bảo vệ khay nạp. Làm như vậy có thể ngăn giấy nạp.

5. Chọn kích thước giấy và loại giấy.

6. Mở nắp khay đầu ra, sau đó trượt khay ra.



Lưu ý:

Cắt giấy còn lại vào túi giấy. Nếu bạn để giấy trong máy in, giấy có thể quấn lại hoặc chất lượng in có thể suy giảm.

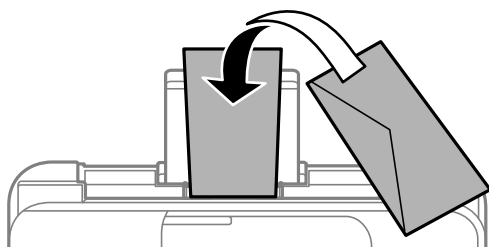
Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt khổ giấy và loại giấy” ở trang 30
- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202
- ➔ “Các loại giấy không khả dụng” ở trang 204

Nạp nhiều loại giấy

Nạp phong bì

Hãy nạp phong bì vào giữa đỡ giấy với cạnh ngắn trước và mặt nắp úp xuống, đồng thời trượt các thanh dẫn căn lề vào các cạnh của phong bì.

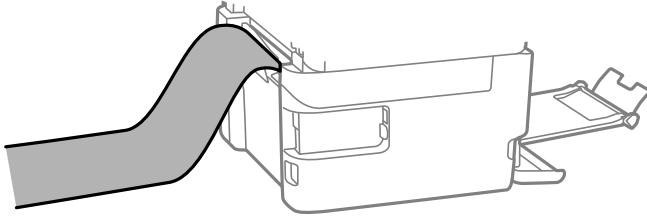


Thông tin liên quan

- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202
- ➔ “Các loại giấy không khả dụng” ở trang 204

Nạp giấy dài

Khi nạp giấy dài hơn kích thước legal, đặt giấy vào bộ phận đỡ giấy, sau đó vuốt thẳng mép đầu dẫn của giấy. Chọn **Do ng. dùng chọn** là cài đặt kích thước giấy.



- Đảm bảo rằng đầu cuối của giấy được cắt vuông góc. Đường cắt bị chéo đi có thể gây ra vấn đề nạp giấy.
- Giấy dài không giữ được trong khay đầu ra. Hãy chuẩn bị một cái hộp hay đồ tương tự để đảm bảo rằng giấy không rơi ra sàn nhà.
- Không chạm vào giấy đang được nạp nào hoặc đẩy ra. Làm như vậy có thể gây thương tích cho tay bạn hoặc khiến cho chất lượng in giảm đi.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202](#)
- ➔ [“Các loại giấy không khả dụng” ở trang 204](#)

Đặt bản gốc

Bản gốc không được ADF hỗ trợ.	36
Đặt bản gốc lên ADF.	36
Đặt bản gốc lên kính máy scan.	37

Bản gốc không được ADF hỗ trợ



Quan trọng:

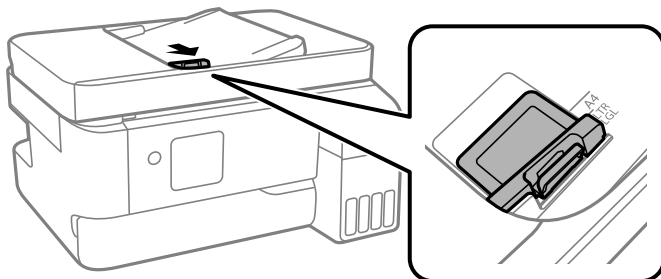
Không nạp ảnh hoặc tác phẩm nghệ thuật gốc có giá trị vào ADF. Nạp sai có thể làm hỏng hoặc nhàu bản gốc. Quét các tài liệu này trên kính máy quét thay vào đó.

Để tránh bị kẹt giấy, đừng đặt các bản gốc sau đây lên ADF. Đối với những loại này, hãy sử dụng kính máy quét.

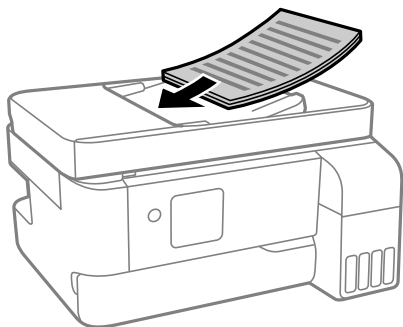
- Các bản gốc bị rách, gập lại, nhàu, bị hỏng hoặc uốn cong
- Các bản gốc có lỗ đóng sách
- Các bản gốc được giữ cùng với nhau bằng băng dính, ghim, kẹp giấy, v.v.
- Các bản gốc có nhãn dán hoặc nhãn gắn trên đó
- Các bản gốc được cắt không bình thường hoặc không có góc vuông
- Các bản gốc được đóng lại với nhau
- OHP, giấy truyền nhiệt hoặc giấy than

Đặt bản gốc lên ADF

1. Căn thẳng các mép của bản gốc.
2. Trượt thanh dẫn hướng cạnh ADF ra.

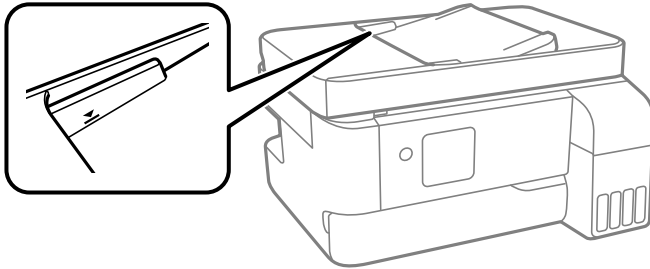


3. Đặt bản gốc hướng lên trên và cạnh gần trước vào ADF, sau đó trượt thanh dẫn hướng cạnh ADF đến mép của bản gốc.



! **Quan trọng:**

- ❑ Không nạp các bản gốc lên phía trên vạch được chỉ rõ bằng biểu tượng tam giác trên ADF.



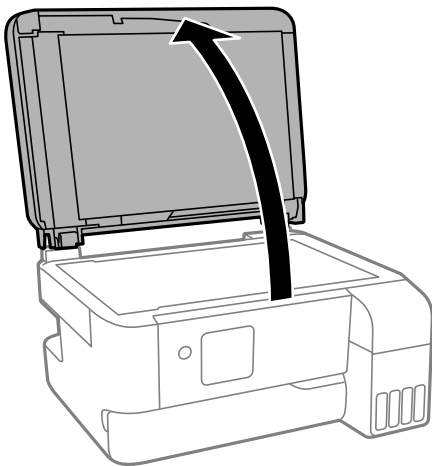
- ❑ Không thêm bản gốc khi đang quét.

Thông tin liên quan

➔ “Thông số kỹ thuật ADF” ở trang 225

Đặt bản gốc lên kính máy scan

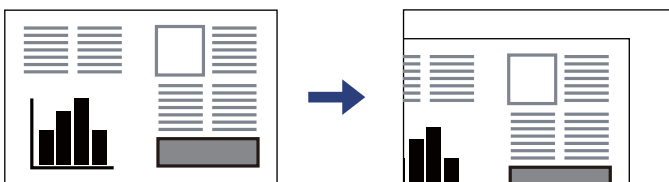
1. Mở nắp tài liệu.



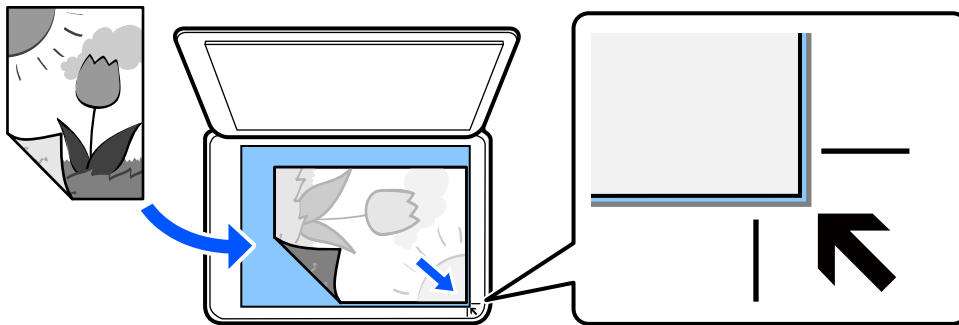
2. Loại bỏ bụi bẩn hoặc chất bẩn trên bề mặt của kính máy quét bằng vải mềm, khô và sạch.

Lưu ý:

Nếu có rác hoặc bụi bẩn trên kính máy quét, phạm vi quét có thể mở rộng để bao trùm cả vết bẩn này, khiến cho hình ảnh của bản gốc có thể bị sai vị trí hoặc nhỏ đi.



3. Đặt bản gốc mặt úp xuống và trượt đến dấu góc.



Lưu ý:

Khi bản gốc được đặt vào ADF và trên kính máy scan, bản gốc trong ADF có mức độ ưu tiên cao hơn.

4. Đóng nhẹ nắp.



Chú ý:

Cần thận không để kẹp ngón tay của bạn khi đóng nắp tài liệu. Nếu không, bạn có thể bị thương.



Quan trọng:

- Khi đặt bản gốc dày như sách, tránh để ánh sáng bên ngoài chiếu trực tiếp lên kính máy scan.
- Không ấn quá mạnh lên kính máy quét hoặc nắp tài liệu. Nếu không, chúng có thể bị hỏng.

5. Lấy bản gốc ra sau khi quét.

Lưu ý:

Nếu bạn để bản gốc trên kính máy quét trong một thời gian dài, chúng có thể dính vào bề mặt kính.

Thông tin liên quan

➔ “Thông số kỹ thuật máy quét” ở trang 224

In

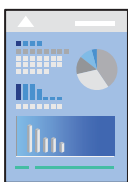
In tài liệu.	40
In trên phong bì.	56
In ảnh.	57
In trang web.	57
In bằng dịch vụ đám mây.	58

In tài liệu

In từ máy tính

Phần này giải thích cách in tài liệu từ máy tính bằng cách sử dụng Windows làm ví dụ. Trên Mac OS, quy trình này có thể khác nhau hoặc một số tính năng có thể không được hỗ trợ.

In bằng các cài đặt dễ dàng

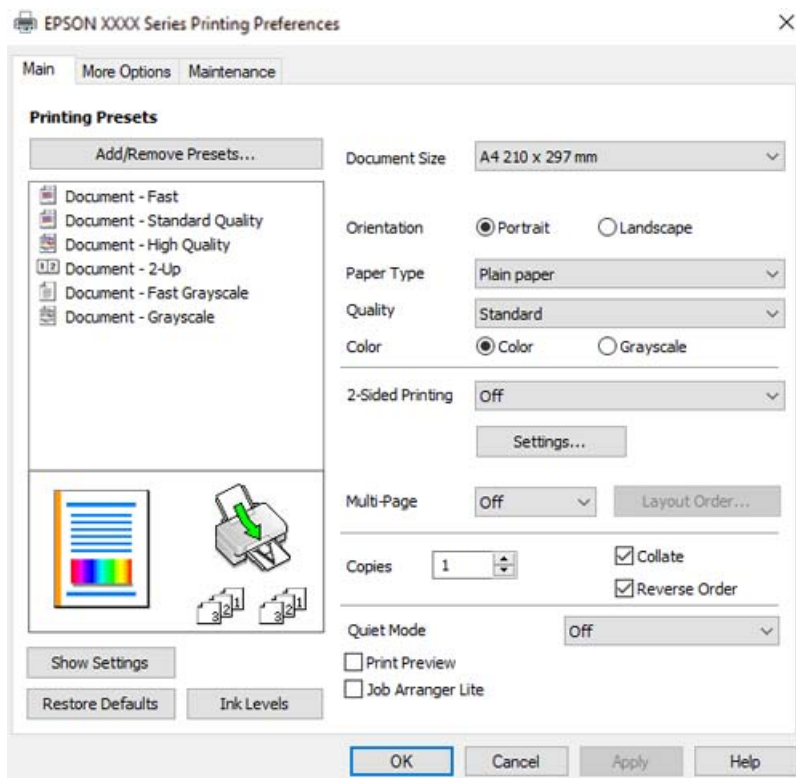


Lưu ý:

Các thao tác có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Nạp giấy vào máy in.
“Nạp giấy vào khay nạp giấy sau” ở trang 31
2. Mở tệp bạn muốn in.
3. Chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**.
4. Chọn máy in của bạn.

5. Chọn **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính** để truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.



6. Thay đổi cài đặt khi cần thiết.

Bạn có thể xem trợ giúp trực tuyến để biết giải thích cho từng mục cài đặt. Nhấp chuột phải vào mục hiển thị **T.giúp**.

7. Nhấp vào **OK** để đóng cửa sổ trình điều khiển máy in.

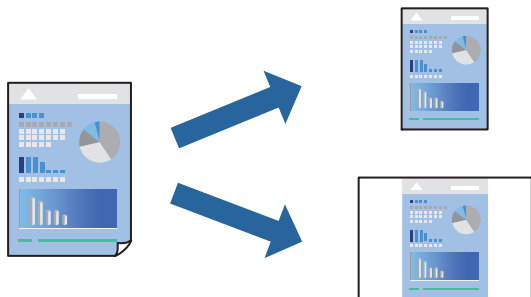
8. Nhấp vào **In**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Danh sách loại giấy” ở trang 30
- ➔ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202

Thêm cài đặt sẵn để in dễ dàng

Nếu bạn tạo thiết lập sẵn của riêng bạn cho các thiết lập in được sử dụng thường xuyên trên trình điều khiển máy in, bạn có thể in dễ dàng bằng cách chọn thiết lập sẵn từ danh sách.



1. Trên tab **Chính** hoặc **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, đặt từng mục (như **Cỡ tài liệu** và **Loại giấy**).
2. Nhấp vào **Thêm/xóa giá trị cài sẵn** trong **Giá trị in cài sẵn**.
3. Nhập **Tên** và nhập nhận xét nếu cần.
4. Nhấp vào **Lưu**.

Lưu ý:

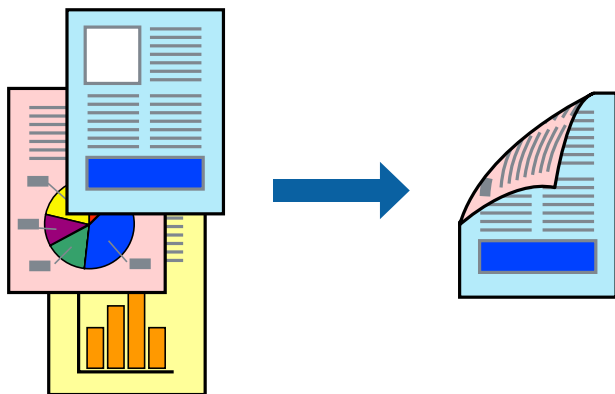
Để xóa một thiết lập sẵn đã thêm vào, nhấp vào **Thêm/xóa giá trị cài sẵn**, chọn tên thiết lập sẵn mà bạn muốn xóa từ danh sách và sau đó xóa thiết lập sẵn.

5. Nhấp vào **In**.

Lần tới khi bạn muốn in bằng các cài đặt tương tự, hãy chọn tên cài đặt đã đăng ký tại **Giá trị in cài sẵn**, và nhấp **OK**.

In 2 mặt

Trình điều khiển máy in sẽ tự động in riêng rẽ các trang lẻ và trang chẵn. Khi đã in xong các trang lẻ, lật giấy theo hướng dẫn và in các trang chẵn.



Lưu ý:

Tính năng này không sẵn có đối với in không đường viền.

Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

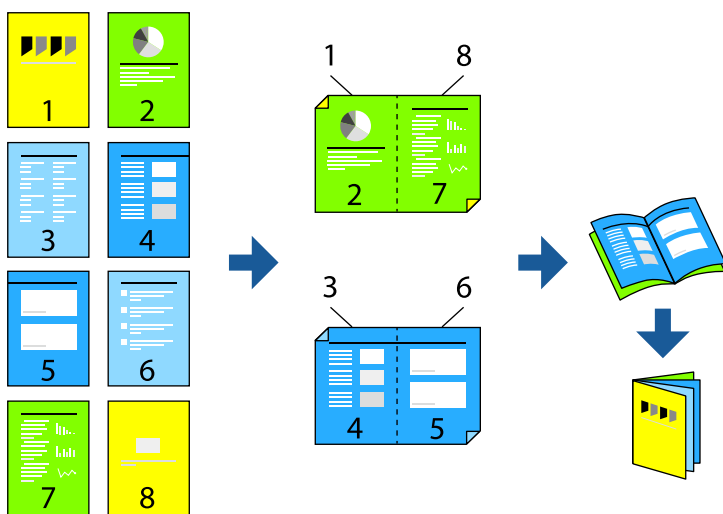
Tab **Chính** > **In 2 mặt**

Thông tin liên quan

- ➔ “Giấy in 2 mặt” ở trang 204
- ➔ “Không thể thực hiện in 2 mặt thủ công (Windows)” ở trang 197

In số nhỏ

Bạn cũng có thể in số nhỏ có thể được tạo ra bằng sắp xếp lại các trang và gấp bản in.



Lưu ý:

Tính năng này không có sẵn đối với in tràn viền.

Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

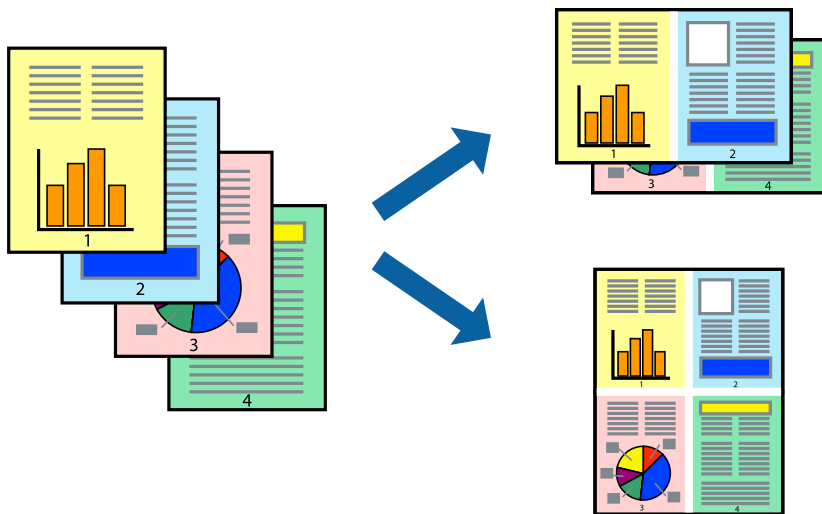
Trên tab **Chính**, hãy chọn cách in 2 mặt từ **In 2 mặt**, sau đó chọn **Settings** > **Sách nhỏ**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Giấy in 2 mặt” ở trang 204
- ➔ “Không thể thực hiện in 2 mặt thủ công (Windows)” ở trang 197

In một vài trang trên một tờ

Bạn có thể in một vài trang dữ liệu trên một tờ giấy duy nhất.



Lưu ý:

Tính năng này không có sẵn đối với in tràn viền.

Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

Tab **Chính** > **Nhiều trang** > **2 trang trên một mặt**, v.v...

In vừa khít với khổ giấy

Bạn có thể in vừa khít với kích cỡ giấy bạn đã nạp vào máy in.



Lưu ý:

Tính năng này không có sẵn đối với in tràn viền.

Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

Trên tab **Tùy chọn khác** > **Giấy ra**, hãy chọn khổ giấy đã nạp.

In tài liệu phóng to hoặc thu nhỏ ở mức độ phóng đại bất kỳ

Bạn có thể phóng to hoặc thu nhỏ kích cỡ tài liệu theo một tỷ lệ phần trăm nhất định.



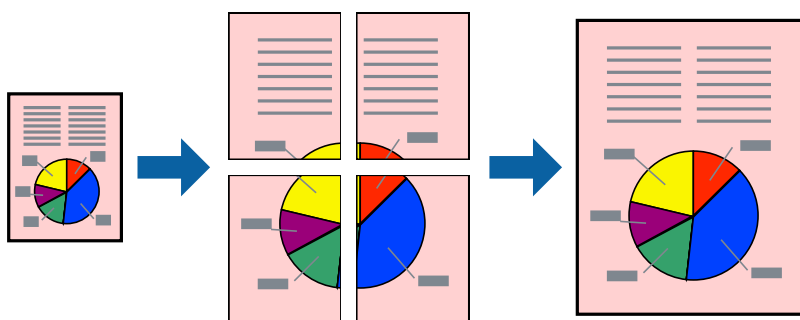
Lưu ý:

Tính năng này không có sẵn đối với in tràn viền.

1. Trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in, chọn kích thước tài liệu từ cài đặt **Cỡ tài liệu**.
2. Chọn khổ giấy bạn muốn in từ cài đặt **Giấy ra**.
3. Chọn **Thu nhỏ/p.to tài liệu**, **Thu-phóng vẽ**, sau đó nhập tỷ lệ phần trăm.

In một hình ảnh trên nhiều tờ để phóng to (tạo áp phích)

Tính năng này cho phép bạn in một hình trên nhiều tờ giấy. Bạn có thể tạo áp phích lớn hơn bằng cách dán chúng lại với nhau.



Lưu ý:

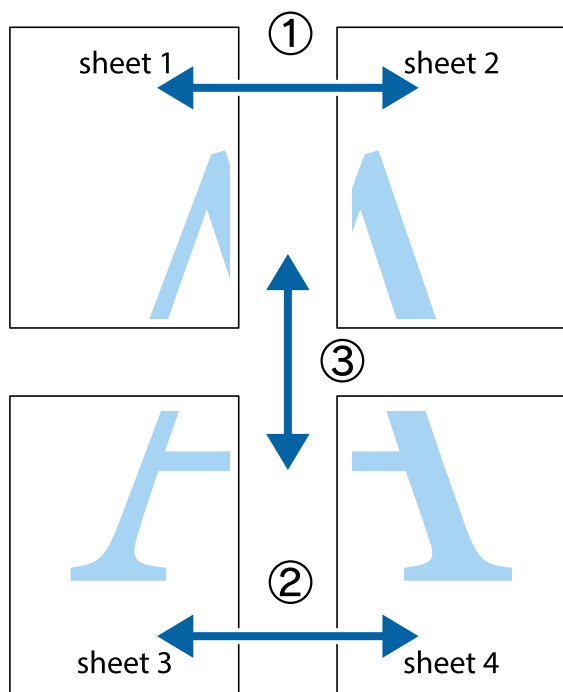
Tính năng này không sẵn có đối với in 2 mặt.

Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

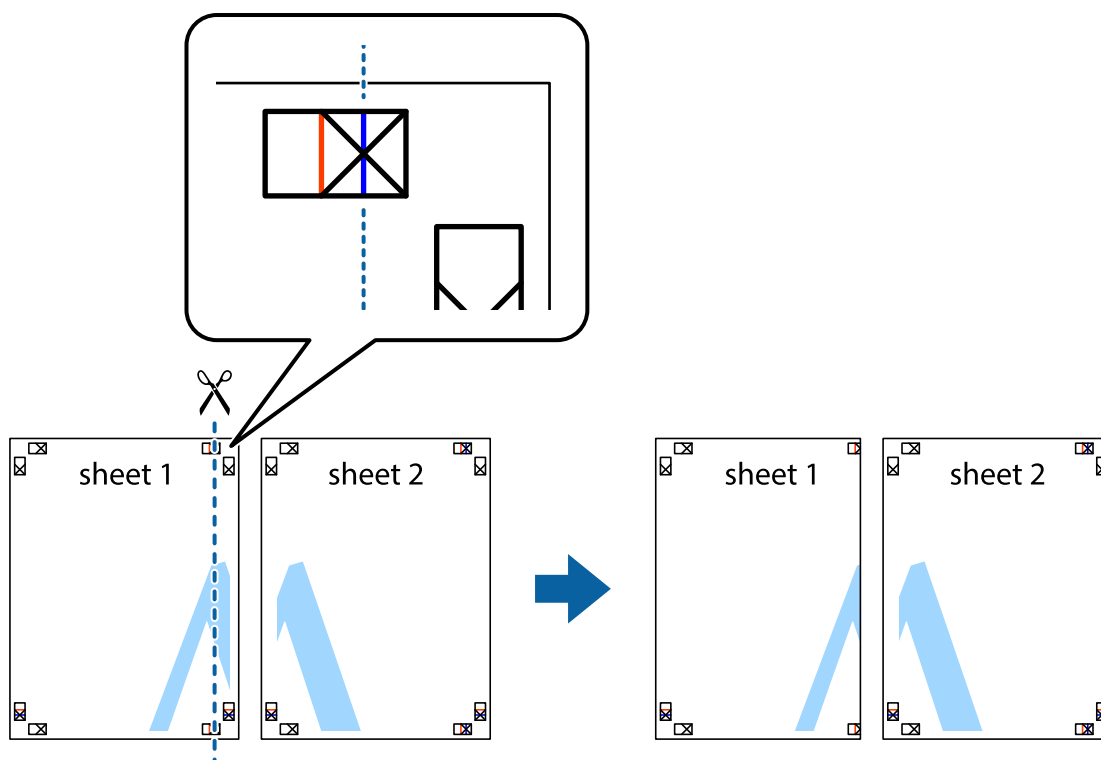
Tab **Chính** > **Nhiều trang** > **Áp phích 2x2**, v.v...

Tạo áp phích sử dụng các dấu căn chỉnh xếp chồng lên nhau

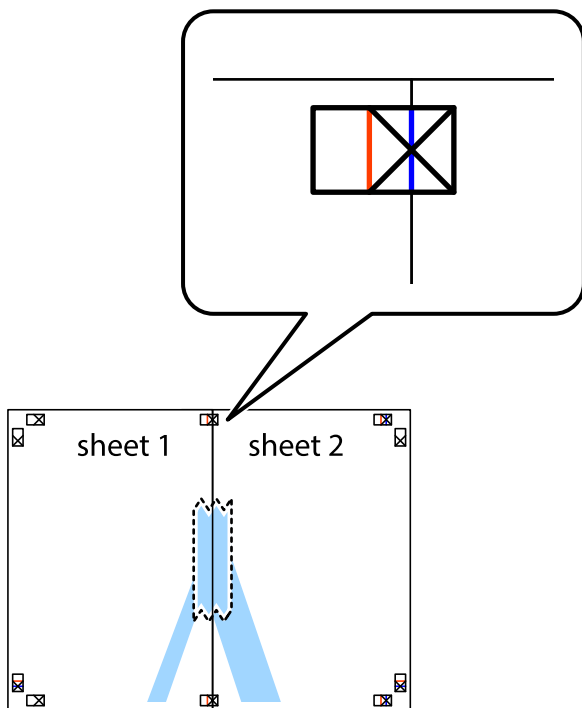
Đây là ví dụ về cách tạo áp phích khi **Áp phích 2x2** được chọn, và **Dấu căn chỉnh chồng lấp** được chọn trong **Đường dẫn cắt bản in**.



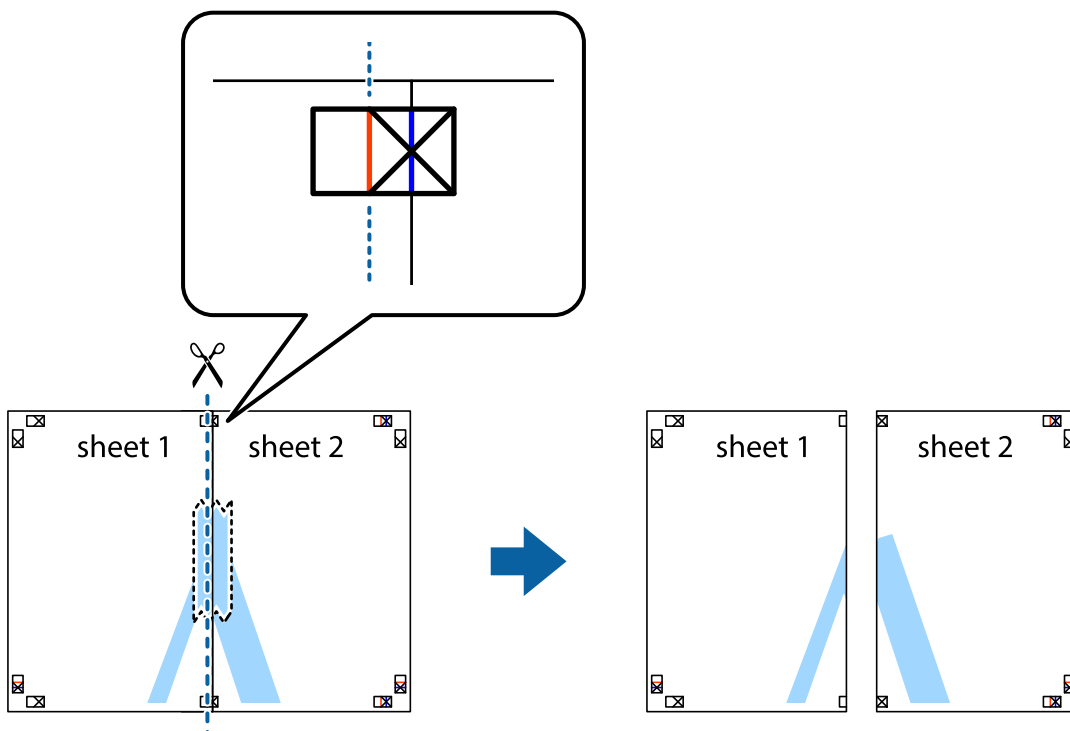
1. Chuẩn bị Sheet 1 và Sheet 2. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 theo đường dọc màu xanh đi qua tâm của các dấu thập ở đỉnh và đáy.



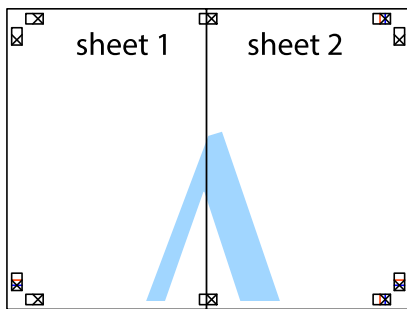
- Đặt cạnh của Sheet 1 lên trên Sheet 2 và căn thẳng các dấu thập, sau đó dán tạm thời hai tờ với nhau từ phía sau.



- Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường dọc màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm ở bên trái của các dấu thập).

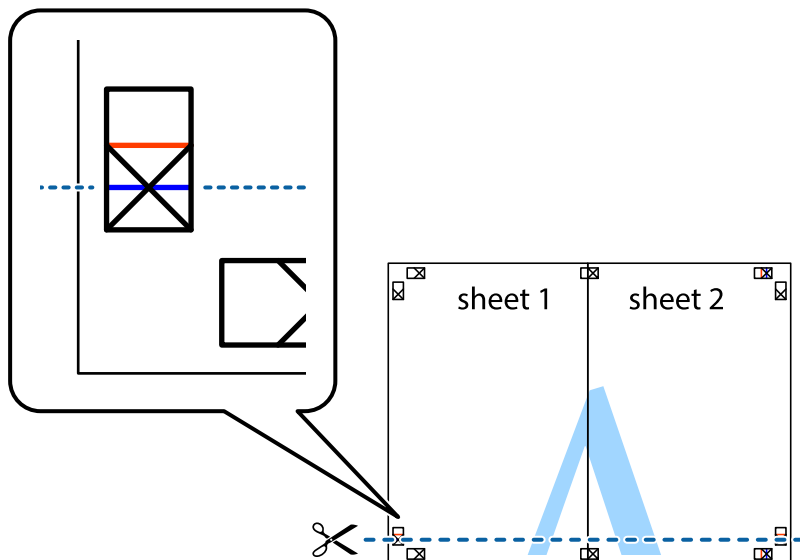


4. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.

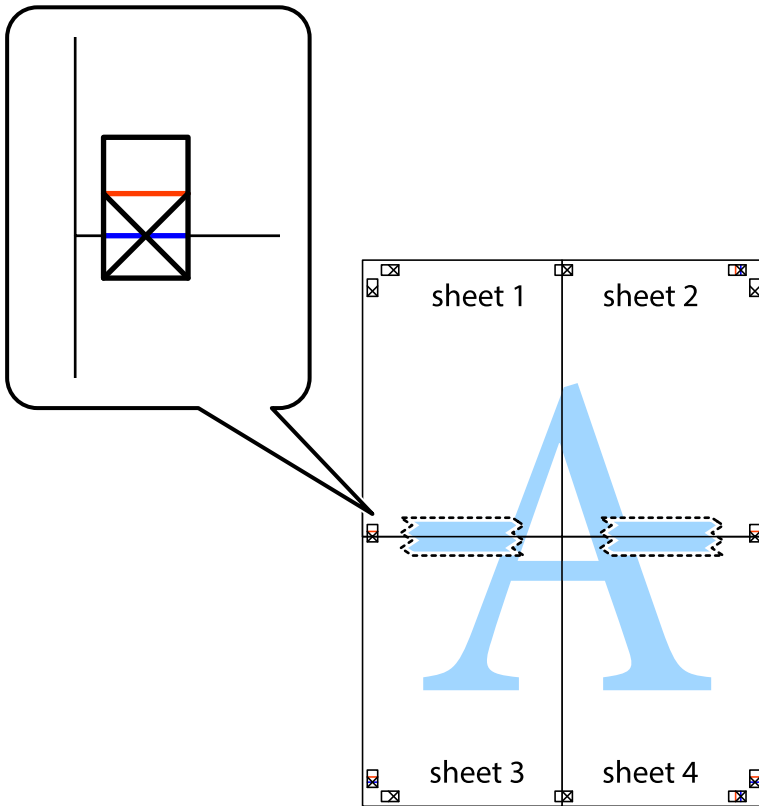


5. Lặp lại các bước 1 đến 4 để dán Sheet 3 và Sheet 4 với nhau.

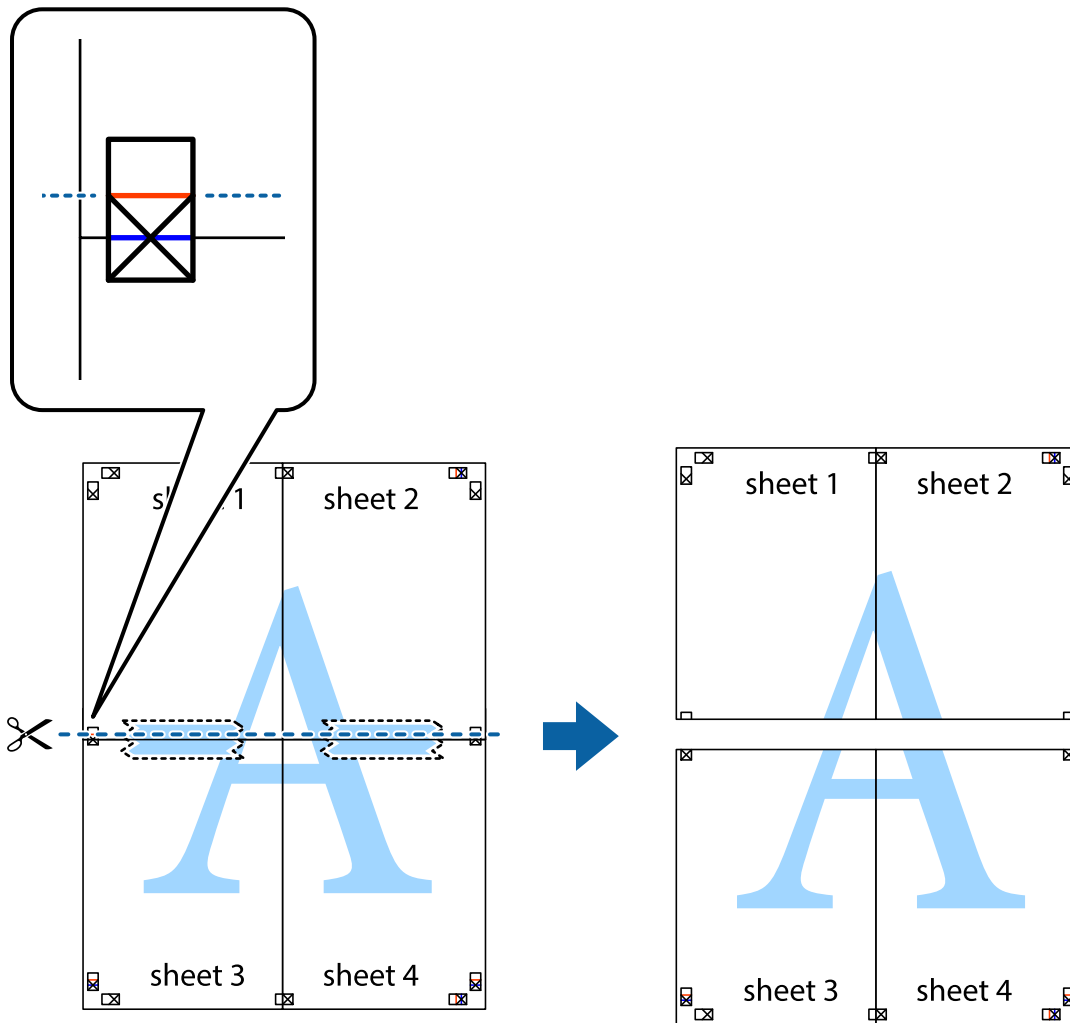
6. Cắt bỏ phần lề của Sheet 1 và Sheet 2 theo đường ngang màu xanh đi qua tâm của các dấu thập bên phải và bên trái.



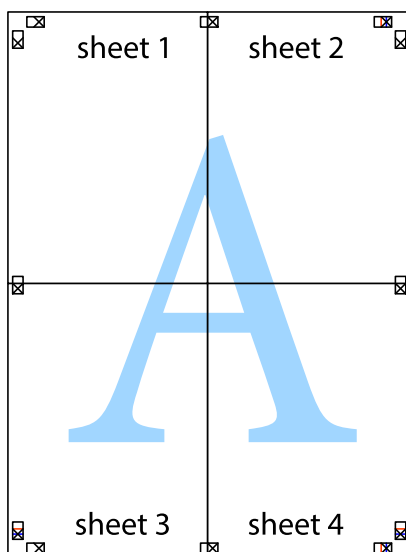
- Đặt cạnh của Sheet 1 và Sheet 2 lên Sheet 3 và Sheet 4 và căn thẳng các dấu thập, và sau đó dán tạm thời chúng lại với nhau từ phía sau.



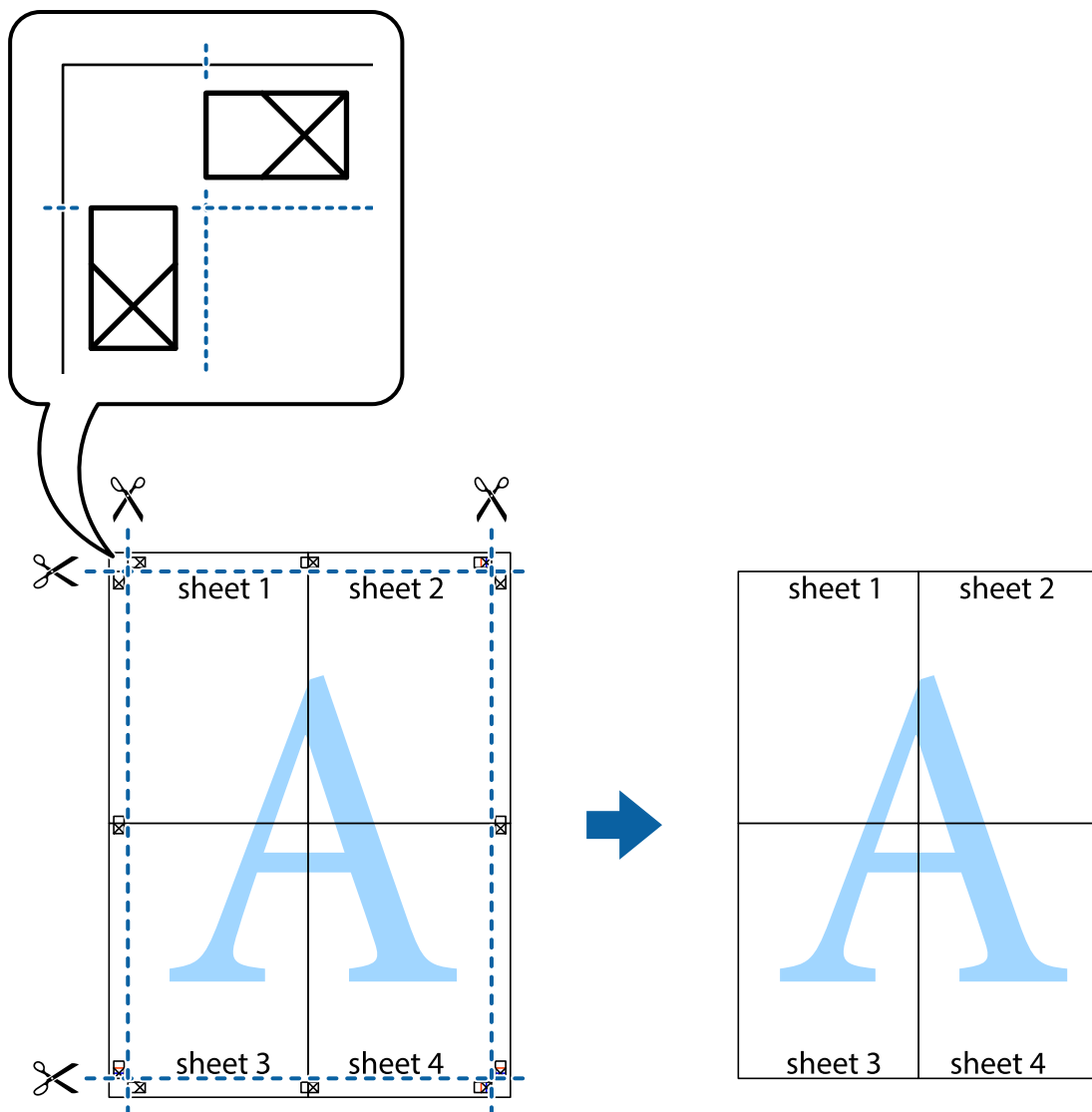
8. Cắt các tờ đã dán với nhau thành hai theo đường ngang màu đỏ đi qua các dấu căn chỉnh (lần này, đường nằm bên trên các dấu thập).



9. Dán các tờ lại với nhau từ phía sau.

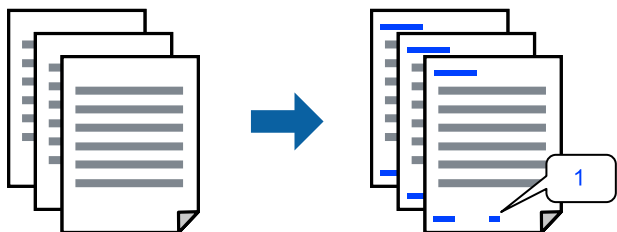


10. Cắt bỏ phần lề còn lại theo đường dẫn hướng bên ngoài.



In với phần đầu đề và chân trang

Bạn có thể in thông tin như tên người dùng và ngày in trong phần đầu đề hoặc chân trang.



Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

Tab Tùy chọn khác > Tính năng dấu mờ > Đầu trang/cuối trang

In mẫu chống sao chụp

Bạn có thể in mẫu chống sao chụp trên bản in của mình. Khi in, bản thân các chữ cái không được in ra và toàn bộ bản in được tạo tông màu nhẹ nhàng của màn hình. Các chữ cái ẩn sẽ xuất hiện khi sao chụp để dễ dàng phân biệt bản gốc với bản sao.



Mẫu chống sao chụp khả dụng trong các trường hợp sau:

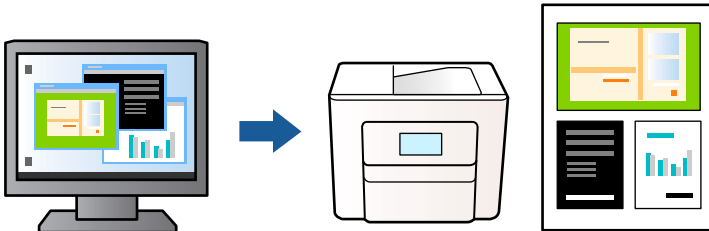
- Loại giấy: Giấy thường
- C.lượng: Chuẩn, Chuẩn-Sống động
- Không đường viền: không được chọn
- Hiệu chỉnh màu: Tự động

Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

Tab **Tùy chọn khác** > **Tính năng dấu mờ** > **Mẫu chống sao chụp**

In nhiều tệp cùng lúc

Job Arranger Lite cho phép bạn kết hợp một vài tệp do các ứng dụng khác nhau tạo ra và in chúng trong một lệnh in duy nhất. Bạn có thể chỉ định cài đặt in cho các tệp kết hợp, như bố cục nhiều trang và in 2 mặt.



1. Trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, hãy chọn **Job Arranger Lite** rồi nhấp vào **Đ.y.**
2. Nhấp vào **In**.
Khi bạn bắt đầu in, cửa sổ Job Arranger Lite sẽ hiển thị.
3. Khi cửa sổ Job Arranger Lite mở, mở tệp bạn muốn để kết hợp với tệp hiện tại, và sau đó lặp lại các bước trên.
4. Khi bạn chọn một lệnh in được thêm vào In dự án trong cửa sổ Job Arranger Lite, bạn có thể chỉnh sửa bố cục trang.

5. Nhấp vào **In** từ menu **File** để bắt đầu in.

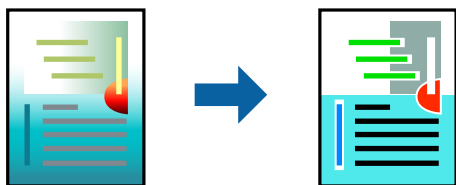
Lưu ý:

Nếu bạn đóng cửa sổ Job Arranger Lite trước khi thêm tất cả dữ liệu in vào In dự án, lệnh in bạn hiện đang thực hiện sẽ bị hủy. Nhấp vào **Lưu** từ menu **File** để lưu lệnh hiện tại. Phần mở rộng của các tệp đã lưu là ".ecl".

Để mở Dự án in, hãy nhấp vào **Job Arranger Lite** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in để mở cửa sổ Job Arranger Lite. Tiếp theo, chọn **Mở** từ menu **File** để chọn tệp.

In bằng tính năng In màu tổng thể

Bạn có thể cải thiện mức độ hiển thị của văn bản và hình ảnh trong bản in ra.



In màu phổ biến chỉ có sẵn khi chọn các cài đặt sau.

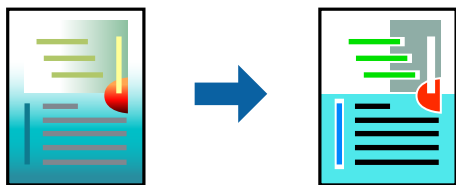
- Loại giấy: Giấy thường
- C.lượng: Chuẩn hoặc chất lượng cao hơn
- Màu: Màu
- Ứng dụng: Microsoft® Office 2007 hoặc mới hơn
- Kích thước văn bản: 96 pts trở xuống

Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

Tab **Tùy chọn khác** > **Hiệu chỉnh màu** > **Tùy chọn hình** > **In màu phổ biến**

Điều Chỉnh Màu In

Bạn có thể điều chỉnh các màu được sử dụng trong công việc in. Các điều chỉnh này không được áp dụng cho dữ liệu gốc.

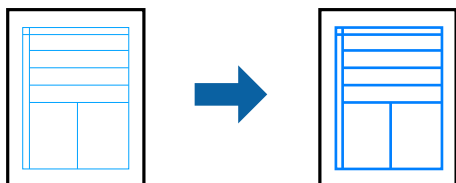


Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

Tab **Tùy chọn khác** > **Hiệu chỉnh màu** > **Tùy biến** > **Nâng cao**, v.v...

In để làm nổi bật các đường mỏng

Bạn có thể làm dày các đường mỏng mà quá mỏng để in.

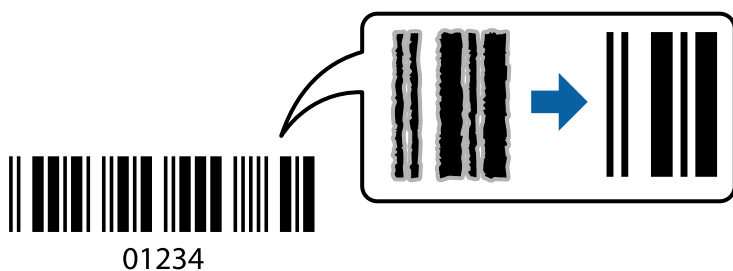


Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

Tab **Tùy chọn khác** > **Hiệu chỉnh màu** > **Tùy chọn hình** > **Chú trọng nét mảnh**

In mã vạch rõ ràng

Nếu mã vạch đã in không đọc được chính xác, bạn có thể in rõ ràng bằng cách giảm lượng chảy của mực. Chỉ bật tính năng này nếu mã vạch bạn đã in không quét được. Việc khử mờ không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào trường hợp.



Bạn có thể sử dụng tính năng này cho các loại giấy và chất lượng in sau đây.

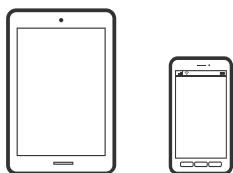
- Giấy thường: Chuẩn, Chuẩn-Sống động
- Bì thư: Chuẩn

Truy cập trình điều khiển máy in rồi thực hiện các cài đặt sau.

Tab **Bảo dưỡng** > **Cài đặt mở rộng** > **Chế độ mã vạch**

In tài liệu từ các thiết bị thông minh

Bạn có thể in tài liệu từ thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng.



In bằng Epson Smart Panel

Epson Smart Panel là ứng dụng cho phép bạn thực hiện các thao tác máy in dễ dàng bao gồm in, sao chụp hoặc quét từ một thiết bị thông minh, như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng. Bạn có thể kết nối máy in và thiết bị thông minh qua mạng không dây, kiểm tra mực & trạng thái máy in và kiểm tra các giải pháp nếu xảy ra lỗi. Bạn cũng có thể sao chụp tài liệu dễ dàng bằng cách đăng ký bản sao chụp ưa thích.



Cài đặt Epson Smart Panel từ mã QR hoặc URL sau.

<https://support.epson.net/smpdl/>



Khởi động Epson Smart Panel rồi chọn menu in trên màn hình chính.

In tài liệu bằng AirPrint

AirPrint cho phép in không dây ngay lập tức từ iPhone, iPad, iPod touch và Mac mà không cần cài đặt trình điều khiển hoặc tải xuống phần mềm.



Lưu ý:

Nếu bạn tắt thông báo cấu hình giấy trên bảng điều khiển máy in, bạn không thể sử dụng AirPrint. Xem hướng dẫn bên dưới để bật thông báo nếu cần thiết.

1. Thiết lập máy in của bạn để in không dây. Xem liên kết bên dưới.

<https://epson.sn>

2. Kết nối thiết bị Apple với cùng mạng không dây mà máy in đang sử dụng.
3. In từ thiết bị đến máy in của bạn.

Lưu ý:

Để biết chi tiết, hãy xem trang AirPrint trên trang web của Apple.

Thông tin liên quan

➔ “Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (iOS)” ở trang 144

In bằng Epson Print Enabler

Bạn có thể in không dây tài liệu, email, ảnh và trang web ngay từ điện thoại hoặc máy tính bảng Android (Android phiên bản 4.4 trở lên). Với một vài lần nhấn, thiết bị Android của bạn sẽ phát hiện máy in Epson đã kết nối với cùng mạng không dây.

Tìm kiếm và cài đặt Epson Print Enabler từ Google Play.

Vào **Cài đặt** trên thiết bị Android, chọn **In**, sau đó bật Epson Print Enabler. Từ ứng dụng Android như Chrome, nhấn vào biểu tượng menu và in bất cứ nội dung gì trên màn hình.

Lưu ý:

Nếu không thấy máy in của bạn, nhấn vào **Tắt cả máy in** và chọn máy in của bạn.

In bằng Mopria Print Service

Mopria Print Service cho phép in không dây ngay lập tức từ điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng Android.

Cài đặt Mopria Print Service từ Google Play.



Để biết thêm chi tiết, truy cập trang web Mopria tại <https://mopria.org>.

In trên phong bì

In trên phong bì từ máy tính (Windows)

1. Nạp phong bì vào máy in.
“Nạp phong bì” ở trang 33
2. Mở tệp bạn muốn in.
3. Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in.
4. Chọn kích thước phong bì tại **Cỡ tài liệu** trên tab **Chính**, sau đó chọn **Bì thư** tại **Loại giấy**.
5. Đặt các mục khác trên các thẻ **Chính** và **Tùy chọn khác** theo yêu cầu và sau đó nhấp **Đ.ý**.
6. Nhấp vào **In**.

In trên phong bì từ máy tính (Mac OS)

1. Nạp phong bì vào máy in.
“Nạp phong bì” ở trang 33

2. Mở tệp bạn muốn in.
3. Chọn **In** từ menu **Tệp** hoặc một lệnh khác để truy cập hộp thoại in.
4. Chọn kích thước cho cài đặt **Cỡ giấy**.
5. Chọn **Cài đặt in** từ menu bật lên.
6. Chọn **Phong bì** cho cài đặt **Loại phương tiện**.
7. Đặt các mục khác nếu cần.
8. Nhấp vào **In**.

In ảnh

In ảnh từ máy tính

Epson Photo+ cho phép bạn in ảnh dễ dàng và tinh xảo theo nhiều bố cục khác nhau trên giấy ảnh hoặc nhân CD/DVD (chỉ một số kiểu máy hỗ trợ in nhân CD/DVD). Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

In trang web

In trang web từ máy tính

Epson Photo+ cho phép bạn hiển thị các trang web, cắt vùng đã định, sau đó chỉnh sửa và in chúng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

In trang web từ thiết bị thông minh

Cài đặt Epson Smart Panel từ mã QR hoặc URL sau.

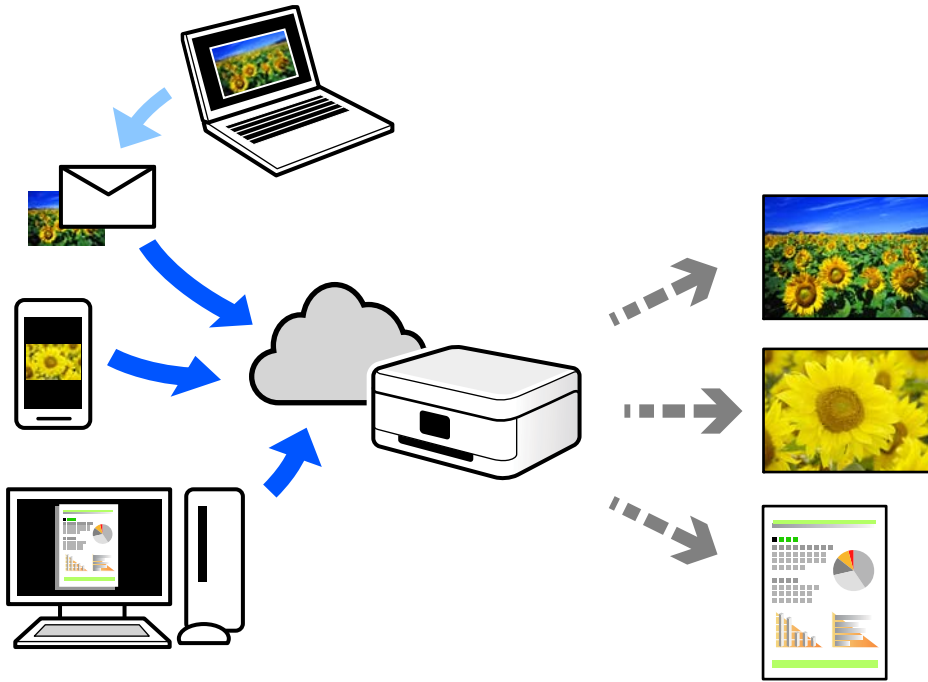
<https://support.epson.net/smpdl/>



Mở trang web bạn muốn in trong ứng dụng trình duyệt web. Chạm **Chia sẻ** từ menu trên ứng dụng trình duyệt web, chọn **Smart Panel** và sau đó bắt đầu in.

In bằng dịch vụ đám mây

Với việc sử dụng dịch vụ Epson Connect có trên Internet, bạn có thể in từ điện thoại thông minh, máy tính bảng, PC hoặc máy tính xách tay bất kỳ lúc nào và gần như từ bất cứ nơi nào. Để sử dụng dịch vụ này, bạn cần đăng ký người dùng và máy in trong Epson Connect.



Các tính năng này sẵn có trên Internet như sau.

Email Print

Khi gửi email cùng tệp đính kèm như tài liệu hoặc hình ảnh tới một địa chỉ email được gán cho máy tính, bạn có thể in email và tệp đính kèm đó từ vị trí ở xa như máy in nhà riêng hoặc văn phòng.

Remote Print Driver

Đây là trình điều khiển dùng chung được Trình điều khiển in từ xa hỗ trợ. Khi in bằng máy in ở vị trí ở xa, bạn có thể in bằng cách thay đổi máy in trên cửa sổ ứng dụng thông thường.

Xem trang web Epson Connect để biết chi tiết cách thiết lập hoặc in.

<https://www.epsonconnect.com/>

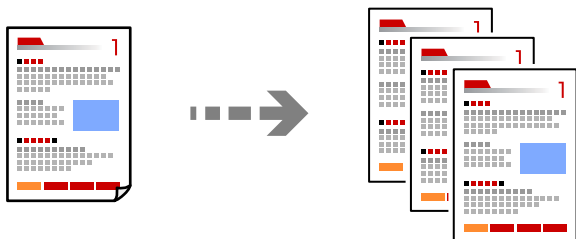
<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Sao chép

Sao chép bằng màu hoặc đơn sắc.	60
Sao chụp phóng to hoặc thu nhỏ.	61
Sao chụp nhiều bản gốc trên một tờ.	61
Sao chụp thẻ CMNN.	63
Sao chụp không có lề.	64
Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp.	64

Sao chép bằng màu hoặc đơn sắc

Phần này giải thích các bước sao chụp bản gốc bằng màu hoặc đơn sắc.



1. Nạp giấy vào máy in.

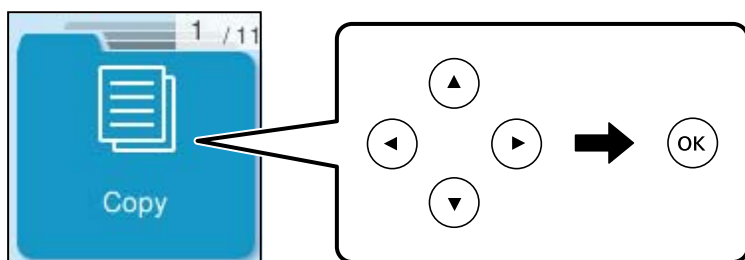
“Nạp giấy vào khay nạp giấy sau” ở trang 31

2. Đặt bản gốc vào.

“Đặt bản gốc lên kính máy scan” ở trang 37

3. Chọn **Sao chụp** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



4. Chọn **Màu** hoặc **Đen trắng**.

5. Cài số bản sao chụp khi cần.

6. Nhấn nút ◊.

Lưu ý:

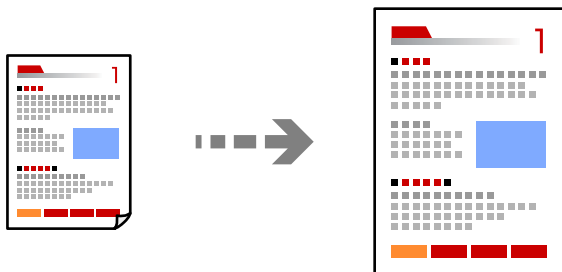
Màu sắc, kích thước và đường viền của hình ảnh đã sao chụp hơi khác so với bản gốc.

Thông tin liên quan

➔ “Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp” ở trang 64

Sao chụp phóng to hoặc thu nhỏ

Bạn có thể sao chụp bản gốc ở mức độ phóng đại chỉ định.



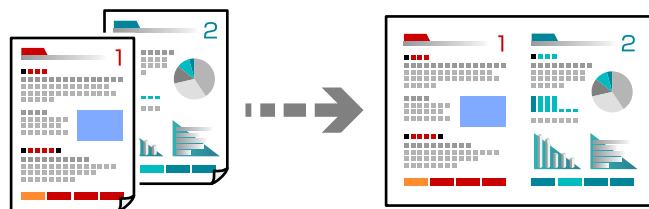
Sao chụp > Xem thêm > Cài đặt > Cài đặt > Thu nhỏ/Phóng to

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp” ở trang 64](#)

Sao chụp nhiều bản gốc trên một tờ

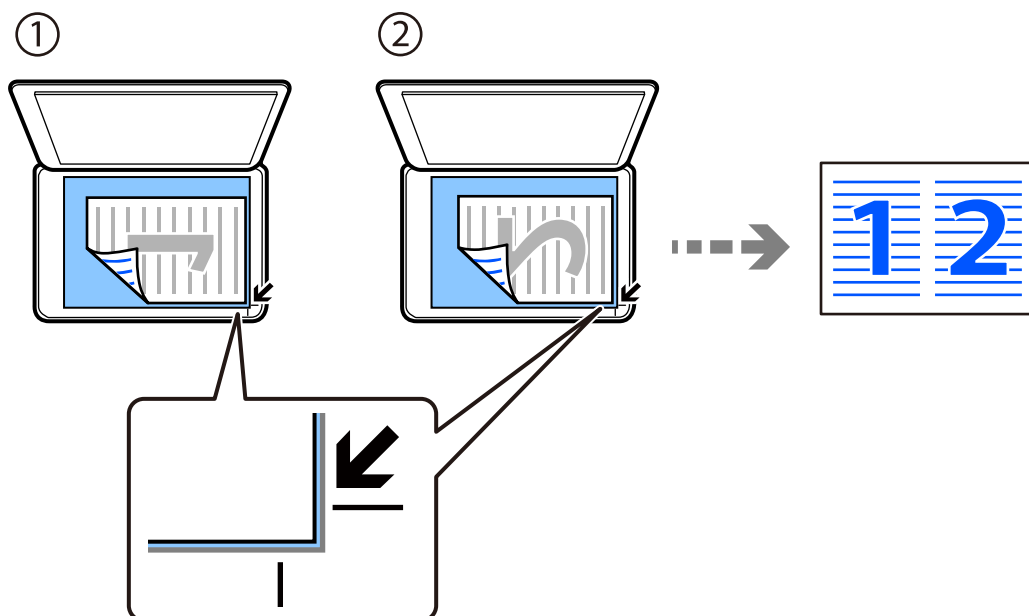
Bạn có thể sao chụp nhiều bản gốc vào một tờ giấy duy nhất.



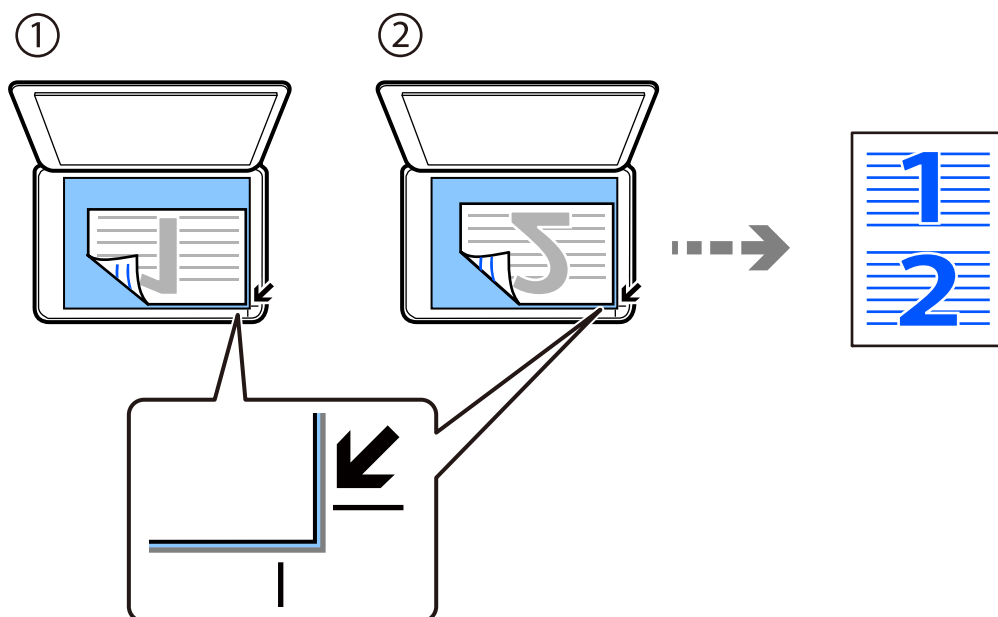
Sao chụp > 2 trang/1 mặtMàu

Khi đặt các bản gốc, hãy đặt chúng úp xuống như hình minh họa bên dưới.

☐ Sao chụp bản gốc nằm ngang



☐ Sao chụp bản gốc nằm dọc



Lưu ý:

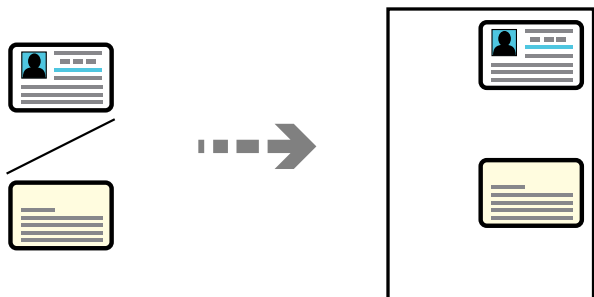
Bạn cũng có thể chọn **Xem thêm** để thay đổi cài đặt. Xem thông tin liên quan dưới đây để biết giải thích cho từng mục cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ “Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp” ở trang 64

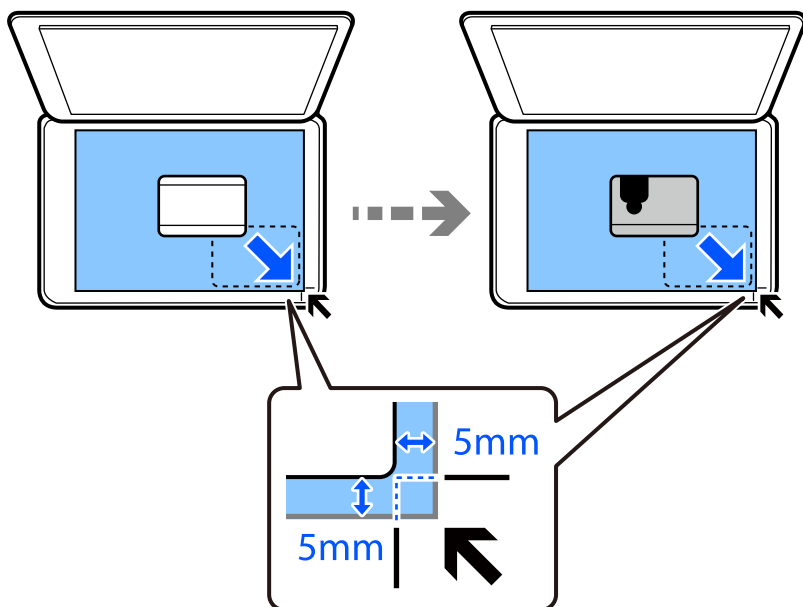
Sao chụp thẻ CMNN

Quét cả hai mặt của thẻ CMNN và sao chép vào một mặt của trang giấy A4.



Sao chụp > Xem thêm > Cài đặt > Cài đặt > Sao chụp Thẻ ID

Đặt bản gốc mặt úp xuống và trượt đến dấu góc. Đặt thẻ CMNN cách 5 mm so với dấu góc của kính máy scan.

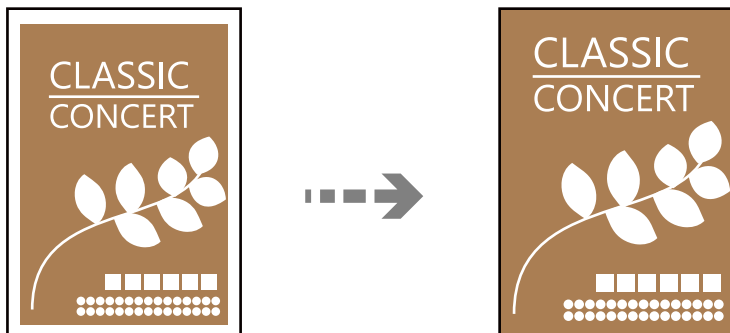


Thông tin liên quan

➔ “Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp” ở trang 64

Sao chụp không có lề

Sao chụp không có lề quanh các mép giấy. Hình được phóng to một ít để xóa lề khỏi các mép giấy.



Sao chụp > Xem thêm > Cài đặt > Cài đặt > Sao chụp không viền

Thông tin liên quan

➔ [“Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp” ở trang 64](#)

Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp

Bạn có thể thực hiện các cài đặt từ **Sao chụp > Xem thêm** trên màn hình chính.

Số bản sao:

Nhập số bản sao.

Đen trắng:

Sao chụp bản gốc ở chế độ đen trắng (đơn sắc).

Màu:

Sao chụp bản gốc ở chế độ màu.

Cài đặt:

Màn hình cài đặt in sẽ hiển thị. Để thay đổi cài đặt, hãy nhấn nút ▼.

Mật độ:

Tăng mức mật độ khi kết quả sao chụp bị mờ. Giảm mức mật độ khi mực bị nhòe.

Cài đặt giấy:

Chọn kích thước giấy và loại giấy bạn đã nạp.

Thu nhỏ/Phóng to:

Thiết lập tỷ lệ phóng to hoặc thu nhỏ. Chọn mức phóng to từ menu tùy theo giấy và bản gốc mà bạn muốn in.

Tự khớp :

Phát hiện khu vực quét và tự động phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc để vừa với khổ giấy bạn đã chọn.

K.thước tùy chỉnh:

Chỉ định mức độ thu phóng được sử dụng để phóng to hoặc thu nhỏ bản gốc trong phạm vi từ 25 tới 400%.

Kích thước bản gốc:

Chọn khổ của bản gốc. Khi sao chụp bản gốc có kích thước không tiêu chuẩn, hãy chọn kích thước gần với bản gốc nhất.

Nhiều trang:

Chọn bố trí bản sao.

Trang đơn

Sao chụp bản gốc một mặt trên một tờ giấy riêng.

2 trang/1 mặt

Sao chụp hai bản gốc một mặt trên một tờ giấy riêng với kiểu bố trí 2 trang/tờ. Chọn thứ tự bố trí và hướng của bản gốc.

Chất lượng:

Chọn chất lượng cho sao chụp. Chọn **Cao** cho phép in chất lượng cao hơn nhưng tốc độ in có thể chậm hơn.

Sao chụp Thẻ ID:

Quét cả hai mặt của chứng minh thư và sao chụp vào một mặt giấy.

Sao chụp không viền:

Sao chụp không có lề quanh các mép giấy. Hình được phóng to một ít để xóa lề khỏi các mép giấy. Chọn mức độ phóng to trong cài đặt **Phóng to**.

Quét ảnh

Các phương pháp quét có sẵn.	67
Quét bản gốc vào máy tính.	67
Quét bằng WSD.	68
Quét bản gốc vào thiết bị thông minh.	71

Các phương pháp quét có sẵn

Bạn có thể sử dụng bất kỳ phương pháp nào sau đây để quét bằng máy in này.

Quét vào máy tính

Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét vào máy tính được kết nối với máy in.

[“Quét bản gốc vào máy tính” ở trang 67](#)

Quét bằng WSD

Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét vào máy tính được kết nối với máy in bằng tính năng WSD.

[“Quét bằng WSD” ở trang 68](#)

Quét trực tiếp từ thiết bị thông minh

Bạn có thể lưu hình ảnh quét trực tiếp vào thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng thông qua ứng dụng Epson Smart Panel trên thiết bị thông minh.

[“Quét bản gốc vào thiết bị thông minh” ở trang 71](#)

Quét bản gốc vào máy tính

Lưu ý:

Để sử dụng tính năng này, đảm bảo rằng bạn đã cài đặt các ứng dụng sau trên máy tính.

- Epson ScanSmart (Windows 7 trở lên hoặc OS X El Capitan (10.11) trở lên)
- Epson Event Manager (Windows Vista/Windows XP, hoặc OS X Yosemite (10.10)/OS X Mavericks (10.9.5))
- Epson Scan 2 (ứng dụng bắt buộc phải dùng tính năng máy quét)

Xem phần sau để kiểm tra các ứng dụng đã cài đặt.

Windows 11: nhấp vào nút bắt đầu, sau đó kiểm tra thư mục **All apps** > **Epson Software** > **Epson ScanSmart**, và thư mục **EPSON** > **Epson Scan 2**.

Windows 10: nhấp vào nút bắt đầu, sau đó kiểm tra thư mục **Epson Software** > **Epson ScanSmart**, và thư mục **EPSON** > **Epson Scan 2**.

Windows 8.1/Windows 8: nhập tên ứng dụng vào công cụ tìm kiếm, rồi kiểm tra biểu tượng được hiển thị.

Windows 7: nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả các chương trình**. Tiếp theo, hãy kiểm tra thư mục **Epson Software** > **Epson ScanSmart**, và thư mục **EPSON** > **Epson Scan 2**.

Windows Vista/Windows XP: nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả các chương trình** hoặc **Chương trình**. Tiếp theo, hãy kiểm tra thư mục **Epson Software** > **Epson Event Manager**, và thư mục **EPSON** > **Epson Scan 2**.

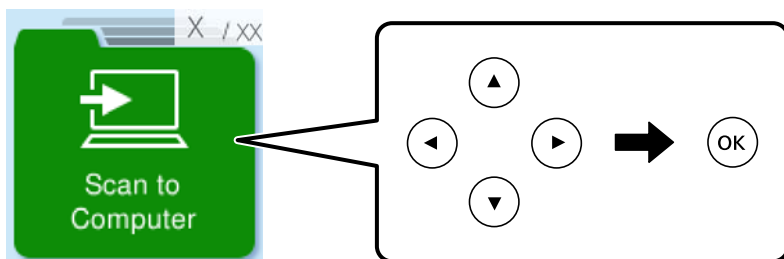
Mac OS: chọn **Truy cập** > **Ứng dụng** > **Epson Software**.

1. Đặt bản gốc vào.

[“Đặt bản gốc” ở trang 35](#)

2. Chọn **Quét vào máy tính** trên bảng điều khiển.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



3. Chọn cách lưu hình ảnh đã quét vào máy tính.

- Xem trước trên máy tính (Windows 7 trở lên hoặc OS X El Capitan (10.11) trở lên): Xem trước hình quét trên máy tính trước khi lưu lại các hình ảnh.
- Lưu làm JPEG: lưu hình ảnh đã quét ở định dạng JPEG.
- Lưu làm PDF: Lưu hình ảnh đã quét ở định dạng PDF.

4. Nếu màn hình **Chọn máy tính** hiển thị, hãy chọn máy tính nơi cần lưu các hình quét.

5. Nhấn nút ◊.

Khi sử dụng Windows 7 trở lên hoặc OS X El Capitan (10.11) trở lên: Epson ScanSmart tự khởi động trên máy tính và quá trình quét sẽ bắt đầu.

Lưu ý:

- Xem trợ giúp Epson ScanSmart để biết thông tin sử dụng chi tiết cho phần mềm. Nhấp vào **Trợ giúp** trên màn hình Epson ScanSmart để mở trợ giúp.
- Bạn không chỉ có thể bắt đầu quét từ máy in mà còn từ máy tính thông qua Epson ScanSmart.

Quét bằng WSD

Bạn có thể lưu hình ảnh đã quét vào máy tính được kết nối với máy in bằng tính năng WSD.

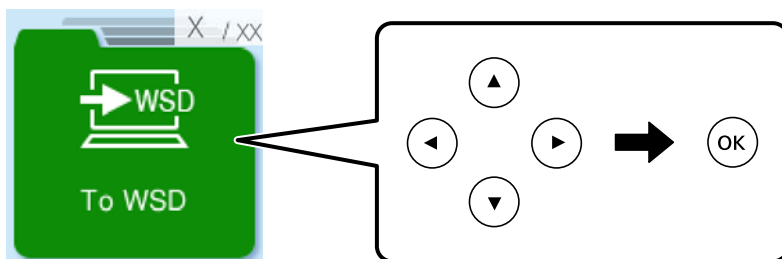
- Tính năng này chỉ khả dụng đối với máy tính chạy Windows Vista hoặc mới hơn.
- Nếu đang dùng Windows 7/Windows Vista, bạn cần thiết lập máy tính trước bằng tính năng này.
[“Thiết lập cổng WSD” ở trang 69](#)

1. Đặt bản gốc vào.

[“Đặt bản gốc lên kính máy scan” ở trang 37](#)

2. Chọn **Vào WSD** trên bảng điều khiển.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.



3. Chọn máy tính.
4. Nhấn nút ◊.

Thiết lập cổng WSD

Phần này giải thích cách thiết lập cổng WSD cho Windows 7/Windows Vista.

Lưu ý:

Đối với Windows 8 hoặc mới hơn, cổng WSD sẽ được thiết lập tự động.

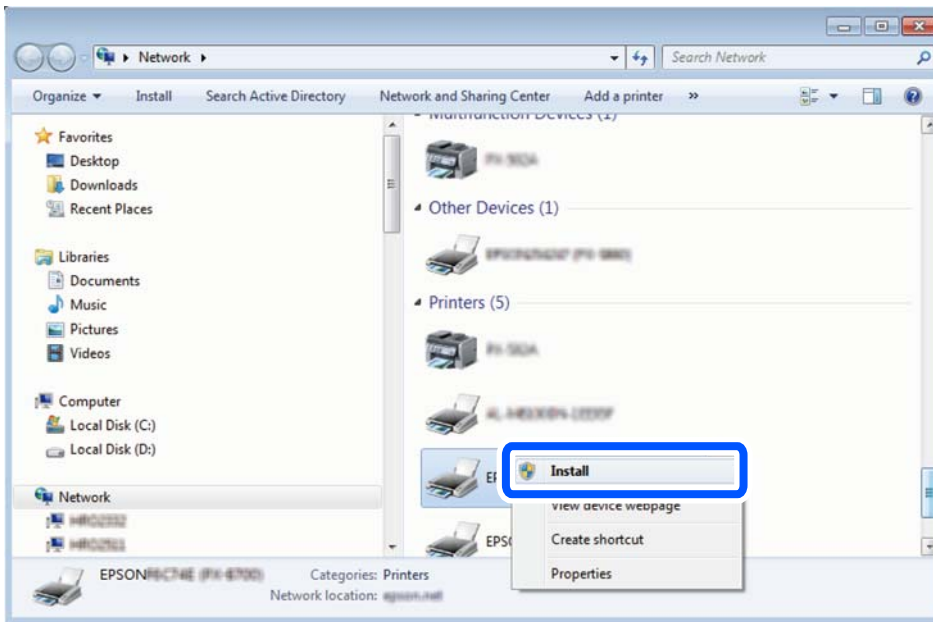
Phần sau cần thiết để thiết lập cổng WSD.

- Máy tính và máy in được kết nối với mạng.
- Trình điều khiển máy in được cài đặt trên máy tính.

1. Bật máy in.
2. Nhấp vào bắt đầu và sau đó nhấp vào **Mạng** trên máy tính.
3. Nhấp chuột phải vào máy in và sau đó nhấp vào **Cài đặt**.

Nhấp vào **Tiếp tục** khi màn hình **Kiểm soát tài khoản người dùng** được hiển thị.

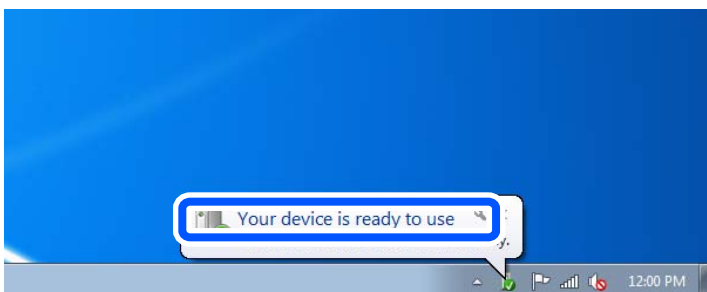
Nhấp vào **Gỡ cài đặt** và bắt đầu lại nếu màn hình **Gỡ cài đặt** được hiển thị.



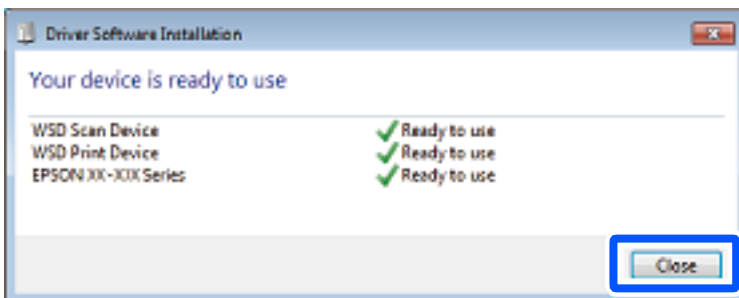
Lưu ý:

Tên máy in mà bạn đặt trên mạng và tên model (EPSON XXXXXX (XX-XXXX)) được hiển thị trên màn hình mạng. Bạn có thể kiểm tra tên máy in được đặt trên mạng từ bảng điều khiển của máy in hoặc bằng cách in tờ tình trạng mạng.

4. Nhấp vào **Thiết bị của bạn đã sẵn sàng sử dụng**.



5. Xem thông báo và sau đó nhấp vào **Đóng**.



6. Mở màn hình **Thiết bị và Máy in**.

□ Windows 7

Nhấp vào bắt đầu > **Bảng điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** (hoặc **Phần cứng**) > **Thiết bị và Máy in**.

Windows Vista

Nhấp vào bắt đầu > **Bảng điều khiển** > **Phần cứng và Âm thanh** > **Máy in**.

7. Kiểm tra xem biểu tượng có tên máy in trên mạng có được hiển thị không.
Chọn tên máy in khi sử dụng với WSD.

Quét bản gốc vào thiết bị thông minh

Lưu ý:

Trước khi quét, hãy cài đặt Epson Smart Panel trên thiết bị thông minh của bạn.

1. Đặt bản gốc vào.
“Đặt bản gốc” ở trang 35
2. Bắt đầu Epson Smart Panel trên thiết bị thông minh của bạn.
3. Chọn menu quét trên màn hình chính.
4. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để quét và lưu hình ảnh.

Fax

Trước khi sử dụng các tính năng fax.	73
Tổng quan về các tính năng fax của máy in này.	84
Gửi fax bằng bảng máy in.	86
Nhận fax trên máy in.	90
Tùy chọn menu cho fax.	92
Sử dụng các tính năng fax khác.	95
Gửi fax từ máy tính.	96
Nhận fax trên máy tính.	100

Trước khi sử dụng các tính năng fax

Tính năng fax chỉ khả dụng cho ET-4810 Series/L5590 Series.

Kiểm tra các mục sau trước khi bắt đầu sử dụng các tính năng fax.

- Máy in và đường điện thoại, và (nếu đang được sử dụng) máy điện thoại được kết nối đúng cách
- Cài đặt fax cơ bản (Thuật sĩ cài đặt fax) đã hoàn thành
- Các Cài đặt fax cần thiết khác đã hoàn thành

Xem “Thông tin liên quan” bên dưới để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 73
- ➔ “Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 76
- ➔ “Thực hiện cài đặt cho các tính năng fax của máy in theo mục đích sử dụng” ở trang 78
- ➔ “Cài đặt fax” ở trang 216
- ➔ “Đăng ký danh bạ” ở trang 81
- ➔ “Menu Cài đặt m.định n.dùng” ở trang 221

Kết nối máy in với đường điện thoại

Đường điện thoại tương thích

Bạn có thể sử dụng máy in qua đường điện thoại kỹ thuật tương tự chuẩn (PSTN = Mạng điện thoại chuyển mạch công cộng) và hệ thống điện thoại PBX (Tổng đài nội bộ).

Bạn có thể không sử dụng được máy in với các hệ thống hoặc đường điện thoại sau.

- Đường điện thoại VoIP như DSL hoặc dịch vụ kỹ thuật số cáp quang
- Đường điện thoại kỹ thuật số (ISDN)
- Một số hệ thống điện thoại PBX
- Khi các bộ điều hợp như bộ điều hợp đầu cuối, bộ điều hợp VoIP, bộ chia hoặc bộ định tuyến DSL được kết nối giữa giắc cắm điện thoại trên tường và máy in

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 73

Kết nối máy in với đường điện thoại

Kết nối máy in với giắc cắm điện thoại trên tường bằng cáp điện thoại RJ-11 (6P2C). Khi kết nối điện thoại với máy in, hãy sử dụng một cáp điện thoại RJ-11 (6P2C) thứ hai.

Tùy thuộc vào khu vực, cáp điện thoại có thể đi cùng với máy in. Nếu có cáp điện thoại đi cùng, hãy sử dụng cáp đó.

Bạn có thể cần kết nối cáp điện thoại với bộ điều hợp được cung cấp cho quốc gia hoặc khu vực của bạn.

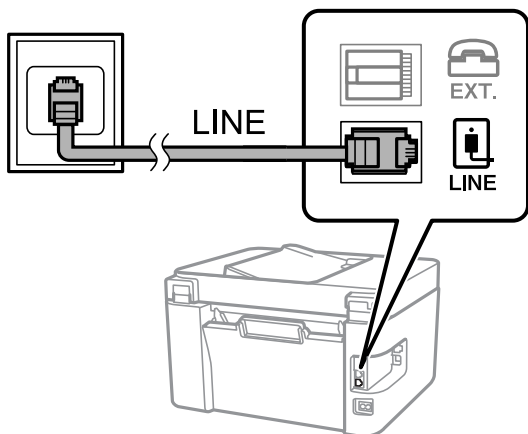
Lưu ý:

Tháo nắp ra khỏi cổng EXT. của máy in chỉ khi kết nối điện thoại với máy in. Không tháo nắp nếu bạn không kết nối với điện thoại.

Tại những khu vực thường xuyên có tia chớp, chúng tôi khuyến nghị bạn sử dụng thiết bị bảo vệ chống sốc.

Kết nối với đường điện thoại chuẩn (PSTN) hoặc PBX

Kết nối cáp điện thoại từ giắc cắm điện thoại trên tường hoặc cổng PBX với cổng LINE ở phía sau máy in.



Thông tin liên quan

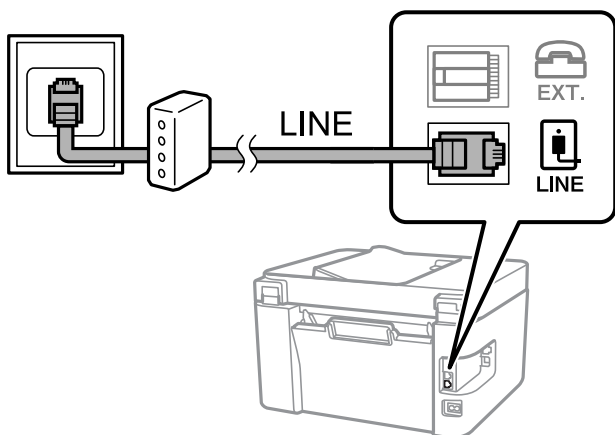
➔ [“Kết nối thiết bị điện thoại với máy in” ở trang 75](#)

Kết nối với DSL hoặc ISDN

Kết nối cáp điện thoại từ modem DSL hoặc bộ điều hợp đầu cuối ISDN với cổng LINE ở phía sau máy in. Xem tài liệu đi cùng với modem hoặc bộ điều hợp để biết thêm chi tiết.

Lưu ý:

Nếu modem DSL của bạn không được trang bị bộ lọc DSL tích hợp, hãy kết nối một bộ lọc DSL riêng.



Thông tin liên quan

➔ [“Kết nối thiết bị điện thoại với máy in” ở trang 75](#)

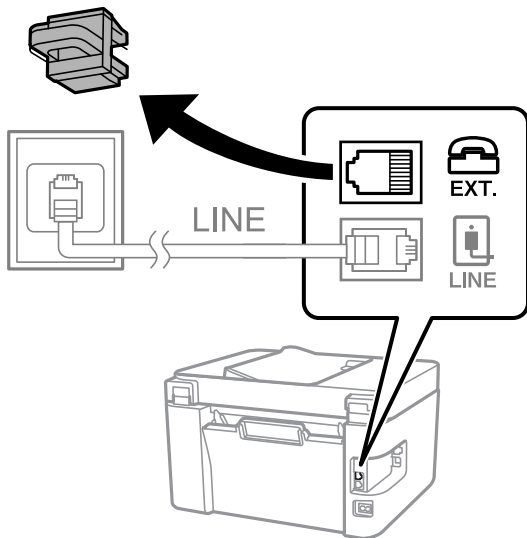
Kết nối thiết bị điện thoại với máy in

Khi sử dụng máy in và điện thoại của bạn trên một đường điện thoại duy nhất, hãy kết nối điện thoại với máy in.

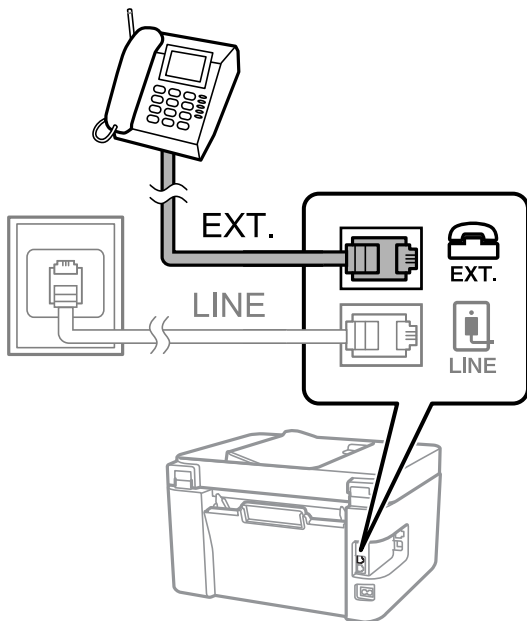
Lưu ý:

- ❑ Nếu thiết bị điện thoại của bạn có chức năng fax, hãy tắt chức năng fax trước khi kết nối. Xem các hướng dẫn sử dụng kèm theo thiết bị điện thoại để biết thêm chi tiết. Tùy thuộc vào kiểu máy của thiết bị điện thoại, bạn không thể tắt hoàn toàn chức năng fax, do đó bạn không thể sử dụng thiết bị này làm điện thoại bên ngoài.
- ❑ Nếu bạn kết nối với máy trả lời, đảm bảo cài đặt **Độ chuông trả lời** của máy in phải được thiết lập cao hơn số lần đổ chuông mà máy trả lời được thiết lập để trả lời cuộc gọi.

1. Tháo nắp ra khỏi cổng EXT. ở phía sau máy in.



2. Kết nối thiết bị điện thoại và cổng EXT. bằng cáp điện thoại.



Lưu ý:

Khi dùng chung một đường điện thoại duy nhất, hãy đảm bảo rằng bạn kết nối thiết bị điện thoại vào cổng EXT. trên máy in. Nếu bạn tách đường điện thoại để kết nối thiết bị điện thoại và máy in riêng rẽ, điện thoại và máy in hoạt động không chính xác.

3. Chọn **Fax** trên bảng điều khiển máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

4. Nhắc tai nghe.

Nếu một thông báo bắt đầu gửi hoặc nhận fax được hiển thị như được trình bày trên màn hình sau, kết nối đã được thiết lập.



Thông tin liên quan

- ➔ “Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 76
- ➔ “Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời” ở trang 79
- ➔ “Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối (Nhận từ xa)” ở trang 79
- ➔ “Chế độ nhận:” ở trang 218

Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax

Thuật sĩ cài đặt fax đặt cấu hình các tính năng fax cơ bản để điều chỉnh máy in sẵn sàng gửi và nhận fax.

Trình hướng dẫn sẽ hiển thị tự động khi bật máy in lần đầu. Bạn cũng có thể tự hiển thị trình hướng dẫn này từ bảng điều khiển máy in. Bạn cần chạy lại trình hướng dẫn trong trường hợp nó bị bỏ qua khi bật máy in lần đầu hoặc khi môi trường kết nối đã thay đổi.

- Sau đây là những mục bạn có thể thiết đặt qua trình hướng dẫn.

Tiêu đề (Số điện thoại của bạn và Dòng đầu trang fax)

Chế độ nhận (Tự động hoặc là Thủ công)

Cài đặt DRD

- Các mục bên dưới được thiết đặt tự động theo môi trường kết nối.

Chế độ gọi (như Âm hoặc Rung động)

Thuật sĩ cài đặt fax không thể tự động cấu hình **Chế độ gọi** khi **Loại dòng** được đặt thành **PBX**. Hãy cấu hình **Chế độ gọi** theo cách thủ công.

- Các mục khác trong **Cài đặt cơ bản** vẫn không thay đổi.

Thông tin liên quan

➔ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216

Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax bằng Thuật sĩ cài đặt fax

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Cài đặt fax** > **Thuật sĩ cài đặt fax**.

3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình, nhập tên người gửi như tên công ty, số fax của bạn.

Lưu ý:

Tên người gửi và số fax của bạn xuất hiện dưới dạng đầu trang cho fax gửi đi.

4. Thực hiện cài đặt phát hiện chuông phân biệt (DRD).

Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ chuông phân biệt từ công ty điện thoại của bạn:

Chuyển đến màn hình tiếp theo và chọn mẫu chuông sẽ sử dụng cho các bản fax đến.

Khi bạn chọn bất kỳ mục nào ngoại trừ **Tất cả**, **Chế độ nhận** được đặt thành **Tự động** và bạn tiếp tục đến màn hình tiếp theo ở đó bạn có thể kiểm tra các cài đặt đã thực hiện.

Nếu bạn chưa đăng ký dịch vụ chuông phân biệt từ công ty điện thoại của mình hoặc bạn không cần đặt tùy chọn này:

Bỏ qua cài đặt này và đến màn hình mà ở đó bạn có thể kiểm tra các cài đặt đã thực hiện.

Lưu ý:

Dịch vụ chuông đặc biệt, do nhiều công ty điện thoại cung cấp (tên dịch vụ khác nhau theo công ty), cho phép bạn sử dụng nhiều số điện thoại trên một đường điện thoại. Mỗi số được gán một mẫu chuông khác nhau. Bạn có thể sử dụng một số cho các cuộc gọi thoại và một số khác cho các cuộc gọi fax. Chọn mẫu chuông được gán cho các cuộc gọi fax trong **DRD**.

Tùy thuộc vào khu vực, **Bật** và **Tắt** được hiển thị dưới dạng các tùy chọn của **DRD**. Chọn **Bật** để sử dụng tính năng chuông đặc biệt.

5. Thực hiện cài đặt Chế độ nhận.

Nếu bạn không cần kết nối điện thoại với máy in:

Chọn **Không**.

Chế độ nhận được đặt thành **Tự động**.

Nếu bạn cần kết nối điện thoại với máy in:

Chọn **Có**, sau đó chọn có nhận fax tự động hay không.

6. Kiểm tra các cài đặt bạn đã thực hiện trên màn hình được hiển thị, sau đó chuyển sang màn hình tiếp theo.

Để sửa hoặc thay đổi cài đặt, nhấn nút ↶.

7. Kiểm tra kết nối fax bằng cách chọn **Bắt đầu kiểm tra**, sau đó chọn **In** để in báo cáo hiển thị trạng thái kết nối.

Lưu ý:

- Nếu có bất kỳ lỗi nào trong báo cáo, hãy làm theo hướng dẫn trên báo cáo để khắc phục lỗi.
- Nếu màn hình **Chọn kiểu dây điện thoại** hiển thị, chọn loại đường dây.
 - Khi bạn đang kết nối máy in với hệ thống điện thoại PBX hoặc bộ điều hợp đầu cuối, hãy chọn **PBX**.
 - Khi bạn kết nối máy in với đường dây điện thoại chuẩn, hãy chọn **PSTN**. Khi thông báo tắt phát hiện âm quay số được hiển thị trên màn hình, nhấn nút OK. Tuy nhiên, việc tắt phát hiện âm quay số có thể khiến cho máy in bỏ qua chữ số đầu tiên của số fax và gửi fax đến số sai.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kết nối máy in với đường điện thoại” ở trang 73
- ➔ “Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời” ở trang 79
- ➔ “Chế độ nhận:” ở trang 218
- ➔ “Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối (Nhận từ xa)” ở trang 79
- ➔ “Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216

Thực hiện cài đặt cho các tính năng fax của máy in theo mục đích sử dụng

Bạn có thể cấu hình các tính năng fax của máy in bằng bảng điều khiển của máy in theo mục đích sử dụng. Cũng có thể thay đổi các cài đặt được thực hiện bằng **Thuật sĩ cài đặt fax**. Để biết thêm chi tiết, xem mô tả của menu **Cài đặt fax**.

“Cài đặt fax” ở trang 216

Thông tin liên quan

- ➔ “Nhận fax gửi đến” ở trang 90
- ➔ “Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX” ở trang 78
- ➔ “Thực hiện cài đặt khi bạn kết nối điện thoại” ở trang 79
- ➔ “Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác” ở trang 80
- ➔ “Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính” ở trang 80

Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX

Thực hiện các cài đặt sau khi sử dụng máy in trong các văn phòng sử dụng số máy lẻ và yêu cầu mã truy cập bên ngoài, như 0 và 9, để quay số ra bên ngoài.

1. Chọn **Cài đặt** trên bảng điều khiển máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản**.

3. Chọn **Loại dòng** và sau đó chọn **PBX**.

4. Khi gửi fax tới số fax bên ngoài bằng phím # (dấu thăng) thay vì mã truy cập thực bên ngoài, hãy chọn **Dùng làm Mã truy cập**.

được nhập thay vì mã truy cập thực được thay thế bằng mã truy cập đã lưu khi gọi điện. Sử dụng dấu # giúp tránh được các vấn đề về kết nối khi kết nối với một số điện thoại bên ngoài.

Lưu ý:

*Bạn không thể gửi fax tới những người nhận trong **Danh bạ** có mã truy cập bên ngoài như 0 hoặc 9.*

*Nếu bạn đã đăng ký người nhận trong **Danh bạ** bằng mã truy cập bên ngoài như 0 hoặc 9, hãy đặt **Mã truy cập** thành **Dùng dùng**. Nếu không, bạn phải thay đổi mã thành # trong **Danh bạ**.*

5. Nhập mã truy cập bên ngoài dùng cho hệ thống điện thoại của bạn và sau đó nhấn nút OK.
6. Nhấn nút OK để áp dụng các cài đặt.
Mã truy cập được lưu trong máy in.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216](#)

Thực hiện cài đặt khi bạn kết nối điện thoại

Thực hiện các cài đặt để sử dụng máy trả lời

Bạn cần các cài đặt để sử dụng máy trả lời.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản**.
3. Đặt **Chế độ nhận** thành **Tự động**.
4. Đặt thiết lập **Đổ chuông trả lời** của máy in đến một số cao hơn số hồi chuông của máy trả lời.
Nếu **Đổ chuông trả lời** được đặt thấp hơn số lần đổ chuông cho máy trả lời, máy trả lời không thể nhận cuộc gọi thoại để ghi âm tin nhắn thoại. Xem các hướng dẫn sử dụng đi cùng với máy trả lời để biết các thiết lập của máy.

Cài đặt **Đổ chuông trả lời** của máy in có thể không được hiển thị, tùy thuộc vào khu vực.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216](#)

Thực hiện cài đặt để nhận fax chỉ cần thao tác trên điện thoại kết nối (Nhận từ xa)

Bạn có thể bắt đầu nhận fax đến bằng cách chỉ cần nhắc ống nghe điện thoại và thao tác trên điện thoại mà không cần phải vận hành máy in.

Tính năng **Nhận từ xa** khả dụng trên điện thoại hỗ trợ quay số âm tần.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trong bảng điều khiển máy in.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Nhận từ xa**.
3. Chọn **Bật**.
4. Nhập mã gồm hai chữ số (bạn có thể nhập từ 0 đến 9, *, và #) làm mã bắt đầu, sau đó nhấn nút OK để áp dụng các cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216](#)

Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác

Bạn có thể chặn bản fax rác.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trong bảng điều khiển máy in.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Fax từ chối**.
3. Thiết lập điều kiện để chặn fax rác.
Chọn **Fax từ chối** và sau đó bật các tùy chọn sau.
 - Danh sách số từ chối: Từ chối bản fax trong Danh sách số từ chối.
 - Tiêu đề fax trống: Từ chối bản fax có thông tin tiêu đề trống.
 - N.gọi ko có trong D.bạ: Từ chối các bản fax chưa được thêm vào danh bạ.
4. Nhấn ↶ để quay lại màn hình **Fax từ chối**.
5. Nếu bạn đang sử dụng **Danh sách số từ chối**, chọn **Sửa d.sách Số bị chặn**, và sau đó chỉnh sửa danh sách.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216](#)

Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính

Để gửi và nhận fax trên máy tính, bạn phải cài đặt FAX Utility trên máy tính được kết nối bằng mạng hoặc cáp USB.

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để nhận fax

Bạn có thể nhận fax trên máy tính bằng FAX Utility. Cài đặt FAX Utility trên máy khách và thực hiện cài đặt. Để biết chi tiết, xem Basic Operations trong phần trợ giúp FAX Utility (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Mục cài đặt bên dưới trên bảng điều khiển của máy in được đặt thành **Có**, và có thể lưu các bản fax đã nhận trên máy tính.

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt nhận > Lưu vào máy tính

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính cũng in trên máy in để nhận fax

Bạn có thể thực hiện cài đặt để in các bản fax đã nhận trên máy in cũng như lưu chúng trên máy tính.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trong bảng điều khiển máy in.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Lưu vào máy tính > Có và in**.

Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để không nhận fax

Để thiết lập máy in không lưu fax đã nhận trên máy tính, hãy thay đổi cài đặt trên máy in.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt bằng FAX Utility. Tuy nhiên, nếu có bất kỳ bản fax nào chưa được lưu vào máy tính, tính năng này không hoạt động.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính trong bảng điều khiển máy in.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Cài đặt fax > Cài đặt nhận**.
3. Chọn **Lưu vào máy tính > Không**.

Đăng ký danh bạ

Đánh ký danh bạ cho phép bạn nhập các điểm đích một cách dễ dàng. Bạn có thể đăng ký tới 100 mục nhập và có thể sử dụng danh bạ khi nhập số fax.

Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀▶, và sau đó nhấn nút OK.
2. Chọn **Trình q.lý Danh bạ**.
3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.
 - Để đăng ký một liên hệ mới, chọn **Thêm mục nhập**, và sau đó chọn số đăng ký.
 - Để sửa một liên hệ, chọn **Sửa**, và sau đó chọn liên hệ mục tiêu.
 - Để xóa một liên hệ, chọn **Xóa**, chọn liên hệ mục tiêu, và sau đó chọn **Có**. Không cần thêm bước nào khác.

- Thực hiện các cài đặt cần thiết.

Lưu ý:

Khi nhập số fax, hãy nhập mã truy cập ra bên ngoài ở đầu số fax nếu hệ thống điện thoại của bạn là PBX và bạn cần mã truy cập để quay số ra bên ngoài. Nếu mã truy cập đã được đặt trong thiết lập **Loại dòng**, nhập dấu thăng (#) thay vì mã truy cập thực sự. Để thêm tạm dừng (tạm dừng trong ba giây) khi quay số, nhập dấu gạch ngang (-).

- Nhấn nút OK để tiếp tục và sau đó chọn **Thêm mục nhập** để hoàn thành việc đăng ký hoặc chỉnh sửa.

Đăng ký hoặc chỉnh sửa các liên hệ theo nhóm

Thêm các mối liên hệ vào một nhóm cho phép bạn gửi fax đến nhiều điểm đích cùng lúc.

Lưu ý:

Bạn có thể đăng ký tổng cộng tối đa 100 đích đến và nhóm cho danh bạ.

- Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

- Chọn **Trình q.lý Danh bạ**.

- Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

Để đăng ký một nhóm liên hệ mới, hãy chọn **Thêm nhóm**, và sau đó chọn số đăng ký.

Để sửa nhóm liên hệ, chọn **Sửa**, và sau đó chọn nhóm mục tiêu.

Để xóa một nhóm liên hệ, chọn **Xóa**, chọn nhóm mục tiêu và sau đó chọn **Có**. Không cần thêm bước nào khác.

- Nhập hoặc sửa **Tên nhóm**, sau đó nhấn OK.

- Nhập hoặc sửa **Từ chỉ mục**, sau đó nhấn OK.

- Chọn liên hệ mà bạn muốn đăng ký vào nhóm.

Mỗi lần bạn nhấn nút ▶, liên hệ được chọn và bỏ chọn luân phiên.

- Nhấn nút OK để tiếp tục và sau đó chọn **Thêm mục nhập** để hoàn thành việc đăng ký hoặc chỉnh sửa.

Đăng ký danh bạ trên máy tính

Khi sử dụng Web Config, bạn có thể tạo danh bạ trên máy tính và nhập nó vào máy in.

- Truy cập Web Config.

- Nhấp **Log in**, nhập mật khẩu, sau đó nhấp **OK**.

- Chọn **Contacts**.

- Chọn số mà bạn muốn đăng ký, sau đó nhấp vào **Edit**.

- Nhập **Name**, **Index Word**, **Fax Number** và **Fax Speed**.

- Nhấp vào **Apply**.

Thông tin liên quan

➔ “Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in (Web Config)” ở trang 209

Mục đích đích đến

Mục	Cài đặt và giải thích
Name	Nhập một tên hiển thị trong danh bạ có 30 ký tự trở xuống ở Unicode (UTF-8). Nếu bạn không chỉ định mục này, hãy bỏ trống.
Index Word	Nhập các từ cần tìm kiếm có 30 ký tự trở xuống ở Unicode (UTF-8). Nếu bạn không chỉ định mục này, hãy bỏ trống.
Type	Mục này được cố định là Fax . Bạn không thể thay đổi cài đặt này.
Assign to Frequent Use	Mục này không được hỗ trợ.
Fax Number	Nhập từ 1 đến 64 ký tự bằng 0–9 - * # và dấu cách.
Fax Speed	Chọn tốc độ giao tiếp cho đích đến.

Đăng ký đích đến thành một nhóm

1. Truy cập Web Config.
2. Nhấp **Log in**, nhập mật khẩu, sau đó nhấp **OK**.
3. Chọn **Contacts**.
4. Chọn số mà bạn muốn đăng ký, sau đó nhấp vào **Edit**.
5. Nhập **Name** và **Index Word**.
6. Chọn một nhóm từ **Type**.
7. Nhấp vào **Select** cho **Contact(s) for Group**.
Các đích đến có sẵn hiển thị.
8. Chọn đích đến mà bạn muốn đăng ký với nhóm, sau đó nhấp vào **Select**.

Lưu ý:

Bạn có thể đăng ký đích đến cho nhiều nhóm.

9. Nhấp vào **Apply**.

Thông tin liên quan


➔ “Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in (Web Config)” ở trang 209

Tổng quan về các tính năng fax của máy in này

Tính năng: gửi fax


Các phương thức gửi

Gửi tự động

Khi bạn quét bản gốc bằng cách nhấn nút  để chọn **Gửi fax**, máy in sẽ quay số người nhận và gửi fax.

[“Gửi fax bằng bảng máy in” ở trang 86](#)

Gửi thủ công

Khi bạn thực hiện kiểm tra thủ công trên kết nối đường dây bằng cách quay số người nhận, hãy nhấn nút  để chọn **Gửi fax** rồi bắt đầu gửi fax trực tiếp.

[“Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài” ở trang 87](#)

Chỉ định người nhận khi gửi fax

Bạn có thể nhập người nhận bằng các nút bàn phím, **Danh bạ** và **Gần đây**.

[“Chọn người nhận” ở trang 87](#)

[“Đăng ký danh bạ” ở trang 81](#)

Cài đặt quét khi gửi fax

Bạn có thể chọn các mục như **Độ phân giải** hoặc **Cỡ bản gốc (M.kính)** khi gửi fax.

[“Cài đặt quét” ở trang 93](#)

Sử dụng Cài đặt gửi fax khi gửi fax

Bạn có thể sử dụng **Cài đặt gửi fax** như **Gửi trực tiếp** (để gửi một tài liệu lớn ổn định) hoặc **Gửi fax sau** (để gửi fax tại một thời điểm bạn chỉ định).

[“Cài đặt gửi fax” ở trang 93](#)

Tính năng: Nhận fax

Chế độ nhận

Có hai lựa chọn trong **Chế độ nhận** để nhận fax đến.

Thủ công

Chủ yếu để gọi điện, nhưng cũng để fax

[“Sử dụng chế độ Thủ công” ở trang 90](#)

Tự động

- Chỉ dành cho fax (không cần điện thoại bên ngoài)

- Chủ yếu để fax và đôi khi gọi điện thoại

[“Sử dụng chế độ Tự động” ở trang 91](#)

Nhận fax bằng cách sử dụng điện thoại kết nối

Bạn có thể nhận fax bằng cách chỉ sử dụng điện thoại bên ngoài.

[“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216](#)

[“Thực hiện cài đặt khi bạn kết nối điện thoại” ở trang 79](#)

Tính năng: Gửi/nhận bằng PC-FAX (Windows/Mac OS)

Gửi bằng PC-FAX

Bạn có thể gửi fax từ máy tính.

[“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 208](#)

[“Gửi fax từ máy tính” ở trang 96](#)

Nhận bằng PC-FAX

Bạn có thể nhận fax trên máy tính.

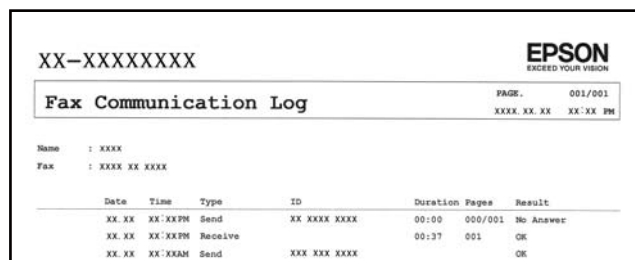
[“Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính” ở trang 80](#)

[“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 208](#)

[“Nhận fax trên máy tính” ở trang 100](#)

Tính năng: các báo cáo fax khác nhau

Bạn có thể kiểm tra trạng thái các bản fax đã gửi và đã nhận trong báo cáo.



The screenshot shows an EPSON Fax Communication Log report. At the top left, it displays 'XX-XXXXXXXX' and the EPSON logo with the tagline 'EXCEED YOUR VISION'. Below this, the title 'Fax Communication Log' is centered. To the right of the title, it indicates 'PAGE: 001/001' and the date 'XXXX.XX.XX XX:XX PM'. The report lists the following information:

Name : XXXX
Fax : XXXX XX XXXX

Date	Time	Type	ID	Duration	Pages	Result
XX.XX	XX:XXPM	Send	XX XXXX XXXX	00:00	000/001	No Answer
XX.XX	XX:XXPM	Receive		00:37	001	OK
XX.XX	XX:XXAM	Send	.XXX XXX XXXX			OK

[“Menu Cài đặt báo cáo” ở trang 220](#)

[“Cài đặt gửi fax” ở trang 93](#)

[“Nhập ký truyền gửi:” ở trang 94](#)

[“Báo cáo fax:” ở trang 94](#)

Tính năng: bảo mật khi gửi và nhận Fax

Bạn có thể sử dụng nhiều tính năng bảo mật như **Giới hạn gọi điện trực tiếp** để tránh gửi đến điểm đích sai, hoặc **Tự xóa hết dữ liệu sao lưu** để tránh rò rỉ thông tin.

[“Menu Cài đặt bảo mật” ở trang 221](#)

Tính năng: Các tính năng hữu ích khác

Chặn fax rác

Bạn có thể từ chối fax rác.

“Fax từ chối:” ở trang 218

Nhận fax sau khi quay số

Sau khi quay số đến máy fax khác, bạn có thể nhận tài liệu từ máy fax đó.

“Nhận fax bằng cách thực hiện một cuộc gọi điện thoại” ở trang 91

“Nhận hỏi vòng:” ở trang 95

Gửi fax bằng bảng máy in

Bạn có thể gửi fax bằng cách nhập số fax cho những người nhận trên bảng điều khiển của máy in.

1. Đặt bản gốc vào.

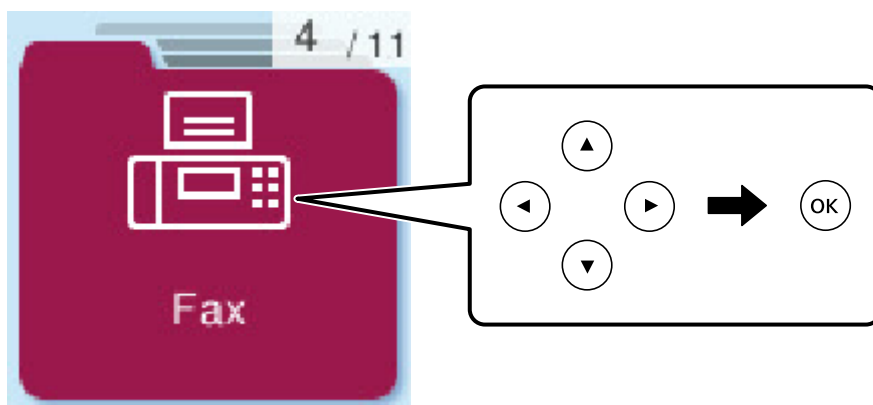
Bạn có thể gửi tối đa 100 trang trong một lần truyền; tuy nhiên tùy thuộc vào dung lượng bộ nhớ còn lại, bạn có thể không thể gửi fax ngay cả với ít hơn 100 trang.

“Đặt bản gốc lên kính máy scan” ở trang 37

“Đặt bản gốc lên ADF” ở trang 36

2. Chọn **Fax** trên bảng điều khiển máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.




3. Chỉ định người nhận.

“Chọn người nhận” ở trang 87


4. Chọn **Menu** bằng cách nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** để thực hiện các cài đặt khi cần, chẳng hạn như độ phân giải và phương thức gửi.

“Cài đặt quét” ở trang 93

“Cài đặt gửi fax” ở trang 93

5. Nhấn nút  để gửi fax.

Lưu ý:


- Nếu số fax bạn hoặc có sự cố nào đó, máy in sẽ tự động quay số lại sau một phút.
- Để hủy gửi fax, bấm nút .
- Thời gian để gửi fax màu lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Trong khi máy in đang gửi fax màu, bạn không thể sử dụng các tính năng khác.

Chọn người nhận

Bạn có thể chỉ định người nhận để gửi fax bằng các phương thức sau.

Nhập số fax theo cách thủ công


Nhấn số fax bằng các nút số, sau đó nhấn nút OK.

- Để thêm tạm dừng (tạm dừng trong ba giây khi quay số), nhấn nút .
- Nếu bạn đã thiết lập mã truy cập ra bên ngoài trong **Loại dòng**, nhập “#” (dấu thăng) thay vì mã truy cập ra bên ngoài thực sự ở đầu số fax.

Lưu ý:


Nếu bạn không thể nhập theo cách thủ công số fax, **Giới hạn gọi điện trực tiếp** trong **Cài đặt bảo mật** được thiết lập là **Bật**. Chọn người nhận fax từ danh sách liên hệ hoặc lịch sử gửi fax.

Chọn người nhận từ danh bạ





Nhấn nút  và chọn người nhận bạn muốn gửi tới. Nếu người nhận bạn muốn gửi đến chưa được đăng ký **Danh bạ**, hãy đăng ký người nhận trong **Trình q.lý Danh bạ**.

Fax > Menu > Trình q.lý Danh bạ

Chọn người nhận từ lịch sử fax đã gửi

Nhấn nút , sau đó chọn người nhận.

Lưu ý:

Để xóa người nhận bạn đã nhập, nhấn nút , di chuyển con trỏ sang người nhận bạn muốn xóa bằng cách nhấn nút  , sau đó hủy chọn người nhận bằng cách nhấn nút OK. Nhấn nút  để kết thúc và quay lại màn hình Fax.

Thông tin liên quan

➔ “Đăng ký danh bạ” ở trang 81

Các cách gửi fax khác nhau

Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài

Bạn có thể gửi fax bằng cách quay số từ điện thoại kết nối khi bạn muốn nói chuyện qua điện thoại trước khi gửi fax, hoặc khi máy fax của người nhận không tự động chuyển sang chế độ fax.

1. Đặt bản gốc vào.

Bạn có thể gửi đến 100 trang trong một lần truyền.

2. Nhắc ống nghe điện thoại đã kết nối rồi gọi đến số fax của người nhận bằng điện thoại.

Lưu ý:

Khi người nhận trả lời điện thoại, bạn có thể nói chuyện với người nhận.

3. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

4. Nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** để thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương thức gửi nếu cần.

5. Khi bạn nghe thấy âm fax, bấm nút ◊ và sau đó gác ống nghe điện thoại.

Lưu ý:

Khi quay đến một số bằng điện thoại kết nối, thời gian để gửi fax lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Khi gửi fax, bạn không thể sử dụng các tính năng khác.

6. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài đặt quét” ở trang 93](#)

➔ [“Cài đặt gửi fax” ở trang 93](#)

Gửi tài liệu kích thước khác nhau bằng ADF (Quét liên tục (ADF))

Gửi fax bằng cách đặt từng lần lượt từng bản gốc, hoặc bằng cách đặt các bản gốc theo kích thước, bạn có thể gửi chúng thành một tài liệu có kích thước của bản gốc.

Nếu bạn đặt các bản gốc có kích thước khác nhau vào ADF, mọi bản gốc sẽ được gửi theo kích thước lớn nhất trong số đó. Để gửi bản gốc ở kích thước gốc, không đặt các bản gốc có kích thước hỗn hợp.

1. Đặt mé bản gốc đầu tiên có cùng kích thước.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

3. Chỉ định người nhận.


[“Chọn người nhận” ở trang 87](#)

4. Nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt quét**.

5. Chọn **Quét liên tục (ADF)** và sau đó chọn **Bật**.

Bạn cũng có thể thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương thức gửi trong **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** nếu cần.

6. Nhấn nút ↶ cho đến khi bạn quay lại màn hình **Fax**, sau đó nhấn nút ◊.

7. Khi việc quét các bản gốc đầu tiên hoàn thành và thông báo **Gửi một trang khác?** được hiển thị trên bảng điều khiển, chọn **Có**, nạp các bản gốc tiếp theo, và sau đó nhấn nút .

Lưu ý:

Nếu bạn không thao tác trên máy in trong 60 giây sau khi được nhắc đặt bản gốc tiếp theo thì máy in sẽ dừng lưu trữ và bắt đầu gửi tài liệu.

8. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)

Khi gửi fax đơn sắc, tài liệu quét được lưu trữ tạm thời trong bộ nhớ của máy in. Vì vậy, việc gửi quá nhiều trang có thể khiến máy in hết bộ nhớ và dừng việc gửi fax. Bạn có tránh điều này bằng cách bật tính năng **Gửi trực tiếp**, tuy nhiên thời gian gửi fax sẽ lâu hơn vì máy in thực hiện việc quét và gửi đồng thời. Bạn có thể sử dụng tính năng này khi chỉ có một người nhận.

Truy cập menu

Bạn có thể tìm thấy menu trên bảng điều khiển của máy in bên dưới.





Fax > Menu > Cài đặt gửi fax > Gửi trực tiếp.

Gửi fax ở chế độ đơn sắc tại thời điểm được chỉ định trong ngày (Gửi fax sau)

Bạn có thể thiết lập gửi fax vào một thời gian đã định. Chỉ có thể gửi fax đơn sắc khi thời gian gửi được chỉ định.

1. Đặt bản gốc vào.

2. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút    , và sau đó nhấn nút OK.

3. Chỉ định người nhận.



4. Thực hiện cài đặt gửi fax vào một thời gian đã định.

❶ Nhấn nút OK, sau đó chọn **Cài đặt gửi fax**.

❷ Chọn **Gửi fax sau** và sau đó chọn **Bật**.

❸ Nhập thời gian bạn muốn gửi fax, sau đó nhấn nút OK.

Bạn cũng có thể thực hiện các cài đặt như độ phân giải và phương thức gửi trong **Cài đặt quét** hoặc **Cài đặt gửi fax** nếu cần.

5. Nhấn nút  cho đến khi quay lại màn hình **Fax**, sau đó nhấn nút .

6. Khi gửi xong, hãy lấy bản gốc ra.

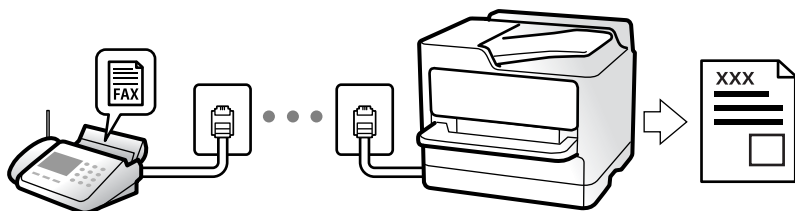
Lưu ý:

*Bạn có thể hủy fax từ màn hình **Fax**.*

Nhận fax trên máy in

Nếu máy in được kết nối với đường điện thoại và các cài đặt cơ bản đã được hoàn thành bằng cách sử dụng Thuật sĩ cài đặt fax, bạn có thể nhận fax.

Các bản fax đã nhận sẽ được in.



Khi bạn muốn kiểm tra trạng thái của cài đặt fax, hãy in **D.sách cài đặt fax** bằng cách chọn **Fax > Menu > Xem thêm > Báo cáo fax > D.sách cài đặt fax**.

Nhận fax gửi đến

Có hai tùy chọn trong **Chế độ nhận**.

Thông tin liên quan

- ➔ “Sử dụng chế độ Thủ công” ở trang 90
- ➔ “Sử dụng chế độ Tự động” ở trang 91
- ➔ “Chế độ nhận:” ở trang 218


Sử dụng chế độ Thủ công

Chế độ này chủ yếu để thực hiện cuộc gọi điện thoại, nhưng cũng dành cho fax.

Nhận fax

Khi điện thoại đổ chuông, bạn có thể tự trả lời chuông bằng cách nhấn điện thoại lên.

- Khi bạn nghe thấy tín hiệu fax (baud):

Chọn **Fax** trên màn hình chính của máy in, nhấn nút # để chọn nhận fax, sau đó nhấn nút . Tiếp theo gác ống nghe điện thoại.

- Nếu chuông đổ dành cho cuộc gọi thoại:

Bạn có thể trả lời điện thoại như bình thường.

Nhận fax bằng cách chỉ sử dụng điện thoại kết nối

Khi **Nhận từ xa** được thiết lập, bạn có thể nhận fax bằng cách nhập mã bắt đầu.

Khi điện thoại đổ chuông, hãy nhấn ống nghe điện thoại. Khi bạn nghe thấy âm fax (baud), hãy quay mã bắt đầu gồm hai chữ số và sau đó gác ống nghe điện thoại.

Thông tin liên quan

➔ “Nhận từ xa:” ở trang 218

Sử dụng chế độ Tự động

Chế độ này cho phép bạn sử dụng đường điện thoại cho các mục đích sử dụng sau.

- Sử dụng đường điện thoại chỉ cho fax (không cần máy điện thoại bên ngoài)
- Sử dụng đường điện thoại chủ yếu cho fax và đôi khi để gọi điện thoại

Nhận fax không có thiết bị điện thoại bên ngoài

Máy in tự động chuyển sang nhận fax khi có đủ số lần đổ chuông bạn đặt trong **Đổ chuông trả lời**.

Nhận fax có thiết bị điện thoại bên ngoài

Máy in có thiết bị điện thoại bên ngoài hoạt động như sau.

- Khi máy trả lời trả lời khi chưa hết số lần đổ chuông được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**:
 - Nếu chuông đổ là cho fax: máy in tự động chuyển sang nhận fax.
 - Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: máy trả lời có thể nhận cuộc gọi thoại và ghi lại tin nhắn thoại.
- Khi bạn nhắc ống nghe điện thoại khi chưa hết số lần đổ chuông được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**:
 - Nếu chuông đổ là cho fax: bạn có thể nhận fax sử dụng cùng các bước như với **Thủ công**. Chọn **Fax** trên màn hình chính của máy in, nhấn nút # để chọn nhận fax và sau đó nhấn nút **◆**. Tiếp theo gác ống nghe điện thoại.
 - Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: bạn có thể trả lời điện thoại như bình thường.
- Khi chuông ngừng đổ và máy in tự động chuyển sang nhận fax:
 - Nếu chuông đổ là cho fax: máy in bắt đầu nhận fax.
 - Nếu chuông đổ là cho cuộc gọi thoại: bạn không thể trả lời điện thoại. Yêu cầu người này gọi lại cho bạn.

Lưu ý:

*Thiết lập số lần đổ chuông để trả lời cho máy trả lời đến một giá trị thấp hơn giá trị được thiết lập trong **Đổ chuông trả lời**. Nếu không, máy trả lời không thể nhận các cuộc gọi thoại để ghi lại tin nhắn thoại. Để biết chi tiết về cách thiết lập máy trả lời, xem tài liệu hướng dẫn đi kèm với máy trả lời.*

Thông tin liên quan

➔ “Đổ chuông trả lời:” ở trang 218

Nhận fax bằng cách thực hiện một cuộc gọi điện thoại

Bạn có thể nhận fax đã lưu trữ trong một máy fax khác bằng cách quay số đến số fax.

Nhận fax bằng cách yêu cầu (Nhận hỏi vòng)

Bạn có thể nhận fax đã lưu trữ trong một máy fax khác bằng cách quay số đến số fax. Sử dụng tính năng này để nhận tài liệu từ một dịch vụ thông tin fax.

Lưu ý:

- Nếu dịch vụ thông tin fax có tính năng hướng dẫn thoại mà bạn cần thực hiện theo để nhận tài liệu thì bạn không thể sử dụng tính năng này.
- Để nhận tài liệu từ dịch vụ thông tin fax sử dụng hướng dẫn bằng âm thanh, chỉ cần quay số đến số fax bằng điện thoại kết nối và sử dụng điện thoại và máy in theo hướng dẫn bằng âm thanh.

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Nhấn nút OK, sau đó chọn **Xem thêm**.

3. Chọn **Nhận hỏi vòng** và sau đó chọn **Bật**.

4. Chỉ định người nhận.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể nhập theo cách thủ công số fax, **Giới hạn gọi điện trực tiếp trong Cài đặt bảo mật** được thiết lập là **Bật**. Chọn người nhận fax từ danh sách liên hệ hoặc lịch sử gửi fax.

5. Nhấn nút ◊ để bắt đầu **Nhận hỏi vòng**.

Tùy chọn menu cho fax

Fax

Chọn các menu trong **Fax** từ màn hình chính trên bảng điều khiển.

Danh bạ:

Chọn một người nhận từ danh bạ. Bạn cũng có thể thêm hoặc sửa người liên hệ.

Gần đây:

Chọn một người nhận từ lịch sử fax đã gửi. Bạn cũng có thể thêm người nhận vào danh bạ.

Menu

Bạn có thể chọn các menu sau.

- Cài đặt quét
- Cài đặt gửi fax
- Xem thêm
- Trình q. lý Danh bạ

Xem “Thông tin liên quan” bên dưới để biết thêm chi tiết.

Gửi fax

Nhấn nút ◊ để gửi fax.

Thông tin liên quan

➔ “Chọn người nhận” ở trang 87

Cài đặt quét

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới:

Fax > Menu > Cài đặt quét

Độ phân giải:

Chọn độ phân giải cho fax gửi đi. Nếu bạn chọn độ phân giải cao hơn, kích thước dữ liệu trở nên lớn hơn và bạn sẽ mất thời gian gửi fax.

Mật độ:

Đặt mật độ cho fax gửi đi. Nhấn ► để làm cho mật độ tối hơn và nhấn ◀ để làm cho mật độ sáng hơn.

Quét liên tục (ADF):

Gửi fax bằng cách đặt từng lần lượt từng bản gốc, hoặc bằng cách đặt các bản gốc theo kích thước, bạn có thể gửi chúng thành một tài liệu có kích thước của bản gốc. Xem thông tin liên quan bên dưới về chủ đề này.

Cỡ bản gốc (M.kính):

Chọn kích thước và hướng của bản gốc mà bạn đã đặt lên kính máy scan.

Chế độ màu:

Chọn quét màu hay đơn sắc.

Thông tin liên quan

➔ “Gửi tài liệu kích thước khác nhau bằng ADF (Quét liên tục (ADF))” ở trang 88

Cài đặt gửi fax

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới:

Fax > Menu > Cài đặt gửi fax

Gửi trực tiếp:

Gửi bản fax đơn sắc trong khi quét bản gốc. Vì các bản gốc được quét không được lưu tạm thời trong bộ nhớ của máy in ngay cả khi gửi một số lượng lớn các trang, bạn có thể tránh được lỗi máy in do thiếu bộ nhớ. Lưu ý rằng việc gửi fax khi có sử dụng tính năng này sẽ lâu hơn so với khi không sử dụng tính năng này. Xem thông tin liên quan bên dưới về chủ đề này.

Bạn không thể sử dụng tính năng này khi gửi fax đến nhiều người nhận.

Gửi fax sau:

Gửi fax vào một thời điểm bạn chỉ định. Bạn chỉ có thể gửi fax đơn sắc khi sử dụng tùy chọn này. Xem thông tin liên quan bên dưới về chủ đề này.

Thêm th.tin người gửi:

Chọn vị trí bạn muốn đưa thông tin đầu trang (tên và số fax của người gửi) vào fax đang gửi đi hoặc vị trí bạn không muốn đưa thông tin vào.

- Tắt:** Gửi fax không có thông tin đầu trang.
- Bên ngoài hình:** Gửi fax có thông tin đầu trang trong lề trắng trên cùng của fax. Tùy chọn này giúp đầu trang không bị chồng chéo vào hình ảnh đã quét. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được có thể được in thành hai trang tùy thuộc vào khổ của bản gốc.
- Bên trong hình:** Gửi fax có thông tin đầu trang thấp hơn đầu hình ảnh đã quét khoảng 7 mm. Đầu trang có thể chồng chéo với hình ảnh. Tuy nhiên, fax mà người nhận nhận được sẽ không bị chia thành hai tài liệu.

Dòng đầu trang fax:

Chọn tiêu đề cho người nhận. Để sử dụng tính năng này, bạn cần đăng ký trước nhiều đầu trang.

Th.tin Tiêu đề bổ sung:

Chọn thông tin bạn muốn thêm. Bạn có thể chọn một tùy chọn từ **Số điện thoại của bạn** và **Danh sách đích**.

Báo cáo truyền gửi:

In báo cáo truyền dữ liệu sau khi gửi fax.

In lỗi xảy ra chỉ in báo cáo khi xảy ra lỗi.

Khi đã thiết lập **Đính kèm hình ảnh vào báo cáo** trong **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo**, các bản fax bị lỗi cũng được in cùng với báo cáo.

Thông tin liên quan

- ➔ “Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc (Gửi trực tiếp)” ở trang 89
- ➔ “Gửi fax ở chế độ đơn sắc tại thời điểm được chỉ định trong ngày (Gửi fax sau)” ở trang 89

Xem thêm

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Fax > Menu > Xem thêm

Nhật ký truyền gửi:

Bạn có thể kiểm tra lịch sử các công việc fax đã gửi hoặc nhận.

Báo cáo fax:

Truyền tải gần nhất:

In báo cáo cho fax trước đây đã gửi hoặc đã nhận thông qua tính năng fax theo yêu cầu.

Nhật ký fax:

In báo cáo truyền fax. Bạn có thể thiết lập tự động in báo cáo này bằng menu sau đây.

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo > Tự in nhật ký fax

D.sách cài đặt fax:

In các thiết lập fax hiện tại.

Dấu vết giao thức:

In báo cáo chi tiết cho fax trước đây đã gửi hoặc đã nhận.

In lại fax đã nhận:

In lại các bản fax đã nhận trong máy in.

Nhận hỏi vòng:

Khi tùy chọn này được đặt là **Bật** và bạn gọi đến số fax của người gửi, bạn có thể nhận tài liệu từ máy fax của người gửi. Xem thông tin liên quan bên dưới để biết chi tiết về cách nhận fax sử dụng **Nhận hỏi vòng**.

Khi bạn rời khỏi menu Fax, cài đặt sẽ quay lại giá trị **Tắt** (mặc định).

Cài đặt fax:

Truy cập **Cài đặt** > **Cài đặt fax**.

Thông tin liên quan

➔ “[Nhận fax bằng cách yêu cầu \(Nhận hỏi vòng\)](#)” ở trang 91

➔ “[Cài đặt fax](#)” ở trang 216

Trình q.lý Danh bạ

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới:

Fax > Menu > Trình q.lý Danh bạ

Truy cập **Cài đặt** > **Trình q.lý Danh bạ**.

Bạn cũng có thể thêm hoặc sửa người liên hệ.

Sử dụng các tính năng fax khác

In báo cáo fax theo cách thủ công

1. Chọn **Fax** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Nhấn nút OK và chọn **Xem thêm**.

3. Chọn **Báo cáo fax**.

4. Chọn báo cáo mà bạn muốn in và sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình.

Lưu ý:

Bạn có thể thay đổi định dạng báo cáo. Từ màn hình trang chủ, chọn **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt báo cáo** và sau đó thay đổi các thiết lập **Đính kèm hình ảnh vào báo cáo** hoặc **Định dạng báo cáo**.

Gửi fax từ máy tính

Bạn có thể gửi fax từ máy tính bằng cách sử dụng FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX.

Lưu ý:

- Kiểm tra xem FAX Utility và trình điều khiển PC-FAX của máy in đã được cài đặt trước khi sử dụng tính năng này chưa.

“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)” ở trang 208

“Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX)” ở trang 209

- Nếu FAX Utility chưa được cài đặt, hãy cài đặt FAX Utility bằng EPSON Software Updater (ứng dụng dùng để cập nhật phần mềm).

EPSON Software Updater FY19 “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 210

Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Windows)

Bằng cách chọn fax của máy in từ menu **In** của một ứng dụng như Microsoft Word hoặc Excel, bạn có thể chuyển trực tiếp các dữ liệu như tài liệu, bản vẽ và bảng đã tạo với tờ bìa.

Lưu ý:

Phần giải thích sau sử dụng Microsoft Word làm ví dụ. Hoạt động thực tế có thể khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn sử dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

1. Sử dụng một ứng dụng, tạo tài liệu để truyền qua fax.
2. Nhấp vào **In** từ menu **Tệp**.
Cửa sổ **In** của ứng dụng xuất hiện.
3. Chọn **XXXXX (FAX)** (XXXXX là tên máy in) trong **Máy in**, sau đó kiểm tra cài đặt để gửi fax.
 - Chỉ định **1** trong **Số bản sao**. Fax có thể không được truyền đúng cách nếu bạn chỉ định **2** trở lên.
 - Bạn có thể gửi tối đa 100 trang trong một lần truyền fax.
4. Nhấp **Thuộc tính máy in** hoặc **Thuộc tính** nếu bạn muốn chỉ định **Paper Size, Orientation, Color, Image Quality**, hoặc **Character Density**.
Để biết chi tiết, xem mục trợ giúp về trình điều khiển PC-FAX.
5. Nhấp vào **In**.

Lưu ý:

*Khi sử dụng FAX Utility trong lần đầu tiên, một cửa sổ đăng ký thông tin của bạn được hiển thị. Nhập thông tin cần thiết và sau đó nhấp vào **OK**.*

Màn hình **Recipient Settings** của FAX Utility được hiển thị.

6. Khi bạn muốn gửi các tài liệu khác trong cùng một lần truyền fax, hãy chọn hộp kiểm **Add documents to send**.

Màn hình để thêm tài liệu được hiển thị khi bạn nhấp vào **Tiếp theo** trong bước 9.

7. Chọn hộp kiểm **Attach a cover sheet** nếu cần.

8. Chỉ định người nhận.

- Chọn người nhận (tên, số fax, v.v.) từ **PC-FAX Phone Book**:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ, thực hiện các bước bên dưới.

- ❶ Nhấp vào thẻ **PC-FAX Phone Book**.
- ❷ Chọn người nhận từ danh sách và nhấp vào **Add**.

- Chọn người nhận (tên, số fax, v.v.) danh bạ trên máy in:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ trên máy in, thực hiện các bước bên dưới.

- ❶ Nhấp vào thẻ **Contacts on Printer**.
- ❷ Chọn các liên hệ từ danh sách và nhấp vào **Add** để tiếp tục đến cửa sổ **Add to Recipient**.
- ❸ Chọn các liên hệ từ danh sách được hiển thị, và sau đó nhấp vào **Edit**.
- ❹ Thêm dữ liệu cá nhân như **Company/Corp.** và **Title** theo yêu cầu và sau đó nhấp vào **OK** để quay lại cửa sổ **Add to Recipient**.
- ❺ Nếu cần, chọn hộp kiểm **Register in the PC-FAX Phone Book** để lưu các liên hệ vào **PC-FAX Phone Book**.
- ❻ Nhấp vào **OK**.

- Chỉ định người nhận (tên, số fax, v.v.) trực tiếp:

Thực hiện các bước bên dưới.

- ❶ Nhấp vào thẻ **Manual Dial**.
- ❷ Nhập thông tin cần thiết.
- ❸ Nhấp vào **Add**.

Ngoài ra, khi nhấp vào **Save to Phone Book**, bạn có thể lưu người nhận vào danh sách trong thẻ **PC-FAX Phone Book**.

Lưu ý:

- Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết thông tin có liên quan bên dưới.
- Nếu bạn đã chọn **Enter fax number twice** trong **Optional Settings** trên màn hình chính FAX Utility, bạn cần phải nhập lại cùng số này khi bạn nhấp **Add** hoặc **Tiếp theo**.

Người nhận được thêm vào **Recipient List** hiển thị trong phần trên của cửa sổ.

9. Nhấp vào **Tiếp theo**.

- Khi bạn đã chọn hộp kiểm **Add documents to send**, làm theo các bước dưới đây để thêm tài liệu trong cửa sổ **Document Merging**.
 - ➊ Mở tài liệu bạn muốn thêm và sau đó chọn cùng máy in (tên fax) trong cửa sổ **In**. Tài liệu được thêm vào danh sách **Document List to Merge**.
 - ➋ Nhấp vào **Xem trước** để kiểm tra tài liệu hợp nhất.
 - ➌ Nhấp vào **Tiếp theo**.

Lưu ý:

Các cài đặt **Image Quality** và **Color** bạn đã chọn cho tài liệu đầu tiên được áp dụng cho các tài liệu khác.

- Khi bạn đã chọn hộp kiểm **Attach a cover sheet**, hãy chỉ định nội dung của trang bìa trong cửa sổ **Cover Sheet Settings**.
 - ➊ Chọn trang bìa từ các mẫu trong danh sách **Cover Sheet**. Lưu ý rằng không có chức năng để tạo tờ bìa gốc hoặc để thêm tờ bìa gốc vào danh sách.
 - ➋ Nhập **Subject** và **Message**.
 - ➌ Nhấp vào **Tiếp theo**.

Lưu ý:

Đặt các tùy chọn sau nếu cần trong **Cover Sheet Settings**.

- Nhấp vào **Cover Sheet Formatting** nếu bạn muốn thay đổi thứ tự các mục trên tờ bìa. Bạn có thể chọn kích thước tờ bìa **Paper Size**. Bạn cũng có thể chọn tờ bìa ở một kích thước khác cho tài liệu được truyền.
- Nhấp vào **Font** nếu bạn muốn thay đổi phông chữ được sử dụng cho văn bản trên tờ bìa.
- Nhấp vào **Sender Settings** nếu bạn muốn thay đổi thông tin người gửi.
- Nhấp vào **Detailed Preview** nếu bạn muốn kiểm tra tờ bìa với chủ đề và thông điệp bạn đã nhập.

10. Kiểm tra nội dung truyền và nhấp vào **Send**.

Đảm bảo tên và số fax của người nhận là chính xác trước khi truyền. Nhấp vào **Preview** để xem trước tờ bìa và tài liệu sẽ truyền.

Khi bắt đầu truyền, một cửa sổ hiển thị trạng thái truyền sẽ xuất hiện.

Lưu ý:

- Để dừng truyền tài, hãy chọn dữ liệu và nhấp **Hủy** . Bạn cũng có thể hủy bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.
- Nếu xảy ra lỗi trong khi truyền, cửa sổ **Communication error** xuất hiện. Kiểm tra thông tin lỗi và truyền lại.
- Màn hình *Fax Status Monitor* (màn hình được đề cập ở trên nơi bạn có thể kiểm tra trạng thái truyền) không được hiển thị nếu *Display Fax Status Monitor During Transmission* không được chọn trong màn hình **Optional Settings** của màn hình chính *FAX Utility*.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216](#)

Gửi tài liệu được tạo bằng một ứng dụng (Mac OS)

Bằng cách chọn một máy in có khả năng gửi fax từ menu **In** của một ứng dụng có bán trên thị trường, bạn có thể gửi dữ liệu như các tài liệu, bản vẽ và bảng, bạn đã tạo.


Lưu ý:

Giải thích sau sử dụng Text Edit, một ứng dụng Mac OS chuẩn làm ví dụ.

1. Tạo tài liệu bạn muốn gửi qua fax trong một ứng dụng.
2. Nhấp vào **In** từ menu **Tệp**.
Cửa sổ **In** của ứng dụng hiển thị.
3. Chọn máy in (tên fax) của bạn trong **Tên**, nhấp vào ▼ để hiển thị cài đặt chi tiết, kiểm tra cài đặt in, sau đó nhấp vào **OK**.
4. Thực hiện các cài đặt cho từng mục.
 - Chỉ định **1** trong **Số bản sao**. Ngay cả khi bạn chỉ định **2** trở lên, chỉ 1 bản sao được gửi.
 - Bạn có thể gửi tối đa 100 trang trong một lần truyền fax.


Lưu ý:


Kích cỡ trang của tài liệu bạn có thể gửi giống với khổ giấy bạn có thể fax từ máy in.

5. Chọn Fax Settings từ menu bật lên, sau đó thực hiện cài đặt cho từng mục.
Xem trợ giúp của trình điều khiển PC-FAX để biết giải thích cho từng mục cài đặt.
Nhấp vào  ở dưới cùng bên trái của cửa sổ để mở trợ giúp của trình điều khiển PC-FAX.

6. Chọn menu Recipient Settings, sau đó chỉ định người nhận.

- Chỉ định trực tiếp một người nhận (tên, số fax, v.v):

Nhấp vào mục **Add**, nhập thông tin cần thiết, sau đó nhấp vào . Người nhận được thêm vào Recipient List hiển thị trong phần trên của cửa sổ.


Nếu bạn đã chọn “Enter fax number twice” trong cài đặt trình điều khiển PC-FAX, bạn cần nhập lại cùng số khi bạn nhấp vào .

Nếu đường dây kết nối fax của bạn yêu cầu một mã tiền tố, hãy nhập External Access Prefix.

Lưu ý:

Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết Thông tin có liên quan bên dưới.

- Chọn một người nhận (tên, số fax, v.v) từ danh bạ:

Nếu người nhận được lưu vào danh bạ, hãy nhấp vào . Chọn người nhận từ danh sách, sau đó nhấp vào **Add** > **OK**.

Nếu đường dây kết nối fax của bạn yêu cầu một mã tiền tố, hãy nhập External Access Prefix.

Lưu ý:

Nếu Loại dòng của máy in được đặt thành **PBX** và mã truy cập đã được đặt để sử dụng # (dấu thăng) thay vì nhập mã tiền tố chính xác, nhập # (dấu thăng). Để biết chi tiết, hãy xem Loại dòng trong Cài đặt cơ bản từ liên kết Thông tin có liên quan bên dưới.

7. Kiểm tra các cài đặt người nhận, sau đó nhấp vào **Fax**.

Quá trình gửi bắt đầu.

Đảm bảo tên và số fax của người nhận là chính xác trước khi truyền.

Lưu ý:

- Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in trong Dock, màn hình kiểm tra trạng thái truyền hiển thị. Để dừng gửi, nhấp vào dữ liệu, sau đó nhấp vào **Delete**.
- Nếu lỗi xảy ra trong khi truyền, thông báo **Sending failed** hiển thị. Kiểm tra bản ghi truyền trên màn hình **Fax Transmission Record**.
- Các tài liệu có khổ giấy kết hợp có thể không được gửi đúng cách.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216](#)

Nhận fax trên máy tính

Máy in có thể nhận và lưu fax ở định dạng PDF trên máy tính kết nối với máy in. Sử dụng FAX Utility (ứng dụng) để thực hiện cài đặt.

Để biết chi tiết cách vận hành FAX Utility, xem Basic Operations trong trợ giúp FAX Utility (hiển thị trên cửa sổ chính). Nếu màn hình nhập mật khẩu được hiển thị trên màn hình máy tính khi bạn đang thực hiện cài đặt, hãy nhập mật khẩu. Nếu bạn không biết mật khẩu, hãy liên hệ với người quản trị.

Lưu ý:


- Kiểm tra xem FAX Utility đã được cài đặt và cài đặt FAX Utility đã được thực hiện trước khi sử dụng tính năng này hay chưa.

[“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 208](#)

- Nếu Tiện ích FAX chưa được cài đặt, hãy cài đặt FAX Utility bằng EPSON Software Updater (ứng dụng dùng để cập nhật phần mềm).

[EPSON Software Updater FY19 “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở \(Epson Software Updater\)” ở trang 210](#)

! **Quan trọng:**

- Để nhận fax trên máy tính, **Chế độ nhận** trên bảng điều khiển của máy in phải được thiết lập là **Tự động**. Để thực hiện cài đặt trên bảng điều khiển máy in, chọn **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Chế độ nhận**.
- Máy tính được đặt để nhận fax nên luôn bật. Các tài liệu nhận được sẽ được lưu tạm vào bộ nhớ máy in trước khi chúng được lưu vào máy tính. Nếu bạn tắt máy tính, bộ nhớ của máy in có thể bị đầy bởi vì nó không thể gửi tài liệu tới máy tính.
- Khi fax đã nhận được lưu tạm thời vào bộ nhớ của máy in, đèn  sẽ bật.
- Để đọc các bản fax đã nhận, bạn cần phải cài đặt một trình xem PDF như Adobe Reader trong máy tính.

Thông tin liên quan

➔ [“Thực hiện cài đặt để gửi và nhận fax trên máy tính” ở trang 80](#)

Kiểm tra fax mới (Windows)

Bằng cách thiết lập một máy tính để lưu các bản fax mà máy in đã nhận, bạn có thể kiểm tra tình trạng xử lý của các bản fax đã nhận và có hay không có bất kỳ bản fax mới nào sử dụng biểu tượng fax trên thanh tác vụ Windows. Bằng cách thiết lập máy tính để hiển thị thông báo khi nhận được các bản fax mới, một màn hình thông báo xuất hiện gần khay hệ thống Windows và bạn có thể kiểm tra các bản fax mới.




Lưu ý:

- Dữ liệu fax đã nhận được lưu vào máy tính sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ máy in.
- Bạn cần Adobe Reader để xem các bản fax đã nhận bởi vì chúng được lưu dưới dạng tệp PDF.

Sử dụng biểu tượng fax trên thanh tác vụ (Windows)

Bạn có thể kiểm tra các bản fax mới và trạng thái hoạt động bằng cách sử dụng biểu tượng fax hiển thị trên thanh tác vụ Windows.

1. Kiểm tra biểu tượng.

-  : Đang chờ.
-  : Kiểm tra fax mới.
-  : Nhập fax mới đã xong.

2. Nhấp chuột phải vào biểu tượng, sau đó nhấp vào **View Receiving Fax Record**.

Màn hình **Receiving Fax Record** được hiển thị.

3. Kiểm tra ngày và người gửi trong danh sách, sau đó mở tệp đã nhận ở dạng PDF.

Lưu ý:

- Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.
YYYYMMDDHHMMSS_XXXXXXXXXX_NNNNN (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)
- Bạn cũng có thể mở thư mục fax đã nhận trực tiếp khi nhấp chuột phải vào biểu tượng. Để biết chi tiết, xem **Optional Settings** trong FAX Utility và trợ giúp của ứng dụng (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Trong khi biểu tượng fax chỉ ra rằng nó đang chờ, bạn có thể kiểm tra các bản fax mới ngay lập tức bằng cách chọn **Check new faxes now**.


Sử dụng cửa sổ thông báo (Windows)

Khi bạn đặt thông báo cho bạn về các bản fax mới, một cửa sổ thông báo hiển thị gần thanh tác vụ cho mỗi bản fax.

1. Kiểm tra màn hình thông báo hiển thị trên màn hình máy tính của bạn.

Lưu ý:

Màn hình thông báo biến mất nếu không có hoạt động nào được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định. Bạn có thể thay đổi cài đặt thông báo như thời gian hiển thị.

2. Nhấp vào bất kỳ vị trí trong màn hình thông báo, ngoại trừ nút .

Màn hình **Receiving Fax Record** được hiển thị.

3. Kiểm tra ngày và người gửi trong danh sách, sau đó mở tệp đã nhận ở dạng PDF.

Lưu ý:

- Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.
YYYYMMDDHHMMSS_XXXXXXXXXX_NNNNN (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)
- Bạn cũng có thể mở thư mục fax đã nhận trực tiếp khi nhấp chuột phải vào biểu tượng. Để biết chi tiết, xem **Optional Settings** trong FAX Utility và trợ giúp của ứng dụng (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Kiểm tra fax mới (Mac OS)

Bạn có thể kiểm tra fax mới bằng một trong các phương pháp sau. Phương pháp này chỉ khả dụng trên máy tính được đặt thành "Save" (save faxes on this computer).

- Mở thư mục fax đã nhận (được chỉ định trong **Received Fax Output Settings**.)
- Mở Fax Receive Monitor và nhấp vào **Check new faxes now**.
- Thông báo cho biết fax mới đã được nhận

Chọn **Notify me of new faxes via a dock icon** trong **Fax Receive Monitor > Preferences** trong FAX Utility, biểu tượng màn hình nhận fax trên Để cảm nhảy để thông báo cho bạn rằng các bản fax mới đã đến.

Mở thư mục fax đã nhận từ màn hình fax đã nhận (Mac OS)

Bạn có thể mở thư mục lưu trữ từ máy tính được chỉ định để nhận fax khi chọn "Save" (save faxes on this computer).

1. Nhấp vào biểu tượng màn hình fax đã nhận trên Dock để mở **Fax Receive Monitor**.
2. Chọn máy in và nhấp vào **Open folder** hoặc nhấp đúp vào tên máy in.
3. Kiểm tra ngày và người gửi trong tên tệp, sau đó mở tệp PDF.

Lưu ý:

Các fax đã nhận được tự động đổi tên bằng cách sử dụng định dạng đặt tên sau.

YYYYMMDDHHMMSS_XXXXXXXXXX_NNNNN (Năm/Tháng/Ngày/Giờ/Phút/Giây_số của người gửi)

Thông tin được gửi từ người gửi hiển thị như là số của người gửi. Số này có thể không hiển thị tùy thuộc vào người gửi.

Hủy tính năng lưu các bản fax đến vào máy tính

Bạn có thể hủy việc lưu các bản fax vào máy tính bằng cách sử dụng FAX Utility.

Để biết chi tiết, xem Basic Operations trong phần trợ giúp FAX Utility (được hiển thị trên cửa sổ chính).

Lưu ý:

- Nếu còn bất kỳ bản fax nào vẫn chưa được lưu vào máy tính, bạn không thể hủy tính năng lưu bản fax vào máy tính.
- Bạn cũng có thể thay đổi cài đặt trên máy in. Xem "Thông tin liên quan" bên dưới để thay đổi cài đặt.

Thông tin liên quan

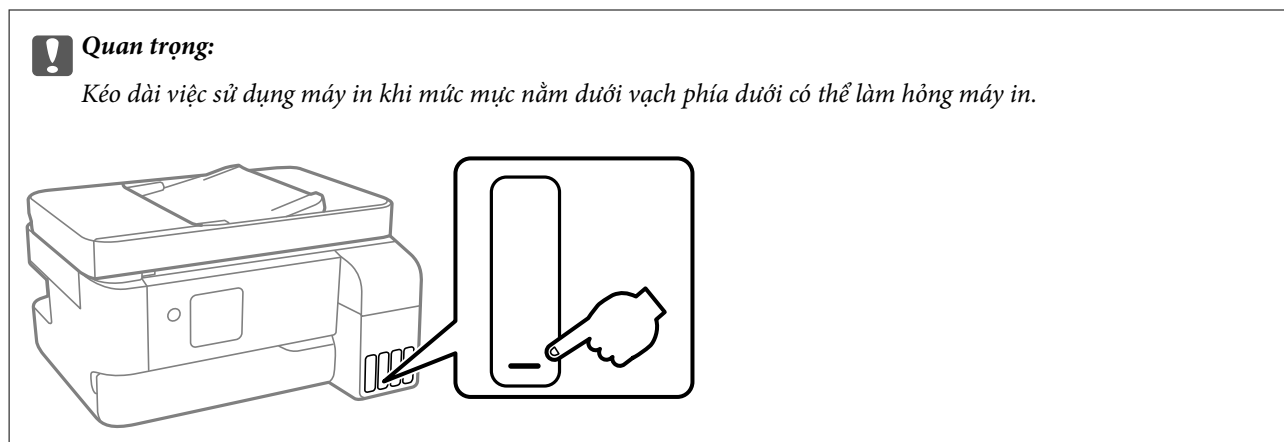
➔ "[Thực hiện cài đặt Lưu vào máy tính để không nhận fax](#)" ở trang 81

Bảo trì máy in

Kiểm tra mức mực.	104
Cài thiện chất lượng in, sao chụp, quét và fax.	104
Vệ sinh máy in.	111
Làm sạch mực bị tràn.	112

Kiểm tra mức mực

Để xác nhận lượng mực thực tế còn lại, hãy kiểm tra bằng mắt thường mức mực trong tất cả các hộp mực của máy in.



Lưu ý:

Bạn cũng có thể kiểm tra mức mực gần đúng từ màn hình trạng thái trên trình điều khiển máy in.

Windows

Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên tab **Bảo dưỡng**.

Nếu **EPSON Status Monitor 3** bị tắt, hãy nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

Mac OS

Menu Apple > **Tùy chọn hệ thống** > **Máy in & máy quét** (hoặc **In & quét**, **In & Fax**) > Epson(XXXX) > **Tùy chọn & vật tư** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in** > **EPSON Status Monitor**

Thông tin liên quan


➔ [“Nạp lại mực cho hộp mực” ở trang 186](#)

Cải thiện chất lượng in, sao chụp, quét và fax

Kiểm tra và vệ sinh đầu in





Nếu các kim phun bị tắc, bản in trở nên mờ nhạt, có dải băng rõ ràng hoặc xuất hiện màu không mong muốn. Nếu kim phun bị tắc nghiêm trọng, máy sẽ in ra trang giấy trống. Khi chất lượng in giảm đi, trước tiên hãy sử dụng tính năng kiểm tra kim phun để kiểm tra xem kim phun có bị tắc không. Nếu kim phun bị tắc, hãy làm sạch đầu in.

! **Quan trọng:**

- Không mở nắp đậy trong hoặc tắt máy in trong khi làm sạch đầu in. Nếu quá trình làm sạch đầu in không hoàn thành, bạn không thể in.
- Máy sẽ tiêu thụ mực khi làm sạch đầu in và không nên thực hiện việc này nhiều hơn cần thiết.
- Khi mực thấp, bạn không thể làm sạch đầu in.
- Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi lặp lại quá trình kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in 3 lần, hãy đợi ít nhất 12 giờ không in, sau đó chạy lại kiểm tra kim phun và lặp lại việc làm sạch đầu in nếu cần. Bạn nên tắt máy in bằng nút . Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy chạy Vệ Sinh Tăng Cường.
- Để tránh đầu in bị khô, không rút phích cắm điện của máy in khi nguồn vẫn đang bật.

Bạn có thể kiểm tra và làm sạch đầu in bằng bảng điều khiển của máy in.

1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.

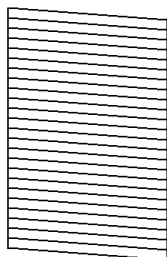
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút    , và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Kiểm tra kim phun**.

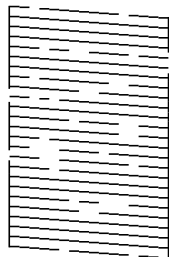
3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy và in mẫu kiểm tra kim phun.

4. Kiểm tra mẫu in để xem kim phun của đầu in có bị tắc không.

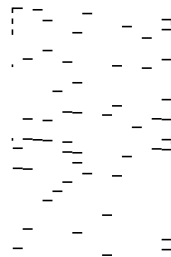
A) OK



B) NG



C) NG



- A:

Tất cả các đường thẳng đều được in ra. Chọn **Không**. Không cần thêm bước nào khác.

- B hoặc gần với B


Một số kim phun bị tắc. Chọn **Có**, sau đó thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để làm sạch đầu in. Khi quá trình làm sạch kết thúc, mẫu kiểm tra kim phun được in tự động.

- C hoặc gần với C

Nếu hầu hết các đường bị thiếu hoặc không được in, tình trạng này cho thấy hầu hết các kim phun đều bị tắc. Chọn **Không** để thoát tính năng kiểm tra kim phun, sau đó chạy Vệ Sinh Tăng Cường. Để biết chi tiết, xem "Thông tin liên quan" bên dưới.

5. Lặp lại quá trình làm sạch và in mẫu cho đến khi tất cả các dòng đều được in ra hoàn chỉnh.

! **Quan trọng:**

Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi lặp lại quá trình kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in 3 lần, hãy đợi ít nhất 12 giờ không in, sau đó chạy lại kiểm tra kim phun và lặp lại việc làm sạch đầu in nếu cần. Bạn nên tắt máy in bằng nút . Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy chạy Vệ Sinh Tăng Cường.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể kiểm tra và làm sạch đầu in từ trình điều khiển máy in.

Windows

Nhấp vào **Kiểm tra kim phun đầu in** trên tab **Bảo dưỡng**.

Mac OS

Menu Apple > **Tùy chọn hệ thống** > **Máy in & máy quét** (hoặc **In & quét, In & Fax**) > Epson(XXXX) > **Tùy chọn & vật tư** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in** > **Kiểm tra kim phun đầu in**

Thông tin liên quan

➔ [“Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 106](#)

Chạy Vệ Sinh Tăng Cường

Tiện ích **Vệ Sinh Tăng Cường** cho phép bạn thay toàn bộ mực bên trong ống mực. Trong những trường hợp sau, bạn có thể cần phải sử dụng tính năng này để cải thiện chất lượng in.

- Bạn đã in hoặc thực hiện vệ sinh đầu in khi mức mực quá thấp không nhìn thấy được trong các cửa sổ hộp mực.
- Bạn đã thực hiện kiểm tra kim phun và làm sạch đầu in 3 lần, sau đó đợi ít nhất 12 giờ không in, nhưng chất lượng in vẫn không cải thiện.

Trước khi chạy tính năng này, hãy đọc các hướng dẫn sau.

! **Quan trọng:**

Đảm bảo có đủ mực trong hộp mực.

Kiểm tra bằng mắt thường tất cả các hộp mực để đảm bảo mực đầy ít nhất một phần ba. Mức mực thấp trong khi Vệ Sinh Tăng Cường có thể làm hỏng sản phẩm.

! **Quan trọng:**

Khoảng thời gian 12 giờ là cần thiết giữa mỗi lần Vệ Sinh Tăng Cường.

Thông thường, một lần Vệ Sinh Tăng Cường sẽ khắc phục được vấn đề chất lượng in trong vòng 12 giờ. Do đó, để tránh sử dụng mực không cần thiết, bạn phải đợi 12 giờ trước khi thử lại.

! **Quan trọng:**

Cần phải thay hộp bảo trì.

Mực sẽ tích đọng vào trong hộp bảo trì. Nếu mực đầy, bạn phải chuẩn bị và lắp hộp bảo trì thay thế để tiếp tục in.

Lưu ý:

Khi mức mực hoặc không gian trống trong hộp bảo trì không đủ để Vệ Sinh Tăng Cường, bạn không thể chạy tính năng này. Ngay cả trong trường hợp này, các mức mực và không gian trống để in có thể vẫn còn.

1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Vệ Sinh Tăng Cường**.

3. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để chạy tính năng Vệ Sinh Tăng Cường.

Lưu ý:

Nếu bạn không thể chạy tính năng này, hãy giải quyết các vấn đề được hiển thị trên màn hình. Tiếp theo, làm theo quy trình này từ bước 1 để chạy lại tính năng này.

4. Sau khi chạy tính năng này, thực hiện kiểm tra kim phun để đảm bảo kim phun không bị tắc.

Để biết chi tiết cách chạy kiểm tra kim phun, xem liên kết thông tin liên quan bên dưới.



Quan trọng:

Nếu chất lượng in vẫn không cải thiện sau khi chạy Vệ Sinh Tăng Cường, hãy đợi ít nhất 12 giờ không in, sau đó in lại mẫu kiểm tra kim phun. Chạy lại Vệ sinh đầu in hoặc Vệ Sinh Tăng Cường tùy thuộc vào mẫu đã in. Nếu chất lượng vẫn không cải thiện, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể chạy chức năng làm sạch mạnh từ trình điều khiển máy in. Xem liên kết thông tin có liên quan bên dưới để biết chi tiết.

Ngăn ngừa tắc kim phun

Luôn sử dụng nút nguồn khi bật và tắt máy in.

Kiểm tra đèn nguồn đã tắt trước khi ngắt kết nối dây điện.

Mực có thể tự khô nếu không có nắp đậy. Cũng như việc lắp nắp bút máy hoặc bút đầu để ngăn không cho bút bị khô, hãy đảm bảo rằng đầu in được đậy nắp đúng cách để ngăn ngừa tình trạng mực bị khô.

Khi rút phích cắm dây điện hoặc xảy ra tình trạng mất điện khi máy in đang hoạt động, đầu in có thể không được đậy nắp đúng cách. Nếu vẫn để đầu in như vậy, đầu in sẽ bị khô khiến cho kim phun (cửa ra của mực) bị tắc.

Trong trường hợp này, bật máy in và tắt lại ngay khi có thể để đậy nắp đầu in.

Căn chỉnh Đầu In

Nếu bạn thấy các đường dọc bị lệch nhau hoặc ảnh bị mờ, hãy căn chỉnh đầu in.

1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Chỉnh đầu in**.

3. Chọn một trong các menu căn chỉnh.

Các đường dọc bị lệch hoặc bản in bị mờ: chọn **Căn chỉnh chiều dọc**.

- Xuất hiện các dải ngang với tần suất thường xuyên: chọn **Căn chỉnh chiều ngang**.

4. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn

Khi bản in ra có vết bẩn hoặc bị mòn, hãy vệ sinh các trục lăn bên trong.



Quan trọng:

Không sử dụng giấy ăn để vệ sinh bên trong máy in. Xơ giấy có thể làm tắc các kim phun của đầu in.

1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Lau sạch dẫn hướng giấy**.

3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy và làm sạch đường dẫn giấy.

4. Lặp lại quy trình này cho đến khi giấy không còn vết mực bẩn nữa.

Vệ sinh Kính Máy Scan

Khi các bản sao hoặc ảnh quét có vết bẩn, hãy vệ sinh kính máy scan.



Chú ý:

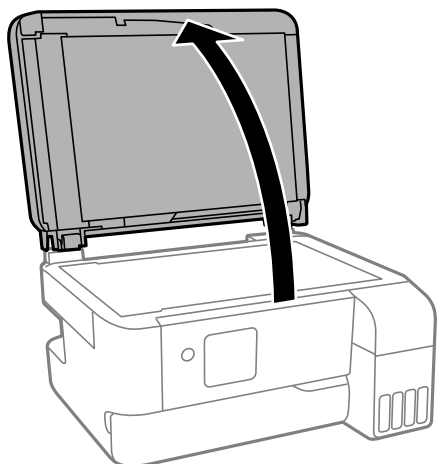
Cẩn thận không để kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng nắp tài liệu. Nếu không, bạn có thể bị thương.



Quan trọng:

Không sử dụng cồn hoặc dung môi để làm sạch máy in. Các hóa chất này có thể làm hỏng máy in.

1. Mở nắp tài liệu.



- Sử dụng vải mềm, khô và sạch để làm sạch bề mặt kính máy scan.

! **Quan trọng:**

- ❑ Nếu mặt kính bị bẩn bởi mỡ hoặc một loại vật liệu khó xóa bỏ nào khác, hãy sử dụng một lượng nhỏ chất làm sạch kính và vải mềm để loại bỏ. Lau sạch phần chất lỏng còn lại.
- ❑ Không ấn lên mặt kính quá mạnh.
- ❑ Cần thận không làm xước hoặc làm hỏng mặt kính. Mặt kính bị hỏng có thể làm giảm chất lượng quét.

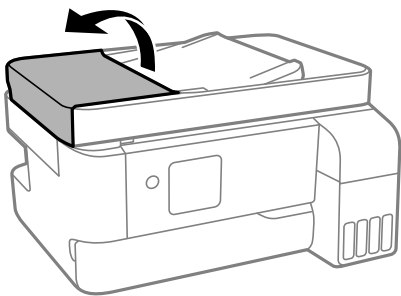
Làm sạch ADF

Khi các hình ảnh sao chép hoặc quét từ ADF có vết bẩn hoặc bản gốc không được nạp vào ADF chính xác, hãy làm sạch ADF.

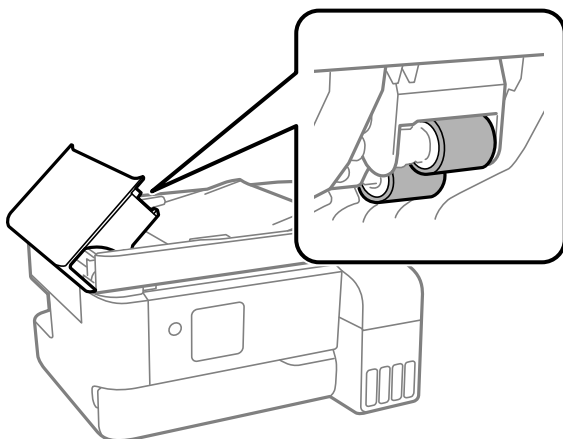
! **Quan trọng:**

Không sử dụng cồn hoặc dung môi để làm sạch máy in. Các hóa chất này có thể làm hỏng máy in.

- Mở nắp ADF.



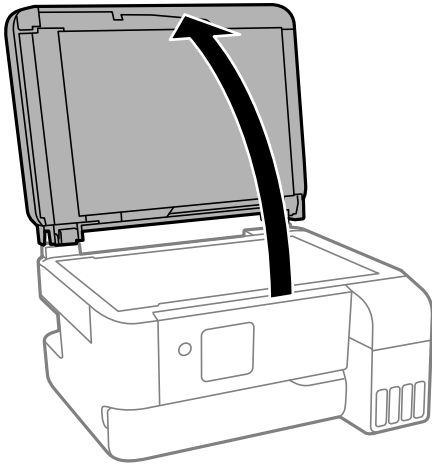
- Sử dụng vải mềm, ẩm để làm sạch trực lăn và phần bên trong của ADF.



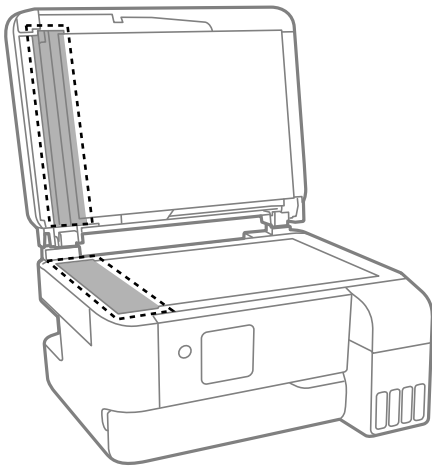
! **Quan trọng:**

Dùng vải khô có thể làm hỏng bề mặt của trục lăn. Sử dụng ADF sau khi trục lăn đã khô.

3. Đóng nắp ADF, và sau đó mở nắp tài liệu.




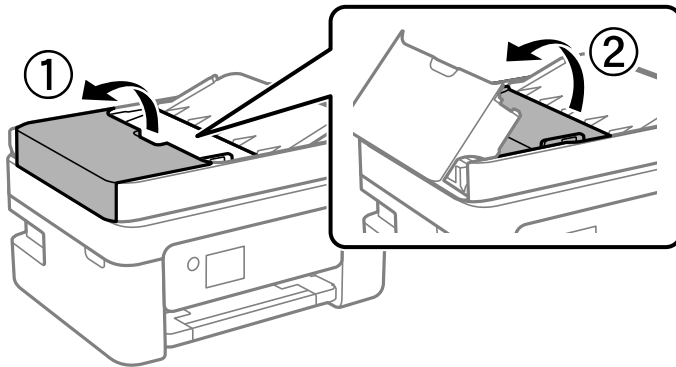
4. Làm sạch bộ phận được hiển thị trong hình minh họa.



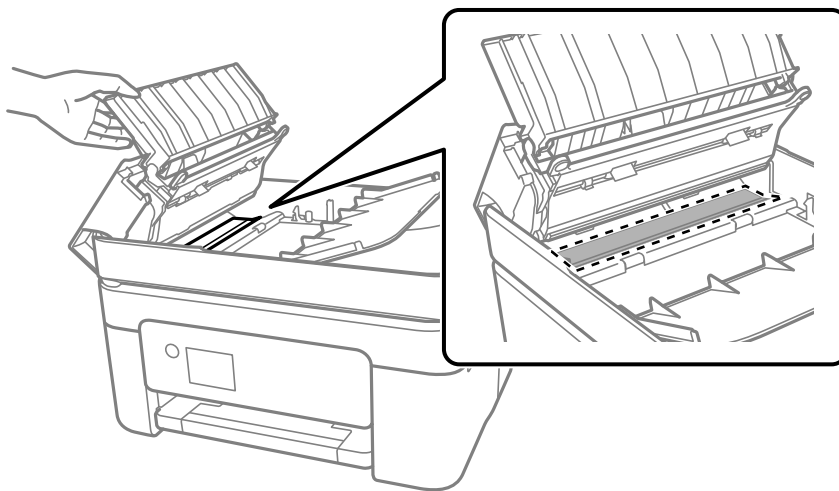
! **Quan trọng:**

- Nếu mặt kính bị bẩn bởi mỡ hoặc một loại vật liệu khó xóa bỏ khác, hãy sử dụng một lượng nhỏ chất làm sạch kính và vải mềm để loại bỏ. Lau sạch phần chất lỏng còn lại.
- Không ấn lên mặt kính quá mạnh.
- Cần thận không làm xước hoặc làm hỏng mặt kính. Mặt kính bị hỏng có thể làm giảm chất lượng quét.

5. Nếu không thể xóa vấn đề, tắt máy in bằng cách nhấn nút , mở nắp ADF và nâng khay đầu vào ADF lên.

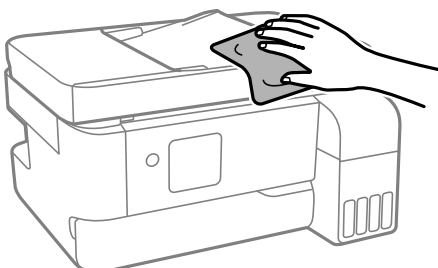


6. Làm sạch bộ phận được hiển thị trong hình minh họa.



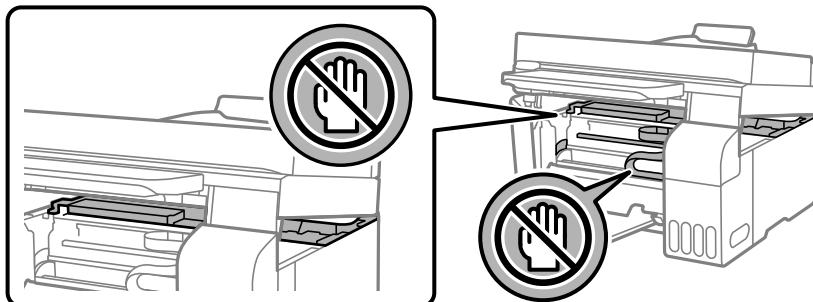
Vệ sinh máy in

Nếu các thành phần và vỏ dính bụi bẩn, hãy tắt máy in và làm sạch bằng vải mềm và sạch đã làm ẩm bằng nước. Nếu không thể loại bỏ vết bẩn, hãy thử thêm một lượng nhỏ chất tẩy rửa nhẹ vào khăn ẩm.



! **Quan trọng:**

- ❑ *Cẩn thận không để nước vào cơ cấu máy in hoặc bất kỳ thành phần điện nào. Nếu không, máy in có thể bị hỏng.*
- ❑ *Không sử dụng cồn hoặc dung môi pha loãng sơn để làm sạch các thành phần và vỏ. Những hóa chất này có thể làm hỏng chúng.*
- ❑ *Không chạm vào các bộ phận hiển thị trong hình minh họa. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.*



Làm sạch mực bị tràn

Nếu mực bị tràn, hãy làm sạch theo những cách sau.

- ❑ Nếu mực dính vào khu vực xung quanh hộp, hãy lau bằng một khăn sạch, không có sợi vải hoặc tấm bông.
- ❑ Nếu mực tràn ra bàn hoặc sàn nhà, hãy lau sạch ngay. Khi mực khô, rất khó tẩy vết bẩn. Để ngăn vết bẩn lan rộng, hãy thấm mực bằng khăn khô, sau đó lau sạch bằng khăn ẩm.
- ❑ Nếu mực dính vào tay bạn, hãy rửa tay bằng nước và xà phòng.

Trong các trường hợp này

Khi thay máy tính.	114
Tiết kiệm điện.	114
Kiểm tra tổng số trang đã nạp qua máy in.	114
Tắt Kết nối Wi-Fi của bạn.	115
Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ.	115
Cài đặt lại kết nối mạng.	118
Kết nối trực tiếp thiết bị thông minh và máy in (Wi-Fi Direct).	128
Thêm hoặc thay đổi kết nối của máy in.	132
Vận chuyển và bảo quản máy in.	136

Khi thay máy tính

Bạn cần cài đặt trình điều khiển máy in và phần mềm khác trên máy tính mới.

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

<https://epson.sn>

Tiết kiệm điện

Máy in vào chế độ ngủ hoặc tắt tự động nếu không có thao tác nào được thực hiện trong một khoảng thời gian đã cài. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

1. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Thiết lập máy in**.

3. Thực hiện một trong các tùy chọn sau.

Chọn **Hẹn giờ chờ** hoặc **Cài đặt tắt nguồn** > **Tắt nguồn nếu không hoạt động** hoặc **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**.

Chọn **Hẹn giờ chờ** hoặc **Hẹn giờ tắt nguồn**.

Lưu ý:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Cài đặt tắt nguồn** hoặc **Hẹn giờ tắt nguồn** tùy vào địa điểm mua hàng.

4. Chọn cài đặt.

Kiểm tra tổng số trang đã nạp qua máy in

Bạn có thể kiểm tra tổng số giấy đã nạp qua máy in. Thông tin này được in cùng với mẫu kiểm tra kim phun.

1. Chọn **Bảo trì** trên bảng điều khiển máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Kiểm tra kim phun**.

3. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để nạp giấy và in mẫu kiểm tra kim phun.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể kiểm tra tổng số giấy đã nạp tại trình điều khiển máy in.

Windows

Nhấp vào **Máy in và thông tin tùy chọn** trên tab **Bảo dưỡng**.

Mac OS

Menu *Apple* > **Tùy chọn hệ thống** > **Máy in & máy quét** (hoặc **In & quét, In & Fax**) > *Epson*(XXXX) > **Tùy chọn & vật tư** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in** > **Printer and Option Information**

Tắt Kết nối Wi-Fi của bạn

Nếu bạn thường dùng Wi-Fi (mạng LAN không dây), nhưng giờ không cần dùng nữa do thay đổi chế độ kết nối, v.v..., bạn có thể tắt kết nối Wi-Fi của mình.

Bằng cách loại bỏ các tín hiệu Wi-Fi không cần thiết, bạn cũng có thể giảm tải cho nguồn điện dự phòng của mình.

1. Chọn **Cài đặt Wi-Fi** trên màn hình chính của máy in.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

3. Nhấn nút OK.

4. Chọn **Chức năng khác** > **Tắt Wi-Fi**.

Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ

Kết nối máy tính với mạng và cài đặt phiên bản các ứng dụng mới nhất từ trang web. Đăng nhập vào máy tính với vai trò là quản trị viên. Nhập mật khẩu quản trị viên nếu máy tính hỏi bạn.

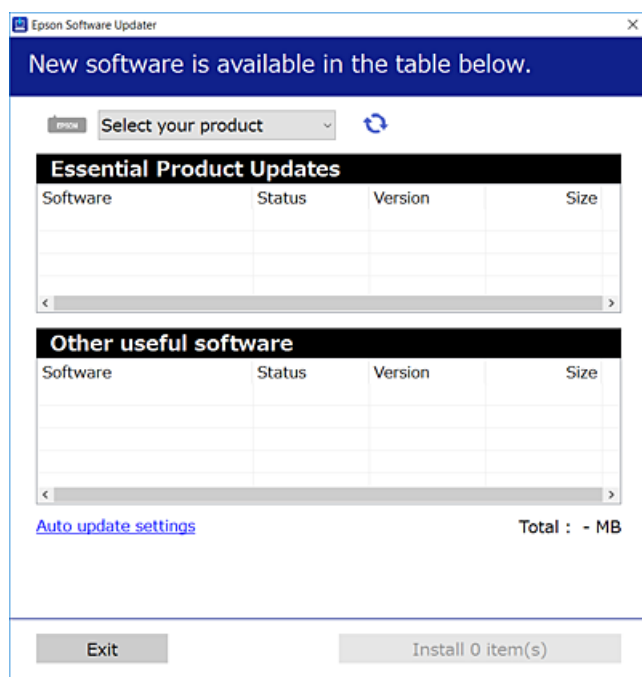
Lưu ý:


Khi cài đặt lại một ứng dụng, trước tiên bạn cần gỡ cài đặt ứng dụng.

1. Đảm bảo rằng máy in và máy tính có thể kết nối, và máy in được kết nối với Internet.


2. Khởi động Epson Software Updater.

Ảnh chụp màn hình là ví dụ về Windows.



3. Đối với Windows, chọn máy in của bạn, sau đó nhấp vào  để kiểm tra các ứng dụng có sẵn mới nhất.

4. Chọn ứng dụng bạn muốn cài đặt hoặc cập nhật, sau đó nhấp vào nút cài đặt.

 **Quan trọng:**

Không tắt hoặc rút phích cắm của máy in khi cập nhật vẫn chưa hoàn thành. Làm như vậy có thể dẫn đến sự cố cho máy in.

Lưu ý:

- Bạn có thể tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

<http://www.epson.com>

- Nếu sử dụng hệ điều hành Windows Server, bạn không thể sử dụng Epson Software Updater. Tải xuống thông tin mới nhất từ trang web của Epson.

Thông tin liên quan

➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 210

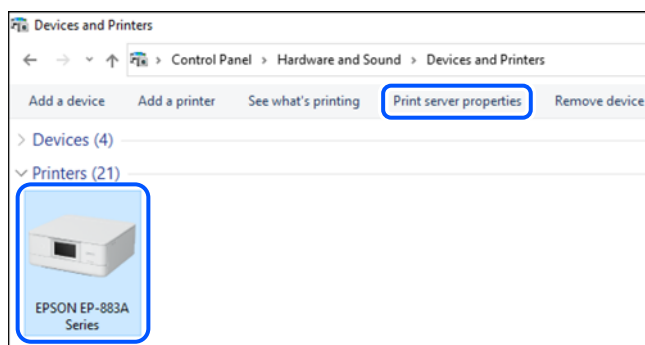
Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows

Bạn có thể kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn chưa bằng cách sử dụng một trong các phương pháp sau.

Chọn **Panel điều khiển > Xem thiết bị và máy in (Máy in, Máy in và fax)** và sau đó thực hiện thao tác sau để mở cửa sổ thuộc tính máy chủ in.

- ❑ Windows 11/Windows 10/Windows 8.1/Windows 8/Windows 7/Windows Server 2022/Windows Server 2019/Windows Server 2016/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào biểu tượng máy in và sau đó nhấp vào **Thuộc tính máy chủ in** ở đầu cửa sổ.



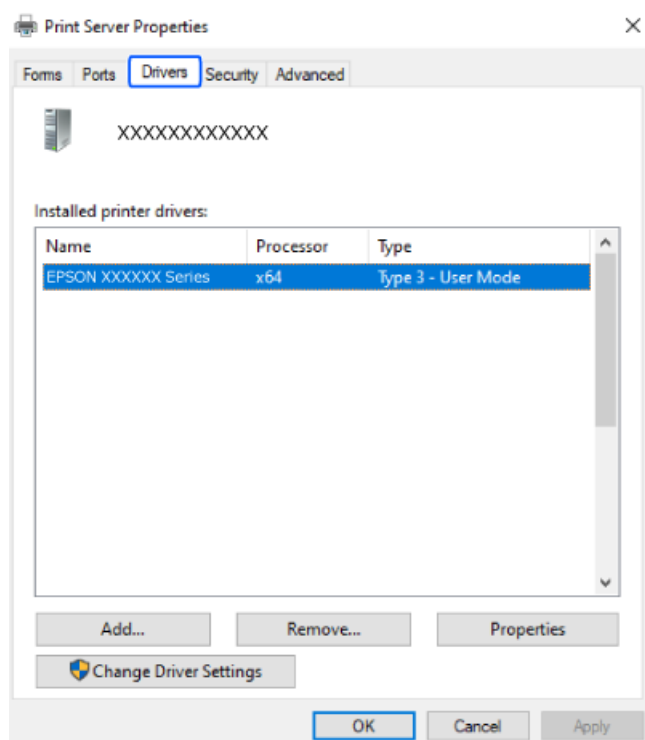
- ❑ Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp chuột phải vào thư mục **Máy in** và sau đó nhấp vào **Chạy với tư cách quản trị viên** > **Thuộc tính máy chủ**.

- ❑ Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Từ menu **Tệp**, chọn **Thuộc tính máy chủ**.

Nhấp vào tab **Trình điều khiển**. Nếu tên máy in của bạn hiển thị trong danh sách, trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.



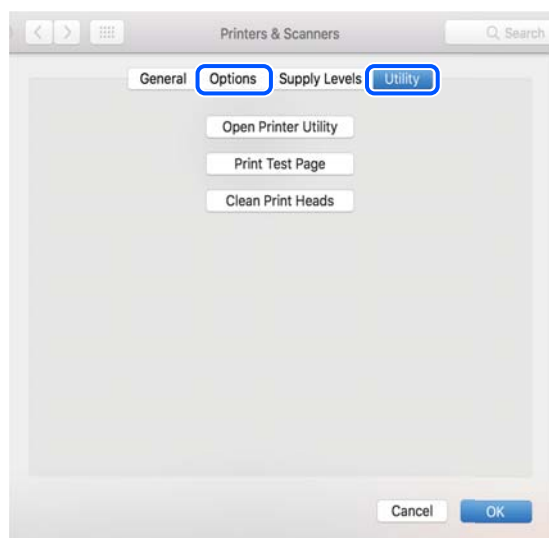
Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 115

Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Mac OS

Bạn có thể kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn chưa bằng cách sử dụng một trong các phương pháp sau.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn và Cung ứng** và nếu tab **Tùy chọn** và tab **Tiện ích** hiển thị trên cửa sổ, nghĩa là trình điều khiển máy in Epson chính hãng đã được cài đặt trên máy tính của bạn.



Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 115

Cài đặt lại kết nối mạng

Mạng máy in cần được định cấu hình trong các trường hợp sau.

- Khi sử dụng máy in có kết nối mạng
- Khi môi trường mạng của bạn đã thay đổi
- Khi thay thế bộ định tuyến không dây
- Thay đổi phương thức kết nối với máy tính


Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính

Bạn có thể chạy trình cài đặt bằng một trong các phương thức sau.

Thiết lập từ trang web

Truy cập trang web sau và sau đó nhập tên sản phẩm. Chuyển tới **Thiết lập**, sau đó bắt đầu thiết lập.

<https://epson.sn>

 Bạn cũng có thể xem quy trình này trong Sổ h.dẫn xem phim qua mạng. Truy cập trang web sau.

<https://support.epson.net/publist/vlink.php?code=NPD6870>

Thiết lập bằng đĩa phần mềm


Nếu máy in có kèm theo đĩa phần mềm và bạn đang sử dụng máy tính Windows có ổ đĩa, hãy lắp đĩa vào máy tính rồi thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thực hiện cài đặt để kết nối với thiết bị thông minh

Bạn có thể sử dụng máy in qua bộ định tuyến không dây từ thiết bị thông minh khi kết nối máy in với cùng mạng như bộ định tuyến không dây.

Để thiết lập kết nối mới, hãy truy cập trang web sau đây từ thiết bị thông minh mà bạn muốn kết nối với máy in. Nhập tên sản phẩm, vào Thiết lập rồi bắt đầu thiết lập.

<https://epson.sn>

 Bạn có thể xem quy trình này trong Sổ h.dẫn xem phim qua mạng. Truy cập trang web sau.

<https://support.epson.net/publist/vlink.php?code=VC00006>

Lưu ý:

Nếu đã cài đặt kết nối giữa thiết bị thông minh và máy in nhưng cần cài đặt lại, bạn có thể thực hiện thao tác này từ ứng dụng như Epson Smart Panel.

Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển

Nếu không sử dụng máy tính hoặc thiết bị thông minh để thiết lập kết nối máy in, bạn có thể thực hiện thao tác này trên bảng điều khiển.

Bạn có thể thực hiện cài đặt mạng từ bảng điều khiển của máy in theo nhiều cách. Chọn phương thức kết nối phù hợp với môi trường và điều kiện mà bạn đang sử dụng.

Nếu biết SSID và mật khẩu cho bộ định tuyến không dây của mình, bạn có thể tự tay thiết lập nó.

Thông tin liên quan

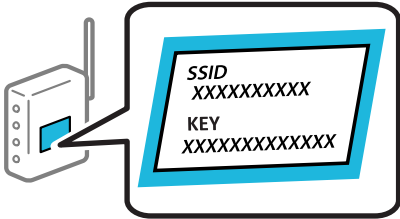
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu” ở trang 119
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS)” ở trang 120
- ➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)” ở trang 121

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu

Bạn có thể thiết lập mạng Wi-Fi bằng cách nhập thông tin cần thiết để kết nối với bộ định tuyến không dây từ bảng điều khiển của máy in. Để thiết lập bằng phương pháp này, bạn cần SSID và mật khẩu cho bộ định tuyến không dây.

Lưu ý:

Nếu bạn đang sử dụng bộ định tuyến không dây có cài đặt mặc định, SSID và mật khẩu có ở trên nhãn. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy liên hệ người phụ trách thiết lập bộ định tuyến không dây, hoặc tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.



1. Chọn **Cài đặt Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

3. Nhấn nút OK để tiếp tục.

4. Chọn **Trình hướng dẫn thiết lập Wi-Fi**.

5. Chọn SSID cho bộ định tuyến không dây từ bảng điều khiển của máy in và sau đó nhấn nút OK.

Lưu ý:

- Nếu SSID mà bạn muốn kết nối không được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in, hãy nhấn nút ↺ để cập nhật danh sách. Nếu SSID này vẫn không hiển thị, hãy chọn **Các SSID khác** và sau đó nhập SSID trực tiếp.
- Nếu bạn không biết SSID, hãy kiểm tra xem nó có được ghi trên nhãn của bộ định tuyến không dây hay không. Nếu bạn đang dùng bộ định tuyến không dây với cài đặt mặc định, hãy dùng SSID được ghi trên nhãn.

6. Nhập mật khẩu.

Chọn bạn có in báo cáo kết nối mạng sau khi hoàn tất cài đặt không.

Lưu ý:

- Mật khẩu phân biệt chữ hoa chữ thường.
- Nếu bạn không biết tên mạng (SSID), hãy kiểm tra xem thông tin có được ghi trên nhãn của bộ định tuyến không dây hay không. Nếu bạn đang dùng bộ định tuyến không dây với cài đặt mặc định, hãy dùng SSID in trên nhãn. Nếu bạn không tìm thấy bất kỳ thông tin nào, hãy xem tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.

7. Khi bạn đã thiết lập xong, hãy nhấn nút OK.

Lưu ý:

Nếu bạn không kết nối được, hãy nạp giấy và sau đó nhấn nút ⏴ để in báo cáo kết nối mạng.

Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm tra trạng thái kết nối mạng \(báo cáo kết nối mạng\) của máy in” ở trang 122](#)

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập nút ấn (WPS)

Bạn có thể tự động thiết lập mạng Wi-Fi bằng cách nhấn nút trên bộ định tuyến không dây. Nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây, bạn có thể thiết lập bằng cách sử dụng phương thức này.

- Bộ định tuyến không dây tương thích với WPS (Thiết lập bảo mật Wi-Fi).
- Kết nối Wi-Fi hiện tại đã được thiết lập bằng cách nhấn nút trên bộ định tuyến không dây.

1. Chọn **Cài đặt Wi-Fi** trên màn hình chính.

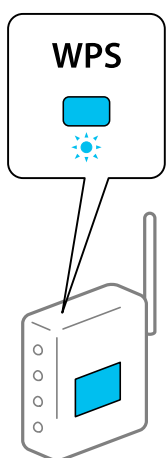
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

3. Nhấn nút OK để tiếp tục.

4. Chọn **Thiết lập nút nhấn (WPS)**.

5. Nhấn giữ nút [WPS] trên bộ định tuyến không dây cho đến khi đèn bảo mật nhấp nháy.



Nếu bạn không biết vị trí của nút [WPS] hoặc không có nút nào trên bộ định tuyến không dây, hãy xem tài liệu đi kèm bộ định tuyến không dây để biết thông tin chi tiết.

6. Nhấn nút OK trên bảng điều khiển của máy in. Làm theo hướng dẫn trên màn hình sau đây.

Lưu ý:

Nếu kết nối không thành công, hãy khởi động lại bộ định tuyến không dây, di chuyển thiết bị này gần hơn với máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối mạng và kiểm tra giải pháp.

Thông tin liên quan

➔ “Kiểm tra trạng thái kết nối mạng (báo cáo kết nối mạng) của máy in” ở trang 122

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng thiết lập mã PIN (WPS)

Bạn có thể tự động kết nối với bộ định tuyến không dây bằng mã PIN. Bạn có thể sử dụng phương pháp này để thiết lập xem bộ định tuyến không dây có khả năng WPS (Thiết lập Wi-Fi bảo vệ) không. Sử dụng máy tính để nhập mã PIN vào bộ định tuyến không dây.

1. Chọn **Cài đặt Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi (Khuyến dùng)**.

3. Nhấn nút OK để tiếp tục.
4. Chọn **Chức năng khác**.
5. Chọn **Mã PIN (WPS)**.
6. Sử dụng máy tính của bạn để nhập mã PIN (số có tám chữ số) được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in vào bộ định tuyến không dây trong vòng hai phút.

Lưu ý:

Xem tài liệu đi cùng bộ định tuyến không dây để biết thông tin chi tiết về cách nhập mã PIN.

7. Nhấn nút OK trên máy in.

Thiết lập hoàn tất khi thông báo hoàn tất thiết lập hiển thị.

Lưu ý:

Nếu kết nối không thành công, hãy khởi động lại bộ định tuyến không dây, di chuyển thiết bị này gần hơn với máy in và thử lại. Nếu cách này vẫn không hiệu quả, hãy in báo cáo kết nối và kiểm tra giải pháp.

Thông tin liên quan

➔ [“Kiểm tra trạng thái kết nối mạng \(báo cáo kết nối mạng\) của máy in” ở trang 122](#)

Kiểm tra trạng thái kết nối mạng (báo cáo kết nối mạng) của máy in

Bạn có thể in báo cáo kết nối mạng để kiểm tra trạng thái giữa máy in và bộ định tuyến không dây.

1. Nạp giấy.
2. Chọn **Cài đặt** trên màn hình chính.
Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.
3. Chọn **Cài đặt mạng > Kiểm tra kết nối**.
Bắt đầu kiểm tra kết nối.
4. Làm theo hướng dẫn trên màn hình của máy in để in báo cáo kết nối mạng.
Nếu đã xảy ra lỗi, hãy kiểm tra báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp đã in.

Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng

Kiểm tra thông báo và mã lỗi trên báo cáo kết nối mạng và sau đó làm theo giải pháp.

Check Network Connection

Check Result FAIL

Error code (E-2)

See the Network Status and check if the Network Name (SSID) is the SSID you want to connect.
If the SSID is correct, make sure to enter the correct password and try again.

If your problems persist,
see your documentation for help and networking tips.

Checked Items

Wireless Network Name (SSID) Check	FAIL
Communication Mode Check	Unchecked
Security Mode Check	Unchecked
MAC Address Filtering Check	Unchecked
Security Key/Password Check	Unchecked
IP Address Check	Unchecked
Detailed IP Setup Check	Unchecked

Network Status

Printer Name	EPSON XXXXXX
Printer Model	XX-XXX Series
IP Address	169.254.137.8
Subnet Mask	255.255.0.0
Default Gateway	
Network Name (SSID)	EpsonNet
Security	None
Signal Strength	Poor
MAC Address	F8:D0:27:40:C0:AC

a. Mã lỗi

b. Thông báo về Môi trường mạng

Thông tin liên quan

- ➔ “E-1” ở trang 124
- ➔ “E-2, E-3, E-7” ở trang 124
- ➔ “E-5” ở trang 125
- ➔ “E-6” ở trang 125
- ➔ “E-8” ở trang 125
- ➔ “E-9” ở trang 126
- ➔ “E-10” ở trang 126
- ➔ “E-11” ở trang 126
- ➔ “E-12” ở trang 127
- ➔ “E-13” ở trang 127
- ➔ “Thông báo về Môi trường mạng” ở trang 128

E-1

Giải pháp:

- Đảm bảo cáp Ethernet được kết nối chắc chắn với máy in, hub hoặc thiết bị mạng khác.
- Đảm bảo hub hoặc thiết bị mạng khác được bật.
- Nếu bạn muốn kết nối máy in qua Wi-Fi, hãy thực hiện lại cài đặt Wi-Fi cho máy in vì cài đặt này đã bị tắt.

Thông tin liên quan

➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển” ở trang 119

E-2, E-3, E-7

Giải pháp:

- Đảm bảo bạn đã bật bộ định tuyến không dây.
- Chắc chắn rằng máy tính hoặc thiết bị của bạn đã được kết nối đúng cách với bộ định tuyến không dây.
- Tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.
- Đặt máy in gần hơn với bộ định tuyến không dây và loại bỏ mọi chướng ngại vật ở giữa.
- Nếu bạn đã nhập SSID theo cách thủ công, hãy kiểm tra xem có chính xác không. Kiểm tra SSID từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- Nếu bộ định tuyến không dây có nhiều SSID, hãy chọn SSID đang hiển thị. Khi SSID đang sử dụng tần số không tương thích, máy in sẽ không hiển thị nó.
- Nếu bạn đang sử dụng chức năng cài đặt nút nhấn để thiết lập kết nối mạng, hãy đảm bảo bộ định tuyến không dây có hỗ trợ WPS. Bạn không thể sử dụng chức năng cài đặt nút nhấn nếu bộ định tuyến không dây không hỗ trợ WPS.
- Đảm bảo SSID chỉ sử dụng các ký tự ASCII (ký tự chữ và số và ký hiệu). Máy in không thể hiển thị SSID chứa các ký tự không phải là ASCII.
- Đảm bảo bạn biết SSID và mật khẩu trước khi kết nối với bộ định tuyến không dây. Nếu bạn đang sử dụng bộ định tuyến không dây có cài đặt mặc định, vui lòng xem nhãn dán trên bộ định tuyến không dây để biết SSID và mật khẩu. Nếu bạn không biết SSID và mật khẩu, hãy liên hệ người phụ trách thiết lập bộ định tuyến không dây, hoặc tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.
- Khi bạn muốn kết nối với SSID được tạo từ thiết bị thông minh chia sẻ kết nối, hãy kiểm tra SSID và mật khẩu trong tài liệu được cung cấp với thiết bị thông minh.
- Nếu kết nối Wi-Fi của bạn đột ngột ngắt kết nối, hãy kiểm tra các tình trạng dưới đây. Nếu bất kỳ tình trạng nào sau đây thích hợp, hãy đặt lại cài đặt mạng của bạn bằng cách tải xuống và chạy phần mềm từ trang web sau.
<https://epson.sn> > **Thiết lập**
 - Thiết bị thông minh khác đã được thêm vào mạng bằng thiết lập nút ấn.
 - Mạng Wi-Fi được thiết lập bằng bất kỳ phương thức nào ngoài thiết lập nút ấn.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt lại kết nối mạng” ở trang 118

➔ “Thực hiện cài đặt Wi-Fi tại bảng điều khiển” ở trang 119

E-5

Giải pháp:

Đảm bảo loại bảo mật của bộ định tuyến không dây được đặt thành một trong các loại sau. Nếu không phải, hãy thay đổi loại bảo mật trên bộ định tuyến không dây rồi đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

- WEP-64 bit (40 bit)
- WEP-128 bit (104 bit)
- WPA PSK (TKIP/AES)*
- WPA2 PSK (TKIP/AES)*
- WPA (TKIP/AES)
- WPA2 (TKIP/AES)
- WPA3-SAE (AES)

* WPA PSK còn được gọi là WPA Cá nhân. WPA2 PSK còn được gọi là WPA2 Cá nhân.

E-6

Giải pháp:

- Kiểm tra xem chức năng lọc địa chỉ MAC có bị tắt hay không. Nếu đã bật, hãy đăng ký địa chỉ MAC của máy in để nó không bị lọc. Tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây để biết thêm chi tiết. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ MAC từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.
- Nếu bộ định tuyến không dây của bạn đang sử dụng cách xác thực chia sẻ với bảo mật WEP, đảm bảo khoá và chỉ mục xác thực là chính xác.
- Nếu số lượng thiết bị có thể kết nối trên bộ định tuyến không dây ít hơn số lượng thiết bị mạng mà bạn muốn kết nối, hãy thực hiện cài đặt trên bộ định tuyến không dây để tăng số lượng thiết bị có thể kết nối. Tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây để thực hiện cài đặt.

Thông tin liên quan

➔ [“Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính” ở trang 118](#)

E-8

Giải pháp:

- Bật DHCP trên bộ định tuyến không dây nếu cài đặt Lấy địa chỉ IP của máy in được đặt là Tự động.
- Nếu cài đặt Lấy địa chỉ IP được đặt thành Thủ công, địa chỉ IP bạn đặt thủ công không hợp lệ do nằm ngoài phạm vi (ví dụ: 0.0.0.0). Đặt địa chỉ IP hợp lệ tại bảng điều khiển của máy in.

Thông tin liên quan

➔ [“Cài địa chỉ IP tĩnh cho máy in” ở trang 134](#)

E-9

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- Thiết bị được bật.
- Bạn có thể truy cập Internet và máy tính hoặc thiết bị mạng khác trên cùng mạng từ các thiết bị mà bạn muốn kết nối với máy in.

Nếu vẫn chưa kết nối được máy in và các thiết bị mạng của bạn sau khi xác nhận thông tin ở trên, hãy tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên. Sau đó, đặt lại cài đặt mạng của bạn bằng cách tải xuống và chạy trình cài đặt từ trang web sau.

<https://epson.sn> > **Thiết lập**

Thông tin liên quan

➔ “Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính” ở trang 118

E-10

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- Các thiết bị khác trên mạng được bật.
- Địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và cổng kết nối mặc định) chính xác nếu bạn đã đặt Lấy địa chỉ IP của máy in thành Thủ công.

Đặt lại địa chỉ mạng nếu các địa chỉ này không chính xác. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và cổng mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Nếu DHCP đang bật, hãy thay đổi cài đặt Lấy địa chỉ IP của máy in thành Tự động. Nếu bạn muốn đặt địa chỉ IP theo cách thủ công, hãy kiểm tra địa chỉ IP của máy in tại mục **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng, sau đó chọn Thủ công trên màn hình cài đặt mạng. Đặt mặt nạ mạng con thành [255.255.255.0].

Nếu vẫn không kết nối được với máy in và các thiết bị mạng, hãy tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.

Thông tin liên quan

➔ “Cài địa chỉ IP tĩnh cho máy in” ở trang 134

E-11

Giải pháp:

Kiểm tra các mục sau.

- Địa chỉ cổng vào mặc định phải chính xác nếu bạn cài Thiết lập TCP/IP sang Thủ công.
- Thiết bị được cài làm cổng vào mặc định đã được bật hay chưa.

Đã cài đúng địa chỉ cổng vào mặc định hay chưa. Bạn có thể kiểm tra địa chỉ cổng vào mặc định từ phần **Network Status** trên báo cáo kết nối mạng.

Thông tin liên quan

➔ “Cài địa chỉ IP tĩnh cho máy in” ở trang 134

E-12

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- Các thiết bị khác trên mạng được bật.
- Các địa chỉ mạng (địa chỉ IP, mặt nạ mạng con và cổng mặc định) chính xác nếu bạn nhập các địa chỉ này thủ công.
- Địa chỉ mạng của các thiết bị khác (mặt nạ mạng con và cổng mặc định) giống nhau.
- Địa chỉ IP không xung đột với các thiết bị khác.

Nếu vẫn không kết nối máy in và thiết bị mạng sau khi xác nhận thông tin ở trên, hãy thử cách sau.

- Tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.
- Thực hiện lại cài đặt mạng bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy ứng dụng này từ trang web sau.
<https://epson.sn> > **Thiết lập**
- Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên một bộ định tuyến không dây sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu nhiều mật khẩu được đăng ký, hãy kiểm tra xem mật khẩu được đăng ký đầu tiên được đặt trên máy in chưa.

Thông tin liên quan

➔ “Cài địa chỉ IP tĩnh cho máy in” ở trang 134

E-13

Giải pháp:

Kiểm tra các thông tin sau.

- Các thiết bị mạng như bộ định tuyến không dây, bộ hub và bộ định tuyến đã được bật hay chưa.
- Thiết lập TCP/IP cho thiết bị mạng chưa được thiết lập theo cách thủ công. (Nếu Thiết lập TCP/IP của máy in được thực hiện tự động, trong khi Thiết lập TCP/IP cho các thiết bị mạng khác được thực hiện theo cách thủ công, thì mạng của máy in có thể khác với mạng của các thiết bị khác.)

Nếu cách này vẫn không hiệu quả sau khi kiểm tra thông tin ở trên, hãy thử cách sau.

- Tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên.
- Đặt cài đặt mạng trên máy tính trên cùng một mạng với máy in bằng trình cài đặt. Bạn có thể chạy ứng dụng này từ trang web sau.
<https://epson.sn> > **Thiết lập**
- Bạn có thể đăng ký nhiều mật khẩu trên một bộ định tuyến không dây sử dụng loại bảo mật WEP. Nếu nhiều mật khẩu được đăng ký, hãy kiểm tra xem mật khẩu được đăng ký đầu tiên được đặt trên máy in chưa.

Thông tin liên quan

➔ “Thực hiện cài đặt để kết nối với máy tính” ở trang 118

➔ “Cài địa chỉ IP tĩnh cho máy in” ở trang 134

Thông báo về Môi trường mạng

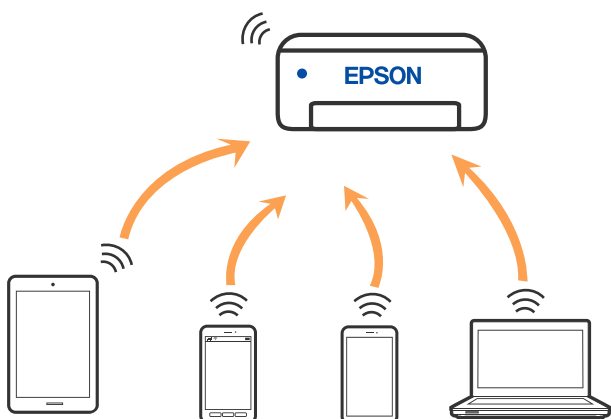
Thông báo	Giải pháp
The Wi-Fi environment needs to be improved. Turn the wireless router off and then turn it on. If the connection does not improve, see the documentation for the wireless router.	Sau khi di chuyển máy in đến gần hơn với bộ định tuyến không dây và loại bỏ mọi vật cản giữa chúng thì hãy tắt bộ định tuyến không dây. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật lên. Nếu thiết bị vẫn không kết nối, hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn kèm theo bộ định tuyến không dây.
*No more devices can be connected. Disconnect one of the connected devices if you want to add another one.	Máy tính và các thiết bị thông minh có thể kết nối đồng thời sẽ được kết nối đầy đủ qua kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản). Để thêm một máy tính hoặc thiết bị thông minh khác, hãy ngắt kết nối một trong các thiết bị đã kết nối hoặc kết nối với mạng kia trước. Bạn có thể xác nhận số lượng thiết bị không dây có thể kết nối đồng thời và số lượng thiết bị đã kết nối bằng cách kiểm tra tờ trạng thái mạng hoặc bảng điều khiển máy in.
The same SSID as Wi-Fi Direct exists in the environment. Change the Wi-Fi Direct SSID if you cannot connect a smart device to the printer.	Trên bảng điều khiển máy in, hãy vào màn hình Thiết lập Wi-Fi Direct và chọn menu để thay đổi cài đặt. Bạn có thể đổi tên mạng theo DIRECT-XX-. Nhập trong phạm vi 22 ký tự.

Kết nối trực tiếp thiết bị thông minh và máy in (Wi-Fi Direct)

Wi-Fi Direct (AP đơn giản) cho phép bạn kết nối trực tiếp một thiết bị thông minh với máy in mà không cần bộ định tuyến không dây và in từ thiết bị thông minh.

Giới thiệu về Wi-Fi Direct

Sử dụng phương thức kết nối này khi bạn không sử dụng Wi-Fi ở nhà riêng và ở cơ quan hoặc khi bạn muốn kết nối trực tiếp máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh. Ở chế độ này, máy in đóng vai trò là bộ định tuyến không dây và bạn có thể kết nối thiết bị với máy in mà không phải sử dụng bộ định tuyến không dây chuẩn. Tuy nhiên, các thiết bị được kết nối trực tiếp với máy in không thể giao tiếp với nhau thông qua máy in.



Có thể kết nối máy in bằng kết nối Wi-Fi hoặc Ethernet và Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đồng thời. Tuy nhiên, nếu bạn bắt đầu kết nối mạng bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) khi máy in được kết nối bằng Wi-Fi, Wi-Fi bị ngắt kết nối tạm thời.

Kết nối với thiết bị qua Wi-Fi Direct

Phương thức này cho phép bạn kết nối máy in trực tiếp với thiết bị thông minh mà không cần bộ định tuyến không dây.

Lưu ý:

Với người dùng iOS hoặc Android, bạn có thể thiết lập thuận tiện tại Epson Smart Panel.

Bạn chỉ cần thực hiện những cài đặt này một lần cho máy in và thiết bị thông minh bạn muốn kết nối. Trừ khi bạn tắt Wi-Fi Direct hoặc khôi phục cài đặt mạng về mặc định, bạn không cần thực hiện lại những cài đặt này.

1. Chọn **Cài đặt Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi Direct**.

3. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.

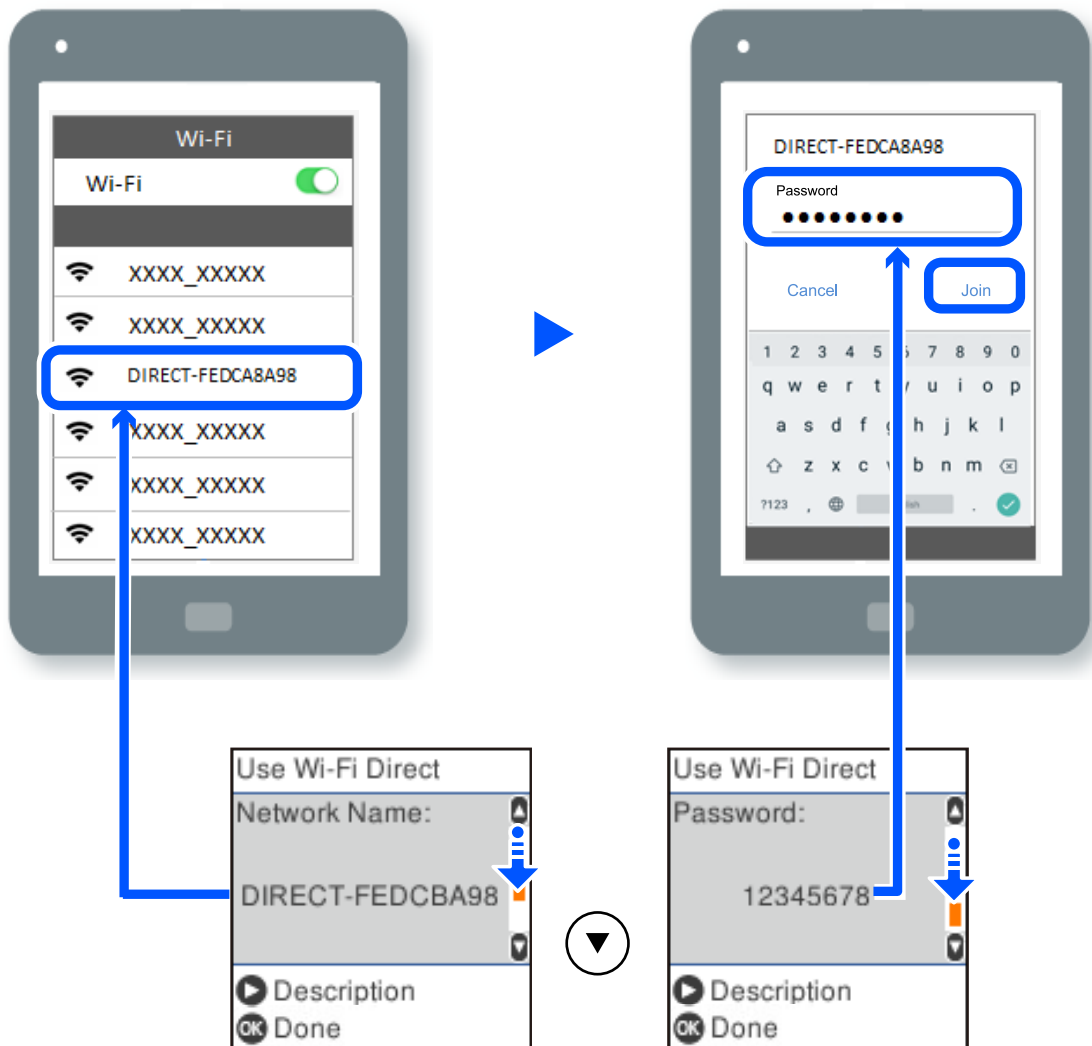
4. Kiểm tra tin nhắn, và sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.

5. Nhấn ◀.

6. Chọn Các thiết bị HĐH khác.

7. Cuộn qua màn hình bằng nút ▼, và kiểm tra thông tin kết nối mạng Wi-Fi Direct.

- Trên màn hình Wi-Fi của thiết bị thông minh, chọn SSID được hiển thị trên bảng điều khiển máy in và nhập mật khẩu.



- Trên bảng điều khiển của máy in, nhấn nút OK.

- Trên màn hình ứng dụng in cho thiết bị thông minh, hãy chọn máy in mà bạn muốn kết nối.

Với thiết bị thông minh đã kết nối với máy in từ trước, chọn tên mạng (SSID) trên màn hình Wi-Fi của thiết bị thông minh để kết nối lại với chúng.

Lưu ý:

Nếu bạn đang dùng thiết bị iOS, bạn cũng có thể kết nối bằng cách quét mã QR bằng camera iOS tiêu chuẩn. Xem liên kết bên dưới <https://epson.sn>.

Ngắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản)

Có hai phương pháp để tắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản); bạn có thể tắt tất cả các kết nối bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in, hoặc tắt từng kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh. Phần này giải thích cách tắt tất cả các kết nối.

! **Quan trọng:**

Khi kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) bị tắt, tất cả máy tính và thiết bị thông minh được kết nối với máy in trong kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) đều bị ngắt.

Lưu ý:

Nếu bạn muốn ngắt kết nối thiết bị cụ thể, hãy ngắt kết nối khỏi thiết bị thay vì máy in. Sử dụng một trong các phương pháp sau để ngắt kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) khỏi thiết bị.

- Ngắt kết nối Wi-Fi với tên mạng của máy in (SSID).
- Kết nối với một tên mạng khác (SSID).

1. Chọn **Cài đặt Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi Direct**.
3. Nhấn nút OK để tiếp tục.
4. Nhấn nút OK để tiếp tục.
5. Nhấn nút ↺ để hiển thị màn hình cài đặt.
6. Chọn **Tắt Wi-Fi Direct**.
7. Xem thông báo và sau đó nhấn vào nút OK.

Thay đổi cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) như SSID

Khi kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) bật, bạn có thể thay đổi cài đặt Wi-Fi Direct như tên mạng và mật khẩu.

1. Chọn **Cài đặt Wi-Fi** trên màn hình chính.

Để chọn một mục, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀▶, và sau đó nhấn nút OK.

2. Chọn **Wi-Fi Direct**.
3. Nhấn nút OK để tiếp tục.
4. Nhấn nút OK để tiếp tục.
5. Nhấn nút ↺ để hiển thị màn hình cài đặt.
6. Chọn mục menu bạn muốn thay đổi.

Bạn có thể chọn các mục menu sau đây.

Đổi Tên mạng

Đổi tên mạng Wi-Fi Direct (AP đơn giản) (SSID) được sử dụng để kết nối với máy in thành tên tùy ý. Bạn có thể thiết lập tên mạng (SSID) gồm các ký tự ASCII được hiển thị trên bàn phím phần mềm trên bảng điều khiển.

Khi đổi tên mạng (SSID), tất cả các thiết bị đã kết nối sẽ ngắt kết nối. Sử dụng tên mạng (SSID) mới nếu bạn muốn kết nối lại thiết bị.

Đổi mật khẩu

Đổi mật khẩu của Wi-Fi Direct (AP đơn giản) để kết nối với máy in thành giá trị tùy ý. Bạn có thể thiết lập mật khẩu gồm các ký tự ASCII được hiển thị trên bàn phím phần mềm trên bảng điều khiển.

Khi đổi mật khẩu, tất cả các thiết bị kết nối sẽ ngắt kết nối. Sử dụng mật khẩu mới nếu bạn muốn kết nối lại thiết bị.

Tắt Wi-Fi Direct

Tắt cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) của máy in. Khi tắt cài đặt này, tất cả các thiết bị đã kết nối với máy in bằng kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) sẽ ngắt kết nối.

Phục hồi cài đặt mặc định

Phục hồi toàn bộ cài đặt Wi-Fi Direct (AP đơn giản) về mặc định.

Thông tin kết nối Wi-Fi Direct (AP đơn giản) của thiết bị thông minh đã lưu vào máy in sẽ bị xóa.

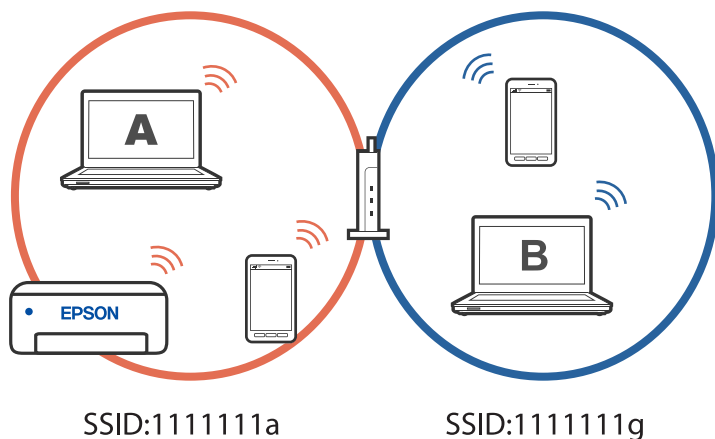
7. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Thêm hoặc thay đổi kết nối của máy in

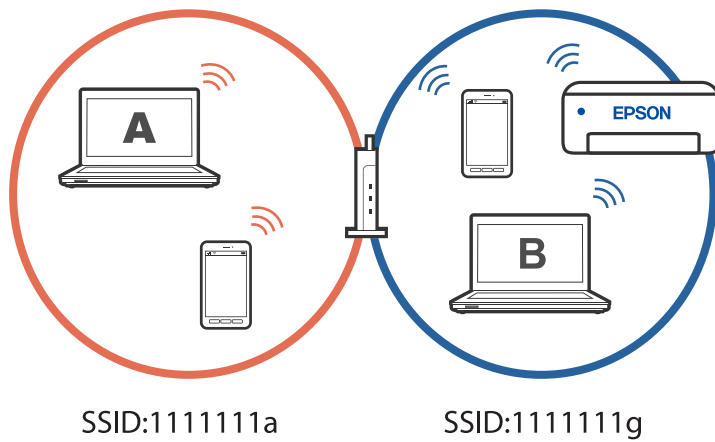
Để thiết lập máy in trên nhiều máy tính

Mặc dù bạn có thể kết nối một số máy tính với cùng bộ định tuyến không dây, nhưng mỗi máy tính có thể được gán với một SSID khác nhau.

Nếu các SSID được gán bởi bộ định tuyến không dây không được xử lý như cùng một mạng, thì mỗi máy tính sẽ được kết nối hiệu quả với một mạng khác nhau. Khi bạn bắt đầu thiết lập máy in từ máy tính A, máy in được thêm vào cùng mạng với máy tính A - cho phép máy tính A in từ máy in đó.



Ngoài ra, nếu bạn bắt đầu thiết lập máy in từ máy tính B theo cấu hình hiển thị ở trên, máy in sẽ được thiết lập trên mạng của máy tính B - cho phép máy tính B in thay vì máy tính A.



Để ngăn điều này xảy ra, khi bạn muốn thiết lập máy in kết nối mạng từ máy tính thứ hai, hãy khởi động trình cài đặt trên máy tính đã kết nối cùng mạng với máy in. Nếu máy in được phát hiện trên cùng mạng, máy in sẽ không được định lại cấu hình cho mạng đó và mạng sẽ thiết lập máy in ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

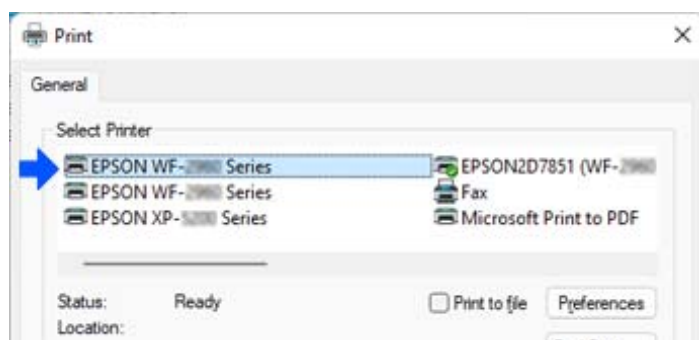
Thay đổi kết nối mạng từ Wi-Fi sang USB

Thực hiện theo các bước bên dưới nếu Wi-Fi hiện hành không ổn định hoặc nếu bạn muốn thay đổi kết nối USB ổn định hơn.

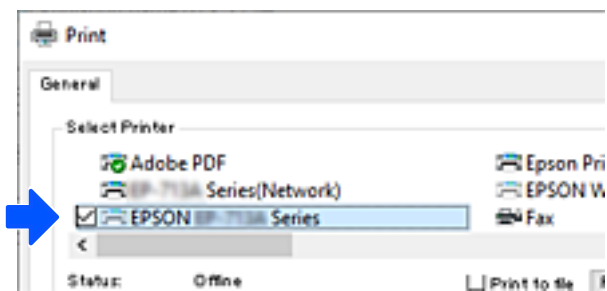
1. Kết nối máy in với máy tính bằng cáp USB.
2. Chọn máy in không ghi nhãn (XXXXX) khi in bằng kết nối USB.

Tên máy in hoặc "Mạng" của bạn sẽ được hiển thị bằng XXXX tùy vào phiên bản hệ điều hành.

Ví dụ về Windows 11



Ví dụ về Windows 10



Thay đổi kết nối mạng từ Wi-Fi sang Ethernet

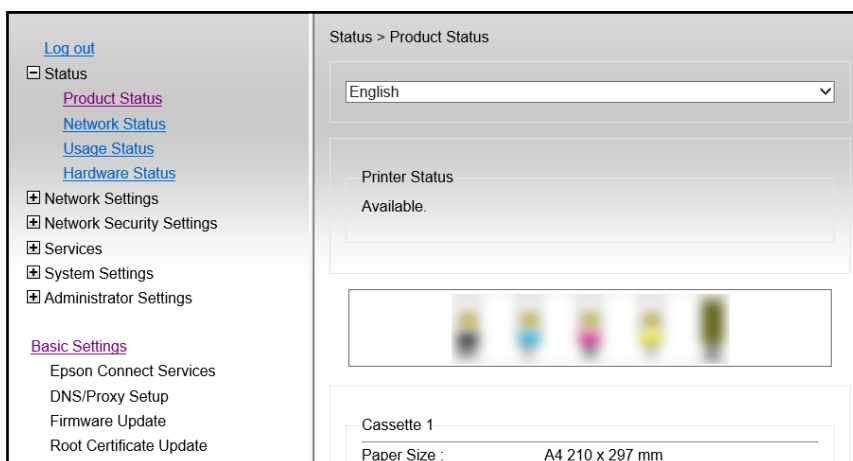
Làm theo các bước bên dưới để thay đổi kết nối mạng thành Ethernet từ Wi-Fi bằng bảng điều khiển.

1. Kết nối máy in với bộ định tuyến bằng cáp Ethernet.
2. Tắt Wi-Fi trên bảng điều khiển của máy in.

Cài địa chỉ IP tĩnh cho máy in

Bạn có thể thiết lập địa chỉ IP tĩnh cho máy in bằng Web Config.

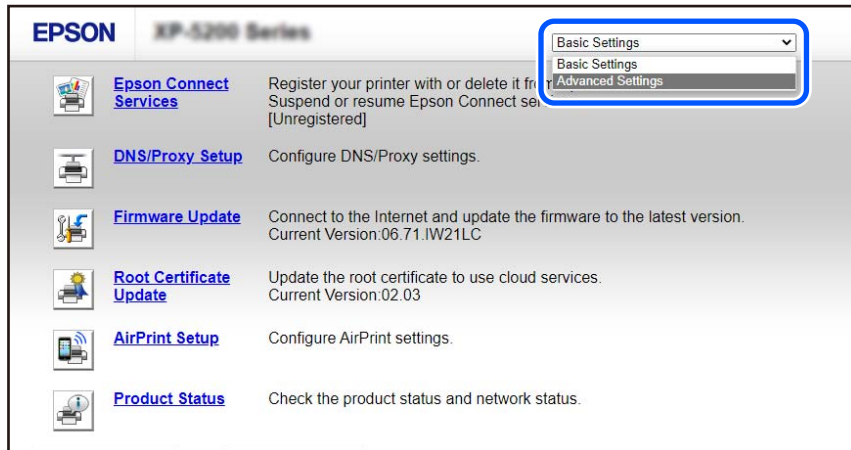
1. Truy cập Web Config.



Lưu ý:

Các nội dung và mục hiển thị trên màn hình cho Web Config sẽ khác nhau tùy theo mẫu máy in.

Nếu bạn nhìn thấy các mục sau đây, hãy chọn **Advanced Settings** từ danh sách ở bên phải phía trên cửa sổ.

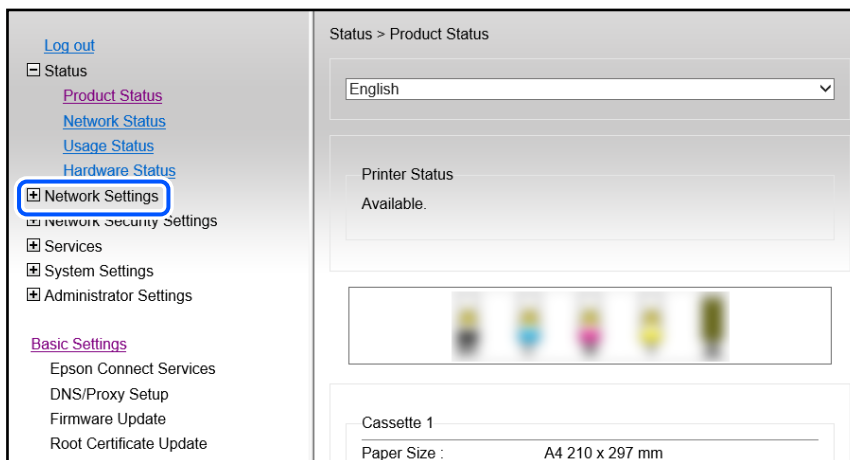


2. Đăng nhập với vai trò là quản trị viên.

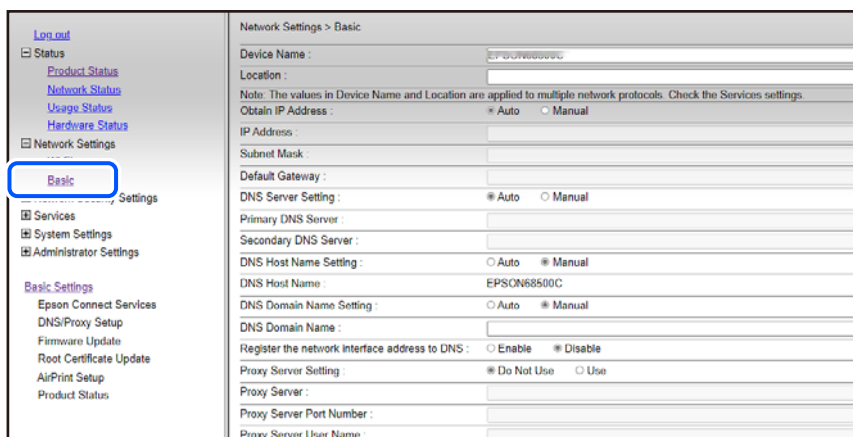
Lưu ý:

Mật khẩu quản trị viên được cài trước cho **Advanced Settings** trong Web Config. Xem liên kết bên dưới để biết thêm chi tiết về mật khẩu quản trị viên.

3. Chọn **Network Settings**.



4. Chọn **Basic**.



5. Chọn **Manual** cho **Obtain IP Address**.

6. Nhập địa chỉ IP mà bạn đang thiết lập trong **IP Address**.

Cài đặt mạng con, cổng mặc định, máy chủ DNS, v.v... theo môi trường mạng của bạn.

7. Nhấp vào **Next**.

8. Nhấp vào **OK**.

Các cài đặt được áp dụng.


Để truy cập lại Web Config, hãy chỉ định địa chỉ IP bạn đã cài.

Thông tin liên quan

➔ [“Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in \(Web Config\)” ở trang 209](#)

Vận chuyển và bảo quản máy in

Khi bạn cần bảo quản máy in hoặc vận chuyển máy in để di chuyển hoặc sửa chữa, thực hiện theo các bước dưới đây để đóng gói máy in.

1. Tắt máy in bằng cách nhấn nút .
2. Đảm bảo rằng đèn nguồn tắt, sau đó rút dây nguồn.



Quan trọng:

Rút phích cắm điện khi đèn nguồn tắt. Nếu không, đầu in không quay lại vị trí gốc, khiến cho mực bị khô và có thể không in được.

3. Ngắt kết nối tất cả các dây cáp như dây nguồn và cáp USB.
4. Lấy toàn bộ giấy ra khỏi máy in.

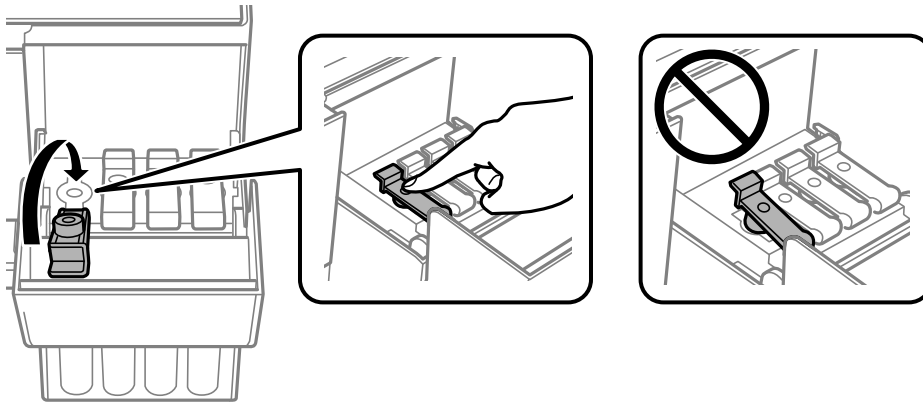
5. Đảm bảo rằng không còn bản gốc nào trong máy in.



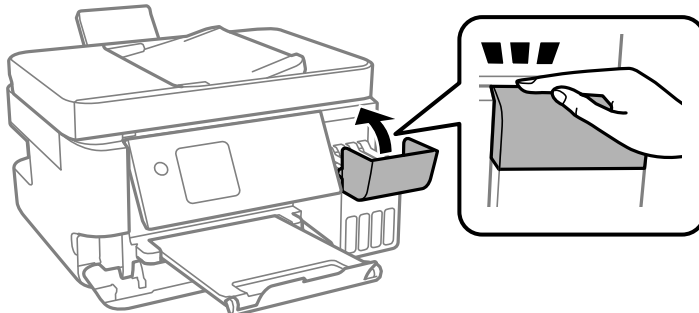
Chú ý:

Cẩn thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.

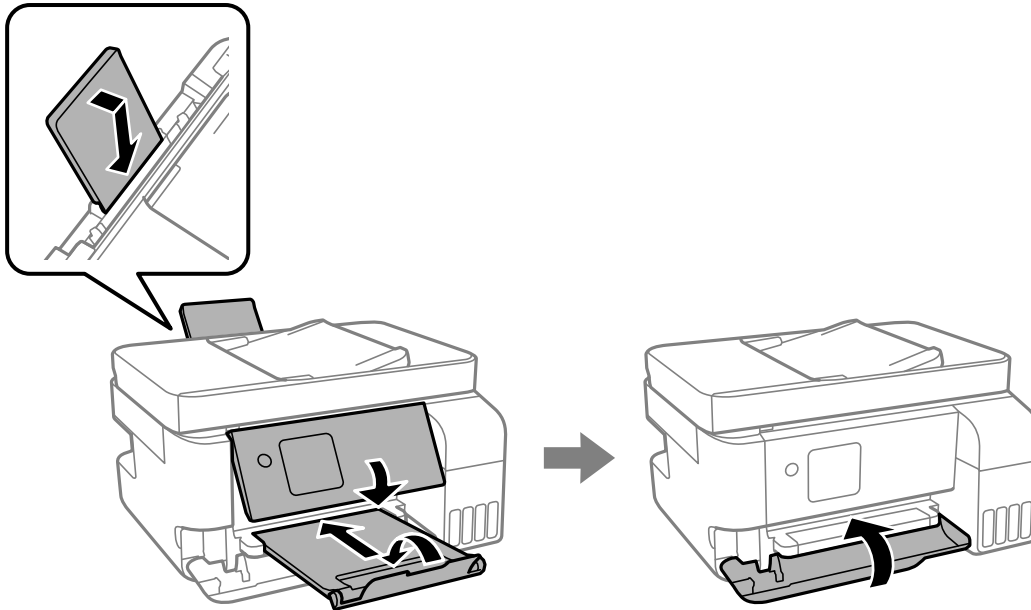
6. Đảm bảo lắp chặt nắp đậy vào hộp mực.



7. Đóng chặt nắp hộp mực.

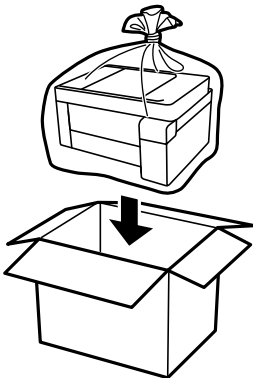


8. Chuẩn bị đóng gói máy in như được trình bày dưới đây.



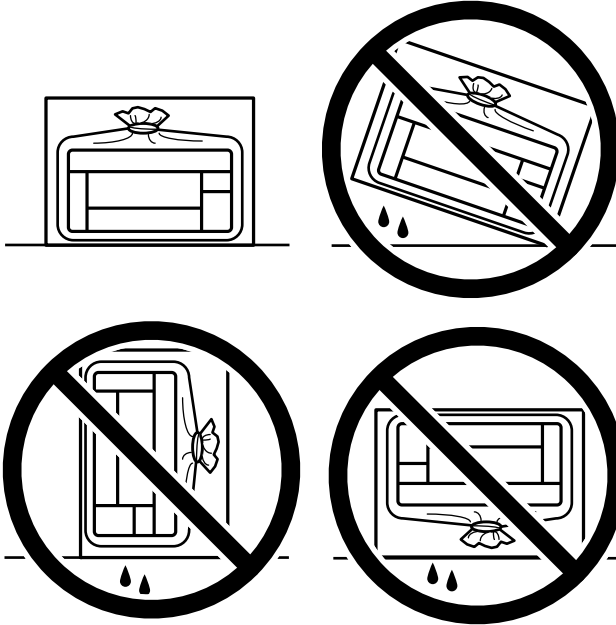
9. Đặt máy in vào túi nhựa và đóng gập lại.

10. Đóng gói máy in trong thùng đựng bằng các vật liệu bảo vệ.



! **Quan trọng:**

- ❑ Khi bảo quản hoặc vận chuyển máy in, đặt máy in vào túi nhựa và đóng gập lại. Tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.



- ❑ Khi bảo quản hoặc vận chuyển lọ mực, không nghiêng lọ mực và không để lọ mực phải chịu tác động hoặc thay đổi nhiệt độ. Nếu không, mực có thể rò rỉ ngay cả khi nắp trên lọ mực được đóng chặt. Hãy nhớ để lọ mực thẳng đứng khi siết chặt nắp và áp dụng biện pháp để ngăn không cho mực bị rò rỉ khi vận chuyển lọ mực, ví dụ khi đặt lọ vào túi xách.
- ❑ Không đặt lọ mực in đã mở vào trong hộp cùng với máy in.



Nếu chất lượng in suy giảm trong lần in tiếp theo, hãy làm sạch và căn chỉnh đầu in.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104
- ➔ “Căn chỉnh Đầu In” ở trang 107

Giải quyết vấn đề

Không thể in, quét hoặc fax.	141
Chất lượng in, sao chụp, quét và fax kém.	157
Không thể chọn loại giấy hoặc nguồn giấy trong trình điều khiển máy in.	178
Mã lỗi hiển thị trên màn hình LCD.	178
Giấy bị kẹt.	179
Đã đến lúc nạp lại mực cho hộp mực.	185
Đã đến lúc thay thế hộp bảo trì.	190
Không thể vận hành máy in như mong muốn.	194
Không thể khắc phục sự cố.	199

Không thể in, quét hoặc fax

Khắc phục sự cố

Đọc phần này nếu bạn không thể in, quét hoặc fax như dự kiến hoặc nếu xảy ra sự cố khi in. Xem phần sau để biết các giải pháp cho một số sự cố thường gặp.

Bạn đã bật máy in chưa?

- Đảm bảo bạn đã bật máy in.
- Đảm bảo đã cắm dây nguồn đúng cách.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Nguồn điện không bật” ở trang 194](#)
- ➔ [“Không thể khắc phục sự cố” ở trang 199](#)

Có giấy bị kẹt trong máy in không?

Nếu giấy bị kẹt thì máy in không thể bắt đầu in. Tháo giấy bị kẹt ra khỏi máy in.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Giấy bị kẹt” ở trang 179](#)

Bản thân máy in có hoạt động đúng chức năng không?

- Nếu thông báo lỗi hiển thị trên màn hình LCD, hãy kiểm tra lỗi.
- In tờ trạng thái và sử dụng nó để kiểm tra xem bản thân máy in có thể in đúng chức năng hay không.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Mã lỗi hiển thị trên màn hình LCD” ở trang 178](#)

Bạn có đang gặp sự cố kết nối không?

- Đảm bảo các loại cáp được cắm đúng cách cho mọi kết nối.
- Đảm bảo thiết bị mạng và bộ hub USB đang hoạt động bình thường.
- Nếu bạn có kết nối Wi-Fi, hãy đảm bảo cài đặt kết nối Wi-Fi phải chính xác.
- Kiểm tra mạng kết nối với máy tính và máy in của bạn và đảm bảo các tên mạng khớp với nhau.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Máy tính không thể kết nối mạng” ở trang 145](#)

- ➔ “Máy in không thể kết nối bằng USB” ở trang 145
- ➔ “Kiểm tra trạng thái kết nối mạng (báo cáo kết nối mạng) của máy in” ở trang 122

Dữ liệu in đã được gửi đúng cách chưa?

- Đảm bảo không có dữ liệu in nào đang chờ từ công việc trước đó.
- Kiểm tra trình điều khiển máy in để đảm bảo máy in hiện không ngoại tuyến.

Thông tin liên quan

- ➔ “Vấn có lệnh in đang chờ in.” ở trang 143
- ➔ “Máy in đang chờ xử lý hoặc ngoại tuyến.” ở trang 143

Ứng dụng hoặc trình điều khiển máy in không hoạt động thích hợp

Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (Windows)

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Có vấn đề với phần mềm hoặc dữ liệu.

Giải pháp

- Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt trình điều khiển máy in Epson chính hãng (EPSON XXXXX). Nếu không lắp trình điều khiển máy in Epson chính hãng, các chức năng khả dụng bị hạn chế. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình điều khiển máy in Epson chính hãng.
 - Nếu bạn in một hình ảnh có kích cỡ dữ liệu lớn, máy tính có thể bị hết bộ nhớ. Hãy in ảnh ở độ phân giải thấp hơn hoặc kích cỡ nhỏ hơn.
 - Nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và vẫn không khắc phục được vấn đề, hãy thử gỡ cài đặt và cài đặt lại trình điều khiển máy in.
 - Bạn có thể giải quyết sự cố bằng cách cập nhật phần mềm lên phiên bản mới nhất. Để kiểm tra trạng thái phần mềm, hãy sử dụng công cụ cập nhật phần mềm.
- ➔ “Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows” ở trang 116
 - ➔ “Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Mac OS” ở trang 118
 - ➔ “Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 115

■ Có vấn đề với trạng thái của máy in.

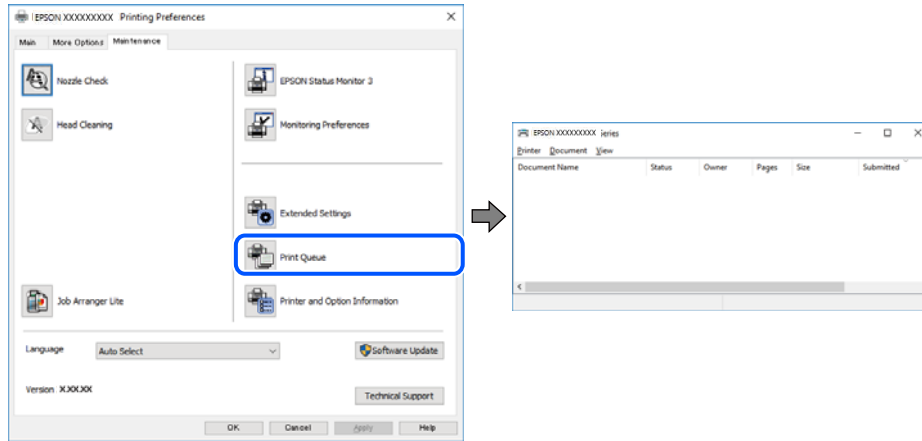
Giải pháp

Nhấp vào **EPSON Status Monitor 3** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in và sau đó kiểm tra trạng thái của máy in. Nếu **EPSON Status Monitor 3** bị tắt, hãy nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên thẻ **Bảo dưỡng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

Vẫn có lệnh in đang chờ in.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in. Nếu dữ liệu không cần thiết vẫn còn, hãy chọn **Hủy tất cả tài liệu** từ menu **Máy in**.

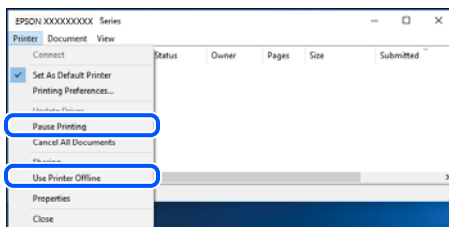


Máy in đang chờ xử lý hoặc ngoại tuyến.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in.

Nếu máy in ở chế độ ngoại tuyến hoặc chờ xử lý, hãy xóa cài đặt ngoại tuyến hoặc chờ xử lý từ menu **Máy in**.



Máy in không được chọn là máy in mặc định.

Giải pháp

Nhấp chuột phải vào biểu tượng máy in trong **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** (hoặc **Máy in, Máy in và fax**) và nhấp vào **Đặt làm máy in mặc định**.

Lưu ý:

Nếu có nhiều biểu tượng máy in, xem phần sau để chọn đúng máy in.

Ví dụ)

Kết nối USB: EPSON Sê ri XXXX

Kết nối mạng: EPSON Sê ri XXXX (mạng)

Nếu bạn cài đặt trình điều khiển máy in nhiều lần, các bản sao của trình điều khiển máy in có thể được tạo ra. Nếu các bản sao như "EPSON Sê ri XXXX (bản sao 1)" được tạo, nhấp chuột phải vào biểu tượng trình điều khiển đã sao chép và sau đó nhấp vào **Xóa thiết bị**.

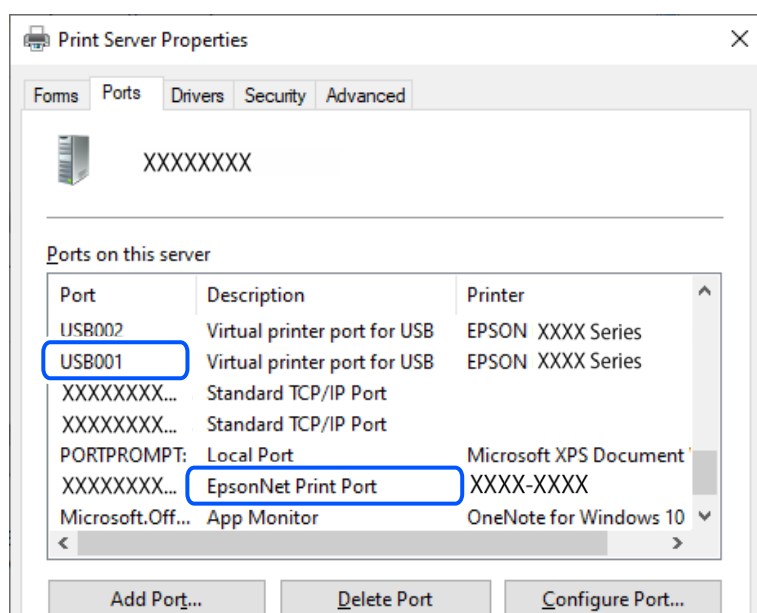
Cổng máy in không được đặt chính xác.

Giải pháp

Nhấp vào **Chuỗi in** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in.

Đảm bảo rằng cổng máy in được đặt chính xác như hiển thị bên dưới trong **Thuộc tính** > **Cổng** tại menu **Máy in**.

Kết nối USB: **USBXXX**, Kết nối mạng: **EpsonNet Print Port**



Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (Mac OS)

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

Có vấn đề với trạng thái của máy in.

Giải pháp

Đảm bảo trạng thái của máy in không phải là **Dừng**.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** trên menu **Apple** > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó nhấp đúp vào máy in. Nếu máy in đang tạm dừng, nhấp **Tiếp tục**.

Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (iOS)

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

Tự hiện th.lập giấy đang tắt.

Giải pháp

Bật **Tự hiện th.lập giấy** trong menu sau.

Cài đặt > **Thiết lập máy in** > **Cài đặt nguồn giấy** > **Tự hiện th.lập giấy**

■ AirPrint được tắt.

Giải pháp

Bật cài đặt AirPrint trên Web Config.

➔ [“Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in \(Web Config\)” ở trang 209](#)

Không thể quét ngay cả khi đã thiết lập kết nối chính xác

■ Quét ở độ phân giải cao qua mạng.

Giải pháp

Thử quét ở độ phân giải thấp hơn.

Máy in không thể kết nối bằng USB

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bạu cắm cáp USB không đúng cách vào ổ cắm USB.

Giải pháp

Cắm chặt cáp USB vào máy in và máy tính.

■ Có vấn đề với trung tâm USB.

Giải pháp

Nếu bạn đang sử dụng bộ hub USB, hãy thử kết nối máy in trực tiếp với máy tính.

■ Có vấn đề với cáp USB hoặc đầu cắm USB.

Giải pháp

Nếu cáp USB không được nhận dạng, hãy thay cổng hoặc thay cáp USB.

Máy tính không thể kết nối mạng

Nguyên nhân chính và giải pháp cho các sự cố kết nối mạng

Nếu kết nối Wi-Fi bị lỗi, hãy kiểm tra phần sau đây để xem có xảy ra sự cố với hoạt động hoặc cài đặt cho thiết bị đã kết nối hay không.

■ Kiểm tra nguyên nhân gây ra sự cố kết nối mạng của máy in.

Giải pháp

In báo cáo kiểm tra kết nối mạng để xem sự cố và kiểm tra giải pháp khuyến nghị.

Xem thông tin liên quan sau đây để biết chi tiết về cách đọc báo cáo kiểm tra kết nối mạng.

Lưu ý:

Nếu bạn muốn kiểm tra thêm thông tin về cài đặt mạng, hãy in tờ trạng thái mạng.

➔ [“Kiểm tra trạng thái kết nối mạng \(báo cáo kết nối mạng\) của máy in” ở trang 122](#)

➔ “Thông báo và giải pháp trên báo cáo kết nối mạng” ở trang 123

■ Sử dụng Epson Printer Connection Checker để cải thiện kết nối với máy tính. (Windows)

Giải pháp

Bạn có thể giải quyết vấn đề tùy thuộc vào kết quả kiểm tra.

1. Nhấp đúp vào biểu tượng **Epson Printer Connection Checker** trên màn hình nền.

Epson Printer Connection Checker sẽ khởi động.

Nếu không có biểu tượng trên màn hình nền, hãy làm theo các phương pháp dưới đây để khởi động Epson Printer Connection Checker.

- Windows 11

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả ứng dụng** > **Epson Software** > **Epson Printer Connection Checker**.

- Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Epson Software** > **Epson Printer Connection Checker**.

- Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- Windows 7

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các chương trình** > **Epson Software** > **Epson Printer Connection Checker**.

2. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để kiểm tra.

Lưu ý:

Nếu tên máy in không hiển thị, hãy cài đặt trình điều khiển máy in Epson chính hãng.

“Kiểm tra xem trình điều khiển máy in Epson chính hãng có được cài đặt không — Windows” ở trang 116

Khi đã xác định được vấn đề, hãy làm theo giải pháp được hiển thị trên màn hình.

Khi không thể giải quyết vấn đề, hãy kiểm tra các mục sau theo tình huống của bạn.

- Không nhận ra máy in qua kết nối mạng

“Kiểm tra trạng thái kết nối mạng (báo cáo kết nối mạng) của máy in” ở trang 122

- Không nhận ra máy in qua kết nối USB

“Máy in không thể kết nối bằng USB” ở trang 145

- Đã nhận ra máy in, nhưng không thực hiện được thao tác in.

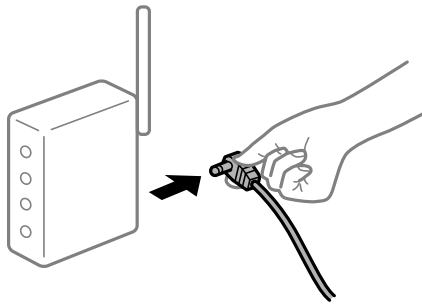
“Không thể in ngay cả khi đã thiết lập kết nối (Windows)” ở trang 142

■ Có vấn đề với thiết bị mạng cho kết nối Wi-Fi.

Giải pháp

Tắt thiết bị mà bạn muốn kết nối với mạng. Đợi khoảng 10 giây và sau đó bật thiết bị theo thứ tự sau: bộ định tuyến không dây, máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó là máy in. Di chuyển máy in và máy

tính hoặc thiết bị thông minh gắn với bộ định tuyến không dây hơn để giúp giao tiếp qua sóng vô tuyến và sau đó thử đặt lại cài đặt mạng.



Thiết bị không thể nhận tín hiệu từ bộ định tuyến không dây vì chúng cách nhau quá xa.

Giải pháp

Sau khi di chuyển máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy in đến gần bộ định tuyến không dây, hãy tắt bộ định tuyến không dây, sau đó bật lại.

Khi thay đổi bộ định tuyến không dây, các cài đặt không khớp với bộ định tuyến mới.

Giải pháp

Thực hiện lại cài đặt kết nối cho khớp với bộ định tuyến không dây mới.

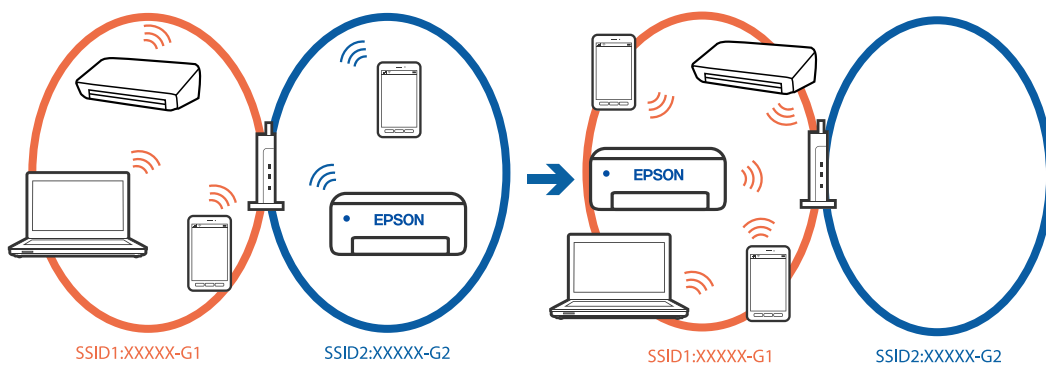
➔ “Cài đặt lại kết nối mạng” ở trang 118

Các SSID được kết nối từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và máy tính khác nhau.

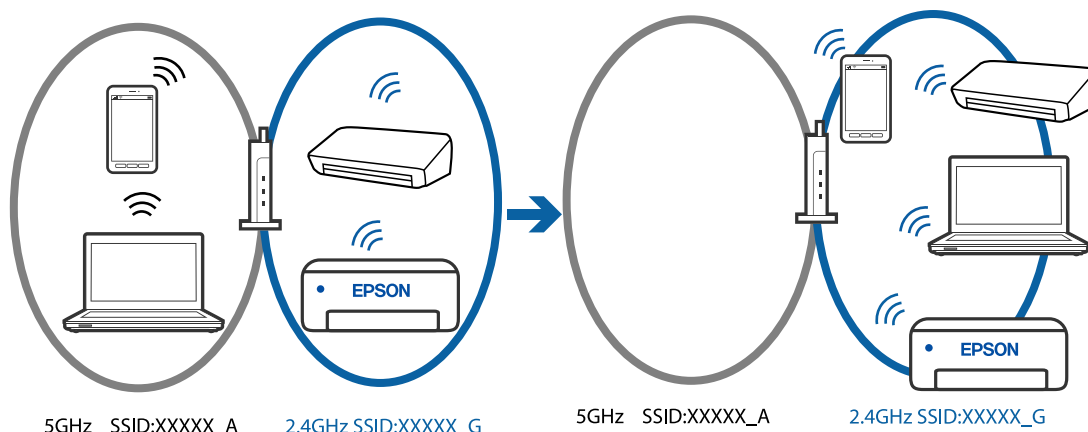
Giải pháp

Khi bạn sử dụng nhiều bộ định tuyến không dây cùng một lúc hoặc bộ định tuyến không dây có nhiều SSID và các thiết bị được kết nối với các SSID khác nhau, bạn không thể kết nối với bộ định tuyến không dây.

❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID khác nhau



- ❑ Ví dụ về việc kết nối với các SSID có dải tần số khác nhau



Kết nối máy tính hoặc thiết bị thông minh với cùng một SSID với máy in.

- ❑ Kiểm tra SSID xem máy in có được kết nối hay không bằng cách in ra báo cáo kiểm tra kết nối mạng.
- ❑ Trên tất cả các máy tính và thiết bị thông minh mà bạn muốn kết nối với máy in, hãy kiểm tra tên mạng Wi-Fi hoặc tên mạng mà bạn đang kết nối.
- ❑ Nếu máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh của bạn được kết nối với các mạng khác, hãy kết nối lại thiết bị với SSID mà máy in đã kết nối.

Có trình tách riêng tư trên bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Hầu hết các bộ định tuyến không dây có chức năng phân tách để chặn giao tiếp giữa các thiết bị trong cùng SSID. Nếu bạn không thể thực hiện giao tiếp giữa máy in và máy tính hoặc thiết bị thông minh ngay cả khi các thiết bị được kết nối với cùng một mạng, hãy tắt chức năng phân tách trên bộ định tuyến không dây. Xem hướng dẫn đi kèm với bộ định tuyến không dây để biết chi tiết.

Địa chỉ IP được gán không chính xác.

Giải pháp

Nếu địa chỉ IP được gán cho máy in là 169.254.XXX.XXX và mặt nạ mạng con là 255.255.0.0 thì địa chỉ IP có thể không được chỉ định chính xác.

In báo cáo kết nối mạng, sau đó kiểm tra địa chỉ IP và mặt nạ mạng con gán cho máy in. Để in báo cáo kết nối mạng, chọn **Cài đặt > Cài đặt mạng > Kiểm tra kết nối**.

Khởi động lại bộ định tuyến không dây hoặc đặt lại cài đặt mạng cho máy in.

➔ [“Cài địa chỉ IP tĩnh cho máy in” ở trang 134](#)

Thiết bị kết nối với cổng USB 3.0 gây nhiễu tần số sóng vô tuyến.

Giải pháp

Khi bạn kết nối thiết bị với cổng USB 3.0 trên máy Mac, có thể xảy ra nhiễu tần số radio. Hãy thử các cách sau nếu bạn không thể kết nối với mạng LAN (Wi-Fi) không dây hoặc nếu hoạt động trở nên không ổn định.

- ❑ Đặt thiết bị được kết nối với cổng USB 3.0 cách xa máy tính.

■ Đã xảy ra sự cố với cài đặt mạng trên máy tính hoặc thiết bị thông minh.

Giải pháp

Thử truy cập bất kỳ trang web nào từ máy tính hoặc thiết bị thông minh để đảm bảo cài đặt mạng của thiết bị là chính xác. Nếu bạn không thể truy cập bất kỳ trang web nào, có thể đã xảy ra sự cố trên máy tính hoặc thiết bị thông minh.

Hãy kiểm tra kết nối mạng cho máy tính hoặc thiết bị thông minh. Xem tài liệu hướng dẫn kèm theo máy tính hoặc thiết bị thông minh để biết thêm chi tiết.

■ Máy in đã được kết nối qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng).

Giải pháp

Khi bạn kết nối máy in qua Ethernet bằng các thiết bị hỗ trợ IEEE 802.3az (Ethernet tiết kiệm năng lượng), các sự cố sau có thể xảy ra tùy thuộc vào hub hoặc bộ định tuyến bạn đang sử dụng.

- Kết nối không ổn định, máy in liên tục kết nối và ngắt kết nối.
- Không thể kết nối với máy in.
- Tốc độ truyền tin chậm.

Làm theo các bước dưới đây để tắt IEEE 802.3az cho máy in và sau đó kết nối.

1. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
2. Khi IEEE 802.3az cho máy tính bật, hãy tắt tùy chọn này.
Xem tài liệu được cung cấp cùng máy tính để biết thông tin chi tiết.
3. Kết nối trực tiếp máy tính và máy in bằng cáp Ethernet.
4. Trên máy in, in báo cáo kết nối mạng.
“[Kiểm tra trạng thái kết nối mạng \(báo cáo kết nối mạng\) của máy in](#)” ở trang 122
5. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng.
6. Trên máy tính, truy cập Web Config.
7. Chọn **Log in** và nhập mật khẩu quản trị viên.
Chạy trình duyệt Web, sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.
“[Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in \(Web Config\)](#)” ở trang 209
8. Chọn **Network Settings > Wired LAN**.
9. Chọn **OFF** cho **IEEE 802.3az**.
10. Nhấp vào **Next**.
11. Nhấp vào **OK**.
12. Tháo cáp Ethernet được kết nối với máy tính và máy in.
13. Nếu bạn tắt IEEE 802.3az cho máy tính ở bước 2, hãy bật tùy chọn này.

14. Kết nối cáp Ethernet mà bạn đã tháo ở bước 1 với máy tính và máy in.

Nếu sự cố vẫn xảy ra, các thiết bị khác với máy in có thể gây ra sự cố.

Không thể gửi hoặc nhận fax

Không thể gửi hoặc nhận fax

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Có một số vấn đề với giắc cắm điện thoại trên tường.

Giải pháp

Kiểm tra giắc cắm điện thoại trên tường có hoạt động không bằng cách nối điện thoại với giắc và thử. Nếu bạn không thể gọi hoặc nhận cuộc gọi, hãy liên hệ với công ty viễn thông của bạn.

■ Có một số vấn đề khi kết nối với đường điện thoại.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Kiểm tra kết nối fax** trên bảng điều khiển máy in để chạy kiểm tra kết nối fax tự động. Hãy thử các giải pháp được in ra trên báo cáo.

■ Xảy ra lỗi giao tiếp.

Giải pháp

Chọn **Chậm (9.600b/giây)** trong **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Tốc độ fax** trên bảng điều khiển máy in.

■ Đã kết nối với đường điện thoại DSL không có bộ lọc DSL.

Giải pháp

Để kết nối với đường điện thoại DSL, bạn cần sử dụng modem DSL được trang bị bộ lọc DSL tích hợp, hoặc lắp đặt một bộ lọc DSL riêng vào đường điện thoại. Hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.

[“Kết nối với DSL hoặc ISDN” ở trang 74](#)

■ Có một số vấn đề với bộ lọc DSL khi bạn kết nối với đường dây điện thoại DSL.

Giải pháp

Nếu bạn không thể gửi hoặc nhận fax, hãy kết nối trực tiếp máy in với giắc cắm điện thoại trên tường để xem máy in có thể gửi fax không. Nếu hoạt động, vấn đề có thể do bộ lọc DSL gây ra. Hãy liên hệ với nhà cung cấp DSL của bạn.

Không thể gửi fax

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Đường kết nối được đặt là PSTN tại cơ sở sử dụng Tổng đài nội bộ (PBX).

Giải pháp

Chọn **PBX** trong **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Loại dòng** trên bảng điều khiển máy in.

■ **Gửi fax mà không nhập mã truy cập trong môi trường có lắp đặt tổng đài.**

Giải pháp

Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu mã truy cập bên ngoài để quay số ra bên ngoài, hãy đăng ký mã truy cập với máy in, và nhập # (dấu thăng) ở đầu số fax khi gửi.

■ **Số fax của người nhận sai.**

Giải pháp

Kiểm tra xem số của người nhận đã đăng ký trong danh bạ của bạn hay bạn đã nhập trực tiếp bằng bàn phím có chính xác không. Hoặc, kiểm tra với người nhận xem số fax có chính xác không.

■ **Máy fax của người nhận chưa sẵn sàng nhận fax.**

Giải pháp

Hỏi người nhận xem máy fax của người nhận đã sẵn sàng nhận fax chưa.

■ **Dữ liệu đang được gửi quá lớn.**

Giải pháp

Bạn có thể gửi fax ở kích thước dữ liệu nhỏ hơn bằng một trong các phương thức sau.

- Khi bạn gửi fax ở chế độ đơn sắc, hãy bật **Gửi trực tiếp** trong **Fax > Cài đặt fax > Cài đặt gửi fax**.
“[Gửi nhiều trang tài liệu đơn sắc \(Gửi trực tiếp\)](#)” ở trang 89
- Sử dụng điện thoại kết nối
“[Gửi fax bằng cách quay số từ thiết bị điện thoại bên ngoài](#)” ở trang 87
- Tách bản gốc

■ **Thông tin đầu trang cho các bản fax gửi đi không được đăng ký.**

Giải pháp

Chọn **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Tiêu đề** và thiết lập thông tin đầu trang. Một số máy fax tự động từ chối fax đến không chứa thông tin đầu trang.

■ **ID người gọi của bạn bị chặn.**

Giải pháp

Liên hệ với công ty viễn thông để bỏ chặn ID người gọi của bạn. Một số điện thoại hoặc máy fax tự động từ chối cuộc gọi ẩn danh.

Không thể nhận fax

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ **Chế độ nhận được đặt thành Thủ công trong khi điện thoại bên ngoài kết nối với máy in.**

Giải pháp

Nếu điện thoại bên ngoài kết nối với máy in và đang dùng chung đường dây điện thoại với máy in, hãy chọn **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản**, sau đó cài **Chế độ nhận** sang **Tự động**.

■ Máy tính sẽ lưu các bản fax đã nhận hiện không bật.

Giải pháp

Khi bạn thực hiện cài đặt để lưu fax đã nhận vào máy tính, hãy bật máy tính. Fax đã nhận sẽ bị xóa sau khi đã lưu vào máy tính.

■ Người gửi đã gửi fax không có thông tin đầu trang.

Giải pháp

Hỏi người gửi xem thông tin đầu trang đã được thiết lập trên máy fax của họ hay chưa. Hoặc tắt **Tiêu đề fax trống** trong **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối > Fax từ chối**. Fax không có thông tin đầu trang sẽ bị chặn khi cài đặt này bật.

■ Số fax của người gửi chưa được đăng ký trong danh bạ.

Giải pháp

Đăng ký số fax của người gửi vào danh bạ. Hoặc tắt **N.gọi ko có trong D.bạ** trong **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối > Fax từ chối**. Fax được gửi từ các số chưa đăng ký trong danh sách này sẽ bị chặn.

■ Số fax của người gửi đã được đăng ký trong Danh sách số từ chối.

Giải pháp

Đảm bảo rằng có thể xóa số của người gửi khỏi **Danh sách số từ chối** trước khi xóa số này. Xóa nó khỏi **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối > Sửa d.sách Số bị chặn**. Hoặc tắt **Danh sách số từ chối** trong **Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt cơ bản > Fax từ chối > Fax từ chối**. Fax được gửi từ các số chưa đăng ký trong danh sách này sẽ bị chặn khi cài đặt này bật.

■ Đăng ký dịch vụ chuyển tiếp cuộc gọi.

Giải pháp


Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ chuyển tiếp cuộc gọi thì máy in không thể nhận fax. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ.

Không thể gửi fax đến người nhận chỉ định

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Máy của người nhận phải mất một thời gian dài để trả lời.

Giải pháp

Nếu máy của người nhận không nhận cuộc gọi của bạn trong vòng 50 giây sau khi máy in đã kết thúc việc quay số, cuộc gọi kết thúc cùng với lỗi. Quay số bằng điện thoại kết nối để kiểm tra xem mất bao lâu trước khi bạn nghe thấy âm thanh của fax. Nếu thời gian quá 50 giây, hãy thêm các khoảng tạm dừng sau số fax để gửi fax.  được sử dụng để nhập khoảng tạm dừng. Dấu gạch ngang được nhập vào làm dấu tạm dừng. Một lần tạm dừng khoảng ba giây. Thêm nhiều lần tạm dừng theo nhu cầu.

■ Cài đặt Tốc độ fax được đăng ký trong danh bạ là sai.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt > Trình q.lý Danh bạ > Sửa**, sau đó chọn người nhận từ danh sách liên hệ. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình, sau đó đặt **chế độ truyền tin fax** sang **Chậm (9.600b/giây)**.

Không thể gửi fax vào thời gian đã định

■ Ngày và giờ của máy in sai.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt cơ bản** > **Cài đặt ngày/giờ**, sau đó cài ngày giờ chính xác.

Fax được gửi với kích cỡ sai

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bản gốc đặt không chính xác.

Giải pháp

Đảm bảo đặt bản gốc thích hợp theo các dấu căn chỉnh.

Nếu thiếu cạnh hình quét, hãy di chuyển bản gốc hơi xa ra cạnh mặt kính máy quét.

➔ [“Đặt bản gốc” ở trang 35](#)

■ Có bụi hoặc vết bẩn trên bản gốc hoặc kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ bụi hoặc vết bẩn bám trên bản gốc và làm sạch kính máy quét.

➔ [“Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 108](#)

Máy in không in các bản fax đã nhận được

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Đã có lỗi xảy ra trên máy in như kẹt giấy.

Giải pháp

Xóa lỗi máy in, sau đó yêu cầu người gửi gửi lại fax.

■ Chức năng in fax đã nhận đang tắt trong cài đặt hiện tại.

Giải pháp

Nếu đặt **Lưu vào máy tính** sang **Có**, hãy thay đổi cài đặt sang **Có và in** hoặc tắt **Lưu vào máy tính**.

Bạn có thể tìm **Lưu vào máy tính** trong **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt nhận**.

Không thể gửi hoặc nhận fax ngay cả khi kết nối đã được thiết lập chính xác (Windows)

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Phần mềm không được cài đặt.

Giải pháp

Đảm bảo rằng trình điều khiển PC-FAX đã được cài đặt trên máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt với FAX Utility. Thực hiện theo các bước bên dưới để kiểm tra xem đã cài đặt chưa.

Đảm bảo máy in (fax) được hiển thị trong **Thiết bị và máy in**, **Máy in**, hoặc **Máy in và phần cứng khác**. Máy in (fax) được hiển thị là "EPSON XXXXX (FAX)". Nếu máy in (fax) không được hiển thị, hãy gỡ cài đặt và cài đặt lại FAX Utility. Xem hướng dẫn sau để truy cập **Thiết bị và Máy in**, **Máy in** hoặc **Máy in và Phần cứng khác**.

Windows 11

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả ứng dụng** > **Công cụ Windows** > **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**.

Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Hệ thống Windows** > **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**.

Windows 8.1/Windows 8

Chọn **Bàn làm việc** > **Thiết đặt** > **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** hoặc **Phần cứng**.

Windows 7

Nhấp nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và Âm thanh** hoặc **Phần cứng**.

Windows Vista

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển** > **Máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**

Windows XP

Nhấp nút bắt đầu và chọn **Thiết đặt** > **Panel điều khiển** > **Máy in và Phần cứng khác** > **Máy in và Fax**.

■ Xác thực người dùng không thành công khi fax được gửi từ máy tính.

Giải pháp

Đặt tên người dùng và mật khẩu trong trình điều khiển máy in. Khi gửi fax từ máy tính khi chức năng bảo mật hạn chế người dùng sử dụng chức năng fax của máy in được đặt, xác thực người dùng được thực hiện với tên người dùng và mật khẩu được đặt trong trình điều khiển máy in.

■ Có một số vấn đề với kết nối fax và cài đặt fax.

Giải pháp

Thử các độ phân giải cho kết nối fax và cài đặt fax.

■ Không thể gửi hoặc nhận ngay cả khi kết nối đã được thiết lập chính xác (Mac OS)

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Phần mềm không được cài đặt.

Giải pháp

Đảm bảo rằng trình điều khiển PC-FAX đã được cài đặt trên máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt với FAX Utility. Thực hiện theo các bước bên dưới để kiểm tra xem đã cài đặt chưa.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó đảm bảo rằng máy in (fax) được hiển thị. Máy in (fax) được hiển thị là "FAX XXXX (USB)" hoặc "FAX XXXX (IP)". Nếu máy in (fax) không hiển thị, nhấp [+] rồi đăng ký máy in (fax).

■ Trình điều khiển PC-FAX tạm dừng.

Giải pháp

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó nhấp đúp vào máy in (fax). Nếu máy in tạm dừng, nhấp **Tiếp tục** (hoặc **Tiếp tục máy in**).

■ Xác thực người dùng không thành công khi fax được gửi từ máy tính.

Giải pháp

Đặt tên người dùng và mật khẩu trong trình điều khiển máy in. Khi gửi fax từ máy tính khi chức năng bảo mật hạn chế người dùng sử dụng chức năng fax của máy in được đặt, xác thực người dùng được thực hiện với tên người dùng và mật khẩu được đặt trong trình điều khiển máy in.

■ Có một số vấn đề với kết nối fax và cài đặt fax.

Giải pháp

Thử các độ phân giải cho kết nối fax và cài đặt fax.

Giấy nạp không đúng cách

Những điểm cần kiểm tra

Kiểm tra các mục sau đây rồi thử lại các giải pháp tùy theo sự cố.

■ Vị trí lắp đặt không thích hợp.

Giải pháp

Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.

➔ [“Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 230](#)

■ Sử dụng giấy không được hỗ trợ.

Giải pháp

Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202](#)

➔ [“Các loại giấy không khả dụng” ở trang 204](#)

■ Xử lý giấy không phù hợp.

Giải pháp

Thực hiện theo các hướng dẫn thận trọng khi xử lý giấy.

➔ [“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 29](#)

■ Quá nhiều tờ được nạp vào máy in.

Giải pháp

Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy. Với giấy thường, không nạp cao hơn vạch biểu thị bằng hình tam giác trên thanh dẫn hướng bên cạnh.

→ “Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202

■ Cài đặt giấy trên máy in không chính xác.

Giải pháp

Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy khớp với khổ giấy và loại giấy thực tế đã nạp vào máy in.

→ “Cài đặt khổ giấy và loại giấy” ở trang 30

Giấy nạp vào bị nghiêng

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Nạp giấy theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép của giấy.

→ “Nạp giấy vào khay nạp giấy sau” ở trang 31

Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy ướt hoặc ẩm.

Giải pháp

Nạp giấy mới.

■ Tĩnh điện khiến các tờ giấy dính vào nhau.

Giải pháp

Quạt giấy trước khi nạp. Nếu giấy vẫn không nạp, hãy nạp một tờ giấy mỗi lần.

■ Nhiều tờ giấy được nạp cùng lúc trong quá trình in 2 mặt thủ công.

Giải pháp

Loại bỏ toàn bộ giấy được nạp vào nguồn giấy trước khi nạp lại giấy.

Xuất hiện lỗi hết giấy

■ Giấy không được nạp vào chính giữa khay nạp giấy sau.

Giải pháp

Khi xảy ra lỗi hết giấy mặc dù giấy được đưa vào khay nạp giấy sau, hãy đưa giấy vào lại chính giữa khay nạp giấy sau.

Bản gốc không nạp vào ADF

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Bản gốc không được hỗ trợ bởi ADF đang được sử dụng.

Giải pháp

Sử dụng bản gốc được ADF hỗ trợ.

→ “Thông số kỹ thuật ADF” ở trang 225

■ Bản gốc được đưa vào không chuẩn.

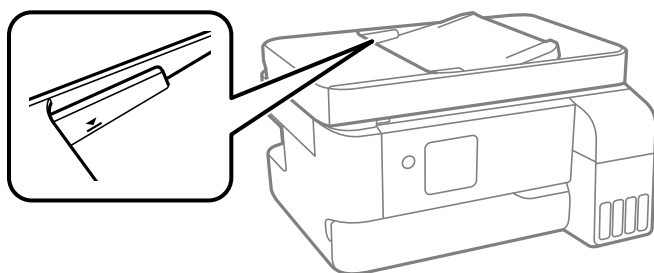
Giải pháp

Đưa bản gốc vào theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh của ADF đến mép của bản gốc.

■ Đưa quá nhiều bản gốc vào ADF.

Giải pháp

Không đưa vào các bản gốc cao hơn vạch có chỉ dẫn biểu tượng tam giác trên ADF.



■ Bản gốc bị trượt khi bụi giấy dính vào trục lăn.

Giải pháp

Làm sạch phần bên trong ADF.

→ “Làm sạch ADF” ở trang 109

Chất lượng in, sao chụp, quét và fax kém

Chất lượng in kém

Thiếu màu, dải màu hoặc màu sắc bất ngờ xuất hiện trong bản in



Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

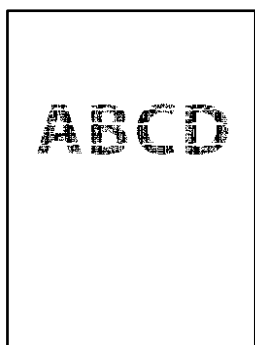
Giải pháp

- ❑ Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc. Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra.
- ❑ Nếu bạn in khi mức mực quá thấp để có thể nhìn thấy trong cửa sổ hộp mực, đổ đầy lại hộp mực đến vạch trên rồi sử dụng tiện ích **Vệ Sinh Tăng Cường** để thay mực bên trong ống mực. Sau khi bạn sử dụng tiện ích, thực hiện kiểm tra kim phun để xem chất lượng in có được cải thiện không.

➔ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104

➔ “Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 106

Chất lượng in kém với mực màu đen



Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

- ❑ Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc. Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra.

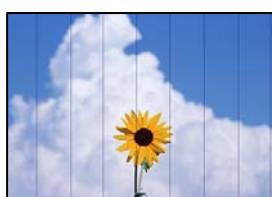
“Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104

- ❑ Nếu bạn không thể giải quyết vấn đề bằng cách làm sạch đầu in, bạn có thể in ngay lập tức bằng hỗn hợp mực màu để tạo ra màu đen tổng hợp bằng cách thay đổi cài đặt trong Windows.

Nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in. Nếu bạn chọn **Sử dụng hỗn hợp mực màu để tạo ra màu đen**, bạn có thể in với chất lượng in **Chuẩn** khi **Loại giấy** là **Giấy thường** hoặc **Bì thư**.

Lưu ý rằng tính năng này không thể giải quyết vấn đề tắc kim phun. Để giải quyết vấn đề tắc kim phun, bạn nên liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson để sửa chữa.

Dải màu xuất hiện cách nhau khoảng 3.3 cm



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ **Cài đặt loại giấy không khớp với giấy đã nạp.**

Giải pháp

Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.

→ “[Danh sách loại giấy](#)” ở trang 30

■ **Chất lượng in được đặt ở mức thấp.**

Giải pháp

Khi in trên giấy thường, hãy in bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

Windows

Chọn **Cao** từ **C.lượng** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.

Mac OS

Chọn **Nét** cho **Print Quality** tại menu **Cài đặt in** của hộp thoại máy in.

■ **Vị trí đầu in bị lệch khỏi vị trí căn chỉnh.**

Giải pháp

Chọn menu **Bảo trì** > **Chính đầu in** > **Căn chỉnh chiều ngang** trên bảng điều khiển để căn chỉnh đầu in.

Bản in bị mờ, có dải dọc hoặc bị lệch



enthalten alle
Aufdruck. W
↓ 5008 "Regel

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau. Kiểm tra các nguyên nhân và thực hiện theo các giải pháp theo trình tự từ trên xuống.

■ **Vị trí đầu in bị lệch khỏi vị trí căn chỉnh.**

Giải pháp

Chọn menu **Bảo trì** > **Chính đầu in** > **Căn chỉnh dọc** trên bảng điều khiển để căn chỉnh đầu in.

■ **Cài đặt in hai chiều đang bật.**

Giải pháp

Nếu chất lượng in không cải thiện ngay cả sau khi căn chỉnh đầu in, hãy tắt cài đặt hai chiều.

Trong khi in hai chiều (hoặc tốc độ cao), đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều, và các đường dọc có thể bị lệch. Tốc độ in có thể chậm đi khi tắt cài đặt này nhưng chất lượng in được cải thiện.

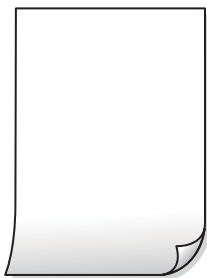
Windows

Bỏ chọn **In hai chiều** trên thẻ **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.

Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Tắt** làm cài đặt **In hai chiều**.

Bản in đi ra ở dạng giấy trống



■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

Thực hiện kiểm tra kim phun, sau đó thử Vệ Sinh Tăng Cường nếu các kim phun đầu in bị tắc.

→ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104

→ “Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 106

■ Cài đặt in và khổ giấy đã nạp vào máy in khác nhau.

Giải pháp

Thay đổi cài đặt in theo khổ giấy đã nạp vào máy in. Nạp giấy vào máy in khớp với cài đặt in.

■ Nhiều tờ giấy được nạp vào máy in cùng một lúc.

Giải pháp

Xem phần sau để ngăn ngừa việc nạp nhiều tờ giấy vào máy in cùng một lúc.

→ “Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần” ở trang 156

Giấy bị bẩn hoặc mòn



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Khi có dải ngang (vuông góc với hướng in) xuất hiện hoặc phần đầu hoặc cuối giấy bị nhòe mực, hãy nạp giấy theo đúng hướng và trượt các thanh dẫn hướng cạnh đến các mép giấy.

➔ “Nạp giấy vào khay nạp giấy sau” ở trang 31

■ Đường dẫn giấy bị bẩn.

Giải pháp

Khi dải dọc (chiều ngang so với hướng in) xuất hiện hoặc giấy bị bẩn, hãy vệ sinh đường dẫn giấy.

➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 108

■ Giấy bị cuộn.

Giải pháp

Đặt giấy lên bề mặt phẳng để kiểm tra giấy có bị cong không. Nếu có, hãy vuốt phẳng giấy.

■ Đầu in chà xát lên bề mặt giấy.

Giải pháp

Khi in trên giấy dày, đầu in gắn với bề mặt in và giấy có thể bị rà mòn. Trong trường hợp này, hãy bật cài đặt giảm rà mòn. Nếu bạn bật cài đặt này, chất lượng in có thể giảm hoặc tốc độ in có thể chậm lại.

Windows

Nhấp vào **Cài đặt mở rộng** trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, sau đó chọn **Giấy hạt mịn**.

■ Mặt sau của giấy được in trước khi mặt đã in khô.

Giải pháp

Khi in 2 mặt theo cách thủ công, đảm bảo rằng mực khô hoàn toàn trước khi nạp lại giấy.

Ảnh chụp đã in bị dính



■ Bản in đã được thực hiện trên mặt giấy ảnh không đúng.

Giải pháp

Đảm bảo bạn đang in trên mặt có thể in. Khi in trên mặt sai của giấy ảnh, bạn cần vệ sinh đường dẫn giấy.

➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 108

Hình hoặc ảnh chụp được in bằng màu sắc không mong muốn



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc. Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra.

→ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104

Chỉnh sửa màu đã được áp dụng.

Giải pháp

Khi in từ trình điều khiển máy in Windows, cài đặt điều chỉnh ảnh tự động của Epson được áp dụng theo mặc định tùy vào loại giấy. Thử thay đổi cài đặt.

Trên tab **Tùy chọn khác**, chọn **Tùy biến** trong **Hiệu chỉnh màu**, sau đó nhấp vào **Nâng cao**. Thay đổi cài đặt **Hiệu chỉnh cảnh** từ **Tự động** sang bất kỳ tùy chọn nào khác. Nếu việc thay đổi cài đặt này không giúp khắc phục sự cố, hãy sử dụng bất kỳ phương thức sửa màu nào khác ngoài **PhotoEnhance** trong **Quản lý màu**.

→ “Điều Chỉnh Màu In” ở trang 53

Màu trong bản in khác với màu trên màn hình



Bạn vẫn chưa điều chỉnh chính xác các thuộc tính màu cho thiết bị hiển thị bạn đang sử dụng.

Giải pháp

Các thiết bị hiển thị như màn hình máy tính có các thuộc tính hiển thị riêng. Nếu màn hình không cân bằng, các hình ảnh không được hiển thị với màu sắc và độ sáng thích hợp. Điều chỉnh thuộc tính của thiết bị. Nếu bạn đang sử dụng Mac OS thì cũng hãy thực hiện thao tác sau.

Truy cập hộp thoại in. Chọn **Khớp Màu** từ menu bật lên và sau đó chọn **ColorSync**.

■ Thiết bị hiển thị đang phản chiếu ánh sáng bên ngoài.

Giải pháp

Tránh ánh sáng trực tiếp và đảm bảo hình ảnh ở nơi chiếu sáng thích hợp.

■ Thiết bị hiển thị có độ phân giải cao.

Giải pháp

Màu sắc có thể khác với những gì bạn thấy trên thiết bị thông minh như điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng có màn hình độ phân giải cao.

■ Thiết bị hiển thị và máy in có quá trình tạo màu khác nhau.

Giải pháp

Màu sắc trên màn hình không giống hoàn toàn với màu sắc trên giấy vì thiết bị hiển thị và máy in có quy trình tạo ra màu sắc khác nhau. Điều chỉnh các thuộc tính màu sắc để các màu giống hệt nhau.

Không thể in không có lề



■ Tùy chọn không lề không được đặt trong cài đặt in.

Giải pháp

Thực hiện cài đặt không lề trong cài đặt in. Nếu bạn chọn loại giấy không hỗ trợ in không lề, bạn không thể chọn **Ko viền**. Chọn loại giấy hỗ trợ in không lề.

Windows

Chọn **Ko viền** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.

Mac OS

Chọn kích thước giấy không lề tại **Cỡ giấy**.

➔ [“Giấy in không đường viền” ở trang 203](#)

Mép của ảnh bị cắt trong quá trình in không đường viền



■ Vì hình ảnh được phóng to lên một chút, vùng nhô ra được cắt đi.

Giải pháp

Chọn cài đặt phóng to ít hơn.

Windows

Nhấp vào **Cài đặt** bên cạnh hộp kiểm **Ko viên** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in, sau đó thay đổi cài đặt.

Mac OS

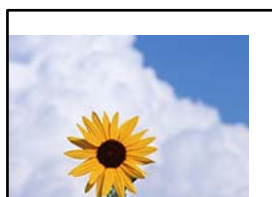
Thay đổi cài đặt **Mở rộng** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

■ Tỷ lệ khung hình của dữ liệu hình ảnh và khổ giấy khác nhau.

Giải pháp

Nếu tỷ lệ khung hình của dữ liệu hình ảnh và khổ giấy khác nhau, thì cạnh dài hình ảnh sẽ bị cắt nếu nó vượt ra ngoài cạnh dài của giấy.

Vị trí, kích cỡ hoặc lề của bản in ra không chính xác



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Nạp giấy theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép của giấy.

➔ [“Nạp giấy vào khay nạp giấy sau” ở trang 31](#)

■ Kích thước của giấy được đặt không chính xác.

Giải pháp

Chọn cài đặt kích thước giấy thích hợp.

■ Cài đặt lề trong phần mềm ứng dụng không nằm trong vùng in.

Giải pháp

Điều chỉnh cài đặt lề trong ứng dụng sao cho nội dung in lên vùng có thể in được.

➔ [“Khu vực có thể in” ở trang 223](#)

- Mac OS

Xóa thiết lập **Mirror Image** từ menu **Cài đặt in** của hộp thoại in.

Mẫu kiểu che mờ trên bản in



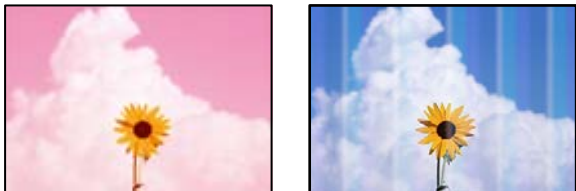
■ Hình ảnh hoặc ảnh có độ phân giải thấp đã được in.

Giải pháp

Khi in hình ảnh hoặc ảnh, hãy in bằng dữ liệu có độ phân giải cao. Hình ảnh trên các trang web thường có độ phân giải thấp mặc dù nhìn chúng vẫn đẹp trên màn hình, vì vậy chất lượng in có thể suy giảm.

Chất lượng sao chụp kém

Thiếu màu, dải màu hoặc màu sắc bất ngờ xuất hiện trong các bản sao chụp



■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

- Thực hiện kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Kiểm tra kim phun, sau đó vệ sinh đầu in nếu bất kỳ kim phun nào của đầu in bị tắc. Nếu bạn không sử dụng máy in trong một thời gian dài, các kim phun đầu in có thể bị tắc và các giọt mực có thể không chảy ra.
- Nếu bạn in khi mức mực quá thấp để có thể nhìn thấy trong cửa sổ hộp mực, đổ đầy lại hộp mực đến vạch trên rồi sử dụng tiện ích **Vệ Sinh Tăng Cường** để thay mực bên trong ống mực. Sau khi bạn sử dụng tiện ích, thực hiện kiểm tra kim phun để xem chất lượng in có được cải thiện không.

➔ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104

➔ “Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 106

Dải màu xuất hiện cách nhau khoảng 3.3 cm



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Cài đặt loại giấy không khớp với giấy đã nạp.

Giải pháp

Chọn cài đặt loại giấy thích hợp với loại giấy đã nạp vào máy in.

→ “[Danh sách loại giấy](#)” ở trang 30

■ Chất lượng in được đặt ở mức thấp.

Giải pháp

Khi in trên giấy thường, hãy in bằng cài đặt chất lượng cao hơn.

Chọn Cao trong **Chất lượng**.

→ “[Chất lượng:](#)” ở trang 65

■ Vị trí đầu in bị lệch khỏi vị trí căn chỉnh.

Giải pháp

Chọn menu **Bảo trì** > **Chỉnh đầu in** > **Căn chỉnh chiều ngang** trên bảng điều khiển để căn chỉnh đầu in.

Bản sao bị mờ, có dải dọc hoặc bị lệch



enthalten alle
Aufdruck. W
↓ 5008 "Regel

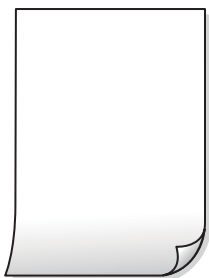
Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Vị trí đầu in bị lệch khỏi vị trí căn chỉnh.

Giải pháp

Chọn menu **Bảo trì** > **Chỉnh đầu in** > **Căn chỉnh dọc** trên bảng điều khiển để căn chỉnh đầu in.

Bản in đi ra ở dạng giấy trống



■ Các kim phun của đầu in có thể bị tắc.

Giải pháp

Thực hiện kiểm tra kim phun, sau đó thử Vệ Sinh Tăng Cường nếu các kim phun đầu in bị tắc.

→ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104

→ “Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 106

■ Cài đặt in và khổ giấy đã nạp vào máy in khác nhau.

Giải pháp

Thay đổi cài đặt in theo khổ giấy đã nạp vào máy in. Nạp giấy vào máy in khớp với cài đặt in.

■ Nhiều tờ giấy được nạp vào máy in cùng một lúc.

Giải pháp

Xem phần sau để ngăn ngừa việc nạp nhiều tờ giấy vào máy in cùng một lúc.

→ “Nạp Nhiều Tờ Giấy Mỗi Lần” ở trang 156

Giấy bị bẩn hoặc mòn



Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Khi có dải ngang (vuông góc với hướng in) xuất hiện hoặc phần đầu hoặc cuối giấy bị nhòe mực, hãy nạp giấy theo đúng hướng và trượt các thanh dẫn hướng cạnh đến các mép giấy.

→ “Nạp giấy vào khay nạp giấy sau” ở trang 31

■ Đường dẫn giấy bị bẩn.

Giải pháp

Khi dải dọc (chiều ngang so với hướng in) xuất hiện hoặc giấy bị bẩn, hãy vệ sinh đường dẫn giấy.

→ “Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 108

■ Giấy bị cuộn.

Giải pháp

Đặt giấy lên bề mặt phẳng để kiểm tra giấy có bị cong không. Nếu có, hãy vuốt phẳng giấy.

Không thể sao chụp không có lề



■ Tùy chọn không lề không được đặt trong cài đặt in.

Giải pháp

Chọn **Sao chụp** > **Xem thêm** > **Cài đặt** > **Cài đặt** > **Sao chụp không viền** trên bảng điều khiển. Nếu bạn chọn loại giấy không hỗ trợ in không lề, bạn không thể bật cài đặt không lề. Chọn loại giấy hỗ trợ in không lề.

→ “Giấy in không đường viền” ở trang 203

Các cạnh của hình ảnh bị cắt trong khi sao chụp không lề



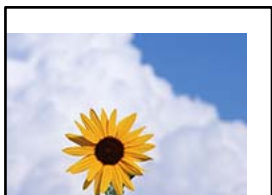
■ Vì hình ảnh được phóng to lên một chút, vùng nhô ra được cắt đi.

Giải pháp

Chọn cài đặt phóng to ít hơn.

Chọn **Sao chụp** > **Xem thêm** > **Cài đặt** > **Cài đặt** > **Sao chụp không viền** và cài đặt **Phóng to**.

Vị trí, kích thước hoặc lề của bản in không chính xác



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

Giấy được nạp không đúng cách.

Giải pháp

Nạp giấy theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép của giấy.

➔ “Nạp giấy vào khay nạp giấy sau” ở trang 31

Bản gốc đặt không chính xác.

Giải pháp

Đảm bảo đặt bản gốc thích hợp theo các dấu căn chỉnh.

Nếu thiếu cạnh hình quét, hãy di chuyển bản gốc hơi xa ra cạnh mặt kính máy quét.

➔ “Đặt bản gốc” ở trang 35

Có bụi hoặc vết bẩn trên kính máy quét.

Giải pháp

Khi đặt bản gốc lên kính máy quét, loại bỏ mọi bụi bẩn bám vào bản gốc và làm sạch kính máy quét. Nếu có bụi hoặc vết bẩn trên kính, khu vực sao chép có thể mở rộng để bao gồm bụi hoặc vết bẩn, dẫn đến vị trí sao chép không đúng hoặc ảnh nhỏ.

Kích thước của giấy được đặt không chính xác.

Giải pháp

Chọn cài đặt kích thước giấy thích hợp.

Màu không đều, vết bẩn, vết chấm hoặc đường thẳng xuất hiện trên hình ảnh đã sao chép



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Đường dẫn giấy bẩn.

Giải pháp

Nạp và đẩy giấy ra nhưng không in để làm sạch đường dẫn giấy.

➔ “[Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bản](#)” ở trang 108

■ Có bụi hoặc vết bẩn trên bản gốc hoặc kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ bụi hoặc vết bẩn bám trên bản gốc và làm sạch kính máy quét.

➔ “[Vệ sinh Kính Máy Scan](#)” ở trang 108

■ Có bụi hoặc bẩn trên ADF hoặc bản gốc.

Giải pháp

Vệ sinh ADF và loại bỏ bụi bẩn bám trên bản gốc.

➔ “[Làm sạch ADF](#)” ở trang 109

■ Bận ấn quá mạnh để ép bản gốc.

Giải pháp

Nếu bạn ấn quá mạnh, hiện tượng mờ, vết bẩn và đốm có thể xảy ra.

Không ấn quá mạnh lên bản gốc hoặc nắp tài liệu.

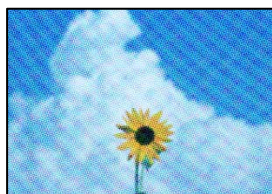
■ Cài đặt mật độ sao chụp quá cao.

Giải pháp

Hãy giảm cài đặt mật độ sao chụp.

➔ “[Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp](#)” ở trang 64

Mẫu vân sóng (gạch chéo) xuất hiện trong hình ảnh quét



■ Nếu bản gốc là một tài liệu in như tạp chí hoặc catalog, mẫu moiré dạng chấm xuất hiện.

Giải pháp

Thay đổi cài đặt thu nhỏ và phóng to. Nếu mẫu moiré vẫn xuất hiện, hãy đặt bản gốc ở một góc hơi khác.

➔ “[Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp](#)” ở trang 64

Ảnh của mặt ngược lại của bản gốc xuất hiện trong ảnh sao chụp



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Khi quét bản gốc mỏng, máy quét có thể quét hình ảnh ở mặt sau cùng lúc.

Giải pháp

Đặt bản gốc lên kính máy quét và sau đó đặt một mảnh giấy đen lên trên.

→ “Đặt bản gốc lên kính máy scan” ở trang 37

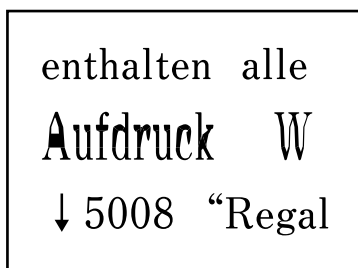
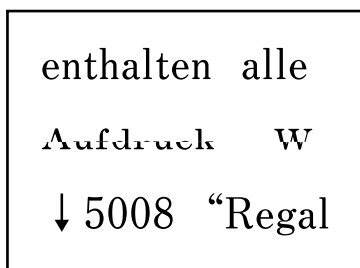
■ Cài đặt mật độ sao chụp quá cao.

Giải pháp

Hãy giảm cài đặt mật độ sao chụp.

→ “Tùy chọn menu Xem thêm cho sao chụp” ở trang 64

Văn bản hoặc hình đã sao chụp từ ADF bị ép lại hoặc kéo giãn



■ Một số bản gốc không thể quét chính xác từ ADF.

Giải pháp

Đặt bản gốc lên kính máy quét.

→ “Đặt bản gốc lên kính máy scan” ở trang 37

Các vấn đề với ảnh quét

Màu không đồng, có vết bẩn, đốm, v.v. xuất hiện khi quét từ kính máy quét



■ Có bụi hoặc vết bẩn trên bản gốc hoặc kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ bụi hoặc vết bẩn bám trên bản gốc và làm sạch kính máy quét.

➔ “Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 108

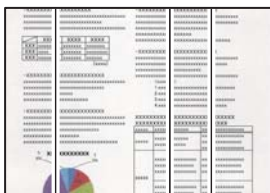
■ Bấm quá mạnh để ép bản gốc.

Giải pháp

Nếu bạn ấn quá mạnh, hiện tượng mờ, vết bẩn và đốm có thể xảy ra.

Không ấn quá mạnh lên bản gốc hoặc nắp tài liệu.

Những đường thẳng xuất hiện khi quét từ ADF



■ Có bụi hoặc bẩn trên ADF hoặc bản gốc.

Giải pháp

Vệ sinh ADF và loại bỏ bụi bẩn bám trên bản gốc.

➔ “Làm sạch ADF” ở trang 109

Có sự xô dịch trên nền của hình ảnh quét

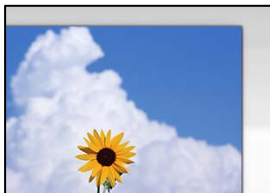


■ Khi quét bản gốc mỏng, máy quét có thể quét hình ảnh ở mặt sau cùng lúc.

Giải pháp

Khi quét từ kính máy quét, hãy đặt giấy đen hoặc một miếng lót bàn lên trên bản gốc.

Không thể quét vùng thích hợp trên mặt kính máy quét



■ Bản gốc đặt không chính xác.

Giải pháp

- Đảm bảo đặt bản gốc thích hợp theo các dấu căn chỉnh.
- Nếu thiếu cạnh hình quét, hãy di chuyển bản gốc hơi xa ra cạnh mặt kính máy quét.

→ “Đặt bản gốc” ở trang 35

■ Có bụi hoặc vết bẩn trên kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ mọi loại rác và bụi bẩn trên kính máy quét và nắp tài liệu. Nếu có mọi loại rác hoặc bụi bẩn nào xung quanh bản gốc, khoảng quét sẽ mở rộng để bao gồm nó.

→ “Vệ sinh Kính Máy Scan” ở trang 108

Không thể giải quyết vấn đề trong hình ảnh đã quét

Kiểm tra phần sau nếu bạn đã thử tất cả các giải pháp và chưa giải quyết được vấn đề.

■ Có vấn đề với cài đặt phần mềm quét.

Giải pháp

Sử dụng Epson Scan 2 Utility để khởi tạo cài đặt cho phần mềm máy quét.

Lưu ý:

Epson Scan 2 Utility là ứng dụng đi cùng với phần mềm máy quét.

1. Bắt đầu Epson Scan 2 Utility.

- Windows 11

Nhấp nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả ứng dụng** > **EPSON** > **Epson Scan 2 Utility**.

- Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **EPSON** > **Epson Scan 2 Utility**.

- Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả các chương trình** hoặc **Chương trình > EPSON > Epson Scan 2 > Epson Scan 2 Utility**.

- Mac OS

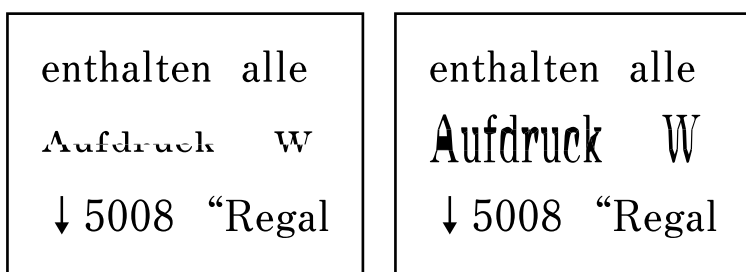
Chọn **Thực hiện > Ứng dụng > Epson Software > Epson Scan 2 Utility**.

2. Chọn tab **Khác**.
3. Nhấp vào **Cài lại**.

Nếu việc khởi tạo không giải quyết được vấn đề, hãy gỡ cài đặt và cài đặt lại phần mềm máy quét.

➔ “Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 115

Văn bản hoặc hình đã quét từ ADF bị ép lại hoặc kéo giãn



■ Một số bản gốc không thể quét chính xác từ ADF.

Giải pháp

Đặt bản gốc lên kính máy quét.

Chọn **(?)**, sau đó chọn **Cách làm > Đặt các bản gốc > Kính máy quét**. Chọn **Kết thúc** để đóng màn hình hình động.

Bản fax gửi đi có chất lượng kém

Chất lượng của bản fax gửi đi kém



Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Có bụi hoặc vết bẩn trên bản gốc hoặc kính máy quét.

Giải pháp

Loại bỏ bụi hoặc vết bẩn bám trên bản gốc và làm sạch kính máy quét.

➔ “[Vệ sinh Kính Máy Scan](#)” ở trang 108

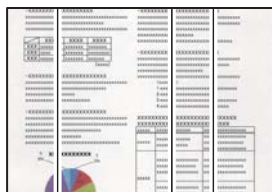
■ Bản ấn quá mạnh để ép bản gốc.

Giải pháp

Nếu bạn ấn quá mạnh, hiện tượng mờ, vết bẩn và đốm có thể xảy ra.

Không ấn quá mạnh lên bản gốc hoặc nắp tài liệu.

Những đường thẳng xuất hiện khi gửi fax từ ADF



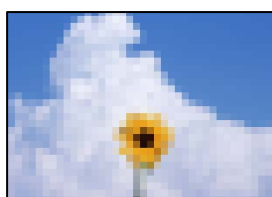
■ Có bụi hoặc bẩn trên ADF hoặc bản gốc.

Giải pháp

Vệ sinh ADF và loại bỏ bụi bẩn bám trên bản gốc.

➔ “[Làm sạch ADF](#)” ở trang 109

Hình ảnh của bản fax gửi đi có chất lượng kém



Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.

■ Độ phân giải được đặt ở mức thấp.

Giải pháp

Nếu bạn không biết hiệu suất của máy fax của người gửi, hãy đặt như sau trước khi gửi fax.

Chọn Fax > Menu > Cài đặt quét, sau đó thực hiện cài đặt **Độ phân giải** để cài hình ảnh chất lượng cao nhất.

Chọn Fax > Menu > Cài đặt gửi fax, sau đó bật **Gửi trực tiếp**.

Lưu ý rằng nếu bạn đặt **Độ phân giải** là **Ảnh chụp** nhưng bạn gửi fax mà không bật **Gửi trực tiếp**, bản fax có thể được gửi ở độ phân giải thấp hơn.

■ Cài đặt ECM đang tắt.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** và bật cài đặt ECM trên bảng điều khiển máy in. Cài đặt này có thể xóa các lỗi xảy ra do vấn đề kết nối. Lưu ý rằng tốc độ gửi và nhận fax có thể chậm hơn so với khi ECM tắt.

Ảnh đảo ngược hai bên của bản gốc xuất hiện trong bản fax gửi đi



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Khi quét bản gốc mỏng, máy quét có thể quét hình ảnh ở mặt sau cùng lúc.

Giải pháp

Đặt bản gốc lên kính máy quét và sau đó đặt một mảnh giấy đen lên trên.

➔ [“Đặt bản gốc lên kính máy scan” ở trang 37](#)

■ Cài đặt mật độ có giá trị cao khi gửi fax.

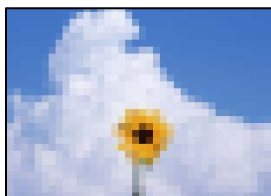
Giải pháp

Chọn Fax > Menu > Cài đặt quét > Mật độ, sau đó giảm cài đặt này.

Fax đã nhận có chất lượng kém

■ Hình ảnh của fax đã nhận có chất lượng kém

Giải pháp



Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

■ Cài đặt ECM đang tắt.

Giải pháp

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** và bật cài đặt ECM trên bảng điều khiển máy in. Cài đặt này có thể xóa các lỗi xảy ra do vấn đề kết nối. Lưu ý rằng tốc độ gửi và nhận fax có thể chậm hơn so với khi ECM tắt.

Cài đặt chất lượng hình ảnh là thấp trên máy fax của người gửi.**Giải pháp**


Yêu cầu người gửi fax với chất lượng cao hơn.

Không thể chọn loại giấy hoặc nguồn giấy trong trình điều khiển máy in**Trình điều khiển máy in Epson chính hãng chưa được cài đặt.****Giải pháp**

Nếu trình điều khiển máy in Epson chính hãng (EPSON XXXXX) chưa được cài đặt, các chức năng sẵn có sẽ có giới hạn. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng trình điều khiển máy in Epson chính hãng.

Mã lỗi hiển thị trên màn hình LCD

Mã được hiển thị trên màn hình LCD nếu có lỗi hoặc thông tin yêu cầu bạn chú ý. Nếu mã được hiển thị, hãy làm theo các giải pháp bên dưới để giải quyết sự cố.

Mã	Tình huống	Giải pháp
E-01	Đã xảy ra lỗi máy in.	Mở nắp đậy trong và bộ phận máy quét, sau đó gỡ bỏ toàn bộ giấy hoặc vật liệu bảo vệ bên trong máy in. Tắt nguồn và bật lại.
E-02	Đã xảy ra lỗi máy quét.	Tắt nguồn và bật lại.
E-12	Cần thay thế tấm lót mực in không đường viền.	Liên hệ với Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền của Epson để thay tấm lót mực in không lể*. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Chức năng in không đường viền không khả dụng, nhưng có thể in có đường viền.
W-01	Đã xảy ra kẹt giấy.	Lấy giấy ra khỏi máy in và nhấn nút được hiển thị ở cuối màn hình LCD để khắc phục lỗi. Trong một số trường hợp, bạn cần tắt nguồn và bật lại.
W-14	Tấm lót mực để in không đường viền gần đến cuối tuổi thọ hoạt động.	Liên hệ với Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền của Epson để thay tấm lót mực in không lể*. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Thông báo sẽ được hiển thị cho đến khi tấm lót mực được thay thế. Nhấn nút  để tiếp tục in.
I-22	Đặt Wi-Fi từ Nút ấn (WPS) .	Nhấn nút điểm truy cập. Nếu không có nút nào trên điểm truy cập, hãy mở cửa sổ cài đặt điểm truy cập và sau đó nhấp vào nút được hiển thị trong phần mềm.
I-23	Đặt Wi-Fi từ Mã PIN (WPS) .	Nhập mã PIN hiển thị trên màn hình LCD vào điểm truy cập hoặc máy tính trong vòng hai phút.
I-31	Đặt Wi-Fi từ Kết nối Tự động Wi-Fi .	Cài đặt phần mềm trên máy tính của bạn và sau đó nhấn nút OK khi quá trình thiết lập Wi-Fi bắt đầu.
I-41	Tự hiện th.lập giấy được tắt. Một số chức năng không sử dụng được.	Nếu Tự hiện th.lập giấy bị tắt, bạn không thể sử dụng AirPrint.

Mã	Tình huống	Giải pháp
I-60	Máy tính của bạn có thể không hỗ trợ WSD (Dịch vụ web cho thiết bị).	Tính năng quét vào máy tính (WSD) chỉ khả dụng cho các máy tính chạy phiên bản tiếng Anh của Windows 10, Windows 8.1, Windows 8, Windows 7 hoặc Windows Vista. Đảm bảo rằng máy in được kết nối đúng cách với máy tính.
-	Tắt nguồn và bật lại. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ XX.	Hãy thử các giải pháp sau. 1. Tắt máy in và bật lại. 2. Nếu bạn đang sử dụng kết nối Wi-Fi, hãy tắt và bật lại bộ định tuyến không dây. Nếu thông báo lỗi vẫn hiển thị, hãy ghi lại mã lỗi, sau đó liên hệ với bộ phận hỗ trợ Epson.
-	Miếng thấm mực đã hết hạn sử dụng. Hãy liên hệ Hỗ trợ của Epson.	Cần thay thế tấm lót mực. Hãy liên hệ Epson hoặc nhà cung cấp dịch vụ ủy quyền của Epson để thay tấm lót mực. Đây không phải là bộ phận người dùng có thể bảo trì. Nếu tấm lót mực đã hết hạn sử dụng, bạn không thể thực hiện vệ sinh được nữa. Bạn có thể thực hiện lệnh in nhưng chất lượng bản in không thể đảm bảo.
Recovery Mode	Máy in đã bắt đầu ở chế độ khôi phục vì việc cập nhật chương trình cơ sở đã thất bại.	Làm theo các bước bên dưới để thử cập nhật lại chương trình cơ sở. 1. Kết nối máy tính và máy in bằng cáp USB. (Trong khi ở chế độ khôi phục, bạn không thể cập nhật chương trình cơ sở qua kết nối mạng.) 2. Truy cập trang web Epson tại địa phương của bạn để được hướng dẫn thêm.

* Trong một số chu trình in, một lượng mực thừa rất nhỏ có thể được thu thập trong tấm lót mực in không viền. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi tấm lót, sản phẩm được thiết kế dùng in không đường viền khi tấm lót đã đạt đến giới hạn. Liệu việc này có được yêu cầu không và thường xuyên như thế nào thay đổi tùy thuộc vào số trang mà bạn in với tùy chọn in không đường viền. Nhu cầu thay thế tấm lót không có nghĩa là máy in đã dùng vận hành theo thông số kỹ thuật của máy in. Máy in sẽ cho bạn biết khi nào tấm lót cần thay thế và điều này chỉ có thể được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ Epson được ủy quyền. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này.

Giấy bị kẹt

Kiểm tra lỗi được hiển thị trên bảng điều khiển và thực hiện theo các hướng dẫn để gỡ bỏ giấy bị kẹt, bao gồm mọi mảnh giấy bị rách. Tiếp theo, xóa thông báo lỗi.



Quan trọng:

- Gỡ bỏ giấy bị kẹt thật cẩn thận. Gỡ bỏ giấy quá mạnh tay có thể làm hỏng máy in.
- Khi gỡ bỏ giấy bị kẹt, tránh làm nghiêng máy in, đặt theo chiều đứng hoặc lật úp máy in; nếu không mực có thể rò rỉ.

Gỡ bỏ giấy bị kẹt

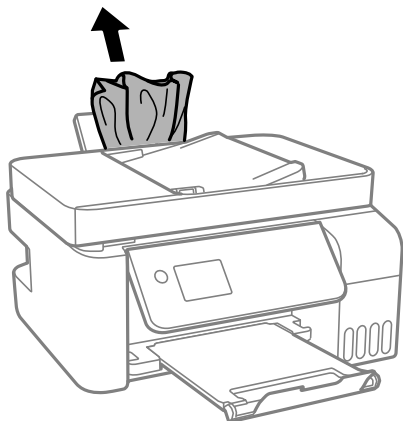
Bạn cũng có thể xem quy trình này trong Sổ h.dẫn xem phim qua mạng. Truy cập trang web sau.

<https://support.epson.net/publist/vlink.php?code=NPD7019>

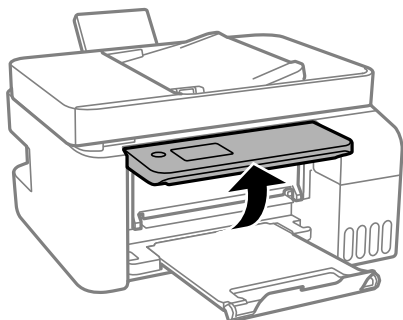
⚠️ Chú ý:

Không chạm vào các nút trên bảng điều khiển khi tay của bạn đang ở bên trong máy in. Nếu máy in bắt đầu hoạt động thì bạn có thể bị thương. Cần thận không chạm vào các bộ phận nhô ra để tránh thương tích.

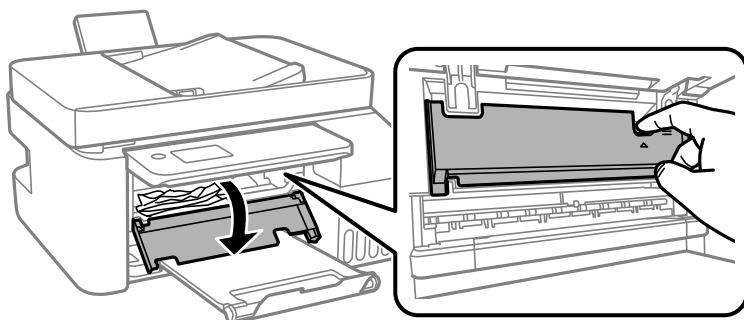
1. Lấy giấy bị kẹt ra.



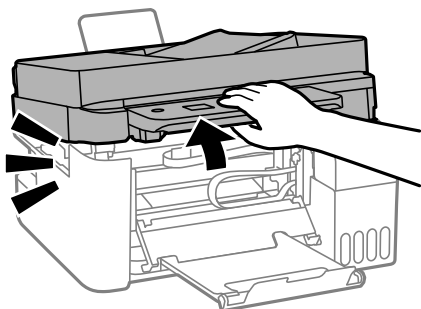
2. Nâng bảng điều khiển.



3. Mở nắp đậy trong.



4. Mở bộ phận máy quét cho tới khi nghe tiếng cách.



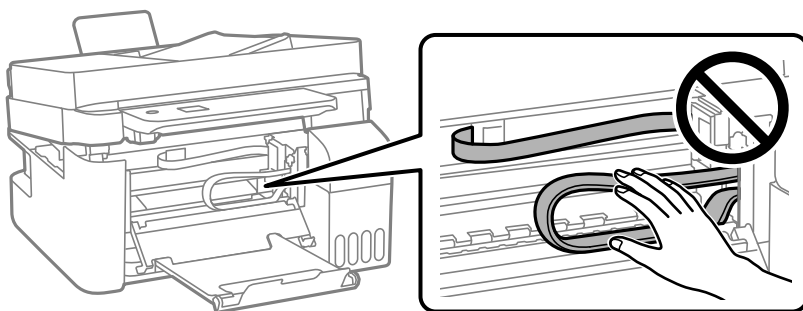
Chú ý:

Cần thận không kẹp tay hoặc ngón tay của bạn khi mở hoặc đóng bộ phận máy quét. Nếu không, bạn có thể bị thương.

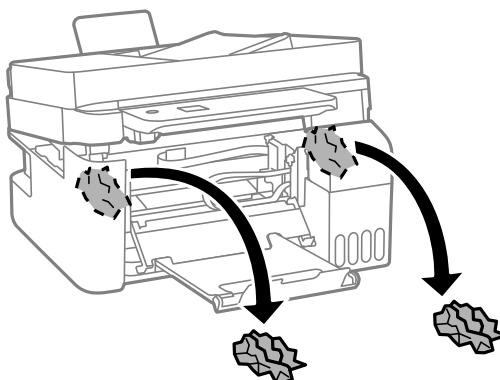
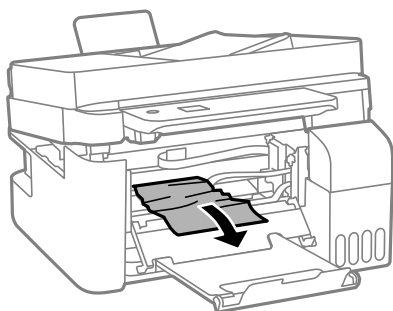


Quan trọng:

Không chạm vào các bộ phận được hiển thị trong hình minh họa bên trong máy in. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.

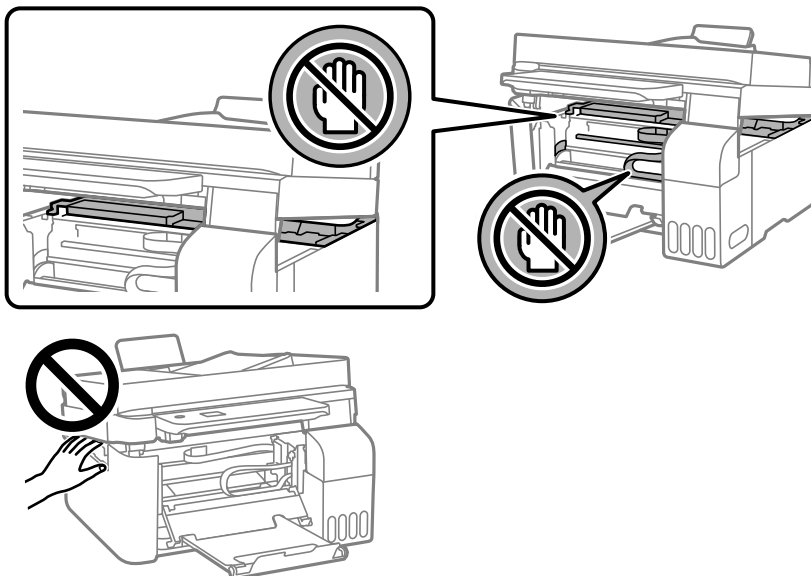


5. Lấy giấy bị kẹt ra.



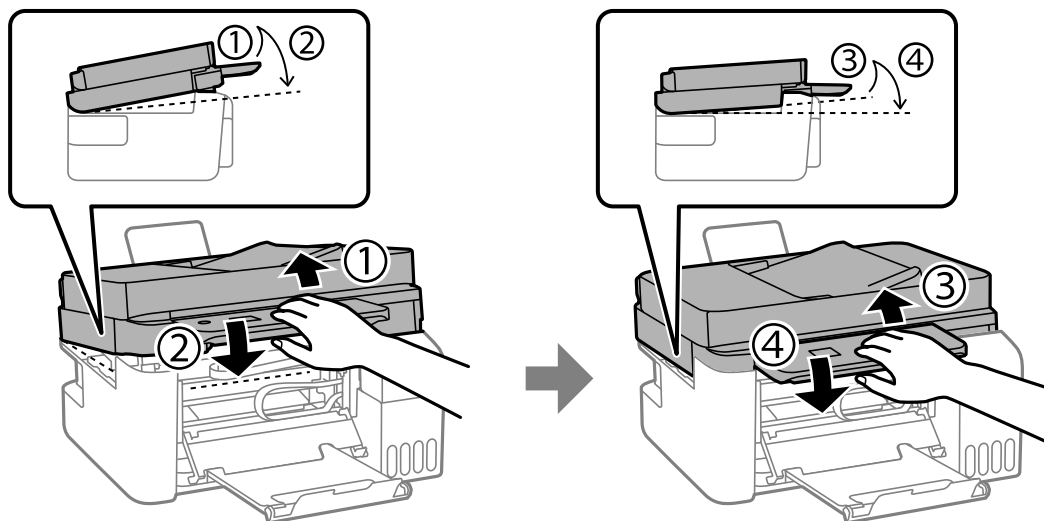
! **Quan trọng:**

Không chạm vào các bộ phận được hiển thị trong hình minh họa bên trong máy in. Làm như vậy có thể gây ra lỗi.



6. Đóng bộ phận máy quét.

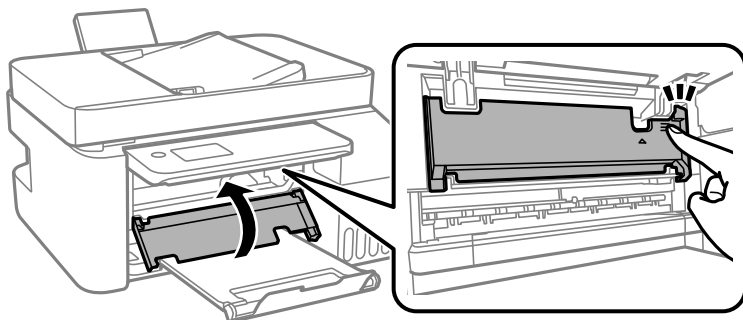
Để an toàn, bộ phận máy quét được đóng theo hai bước.



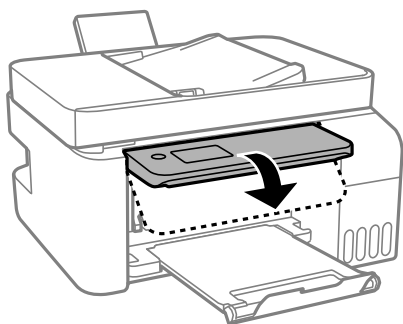
Lưu ý:

Phải đóng hoàn toàn bộ phận máy quét trước khi có thể mở lại.

7. Đóng nắp đậy trong.

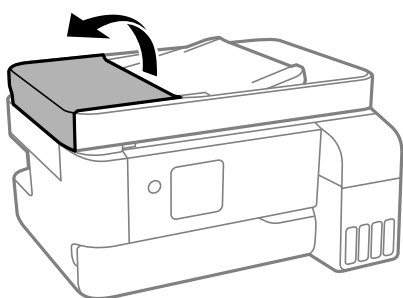


8. Đóng bảng điều khiển.

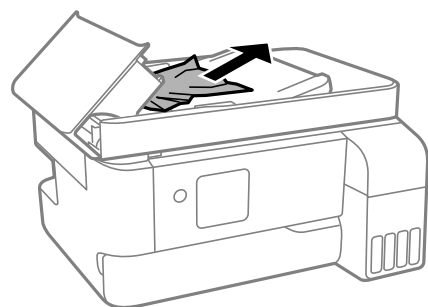


Gỡ bỏ giấy bị kẹt từ ADF

1. Mở nắp đậy ADF.



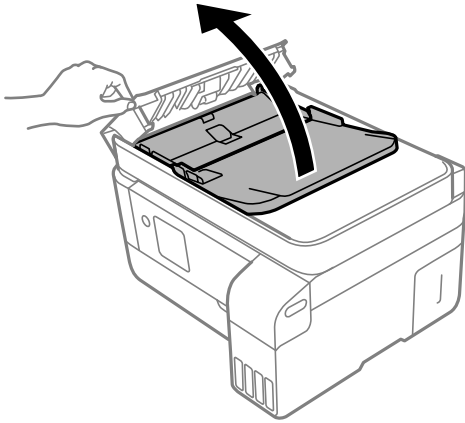
2. Lấy giấy bị kẹt ra.



3. Nâng khay đầu vào ADF.

! **Quan trọng:**

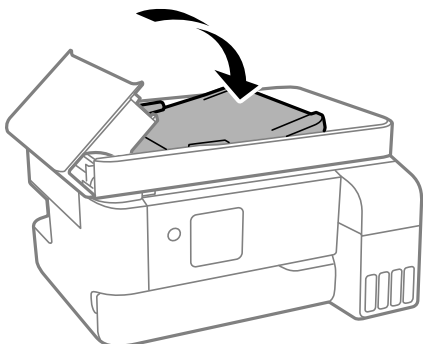
Đảm bảo rằng bạn mở nắp ADF trước khi nâng khay đầu vào ADF. Nếu không, ADF có thể bị hỏng.



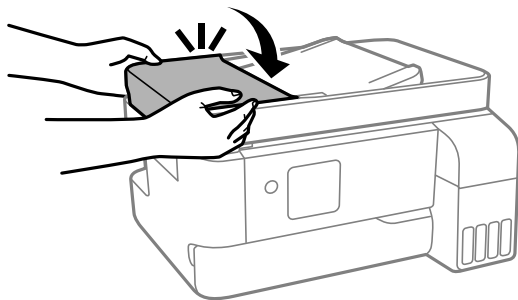
4. Lấy giấy bị kẹt ra.



5. Hạ khay đầu vào ADF.



6. Đóng nắp ADF cho đến khi nghe thấy tiếng cách.



Ngăn ngừa kẹt giấy

Kiểm tra như sau nếu kẹt giấy xảy ra thường xuyên.

- Đặt máy in trên bề mặt phẳng và vận hành trong điều kiện môi trường được khuyến nghị.
“Thông số kỹ thuật môi trường” ở trang 230
- Sử dụng giấy được máy in này hỗ trợ.
“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202
- Thực hiện theo các hướng dẫn thận trọng khi xử lý giấy.
“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 29
- Nạp giấy theo đúng chiều và trượt thanh dẫn hướng cạnh đến mép của giấy.
“Nạp giấy vào khay nạp giấy sau” ở trang 31
- Không nạp nhiều hơn số tờ tối đa đã quy định cho giấy.
- Mỗi lần chỉ nạp một tờ nếu bạn đã nạp nhiều tờ.
- Đảm bảo cài đặt khổ giấy và loại giấy khớp với khổ giấy và loại giấy thực tế đã nạp vào máy in.
“Danh sách loại giấy” ở trang 30

Đã đến lúc nạp lại mực cho hộp mực

Phòng ngừa khi xử lý lọ mực

Hãy đọc các hướng dẫn sau trước khi nạp lại mực.

Thận trọng khi bảo quản mực

- Để lọ mực tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- Không bảo quản lọ mực ở nơi có nhiệt độ cao hoặc đóng băng.
- Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực trước ngày được in trên gói sản phẩm.
- Khi bảo quản hoặc vận chuyển lọ mực, không nghiêng lọ mực và không để lọ mực phải chịu tác động hoặc thay đổi nhiệt độ. Nếu không, mực có thể rò rỉ ngay cả khi nắp trên lọ mực được đóng chặt. Hãy nhớ để lọ mực thẳng đứng khi siết chặt nắp và áp dụng biện pháp để ngăn không cho mực bị rò rỉ khi vận chuyển lọ mực, ví dụ khi đặt lọ vào túi xách.

- Sau khi đưa lọ mực vào từ nơi bảo quản lạnh, để mực ấm lên nhiệt độ phòng trong ít nhất ba giờ trước khi sử dụng.
- Không mở gói lọ mực khi bạn vẫn chưa sẵn sàng nạp mực cho hộp mực. Lọ mực được đóng gói hút chân không để duy trì độ tin cậy. Nếu bạn mở gói lọ mực trong một thời gian dài trước khi sử dụng, có thể không đạt được chất lượng in bình thường.
- Sau khi mở lọ mực, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng càng sớm càng tốt.

Thận trọng khi xử lý việc nạp lại mực

- Để đảm bảo bạn có được chất lượng in cao cấp và giúp bảo vệ đầu in, một lượng mực dự trữ an toàn còn lại trong hộp mực khi máy in của bạn cho biết cần phải nạp lại mực. Sản lượng đã tính cho bạn không bao gồm lượng dự trữ này.
- Để có được kết quả in tối ưu, không duy trì mức mực thấp trong khoảng thời gian dài.
- Sử dụng lọ mực với mã bộ phận chính xác cho máy in này.
- Mực cho máy in này phải được xử lý cẩn thận. Mực có thể bắn tóe khi nạp đầy hoặc nạp lại mực cho hộp mực. Nếu mực dính vào quần áo hoặc đồ dùng của bạn, mực không thể mất đi.
- Không lắc quá mạnh hoặc ép các chai mực.
- Kéo dài việc sử dụng máy in khi mức mực nằm dưới vạch phía dưới có thể làm hỏng máy in. Nạp mực đến vạch trên của hộp mực trong khi máy in không hoạt động. Để hiển thị mức mực ước tính chính xác, hãy đặt lại mức mực sau khi nạp mực vào hộp.

Tiêu thụ mực

- Để duy trì hiệu suất đầu in tối ưu, một lượng mực được tiêu thụ từ tất cả các hộp mực trong quá trình vận hành bảo dưỡng, ví dụ như làm sạch đầu in. Mực cũng có thể được tiêu thụ khi bạn bật máy in.
- Khi in ở chế độ đơn sắc hoặc xám, mực màu thay vì mực đen có thể được sử dụng tùy thuộc vào loại giấy hoặc cài đặt chất lượng in. Điều này là vì một hỗn hợp mực màu được sử dụng để tạo màu đen.
- Mực trong lọ mực được cung cấp cùng với máy in được sử dụng một phần trong quá trình cài đặt ban đầu. Để tạo ra bản in có chất lượng cao, đầu in trong máy in của bạn sẽ được nạp đầy mực. Quy trình một lần này tiêu thụ một lượng mực và vì vậy các lọ này có thể in số trang ít hơn so với các lọ mực tiếp theo.
- Sản lượng đã tính có thể thay đổi tùy thuộc vào ảnh mà bạn in, loại giấy bạn sử dụng, tần suất in và điều kiện môi trường như nhiệt độ.
- Dùng mắt kiểm tra mức mực trong các ống mực thực tế. Kéo dài việc sử dụng máy in khi cạn mực có thể làm hỏng máy in. Epson đề nghị nạp hộp mực đến vạch phía trên khi máy in không hoạt động để cài lại mức mực.

Nạp lại mực cho hộp mực

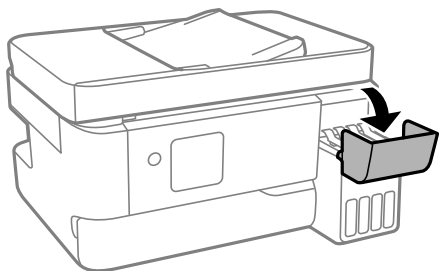
1. Chọn **Bảo trì** trên màn hình chính.

Để chọn một mực, hãy sử dụng các nút ▲ ▼ ◀ ▶, và sau đó nhấn nút OK.

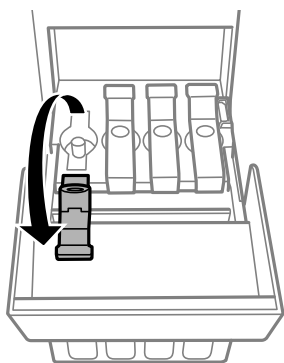
2. Chọn **Nạp mực**.

3. Nhấn nút ▼ để đọc tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn và sử dụng cho việc nạp mực, sau đó nhấn nút OK để tiếp tục.

4. Đóng nắp hộp mực.



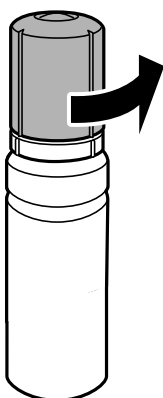
5. Mở nút đẩy hộp mực.



Quan trọng:

Đảm bảo rằng màu của hộp mực khớp với màu mực mà bạn muốn nạp lại.

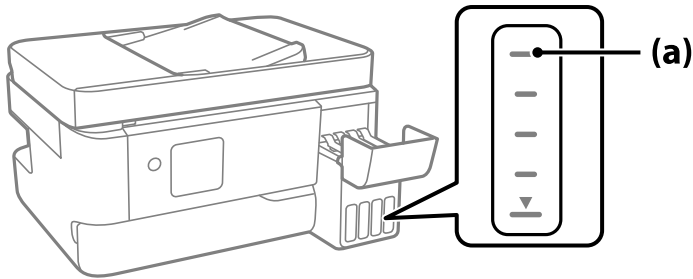
6. Trong khi giữ lọ mực thẳng đứng, hãy vặn nắp từ từ để tháo ra.



Quan trọng:

- Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực Epson chính hãng.
- Cần thận không để mực tràn ra ngoài.

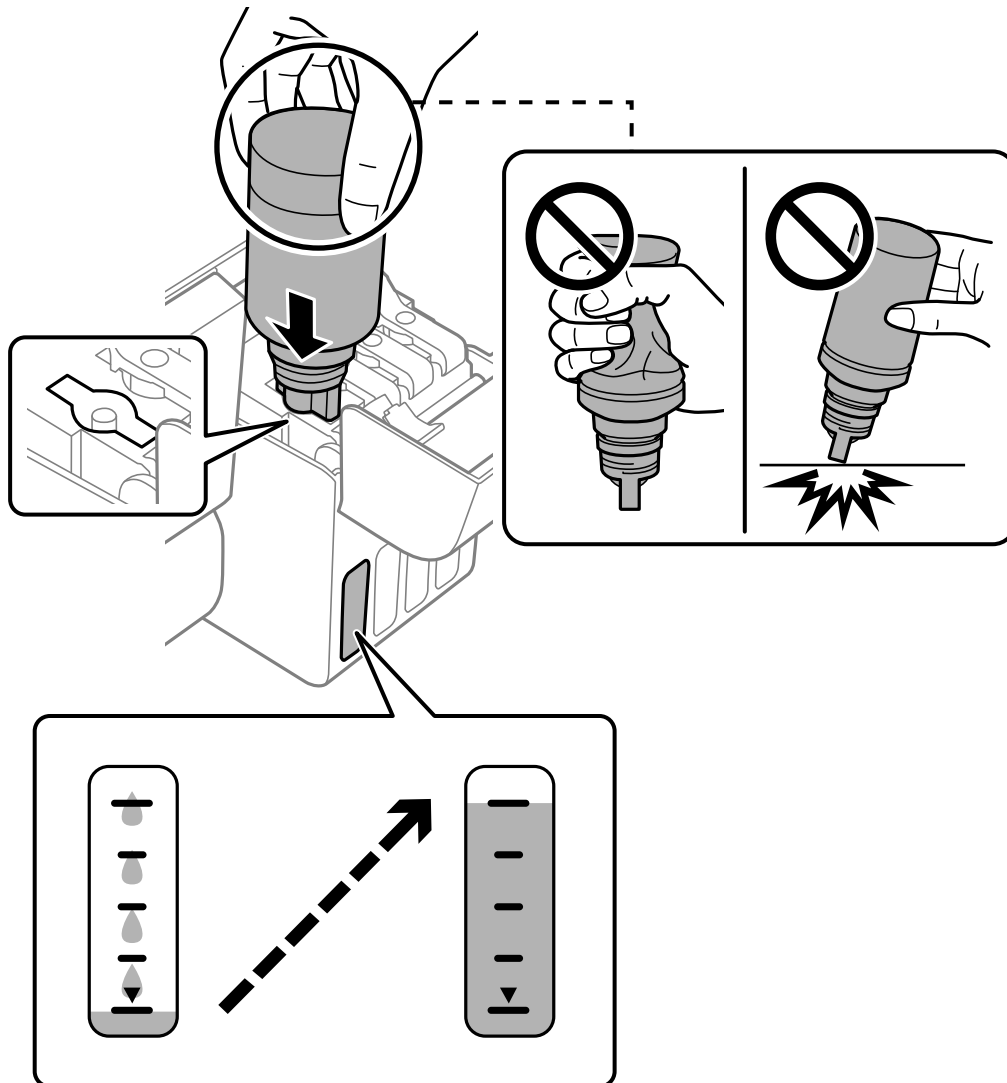
7. Kiểm tra vạch trên (a) trong hộp mực.



8. Căn cho đầu chai mực vào cổng nạp mực, sau đó cầm thẳng chai vào cổng để nạp mực cho đến khi mực dừng tự động ở vạch trên.

Khi bạn đưa chai mực vào cổng nạp mực có màu đúng, mực sẽ bắt đầu chảy và dòng chảy sẽ tự động dừng lại khi mực chạm đến vạch trên.

Nếu mực không bắt đầu chảy vào hộp mực, tháo chai mực và lắp lại. Tuy nhiên, không tháo và lắp lại chai mực khi mực đã chạm đến vạch trên; nếu không mực có thể bị rò rỉ.



9. Khi đã nạp mực xong, tháo chai mực.



Quan trọng:

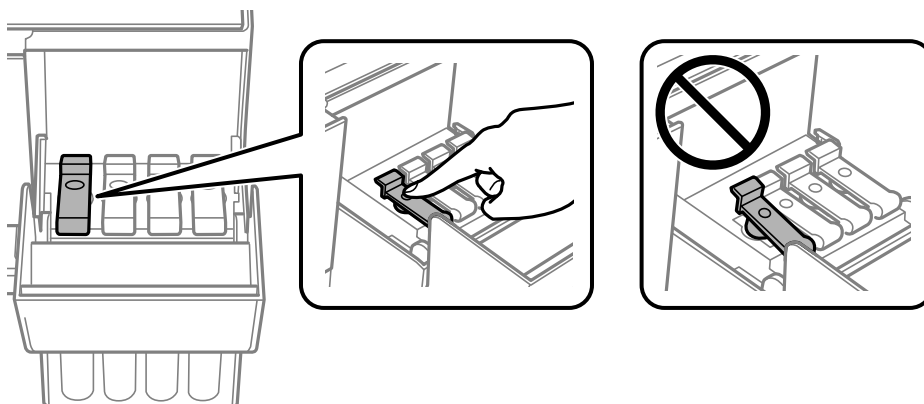
Không để lọ mực đã lắp; nếu không lọ có thể bị hỏng hoặc mực có thể rò rỉ.

Lưu ý:

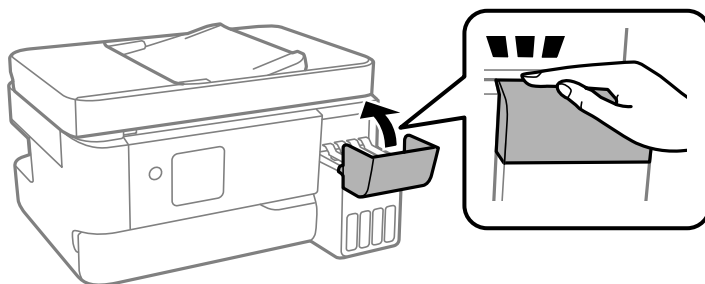
Nếu vẫn còn mực trong lọ, hãy siết chặt nắp và cất giữ lọ theo hướng thẳng đứng để sử dụng sau này.




10. Đóng chặt nút đẩy hộp mực.



11. Đóng chặt nắp hộp mực.



12. Nhấn nút , sau đó thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để đặt mức mực.



Quan trọng:

Ngay cả khi bạn không nạp lại mực đến vạch trên của hộp mực, bạn có thể tiếp tục sử dụng máy in. Tuy nhiên, để duy trì máy in hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hãy nạp lại hộp mực đến vạch trên và đặt lại mức mực ngay lập tức.

Thông tin liên quan

➔ “Phòng ngừa khi xử lý lọ mực” ở trang 185

➔ “Mã lọ mực” ở trang 204

Lưu ý về cách cài lại mức mực

Đảm bảo cài lại mức mực sau khi nạp lại mực.

Nếu đã nạp lại hai màu mực trở lên, bạn cần chọn tất cả các màu vừa nạp lại và cài lại mức mực.

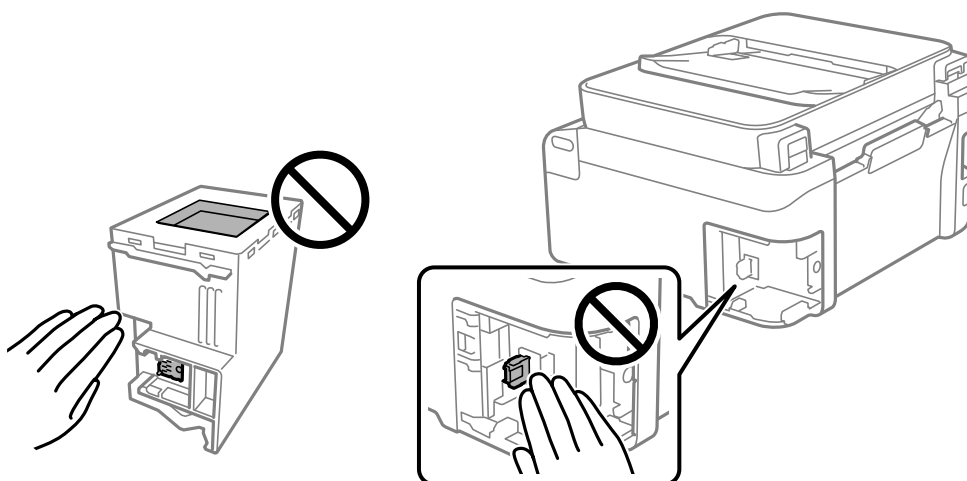
Nếu không cài lại mức mực thì mức mực hiển thị sẽ không thay đổi ngay cả khi bạn đã nạp lại mực.

Đã đến lúc thay thế hộp bảo trì

Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì

Đọc các hướng dẫn sau trước khi thay thế hộp bảo trì.

- Không chạm vào các phần được hiển thị trong hình minh họa. Làm như vậy có thể cản trở hoạt động bình thường và bạn có thể bị mực làm vấy bẩn.



- Không được làm rơi hộp bảo dưỡng hoặc tác động mạnh lên hộp.
- Không thay hộp bảo dưỡng trong khi in; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- Không tháo hộp bảo dưỡng và nắp hộp trừ khi thay thế hộp bảo dưỡng; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- Khi không thể lắp lại nắp, hộp bảo dưỡng có thể không được lắp đúng cách. Tháo hộp bảo dưỡng và lắp lại.

- Không nghiêng hộp bảo dưỡng đã sử dụng sau khi đóng kín trong túi nhựa; làm như vậy mực có thể bị rò rỉ.
- Không chạm vào lỗ hở trong hộp bảo dưỡng vì bạn có thể bị mực làm vấy bẩn.
- Không sử dụng lại hộp bảo dưỡng đã được tháo ra và không được lắp vào trong một thời gian dài. Mực bên trong hộp sẽ đông đặc lại và không thể hấp thu thêm mực.
- Để hộp bảo dưỡng tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.
- Không bảo quản hộp bảo dưỡng ở nơi có nhiệt độ cao hoặc đóng băng.

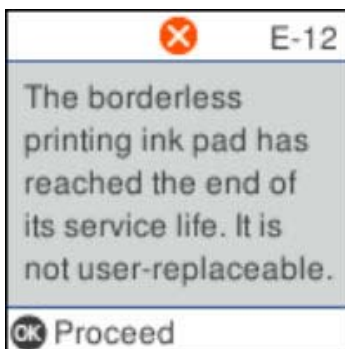
Thay thế hộp bảo trì

Trong một số chu trình in, một lượng rất nhỏ mực thừa có thể bị tích tụ trong hộp bảo dưỡng. Để tránh rò rỉ mực ra khỏi hộp bảo dưỡng, máy in được thiết kế để dừng in khi khả năng hấp thu của hộp bảo dưỡng đã đạt đến giới hạn. Liệu có cần thay hay không và tần suất thay như thế nào sẽ khác nhau tùy thuộc vào số trang bạn in, loại chất liệu mà bạn in và số chu trình làm sạch mà máy in thực hiện. Thay hộp bảo dưỡng khi bạn được nhắc thực hiện như vậy. Trình theo dõi Trạng thái Epson, LCD hoặc các đèn trên bảng điều khiển sẽ cho bạn biết khi nào bộ phận này cần thay thế. Việc cần thay thế hộp không có nghĩa là máy in không còn vận hành theo thông số kỹ thuật nữa. Bảo hành của Epson không bao gồm chi phí cho việc thay thế này. Đây là bộ phận người dùng có thể bảo trì.



Lưu ý:

- Khi hộp bảo trì đầy, bạn không thể in và làm sạch đầu in cho đến khi hộp bảo trì được thay thế để tránh rò rỉ mực. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện các thao tác ko dùng mực, chẳng hạn như quét.
- Khi màn hình sau hiển thị, người dùng không thể thay thế bộ phận này. Liên hệ bộ phận hỗ trợ Epson. Chức năng in không đường viền không khả dụng, nhưng có thể in có đường viền.



1. Tháo hộp bảo trì mới khỏi bao bì.

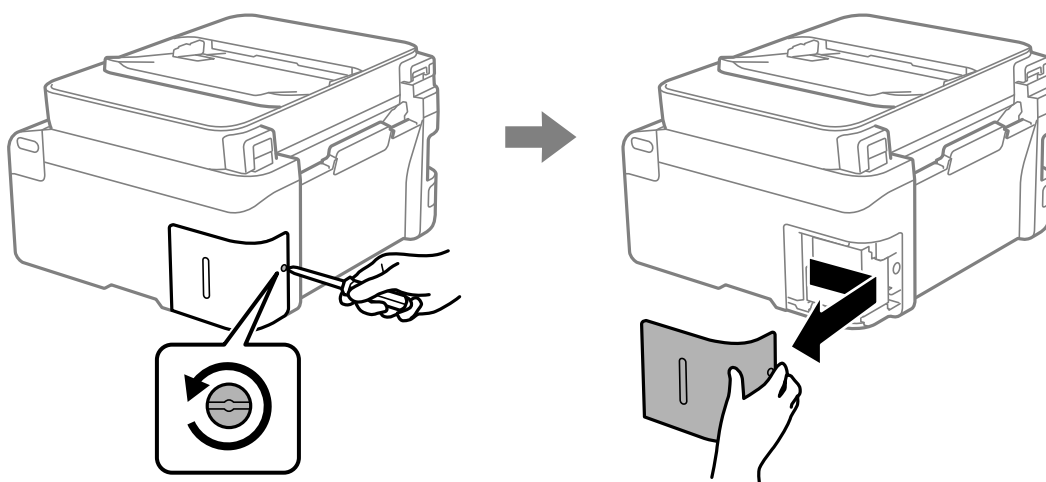
! **Quan trọng:**

Không chạm vào chip màu xanh lá cây ở phía bên cạnh của hộp bảo dưỡng. Làm như vậy có thể ảnh hưởng đến hoạt động và in bình thường.

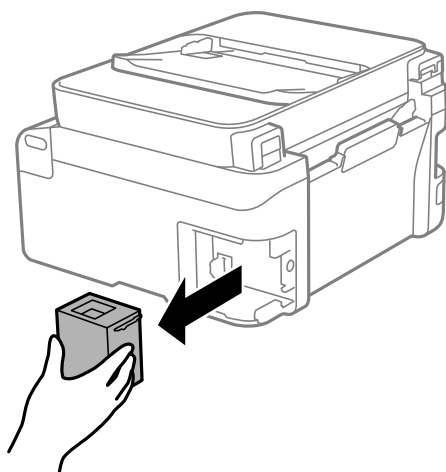
Lưu ý:

Túi trong suốt để đựng hộp bảo trì đã qua sử dụng sẽ được gửi kèm theo hộp bảo trì mới.

2. Nới lỏng vít bằng tua vít đầu dẹt và sau đó tháo nắp.

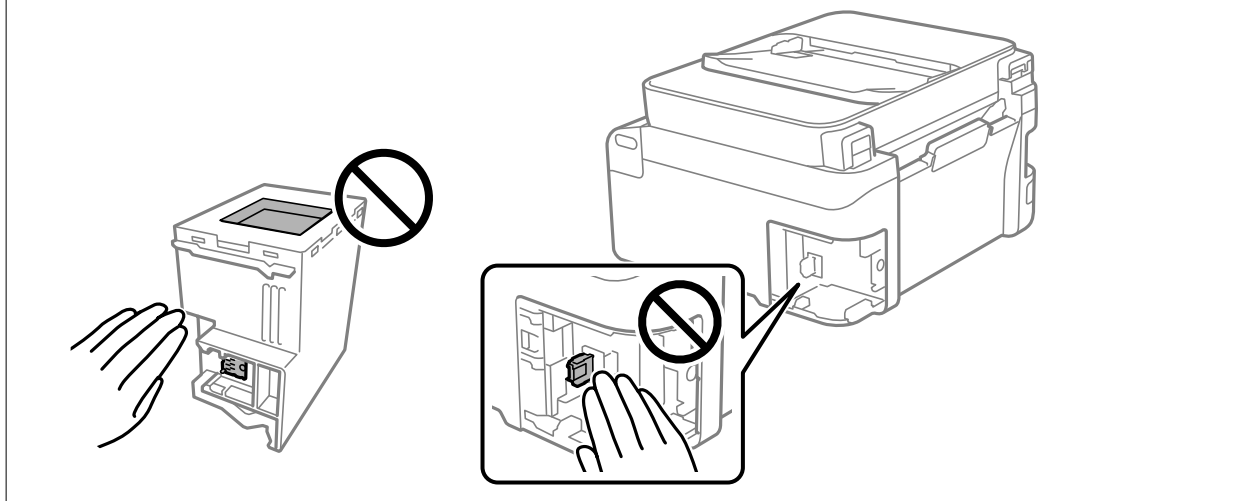


3. Tháo hộp bảo trì đã qua sử dụng.

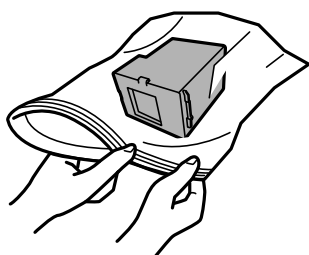


! **Quan trọng:**

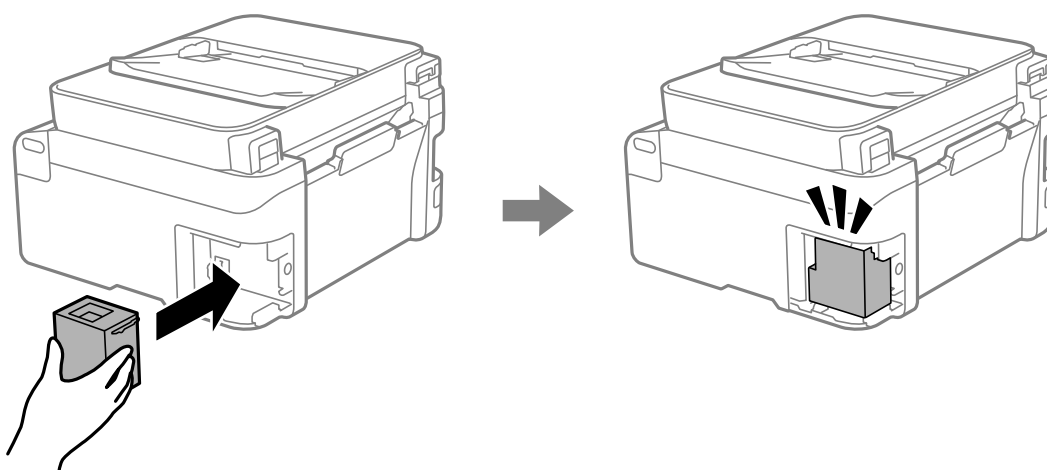
Không chạm vào các phần được hiển thị trong hình minh họa. Làm như vậy có thể cản trở hoạt động bình thường và bạn có thể bị mực làm vấy bẩn.



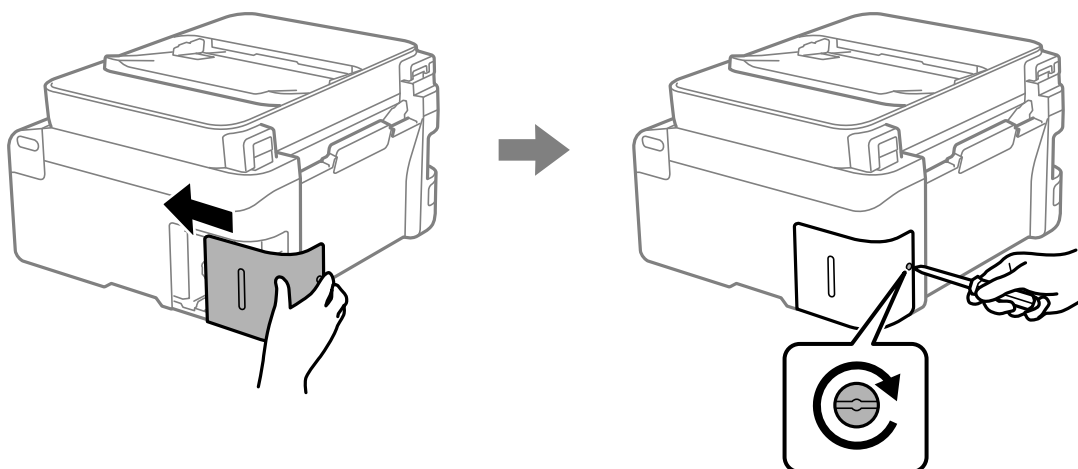
4. Đặt hộp bảo trì đã qua sử dụng vào túi trong suốt gửi kèm theo hộp bảo trì mới và dán kín túi đựng.



5. Lắp toàn bộ hộp bảo trì mới vào máy in. Đảm bảo bạn lắp hộp theo đúng hướng.



6. Lắp lại nắp.



7. Xem thông báo và sau đó nhấn nút OK.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Thận trọng khi xử lý hộp bảo trì” ở trang 190](#)
- ➔ [“Mã Hộp Bảo Trì” ở trang 205](#)

Không thể vận hành máy in như mong muốn

Máy in không bật hoặc tắt

Nguồn điện không bật

Có thể cần nhắc các nguyên nhân sau.


■ **Bạn cắm dây nguồn vào ổ điện không đúng cách.**

Giải pháp

Đảm bảo rằng dây điện được cắm chắc chắn.

■ **Bạn nhấn nút  chưa đủ lâu.**



Giải pháp

Giữ nút  lâu hơn một chút.

Nguồn điện không tắt

Bạn nhấn nút  chưa đủ lâu.

Giải pháp

Giữ nút  lâu hơn một chút. Nếu bạn vẫn không thể tắt máy in, hãy rút dây điện. Để tránh đầu in bị khô, bật lại máy in và tắt máy bằng cách nhấn nút .

Tắt Nguồn Tự Động

Tính năng Cài đặt tắt nguồn hoặc Hẹn giờ tắt nguồn bật.

Giải pháp

- Chọn **Cài đặt > Thiết lập máy in > Cài đặt tắt nguồn**, và sau đó tắt cài đặt **Tắt nguồn nếu không hoạt động** và **Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối**.
- Chọn **Cài đặt > Thiết lập máy in** và sau đó tắt cài đặt **Hẹn giờ tắt nguồn**.

Lưu ý:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng **Cài đặt tắt nguồn** hoặc **Hẹn giờ tắt nguồn** tùy thuộc vào vị trí mua hàng.

Hoạt động chậm

Tốc độ in quá chậm

Có thể cân nhắc các nguyên nhân sau.

Các ứng dụng không cần thiết đang chạy.

Giải pháp

Đóng mọi ứng dụng không cần thiết trên máy tính hoặc thiết bị thông minh của bạn.

Chất lượng in được đặt ở mức cao.

Giải pháp

Giảm cài đặt chất lượng.

In hai chiều đang tắt.

Giải pháp

Bật cài đặt hai chiều (hoặc tốc độ cao). Khi bật cài đặt này, đầu in sẽ in khi di chuyển theo cả hai chiều và tốc độ in tăng lên.

- Windows

Chọn **In hai chiều** trên tab **Tùy chọn khác** của trình điều khiển máy in.

- Mac OS


Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn Bật làm cài đặt **In hai chiều**.

■ C.độ im lặng đang bật.

Giải pháp

Tắt **C.độ im lặng**. Tốc độ in chậm lại khi máy in đang chạy ở **C.độ im lặng**.

- Bảng điều khiển

Chọn  trên màn hình chính, sau đó chọn **Tắt**.

- Windows

Chọn **Tắt** cho cài đặt **C.độ im lặng** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.

- Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Chọn **Tắt** làm cài đặt **C.độ im lặng**.

■ Có thể có vấn đề kết nối mạng với bộ định tuyến không dây.

Giải pháp

Khởi động lại bộ định tuyến không dây trong khi để ý đến những người dùng khác đang kết nối với mạng. Nếu cách này không giải quyết được vấn đề, hãy đặt máy in gần bộ định tuyến không dây hoặc xem tài liệu đi cùng với điểm truy cập.

■ Máy in đang in dữ liệu mật độ cao như ảnh trên giấy thường.

Giải pháp

Nếu bạn đang in dữ liệu mật độ cao như ảnh trên giấy thường, quá trình in có thể mất chút thời gian để duy trì chất lượng in. Hiện tượng này không phải là trục trặc.

Tốc độ in vô cùng chậm khi in liên tục

■ Chức năng ngăn không cho cơ cấu máy in quá nóng và bị hỏng hoạt động.

Giải pháp

Bạn có thể tiếp tục in. Để quay lại tốc độ in bình thường, hãy để máy in nghỉ trong ít nhất 30 phút. Tốc độ in không quay lại bình thường nếu tắt nguồn.

Tốc độ quét chậm

■ Quét ở độ phân giải cao.

Giải pháp

Thử quét ở độ phân giải thấp hơn.

Màn hình LCD bị tối đi

■ Máy in ở chế độ ngủ.

Giải pháp

Bấm bất kỳ nút nào trên bảng điều khiển sẽ đưa màn hình LCD trở lại trạng thái trước đây.


Âm thanh hoạt động lớn

■ C.độ im lặng đang tắt trên máy in.

Giải pháp

Nếu các âm thanh hoạt động quá lớn, hãy bật **C.độ im lặng**. Bật tính năng này có thể giảm tốc độ in.

- Bảng điều khiển

Chọn  trên màn hình chính, sau đó bật **Chế độ im lặng**.

- Windows

Bật **C.độ im lặng** trên tab **Chính** của trình điều khiển máy in.

- Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & vật tư** > **Tùy chọn** (hoặc **Trình điều khiển**). Bật cài đặt **C.độ im lặng**.

Ngày và giờ không chính xác

■ Đã có lỗi xảy ra trong bộ nguồn.

Giải pháp

Sau khi có lỗi nguồn điện do sét đánh hoặc tắt nguồn trong một thời gian dài, đồng hồ có thể hiển thị thời gian không chính xác. Cài ngày giờ chính xác trong **Cài đặt > Thiết lập máy in > Cài đặt ngày/giờ** trên bảng điều khiển.

Cần cập nhật chứng nhận gốc

■ Chứng nhận gốc đã hết hạn.

Giải pháp

Chạy Web Config, sau đó cập nhật chứng chỉ gốc.

➔ “[Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in \(Web Config\)](#)” ở trang 209

Không thể thực hiện in 2 mặt thủ công (Windows)

■ EPSON Status Monitor 3 được tắt.

Giải pháp

Trên tab **Bảo dưỡng** của trình điều khiển máy in, nhấp vào **Cài đặt mở rộng**, sau đó chọn **Bật EPSON Status Monitor 3**.

Tuy nhiên, tính năng này có thể không khả dụng khi máy in được truy cập qua mạng hoặc được sử dụng làm máy in dùng chung.

Menu Cài đặt in không hiển thị (Mac OS)

■ Trình điều khiển máy in Epson chưa được cài đặt đúng cách.

Giải pháp

Nếu menu **Cài đặt in** không hiển thị trên macOS Catalina (10.15) trở lên, macOS High Sierra (10.13), macOS Sierra (10.12), OS X El Capitan (10.11), OS X Yosemite (10.10), OS X Mavericks (10.9), tức là bạn chưa cài đặt đúng trình điều khiển máy in Epson. Bật lại menu sau.

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), loại bỏ máy in, sau đó thêm lại máy in.

macOS Mojave (10.14) không thể truy cập **Cài đặt in** trong các ứng dụng do Apple tạo ra như TextEdit.

Thông báo nhắc bạn cài lại mức mực sẽ hiển thị ngay cả khi bạn đã nạp lại mực

■ Bạn chưa cài lại mức mực.

Giải pháp

Sau khi nạp lại mực, hãy thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài lại mức mực.

Mức mực hiển thị không thay đổi ngay cả khi bạn đã nạp lại mực

■ Bạn chưa cài lại mức mực.

Giải pháp

Sau khi nạp lại mực, hãy thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài lại mức mực.

Không thể thực hiện cuộc gọi trên điện thoại kết nối

Cáp điện thoại không được kết nối đúng cách.

Kết nối điện thoại với cổng EXT. trên máy in và nhắc đầu nghe. Nếu bạn không nghe thấy tiếng quay số thông qua đầu nghe, hãy kết nối cáp điện thoại cho đúng.

Số fax của người gửi không được hiển thị

Số fax của người gửi không được đặt thành máy của người gửi.

Người gửi có thể chưa đặt số fax. Hãy liên hệ với người gửi.

Số fax của người gửi được hiển thị trên fax đã nhận là sai

Số fax của người gửi được đặt thành máy của người gửi là sai.

Người gửi có thể đã đặt số fax không chính xác. Hãy liên hệ với người gửi.

Máy Trả Lời Không Thể Trả Lời Cuộc Gọi Thoại

Cài đặt Đổ chuông trả lời của máy in được đặt giá trị thấp hơn số hồi chuông cho máy trả lời của bạn.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản** > **Đổ chuông trả lời**, sau đó cài trị số cao hơn số lần đổ chuông cho máy trả lời của bạn.

Đã nhận được rất nhiều fax rác

Tính năng chặn fax rác của máy in chưa được thiết lập.

Thực hiện cài đặt Fax từ chối trong **Cài đặt** > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản**.

[“Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác” ở trang 80](#)

Không thể khắc phục sự cố

Nếu bạn vẫn không thể giải quyết vấn đề sau khi thử tất cả các giải pháp, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson. Nếu bạn không thể giải quyết vấn đề về in hoặc sao chụp, hãy xem thông tin liên quan sau đây.

Thông tin liên quan

➔ [“Không thể giải quyết vấn đề in hoặc sao chụp” ở trang 199](#)

Không thể giải quyết vấn đề in hoặc sao chụp

Hãy thử các vấn đề sau để bắt đầu từ đầu cho đến khi bạn giải quyết được vấn đề.

- Đảm bảo rằng loại giấy đã nạp vào máy in và loại giấy đã đặt trên máy in với cài đặt loại giấy trong trình điều khiển máy in khớp với nhau.

[“Cài đặt khổ giấy và loại giấy” ở trang 30](#)

- Sử dụng cài đặt chất lượng cao trên bảng điều khiển hoặc trong trình điều khiển máy in.
- Để kiểm tra mức mực thực tế còn lại, hãy kiểm tra bằng mắt mức mực trong hộp mực của máy in. Nạp lại mực cho hộp mực nếu mức mực dưới vạch bên dưới.

- ❑ Căn chỉnh đầu in.

[“Căn chỉnh Đầu In” ở trang 107](#)

- ❑ Chạy kiểm tra kim phun để xem kim phun của đầu in có bị tắc không.

Nếu có các đoạn bị thiếu trong mẫu kiểm tra kim phun, kim phun có thể bị tắc. Lặp lại luân phiên làm sạch đầu in và kiểm tra kim phun 3 lần và kiểm tra xem đã hết tắc chưa.

Lưu ý rằng việc làm sạch đầu in sẽ sử dụng một chút mực.

[“Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104](#)

- ❑ Tắt máy in, đợi ít nhất 12 giờ, sau đó kiểm tra xem đã hết tắt chưa.

Nếu vấn đề là do bị tắc, để máy in trong một thời gian không in có thể giải quyết được vấn đề.

Bạn có thể kiểm tra các mục sau khi máy in đang tắt.

- ❑ Kiểm tra xem bạn có đang sử dụng chai mực Epson chính hãng không.

Hãy tìm cách sử dụng lọ mực Epson chính hãng. Sản phẩm này được thiết kế điều chỉnh màu dựa trên việc sử dụng lọ mực Epson chính hãng. Việc sử dụng lọ mực không chính hãng có thể làm giảm chất lượng in.

- ❑ Đảm bảo rằng không còn mảnh giấy nào bên trong máy in.

Khi bạn gỡ giấy ra, không để tay hoặc giấy chạm vào phim mờ.

- ❑ Kiểm tra giấy.

Kiểm tra xem giấy có bị cuộn lại hoặc được nạp vào với mặt in hướng lên trên hay không.

[“Thận trọng khi xử lý giấy” ở trang 29](#)

[“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202](#)

[“Các loại giấy không khả dụng” ở trang 204](#)

- ❑ Nếu bạn tắt máy in, hãy đợi ít nhất 12 giờ, và nếu chất lượng in vẫn không cải thiện, hãy chạy Vệ Sinh Tăng Cường.

[“Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 106](#)

Nếu bạn không thể giải quyết vấn đề bằng cách kiểm tra các giải pháp trên, bạn có thể cần yêu cầu sửa chữa. Liên hệ bộ phận hỗ trợ Epson.

Thông tin liên quan

➔ [“Trước khi liên hệ với Epson” ở trang 235](#)

➔ [“Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson” ở trang 235](#)

Thông tin sản phẩm

Thông tin giấy.	202
Thông tin sản phẩm vật tư tiêu hao.	204
Thông tin về phần mềm.	206
Danh sách menu cài đặt.	211
Thông số kỹ thuật của sản phẩm.	223
Thông tin pháp lý.	231

Thông tin giấy

Các loại giấy sẵn có và các khả năng

Giấy Epson chính hãng

Epson khuyên bạn nên sử dụng giấy Epson chính hãng để đảm bảo có được bản in có chất lượng cao.

Lưu ý:

- Khả năng sẵn có của giấy thay đổi theo địa điểm. Để biết thông tin mới nhất về khả năng sẵn có của giấy tại khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
- Xem phần sau để biết thông tin về các loại giấy có sẵn để in không lể và 2 mặt.
 - “Giấy in không đường viền” ở trang 203
 - “Giấy in 2 mặt” ở trang 204

Giấy thích hợp cho việc in tài liệu

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Bright White Ink Jet Paper	A4	100

Giấy thích hợp cho việc in tài liệu và ảnh

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Photo Quality Ink Jet Paper	A4	80
Epson Double-sided Photo Quality Ink Jet Paper	A4	80
Epson Matte Paper-Heavyweight	A4	20
Epson Double-Sided Matte Paper	A4	1

Giấy thích hợp cho việc in ảnh

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Ultra Glossy Photo Paper	A4, 13x18 cm (5x7 in.), 10x15 cm (4x6 in.)	20*
Epson Premium Glossy Photo Paper	A4, 13x18 cm (5x7 in.), 10x15 cm (4x6 in.), rộng 16:9 (4x7.11 in.), 9x13 cm (3.5x5 in.)	20*
Epson Premium Semigloss Photo Paper	A4, 10x15 cm (4x6 in.)	20*
Epson Photo Paper Glossy	A4, 13x18 cm (5x7 in.), 10x15 cm (4x6 in.)	20*

* Mỗi lần chỉ nạp một tờ nếu giấy nạp không đúng hoặc nếu bản in có màu sắc không đều hoặc có đốm bẩn.

Nhiều kiểu giấy khác

Tên phương tiện	Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
Epson Photo Quality Self Adhesive Sheets	A4	1

Giấy có bán sẵn

Lưu ý:

Xem phần sau để biết thông tin về các loại giấy có sẵn để in không lẹ và 2 mặt.

[“Giấy in không đường viền” ở trang 203](#)

[“Giấy in 2 mặt” ở trang 204](#)

Giấy thường

Giấy thường bao gồm giấy sao chép.

Kích cỡ	Khả năng nạp (Tờ)
A4, B5, A5, A6, B6, Letter	100*1
Legal, 8,5×13 in., Indian-Legal	1
Người dùng xác định*2 (mm) 54×86 đến 215,9×1200	1

*1 Mỗi lần chỉ nạp một tờ nếu giấy nạp không đúng hoặc nếu bản in có màu sắc không đều hoặc có đốm bẩn.

*2 Sao chụp hoặc in từ bảng điều khiển hiện không khả dụng.

Phong bì

Kích cỡ	Khả năng nạp (Phong bì)
Phong bì số 10, Phong bì DL, Phong bì C6	10

Giấy in không đường viền

Giấy Epson chính hãng

- Epson Ultra Glossy Photo Paper (10x15 cm (4x6 in.))
- Epson Premium Glossy Photo Paper (10x15 cm (4x6 in.), 9x13 cm (3.5x5 in))
- Epson Premium Semigloss Photo Paper (10x15 cm (4x6 in.))
- Epson Photo Paper Glossy (10x15 cm (4x6 in.))

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202](#)

Giấy in 2 mặt

Giấy Epson chính hãng

- Epson Bright White Ink Jet Paper
- Epson Double-Sided Matte Paper

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202](#)

Giấy có bán sẵn

- Giấy thường, Giấy sao chụp

Thông tin liên quan

➔ [“Các loại giấy sẵn có và các khả năng” ở trang 202](#)

Các loại giấy không khả dụng

Không sử dụng các loại giấy sau. Sử dụng những loại giấy này có thể làm kẹt giấy và để lại vết bẩn trên bản in.

- Giấy bị nhăn
- Giấy bị rách hoặc bị cắt
- Giấy bị gấp lại
- Giấy bị ẩm
- Giấy quá dày hoặc quá mỏng
- Giấy có nhãn dán

Không sử dụng các loại phong bì sau. Sử dụng các loại phong bì này có thể làm kẹt giấy và nhòe mực trên bản in.

- Phong bì bị cuộn lại hoặc gấp lại
 - Phong bì có bề mặt dính trên nắp hoặc phong bì có khung nhìn xuyên qua
 - Phong bì quá mỏng
- Chúng có thể bị cuộn lại trong khi in.

Thông tin sản phẩm vật tư tiêu hao

Mã lọ mực

Epson khuyến nghị sử dụng lọ mực Epson chính hãng.

Sau đây là các mã cho các loại lọ mực Epson chính hãng.



Quan trọng:

- ❑ Chính sách bảo hành Epson không bao gồm thiệt hại do dùng mực khác với quy định, bao gồm các loại mực Epson chính hãng nhưng không được thiết kế để dùng cho máy in này hoặc bất kỳ loại mực nào thuộc bên thứ ba.
- ❑ Các sản phẩm khác không phải do Epson sản xuất có thể gây hư hỏng không thuộc phạm vi bảo hành của Epson và trong một số trường hợp có thể gây ra hiện tượng máy in hoạt động thất thường.

Lưu ý:

- ❑ Mã bình mực có thể khác nhau tùy theo địa điểm. Để biết mã chính xác ở khu vực của bạn, hãy liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson.
- ❑ Mặc dù lọ mực có thể chứa các vật liệu tái chế, điều này không ảnh hưởng đến chức năng và hiệu suất của máy in.
- ❑ Thông số kỹ thuật và hình dáng của lọ mực có thể thay đổi mà không cần thông báo trước nhằm cải tiến tốt hơn.

Dành cho châu Âu

Sản phẩm	BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thẫm)	Y: Yellow (Vàng)
ET-4810 Series/ ET-2840 Series	104	104	104	104
L5590 Series/L3560 Series	103	103	103	103

Lưu ý:

Truy cập trang web sau để biết thông tin về dung lượng lọ mực của Epson.

<http://www.epson.eu/pageyield>

For Australia and New Zealand

BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thẫm)	Y: Yellow (Vàng)
522	522	522	522

Dành cho châu Á

BK: Black (Đen)	C: Cyan (Lục lam)	M: Magenta (Đỏ thẫm)	Y: Yellow (Vàng)
003	003	003	003

Mã Hộp Bảo Trì

Epson khuyên bạn nên sử dụng hộp bảo dưỡng Epson chính hãng.

Mã hộp bảo trì: C9344



Quan trọng:

Sau khi đã lắp hộp bảo dưỡng vào máy in thì không thể dùng hộp đó với máy in khác.

Thông tin về phần mềm

Phần này giới thiệu một số ứng dụng có sẵn cho máy in của bạn. Để có danh sách phần mềm được hỗ trợ, hãy truy cập trang web Epson sau đây hoặc khởi chạy Epson Software Updater để xác nhận. Bạn có thể tải xuống các ứng dụng mới nhất.

<http://www.epson.com>

Thông tin liên quan

➔ “Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)” ở trang 210

Ứng dụng để in từ máy tính (Trình điều khiển máy in cho Windows)

Trình điều khiển máy in điều khiển máy in theo các lệnh từ một ứng dụng. Đặt các thiết lập trên trình điều khiển máy in mang đến kết quả in tốt nhất. Bạn cũng có thể kiểm tra trạng thái của máy in hoặc giữ máy in ở điều kiện hoạt động cao nhất thông qua tiện ích trình điều khiển máy in.

Lưu ý:

Bạn có thể thay đổi ngôn ngữ của trình điều khiển máy in. Chọn ngôn ngữ bạn muốn sử dụng từ thiết lập **Ngôn ngữ** trên thẻ **Bảo dưỡng**.

Truy cập trình điều khiển máy in từ các ứng dụng

Để đặt các thiết lập chỉ áp dụng cho ứng dụng bạn đang sử dụng, hãy truy cập từ ứng dụng đó.

Chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn và sau đó nhấp vào **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính**.

Lưu ý:

Các thao tác sẽ khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Truy cập trình điều khiển máy in từ bảng điều khiển

Để đặt các thiết lập được áp dụng cho tất cả các ứng dụng, hãy truy cập từ bảng điều khiển.

Windows 11

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả các ứng dụng** > **Công cụ Windows** > **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

Windows 10/Windows Server 2022/Windows Server 2019/Windows Server 2016

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Hệ thống Windows** > **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012

Chọn **Bàn làm việc** > **Cài đặt** > **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn, hoặc bấm và giữ máy in và sau đó chọn **Tùy chọn máy in**.

Windows 7/Windows Server 2008 R2

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển** > **Xem thiết bị và máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

Windows Vista/Windows Server 2008

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển** > **Máy in** trong **Phần cứng và âm thanh**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

Windows XP/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003

Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Panel điều khiển** > **Máy in và Phần cứng khác** > **Máy in và fax**. Nhấp chuột phải vào máy in của bạn và chọn **Tùy chọn máy in**.

Truy cập trình điều khiển máy in từ biểu tượng máy in trên thanh tác vụ

Biểu tượng máy in trên thanh tác vụ của màn hình nền là biểu tượng lối tắt cho phép bạn truy cập nhanh trình điều khiển máy in.

Nếu bạn nhấp vào biểu tượng máy in và chọn **Cài đặt máy in**, bạn có thể truy cập cùng cửa sổ các thiết lập máy in như cửa sổ được hiển thị từ bảng điều khiển. Nếu bạn nhấp đúp vào biểu tượng này, bạn có thể kiểm tra trạng thái của máy in.

Lưu ý:

Nếu biểu tượng máy in không được hiển thị trên thanh tác vụ, truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in, nhấp vào **Ưu tiên giám sát** trên thẻ **Bảo dưỡng** và sau đó chọn **Đăng ký biểu tượng phím tắt với thanh công cụ**.

Bắt đầu tiện ích

Truy cập cửa sổ trình điều khiển máy in. Nhấp vào thẻ **Bảo dưỡng**.

Ứng dụng để in từ máy tính (Trình điều khiển máy in cho Mac OS)

Trình điều khiển máy in điều khiển máy in theo các lệnh từ một ứng dụng. Đặt các thiết lập trên trình điều khiển máy in mang đến kết quả in tốt nhất. Bạn cũng có thể kiểm tra trạng thái của máy in hoặc giữ máy in ở điều kiện hoạt động cao nhất thông qua tiện ích trình điều khiển máy in.

Truy cập trình điều khiển máy in từ các ứng dụng

Nhấp **Thiết lập trang** hoặc **In** trên menu **Tệp** từ ứng dụng của bạn. Nếu cần, nhấp vào **Hiển thị Chi tiết** (hoặc ▼) để mở rộng cửa sổ in.

Lưu ý:

Tùy vào ứng dụng đang dùng, **Thiết lập trang** có thể không hiển thị trong menu **Tệp**, và các thao tác hiển thị màn hình in có thể khác nhau. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Bắt đầu tiện ích

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét**, **In và fax**), sau đó chọn máy in. Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng** > **Tiện ích** > **Mở tiện ích máy in**.

Ứng dụng điều khiển máy quét (Epson Scan 2)

Epson Scan 2 là trình điều khiển máy quét cho phép bạn điều khiển máy quét. Bạn có thể điều chỉnh kích cỡ, độ phân giải, độ sáng, độ tương phản và chất lượng của ảnh quét. Bạn cũng có thể khởi động ứng dụng này từ ứng dụng quét tương thích TWAIN. Xem trợ giúp phần mềm để biết chi tiết về cách sử dụng các tính năng.

Bắt đầu trên Windows

Lưu ý:

Với các hệ điều hành Windows Server, đảm bảo bạn cài đặt tính năng **Trải nghiệm máy tính để bàn**.

Windows 11

Nhấp nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả ứng dụng** > **EPSON** > **Epson Scan 2**.

- Windows 10/Windows Server 2022/Windows Server 2019/Windows Server 2016
Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **EPSON > Epson Scan 2**.
- Windows 8.1/Windows 8/Windows Server 2012 R2/Windows Server 2012
Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.
- Windows 7/Windows Vista/Windows XP/Windows Server 2008 R2/Windows Server 2008/Windows Server 2003 R2/Windows Server 2003
Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả các chương trình** hoặc **Chương trình > EPSON > Epson Scan 2**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Scan 2**.

Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax (FAX Utility)

FAX Utility là ứng dụng cho phép bạn cấu hình hàng loạt các thiết lập để gửi fax từ máy tính. Bạn có thể tạo hoặc sửa danh sách liên hệ được sử dụng khi gửi fax, cấu hình lưu fax đã nhận ở định dạng PDF trên máy tính, v.v. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

- Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- Đảm bảo rằng bạn đã cài đặt trình điều khiển máy in trước khi cài đặt FAX Utility.
- Đảm bảo rằng FAX Utility đã được cài đặt. Xem "Bắt đầu trên Windows" hoặc "Bắt đầu trên Mac OS" bên dưới để kiểm tra xem ứng dụng đã được cài đặt chưa.

Bắt đầu trên Windows

- Windows 11
Nhấp nút bắt đầu và chọn **All Apps > Epson Software > FAX Utility**.
- Windows 10
Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Epson Software > FAX Utility**.
- Windows 8.1/Windows 8
Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.
- Windows 7/Windows Vista/Windows XP
Nhấp vào nút bắt đầu và chọn **Tất cả các Chương trình** (hoặc **Chương trình**) > **Epson Software > FAX Utility**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Tùy chọn hệ thống** từ menu Apple > **Máy in và máy quét** (hoặc **In và quét, In và fax**), sau đó chọn máy in (FAX). Nhấp vào **Tùy chọn & Cung ứng > Tiện ích > Mở tiện ích máy in**.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gửi fax từ máy tính” ở trang 96](#)
- ➔ [“Nhận fax trên máy tính” ở trang 100](#)

Ứng dụng để gửi fax (Trình điều khiển PC-FAX)

Trình điều khiển PC-FAX là ứng dụng cho phép bạn gửi tài liệu được tạo ra trên một ứng dụng riêng dưới dạng fax trực tiếp từ máy tính. Trình điều khiển PC-FAX được cài đặt khi bạn cài đặt FAX Utility. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Lưu ý:

- Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.
- Kiểm tra xem trình điều khiển PC-FAX đã được cài đặt chưa. Xem "Truy cập từ Windows" hoặc "Truy cập từ Mac OS" bên dưới.
- Thao tác vận hành khác nhau tùy thuộc vào ứng dụng bạn đã sử dụng để tạo tài liệu. Xem trợ giúp của ứng dụng để biết chi tiết.

Truy cập từ Windows

Trong ứng dụng, chọn **In** hoặc **Thiết lập in** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn (FAX) và sau đó nhấp vào **Tùy chọn** hoặc **Thuộc tính**.

Truy cập từ Mac OS

Trong ứng dụng, chọn **In** từ menu **Tệp**. Chọn máy in của bạn (FAX) là thiết lập **Máy in** và sau đó chọn **Fax Settings** hoặc **Recipient Settings** từ menu bật lên.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Gửi fax từ máy tính” ở trang 96](#)
- ➔ [“Ứng dụng để cấu hình hoạt động fax và gửi fax \(FAX Utility\)” ở trang 208](#)

Ứng dụng định cấu hình thao tác máy in (Web Config)

Web Config là ứng dụng chạy trên trình duyệt, như Microsoft Edge và Safari, trên máy tính hoặc thiết bị thông minh. Bạn có thể xác nhận trạng thái của máy in hoặc thay đổi các cài đặt dịch vụ mạng và máy in. Để sử dụng Web Config, kết nối máy in và máy tính hoặc thiết bị với cùng mạng.

Các trình duyệt sau được hỗ trợ. Sử dụng phiên bản mới nhất.

Microsoft Edge, Internet Explorer, Firefox, Chrome, Safari

Lưu ý:


Bạn có thể được yêu cầu nhập mật khẩu quản trị viên trong khi thực hiện thao tác trên Web Config. Xem thông tin liên quan bên dưới để biết thêm chi tiết.

Thông tin liên quan

- ➔ [“Giá trị mặc định của mật khẩu quản trị viên” ở trang 16](#)

Chạy Web Config trên Trình duyệt web

1. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in.

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt mạng** > **Kiểm tra kết nối** từ bảng điều khiển để bắt đầu kiểm tra kết nối. Nhấn nút  hoặc nút OK để in báo cáo kết nối mạng. Kiểm tra địa chỉ IP của máy in trên báo cáo kết nối mạng đã in ra.

2. Khởi chạy trình duyệt Web từ máy tính hoặc thiết bị thông minh và sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.

Định dạng:

IPv4: http://địa chỉ IP của máy in/

IPv6: http://[địa chỉ IP của máy in]/

Ví dụ:

IPv4: http://192.168.100.201/

IPv6: http://[2001:db8::1000:1]/

Lưu ý:

Sử dụng thiết bị thông minh, bạn cũng có thể chạy Web Config từ màn hình thông tin sản phẩm của Epson Smart Panel.

Vì máy in sử dụng chứng nhận tự ký khi truy cập HTTPS, máy in sẽ hiển thị cảnh báo trên trình duyệt khi bạn khởi động Web Config; đây không phải là một vấn đề và bạn có thể bỏ qua một cách an toàn.

Ứng dụng để cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở (Epson Software Updater)

Epson Software Updater là ứng dụng cài đặt phần mềm mới và cập nhật chương trình cơ sở qua Internet. Nếu bạn muốn kiểm tra thông tin cập nhật thường xuyên, bạn có thể đặt khoảng thời gian kiểm tra cập nhật trong Cài đặt Tự động cập nhật của Epson Software Updater.

Lưu ý:

Các hệ điều hành Windows Server không được hỗ trợ.

Bắt đầu trên Windows

- Windows 11

Nhấp vào nút bắt đầu, rồi chọn **Tất cả các ứng dụng > EPSON Software > Epson Software Updater**.

- Windows 10

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **EPSON Software > Epson Software Updater**.

- Windows 8.1/Windows 8

Nhập tên ứng dụng trong nút tìm kiếm và sau đó chọn biểu tượng được hiển thị.

- Windows 7/Windows Vista/Windows XP

Nhấp vào nút bắt đầu, sau đó chọn **Tất cả các chương trình (hoặc Chương trình) > EPSON Software > Epson Software Updater**.

Lưu ý:

Bạn cũng có thể bắt đầu Epson Software Updater bằng cách nhấp vào biểu tượng máy in trên thanh tác vụ trên màn hình nền, và sau đó chọn **Cập nhật phần mềm**.

Bắt đầu trên Mac OS

Chọn **Truy cập > Ứng dụng > Epson Software > Epson Software Updater**.

Thông tin liên quan

➔ “Cài đặt các ứng dụng riêng rẽ” ở trang 115

Danh sách menu cài đặt

Chọn Cài đặt trên màn hình chính của máy in để thực hiện các cài đặt khác nhau.

Bảo trì

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Bảo trì

Kiểm tra kim phun:

Chọn tính năng này để kiểm tra xem kim phun của đầu in có bị tắc không. Máy in sẽ in một mẫu kiểm tra kim phun.

Vệ sinh đầu in:

Chọn tính năng này để vệ sinh kim phun bị tắc trong đầu in.

Vệ Sinh Tăng Cường:

Chọn tính năng này để thực hiện làm sạch tăng cường nếu đầu in bị tắc nghiêm trọng hoặc vẫn bị tắc sau khi lặp lại quy trình làm sạch tiêu chuẩn. Nhiều mực được sử dụng hơn khi làm sạch thông thường.

Chỉnh đầu in:

Căn chỉnh chiều dọc:

Chọn tính năng này nếu bản in trông bị mờ hoặc chữ và các đường kẻ bị lệch.

Căn chỉnh chiều ngang:

Chọn tính năng này nếu dải ngang xuất hiện với tần suất thường xuyên trong bản in của bạn.

Nạp mực:

Chọn tính năng này để đặt lại mức mực thành 100% khi bạn nạp lại mực cho hộp mực.

Dung tích còn lại của Hộp bảo trì:

Hiển thị tuổi thọ dự kiến của hộp bảo trì. Khi  được hiển thị, hộp bảo trì gần như đã đầy. Khi  được hiển thị, hộp bảo trì đã đầy.

Lau sạch dẫn hướng giấy:

Chọn tính năng này nếu có vết mực bẩn trên các trục lăn bên trong. Máy in sẽ nạp giấy để vệ sinh trục lăn bên trong.

Thông tin liên quan

- ➔ “Kiểm tra và vệ sinh đầu in” ở trang 104
- ➔ “Chạy Vệ Sinh Tăng Cường” ở trang 106
- ➔ “Nạp lại mực cho hộp mực” ở trang 186
- ➔ “Vệ sinh đường dẫn giấy đối với các vết mực bẩn” ở trang 108

Thiết lập máy in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Thiết lập máy in

Cài đặt nguồn giấy:

Cài đặt giấy:

Chọn khổ giấy và loại giấy mà bạn đã nạp vào nguồn giấy.

Ch.đổi tự động A4/Thư:

Chọn **Bật** để nạp giấy từ nguồn giấy được cài làm khổ A4 khi không có nguồn giấy được cài làm khổ Thư, hoặc nạp từ nguồn giấy được cài làm khổ Thư khi không có nguồn giấy được cài làm khổ A4.

Thông báo lỗi:

Chọn **Bật** để hiển thị thông báo lỗi khi loại hoặc khổ giấy đã chọn không khớp với giấy đã nạp.

Tự hiện th.lập giấy:

Chọn **Bật** để hiển thị màn hình **Cài đặt giấy** khi nạp giấy trong nguồn giấy. Nếu bạn tắt tính năng này, bạn không thể in từ iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng AirPrint.

Âm thanh:

Tắt âm:

Chọn **Bật** để tắt tiếng những âm thanh như âm thanh do **Nhấn nút** phát ra.

Chế độ bình thường:

Chọn âm lượng như **Nhấn nút**.

Chế độ không ồn:

Chọn âm lượng như **Nhấn nút** ở **Chế độ im lặng**.

Chế độ im lặng:

Chọn **Bật** để giảm tiếng ồn trong khi in. Tuy nhiên, chế độ này có thể làm giảm tốc độ in. Tùy vào loại giấy và cài đặt chất lượng in bạn đã chọn, có thể không có sự khác biệt ở mức ồn của máy in. Chọn **Bật** để ưu tiên giảm tiếng ồn hoạt động. Để ưu tiên tốc độ in, hãy chọn **Bật (Mức thấp)**.

Hẹn giờ tắt nguồn:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng này hoặc tính năng **Cài đặt tắt nguồn** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

Chọn cài đặt này để tự động tắt máy in nếu không được sử dụng trong một khoảng thời gian được chỉ định. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trước khi áp dụng chế độ quản lý nguồn điện. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Cài đặt tắt nguồn:

Sản phẩm của bạn có thể có tính năng này hoặc tính năng **Hẹn giờ tắt nguồn** tùy thuộc vào địa điểm mua hàng.

Tắt nguồn nếu không hoạt động:

Chọn cài đặt này để tự động tắt máy in nếu không được sử dụng trong một khoảng thời gian được chỉ định. Việc tăng thời gian sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng năng lượng của sản phẩm. Vui lòng cân nhắc đến môi trường trước khi đưa ra thay đổi.

Tắt nguồn nếu đã ngắt kết nối:

Chọn cài đặt này để tắt máy in sau một khoảng thời gian nhất định khi bạn ngắt kết nối tất cả các cổng kể cả cổng LINE. Tính năng này có thể không khả dụng tùy vào khu vực của bạn.

Truy cập trang web sau đây để biết về khoảng thời gian nhất định.

<https://www.epson.eu/energy-consumption>

Cài đặt ngày/giờ:

Ngày/giờ:

Nhập ngày và giờ hiện tại.

Giờ mùa hè:

Chọn thiết lập thời gian mùa hè được áp dụng cho khu vực của bạn.

Chênh lệch giờ:

Nhập sự khác biệt thời gian giữa thời gian địa phương và UTC (Coordinated Universal Time).

Quốc gia/Khu vực:

Chọn quốc gia hoặc khu vực mà bạn đang sử dụng máy in. Nếu bạn thay đổi quốc gia hoặc khu vực, cài đặt fax của bạn sẽ trở về cài đặt mặc định và bạn phải chọn lại cài đặt.

Ngôn ngữ/Language:

Chọn ngôn ngữ được sử dụng trên màn hình LCD.

Bàn phím:

Thay đổi bố cục bàn phím trên màn hình LCD.

Hẹn giờ chờ:

Điều chỉnh khoảng thời gian chuyển sang chế độ ngủ (chế độ tiết kiệm năng lượng) khi máy in không thực hiện bất kỳ thao tác nào. Màn hình LCD chuyển thành màu đen khi quá thời gian đã thiết lập này.

Kết nối PC qua USB:

Chọn **Bật** để cho phép máy tính truy cập máy in khi được kết nối bằng USB. Khi chọn **Tắt**, những tác vụ in và quét không được gửi qua kết nối mạng sẽ bị hạn chế.

Thông tin liên quan

➔ “Tiết kiệm điện” ở trang 114

Cài đặt mạng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cài đặt mạng

In tờ tình trạng:

In tờ tình trạng mạng.

Thông tin cho Ethernet, Wi-Fi, Wi-Fi Direct, v.v. được in trên hai trang trở lên.

Cài đặt Wi-Fi:

Thiết lập hoặc thay đổi cài đặt mạng không dây. Chọn phương thức kết nối từ bên dưới và sau đó làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển.

Kết nối qua Wi-Fi:

Thiết lập hoặc thay đổi cài đặt mạng không dây. Chọn phương thức kết nối từ bên dưới và sau đó làm theo hướng dẫn trên bảng điều khiển.

Trình hướng dẫn thiết lập Wi-Fi:

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách nhập SSID và mật khẩu.

Nút ấn (WPS):

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng Nút ấn (WPS).

Chức năng khác:

Mã PIN (WPS):

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng Mã PIN (WPS).

Kết nối Tự động Wi-Fi:

Thực hiện cài đặt Wi-Fi bằng cách sử dụng thông tin Wi-Fi trên máy tính hoặc thiết bị thông minh.

Tắt Wi-Fi:

Tắt Wi-Fi. Các kết nối với cơ sở hạ tầng sẽ bị ngắt kết nối.

Wi-Fi Direct:

Các p.pháp khác:

iOS:

Đọc mã QR từ iPhone, iPad, or iPod touch của bạn để kết nối bằng Wi-Fi Direct.

Các thiết bị HĐH khác:

Thực hiện cài đặt Wi-Fi Direct bằng cách nhập SSID và mật khẩu.

Sửa đổi:

Đổi Tên mạng:

Thay đổi SSID của Wi-Fi Direct (tên mạng).

Đổi mật khẩu:

Thay đổi mật khẩu cho kết nối Wi-Fi Direct.

Tắt Wi-Fi Direct:

Vô hiệu hóa cài đặt Wi-Fi Direct.

Phục hồi cài đặt mặc định:

Khôi phục cài đặt Wi-Fi Direct.

Kiểm tra kết nối:

Kiểm tra kết nối mạng hiện tại và in báo cáo. Nếu có bất kỳ vấn đề nào với kết nối, hãy xem báo cáo để giải quyết vấn đề.

Dịch vụ Epson Connect:

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Dịch vụ Epson Connect

Đăng ký/Xóa:

Đăng ký hoặc xóa máy in với hoặc khỏi dịch vụ Epson Connect.

Để biết hướng dẫn sử dụng, hãy xem trang web của cổng sau.

<https://www.epsonconnect.com/>

<http://www.epsonconnect.eu> (Chỉ ở châu Âu)

Tạm dừng/Tiếp tục lại:

Chọn tạm ngưng hoặc tiếp tục dịch vụ Epson Connect.

Địa chỉ email:

Kiểm tra địa chỉ email của máy in đã được đăng ký với dịch vụ Epson Connect.

Tình trạng:

Kiểm tra xem máy in đã được đăng ký và được kết nối với dịch vụ Epson Connect chưa.

Trình q.lý Danh bạ

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Trình q.lý Danh bạ

Thêm mục nhập:

Đăng ký mục nhập được sử dụng cho fax trong danh bạ.

Thêm nhóm:

Đăng ký mục nhập cho fax nhóm trong danh bạ.

Sửa:

Chỉnh sửa các mục nhập và nhóm đã đăng ký trong danh bạ.

Xóa:

Xóa mục nhập hoặc nhóm đã đăng ký trong danh bạ.

In danh bạ:

In thông tin mục nhập và thông tin nhóm cho số người liên hệ trong danh sách.

Thông tin liên quan

➔ [“Đăng ký danh bạ” ở trang 81](#)

Cài đặt fax

Chọn **Cài đặt** > **Cài đặt fax** từ bảng điều khiển của máy in sẽ hiển thị menu này.

Kiểm tra kết nối fax

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > **Cài đặt fax** > **Kiểm tra kết nối fax**

Chọn **Kiểm tra kết nối fax** sẽ kiểm tra xem máy in có kết nối với đường điện thoại và sẵn sàng truyền fax không. Bạn có thể in kết quả kiểm tra trên giấy thường kích thước A4.

Thuật sĩ cài đặt fax

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > **Cài đặt fax** > **Thuật sĩ cài đặt fax**

Chọn **Thuật sĩ cài đặt fax** sẽ thực hiện các cài đặt fax cơ bản. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Thông tin liên quan

➔ [“Menu Cài đặt cơ bản” ở trang 216](#)

➔ [“Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 76](#)

Menu Cài đặt cơ bản

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > **Cài đặt fax** > **Cài đặt cơ bản**

Tốc độ fax:

Chọn tốc độ truyền fax. Chúng tôi khuyến nghị sử dụng **Chậm (9.600b/giây)** khi lỗi truyền tin xảy ra thường xuyên, khi gửi/nhận fax đến/từ nước ngoài hoặc khi bạn sử dụng dịch vụ điện thoại IP (VoIP).

ECM:

Tự động sửa lỗi trong khi truyền fax (Chế độ sửa lỗi), chủ yếu là do nhiễu trên đường điện thoại gây ra. Nếu tính năng này tắt, bạn không thể gửi hoặc nhận tài liệu màu.

Phát hiện âm gọi:

Phát hiện âm quay số trước khi bắt đầu quay số. Nếu máy in kết nối với PBX (Tổng đài nội bộ) hoặc đường điện thoại kỹ thuật số, máy in có thể gặp lỗi khi bắt đầu quay số. Trong trường hợp này, đổi thiết lập **Loại dòng** thành **PBX**. Nếu việc thay đổi cài đặt này không giúp khắc phục sự cố, hãy tắt tính năng này đi. Tuy nhiên, việc tắt tính năng này có thể cắt chữ số đầu tiên của số fax và gửi fax đến số sai.

Chế độ gọi:

Chọn kiểu hệ thống điện thoại mà bạn đã kết nối với máy in. Khi được đặt là **Rung động**, bạn có thể tạm thời chuyển từ chế độ xung sang chế độ âm bằng cách bấm * ("T" được nhập vào) khi nhập số trên màn hình fax ở trên cùng. Cài đặt này có thể không hiển thị tùy vào khu vực hoặc quốc gia của bạn.

Loại dòng:

Chọn kiểu đường điện thoại mà bạn đã kết nối với máy in.

PSTN:

Chọn **PSTN** khi máy in được kết nối với mạng điện thoại chuyển mạch công cộng.

PBX:

Chọn **PBX** khi sử dụng máy in trong môi trường sử dụng số máy lẻ và yêu cầu mã truy cập bên ngoài, chẳng hạn như 0 và 9, để gọi ra đường dây bên ngoài. Đối với môi trường sử dụng modem DSL hoặc bộ điều hợp thiết bị đầu cuối, việc cài đặt sang **PBX** cũng được khuyến dùng.

Mã truy cập:

Chọn **Dùng**, sau đó đăng ký mã truy cập ra bên ngoài như 0 hoặc 9. Sau đó, khi gửi fax đến số fax bên ngoài, hãy nhập # (dấu thăng) thay vì mã thực. # (dấu thăng) cũng được sử dụng trong **Danh bạ** làm mã truy cập ra bên ngoài. Nếu mã truy cập ra bên ngoài như 0 hoặc 9 được đặt trong một liên hệ, bạn không thể gửi fax đến liên hệ đó. Trong trường hợp này, đặt **Mã truy cập** thành **Đùng dùng**, nếu không, bạn phải thay đổi mã trong **Danh bạ** thành #.

Tiêu đề:

Nhập tên người gửi và số fax của bạn. Thông tin này xuất hiện dưới dạng đầu trang của fax gửi đi.

Số điện thoại của bạn:

Bạn có thể nhập tối đa 20 ký tự 0-9 + hoặc khoảng trắng.

Dòng đầu trang fax:

Bạn có thể đăng ký lên đến 21 tên người gửi nếu cần. Bạn có thể nhập lên đến 40 ký tự cho từng tên người gửi. Với Web Config, nhập tiêu đề bằng Unicode (UTF-8).

Chế độ nhận:

Chọn chế độ nhận.

[“Nhận fax gửi đến” ở trang 90](#)

DRD:

Nếu bạn đã đăng ký dịch vụ nhạc chuông đặc biệt từ công ty điện thoại, chọn mẫu nhạc chuông cần dùng cho fax gửi đến. Dịch vụ nhạc chuông đặc biệt được cung cấp bởi nhiều công ty điện thoại (tên dịch vụ sẽ khác nhau tùy theo công ty) cho phép bạn sử dụng nhiều số điện thoại trên một đường dây điện thoại. Mỗi số sẽ được gán cho một kiểu nhạc chuông khác nhau. Bạn có thể sử dụng một số cho các cuộc gọi thoại và một số khác cho các cuộc gọi fax. Tùy thuộc vào khu vực, tùy chọn này có thể đã **Bật** hoặc **Tắt**.

Đổ chuông trả lời:

Chọn số lần đổ chuông phải xuất hiện trước khi máy in tự động nhận fax.

Nhận từ xa:

Khi bạn trả lời cuộc gọi fax đến trên điện thoại kết nối với máy in, bạn có thể bắt đầu nhận fax bằng cách nhập mã thông qua điện thoại.

Nhập Mã bắt đầu:

Đặt mã bắt đầu của **Nhận từ xa**. Nhập hai ký tự bằng 0–9, *, #.

Fax từ chối:

Fax từ chối:

Chọn tùy chọn để từ chối fax rác.

Danh sách số từ chối:

Nếu số điện thoại của bên kia nằm trong danh sách số từ chối, hãy thiết lập xem có cần từ chối fax đến hay không.

Tiêu đề fax trống:

Nếu số điện thoại của bên kia bị chặn, hãy thiết lập xem có cần từ chối nhận fax hay không.

N.gọi ko có trong D.bạ:

Nếu số điện thoại của bên kia không nằm trong danh bạ, hãy thiết lập xem có cần từ chối nhận fax hay không.

Sửa d.sách Số bị chặn:

Bạn có thể đăng ký lên đến 30 số fax để từ chối fax và cuộc gọi. Nhập lên đến 20 ký tự 0–9, *, #, hoặc khoảng trắng.

Thông tin liên quan

➔ [“Thiết lập máy in sẵn sàng gửi và nhận fax” ở trang 76](#)

- ➔ “Thực hiện các cài đặt cho hệ thống điện thoại PBX” ở trang 78
- ➔ “Nhận fax gửi đến” ở trang 90
- ➔ “Thực hiện cài đặt để chặn bản fax rác” ở trang 80

Menu Cài đặt nhận

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt nhận

Lưu vào máy tính:

Lưu fax đã nhận thành tệp PDF trên máy tính đã kết nối với máy in. Bạn chỉ có thể đặt tùy chọn này là **Có** thông qua FAX Utility (ứng dụng). Bạn không thể bật tùy chọn này từ bảng điều khiển của máy in. Cài đặt trước FAX Utility trên máy tính. Sau khi đặt tùy chọn này là **Có**, bạn có thể thay đổi tùy chọn này thành **Có và in** từ bảng điều khiển của máy in.

Giảm tự động:

In fax đã nhận với tài liệu kích thước lớn được thu nhỏ cho vừa với giấy trong nguồn giấy. Việc thu nhỏ không phải lúc nào cũng thực hiện được tùy thuộc vào dữ liệu đã nhận. Nếu tính năng này tắt, các tài liệu lớn được in ở kích cỡ ban đầu trên nhiều tờ hoặc trang thứ hai trắng có thể bị đẩy ra.

Cài đặt tách trang:

In fax đã nhận với việc chia trang khi kích thước của tài liệu nhận được lớn hơn kích thước giấy được nạp vào máy in. Nếu số lượng vượt quá chiều dài giấy nhỏ hơn giá trị được thiết lập trong **Xóa dữ liệu in sau khi chia tách > Ngưỡng**, thì phần dư sẽ bị loại bỏ. Nếu số lượng vượt quá chiều dài giấy lớn hơn giá trị đã thiết lập, thì phần dư sẽ được in trên tờ giấy khác.

Xóa dữ liệu in sau khi chia tách:

Chọn vùng tài liệu cần xóa khi số lượng vượt quá chiều dài giấy nhỏ hơn giá trị được thiết lập trong **Ngưỡng**.

Ngưỡng:

Nếu số lượng vượt quá chiều dài giấy nhỏ hơn hoặc bằng giá trị này, phần thừa sẽ bị loại bỏ và không được in.

Chống chéo khi tách:

Khi tính năng này được đặt sang **Bật** và dữ liệu được phân chia và in do số lượng vượt quá **Xóa dữ liệu in sau khi chia tách > Ngưỡng**, thì dữ liệu bị phân chia sẽ được in bằng độ dài chống lặp như chỉ định trong **Độ rộng chống chéo**.

Độ rộng chống chéo:

Dữ liệu vượt quá giá trị này sẽ bị in đè lên.

Xoay tự động:

Xoay các bản fax nhận được ở dạng tài liệu kích thước A5, hướng nằm ngang để in trên giấy kích thước A5. Cài đặt này cũng được áp dụng khi cài đặt kích thước giấy cho ít nhất một nguồn giấy được sử dụng để in fax được thiết lập là A5.

Khi chọn **Tắt**, các bản fax đã nhận ở kích thước A5 theo hướng nằm ngang, có cùng chiều rộng với tài liệu chiều dọc A4, được coi là bản fax kích thước A4 và được in như vậy.

Kiểm tra cài đặt khổ giấy trong **Cài đặt > Thiết lập máy in > Cài đặt nguồn giấy**.

Thêm thông tin nhận:

In thông tin nhận trên fax đã nhận, ngay cả khi người gửi không đặt thông tin đầu trang. Thông tin nhận bao gồm ngày và giờ nhận được, ID người gửi, ID nhận và số trang (chẳng hạn như "P1"). Khi bật **Cài đặt tách trang**, số chia trang cũng được bao gồm.

Định giờ bắt đầu in:

Chọn các tùy chọn để bắt đầu in fax đã nhận.

- Đã nhận tất cả các trang: Việc in bắt đầu sau khi nhận được tất cả các trang. Để bắt đầu in từ trang đầu tiên hay trang cuối cùng tùy thuộc vào cài đặt của tính năng **Chống đối chiếu**. Xem giải thích cho **Chống đối chiếu**.
- Đã nhận trang đầu: Bắt đầu in khi nhận được trang đầu tiên, sau đó in theo thứ tự các trang nhận được. Nếu máy in không thể bắt đầu in, như khi đang in công việc khác, máy in sẽ bắt đầu in các trang đã nhận được dưới dạng một mẻ khi đã sẵn sàng.

Chống đối chiếu:

Vì trang đầu tiên được in cuối cùng (đưa ra lên trên cùng), tài liệu in được xếp chồng theo đúng thứ tự trang. Khi máy in thiếu bộ nhớ, tính năng này có thể không hoạt động.

Giờ tạm dừng in:

Trong khoảng thời gian bạn đã chỉ định từ **Thời gian dừng** đến **TG kh.động lại** bạn đã chỉ định, máy in lưu các tài liệu nhận được trong bộ nhớ của máy in mà không cần in chúng. Tính năng này có thể được sử dụng để tránh gây ồn vào ban đêm hoặc tránh việc tài liệu bí mật bị tiết lộ khi bạn không ở đó. Trước khi dùng tính năng này, đảm bảo máy in có đủ dung lượng bộ nhớ trống. Khi bạn đặt cài đặt này thành **Tắt**, bạn có thể in các tài liệu đã nhận ngay cả trước thời gian khởi động lại.

Chế độ im lặng:

Giảm tiếng ồn máy in tạo ra khi in fax, tuy nhiên, tốc độ in có thể bị giảm đi.

Menu Cài đặt báo cáo

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt báo cáo

Tự in nhật ký fax:

Tự động in nhật ký fax. Chọn **Bật(Mỗi 30)** để in nhật ký mỗi khi hoàn thành 30 lệnh fax. Chọn **Bật(Giờ)** để in nhật ký theo thời gian quy định. Tuy nhiên, nếu số lệnh fax vượt quá 30, nhật ký sẽ được in trước thời gian quy định.

Đính kèm hình ảnh vào báo cáo:

In **Báo cáo truyền gửi** cùng với ảnh của trang đầu tiên của tài liệu đã gửi. Chọn **Bật(Hình lớn)** để in phần trên của trang mà không cần thu nhỏ. Chọn **Bật(Hình nhỏ)** để in toàn bộ trang thu nhỏ để vừa với báo cáo.

Định dạng báo cáo:

Chọn định dạng cho báo cáo fax trong **Fax > Menu > Xem thêm > Báo cáo fax** khác với **Dấu vết giao thức**. Chọn **Chi tiết** để in cùng với mã lỗi.

Menu Cài đặt bảo mật

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt bảo mật

Giới hạn gọi điện trực tiếp:

Chọn **Bật** sẽ tắt việc nhập thủ công số fax của người nhận, cho phép người vận hành chỉ chọn người nhận từ danh bạ hoặc lịch sử đã gửi.

Chọn **Nhập hai lần** sẽ yêu cầu người vận hành nhập lại số fax khi số đã được nhập theo cách thủ công.

Chọn **Tắt** sẽ cho phép nhập thủ công số fax của người nhận.

Giới hạn truyền phát:

Chọn **Bật** cho phép chỉ một số fax được nhập vào là người nhận.

Xác nhận d.sách địa chỉ:

Hiển thị màn hình xác nhận người nhận trước khi bắt đầu truyền tải.

Bạn có thể chọn người nhận từ **Tất cả** hoặc **Chỉ để truyền phát**.

Tự xóa hết dữ liệu sao lưu:

Bản sao dự phòng của các tài liệu đã gửi và nhận thường được lưu trữ tạm thời trong bộ nhớ của máy in để chuẩn bị cho tình huống tắt nguồn bất chợt do mất điện hoặc do hoạt động không chính xác.

Chọn **Bật** sẽ tự động xóa các bản sao lưu khi việc gửi hoặc nhận tài liệu đã hoàn tất thành công và các bản sao lưu trở nên không cần thiết.

Xóa hết dữ liệu sao lưu:

Xóa mọi bản sao lưu được lưu tạm trong bộ nhớ máy in. Chạy tính năng này trước khi bạn tặng máy in cho người khác hoặc thải bỏ máy in.

Menu Cài đặt m.định n.dùng

Bạn có thể tìm menu trên bảng điều khiển của máy in dưới đây:

Cài đặt > Cài đặt fax > Cài đặt m.định n.dùng

Các cài đặt được thực hiện trong menu này trở thành cài đặt mặc định của bạn trong **Fax > Menu**. Để biết chi tiết, xem thông tin liên quan bên dưới.

Thông tin liên quan

- ➔ “Cài đặt quét” ở trang 93
- ➔ “Cài đặt gửi fax” ở trang 93

In tờ tình trạng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > In tờ tình trạng

Tờ tình trạng cấu hình:

In tờ thông tin cho thấy cài đặt và tình trạng hiện tại của máy in.

Cung cấp tờ tình trạng:

In tờ thông tin cho thấy tình trạng của vật tư tiêu hao.

Bản lược sử sử dụng:

In tờ thông tin cho thấy lịch sử sử dụng của máy in.

Bộ đếm bản in

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Bộ đếm bản in

Hiển thị tổng số lần in, số lần in đen trắng, số lần in màu bao gồm các mục như tờ trạng thái từ thời điểm bạn mua máy in.

Chọn **Tờ in** khi bạn muốn in kết quả. Tờ được in cũng bao gồm số trang đã quét. Thông tin được đưa vào tờ giấy cũng tương tự như khi bạn in từ các chức năng khác trên **Bản lược sử sử dụng**.

Ng.cứu khách hàng

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Ng.cứu khách hàng

Cung cấp thông tin sử dụng sản phẩm, chẳng hạn như số lượng bản in, cho Seiko Epson Corporation. Chọn **Cài đặt — Chấp nhận**, sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình.

Phục hồi cài đặt mặc định

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Phục hồi cài đặt mặc định

Cài đặt mạng:

Thiết lập lại các cài đặt mạng về giá trị mặc định.

Cài đặt sao chụp:

Thiết lập lại cài đặt sao chụp về mặc định.

Cài đặt scan:

Thiết lập lại cài đặt scan về mặc định.

Cài đặt fax:

Thiết lập lại cài đặt fax về mặc định.

Xóa hết mọi dữ liệu và cài đặt:

Xóa toàn bộ thông tin cá nhân được lưu trữ trong bộ nhớ máy in và thiết lập lại mọi cài đặt về mặc định.

Cập nhật firmware

Chọn các menu trên bảng điều khiển như mô tả bên dưới.

Cài đặt > Cập nhật firmware

Cập nhật:

Kiểm tra xem phiên bản mới nhất của chương trình cơ sở đã được tải lên máy chủ mạng chưa. Nếu có bản cập nhật, bạn có thể chọn có bắt đầu cập nhật không.

Phản hiện hành:

Hiển thị phiên bản của chương trình cơ sở hiện tại của máy in của bạn.

Thông báo:

Chọn **Bật** để nhận thông báo nếu có bản cập nhật chương trình cơ sở.

Thông số kỹ thuật của sản phẩm

Thông số kỹ thuật máy in

Bố trí kim phun của đầu in		Kim phun mực đen: 400 Kim phun mực màu: 128 cho từng màu
Trọng lượng giấy*	Giấy thường	64 đến 90 g/m ²
	Phong bì	75 đến 100 g/m ²

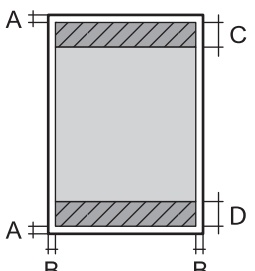
* Ngay cả khi độ dày giấy in nằm trong khoảng này thì có thể giấy vẫn không nạp trong máy in hoặc chất lượng in có thể suy giảm tùy theo thuộc tính hoặc chất lượng giấy.

Khu vực có thể in

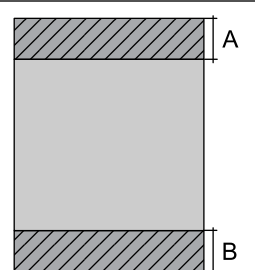
Khu vực có thể in của một tờ giấy

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

In có viền

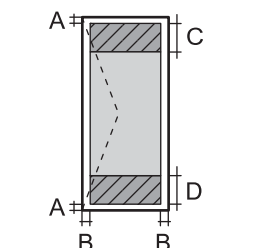
	A	3.0 mm (0.12 in.)
	B	3.0 mm (0.12 in.)
	C	41.0 mm (1.61 in.)
	D	37.0 mm (1.46 in.)

In không viền

	A	44.0 mm (1.73 in.)
	B	40.0 mm (1.57 in.)

Khu vực có thể in cho bì thư

Chất lượng in có thể suy giảm tại các khu vực sẫm màu do cơ chế hoạt động của máy in.

	A	3.0 mm (0.12 in.)
	B	3.0 mm (0.12 in.)
	C	18.0 mm (0.71 in.)
	D	41.0 mm (1.61 in.)

Thông số kỹ thuật máy quét

Loại máy quét	Tấm phẳng
Thiết bị quang điện	CIS
Số pixel hiệu lực	10200×14040 pixel (1200 dpi)
Kích cỡ tài liệu tối đa	216×297 mm (8.5×11.7 inch) A4, Letter
Độ phân giải quét	1200 dpi (quét chính) 2400 dpi (quét phụ)
Độ phân giải đầu ra	50 đến 9600 dpi với tỷ lệ tăng 1 dpi

Độ sâu của màu	<p>Màu</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> 48 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong (16 bit cho mỗi điểm ảnh mỗi màu bên trong) <input type="checkbox"/> 24 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài (8 bit cho mỗi điểm ảnh mỗi màu bên ngoài) <p>Thang độ xám</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> 16 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong <input type="checkbox"/> 8 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài <p>Đen trắng</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> 16 bit cho mỗi điểm ảnh bên trong <input type="checkbox"/> 1 bit cho mỗi điểm ảnh bên ngoài
Nguồn sáng	LED

Thông số kỹ thuật ADF

Chỉ dành cho ET-4810 Series/L5590 Series

Khổ giấy sẵn có	A4, Letter, 8.5×13 in., Legal, Indian-Legal
Loại giấy	Giấy thường
Trọng lượng giấy	64 đến 95 g/m ²
Khả năng nạp	A4, Letter: 30 tờ hoặc 3.3 mm 8.5×13 in., Legal, Indian-Legal: 10 tờ
Quét hai mặt tự động	Không được hỗ trợ

Ngay cả khi đáp ứng thông số kỹ thuật cho phương tiện có thể đặt trong ADF thì có thể bản gốc cũng không được nạp từ ADF hoặc chất lượng quét có thể suy giảm tùy thuộc vào chất lượng hoặc đặc tính của giấy.

Thông số kỹ thuật fax

Kiểu fax	Khả năng fax đen trắng và màu thao tác trực tiếp (ITU-T Siêu nhóm 3)	
Các đường điện thoại được hỗ trợ	Đường điện thoại tương tự chuẩn, các hệ thống điện thoại PBX (Tổng đài nội bộ)	
Độ phân giải	Đơn sắc	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Chuẩn: 8 điểm ảnh/mm×3,85 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×98 dòng/in.) <input type="checkbox"/> Mịn: 8 điểm ảnh/mm×7,7 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×196 dòng/in.) <input type="checkbox"/> Ảnh chụp: 8 điểm ảnh/mm×7,7 dòng/mm (203 điểm ảnh/in.×196 dòng/in.)
	Màu	200×200 dpi

Tốc độ		Lên đến 33.6 kbps
Phương pháp nén	Đơn sắc	MH/MR/MMR
	Màu	JPEG
Tiêu chuẩn liên lạc		G3, SuperG3
Gửi kích thước giấy	Kính máy scan	Letter, A4
	ADF	A4, Letter, 8.5×13 in., Legal, Indian-Legal
Ghi kích thước giấy		Letter, A4, Legal
Tốc độ truyền ^{*1}		Khoảng 3 giây (biểu đồ A4 ITU-T số 1 ở chế độ MMR chuẩn 33.6 kbps)
Bộ nhớ trang ^{*2}		Lên đến 100 trang (khi biểu đồ ITU-T số 1 được nhận ở chế độ chuẩn đơn sắc)
Danh bạ	Số người liên hệ	Lên đến 100
	Số người liên hệ được phân nhóm	Lên đến 99
Quay số lại ^{*3}		2 lần (với khoảng thời gian 1 phút)
Giao diện		Đường điện thoại RJ-11, Kết nối điện thoại RJ-11

*1 Tốc độ thực tế tùy thuộc vào tài liệu, thiết bị của người nhận và trạng thái của đường dây điện thoại.

*2 Vẫn được lưu giữ ngay cả khi mất điện.

*3 Thông số kỹ thuật có thể thay đổi theo từng quốc gia hoặc khu vực.

Thông số kỹ thuật giao diện

Đối với cho Máy tính	USB tốc độ cao*
----------------------	-----------------

* Không hỗ trợ cáp USB 3.0.

Thông số kỹ thuật mạng

Thông số kỹ thuật Wi-Fi

Tiêu chuẩn	IEEE 802.11b/g/n ^{*1}
Dải tần số	2,4 GHz
Chế độ phối hợp	Cơ sở hạ tầng, Wi-Fi Direct (AP đơn giản) ^{*2*3}
Bảo mật không dây ^{*4}	WEP (64/128bit), WPA2-PSK (AES) ^{*5} , WPA3-SAE (AES)

*1 IEEE 802.11n chỉ có sẵn cho HT20.

- *2 Không được hỗ trợ cho IEEE 802.11b.
- *3 Chế độ AP đơn giản tương thích với kết nối Wi-Fi (cơ sở hạ tầng) hoặc kết nối Ethernet.
- *4 Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES).
- *5 Tuân thủ các tiêu chuẩn WPA2 với hỗ trợ cho WPA/WPA2 Cá nhân.

Thông số kỹ thuật Ethernet

Tiêu chuẩn	IEEE802.3i (10BASE-T)*1 IEEE802.3u (100BASE-TX) IEEE802.3az (Ethernet Tiết kiệm Năng lượng)*2
Chế độ truyền tin	Auto, 10Mbps Full duplex, 10Mbps Half duplex, 100Mbps Full duplex, 100Mbps Half duplex
Đầu nối	RJ-45

- *1 Sử dụng cáp nhóm 5e hoặc STP cao hơn (Cáp xoắn có bọc) để ngăn ngừa rủi ro nhiễu sóng vô tuyến.
- *2 Thiết bị kết nối phải tuân thủ các tiêu chuẩn IEEE802.3az.

Chức năng của mạng và IPv4/IPv6

Chức năng			Được hỗ trợ	Ghi chú
In qua mạng	EpsonNet Print (Windows)	IPv4	✓	–
	Standard TCP/IP (Windows)	IPv4, IPv6	✓	–
	In bằng WSD (Windows)	IPv4, IPv6	✓	Windows Vista trở lên
	In Bonjour (Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	–
	In IPP (Windows, Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	–
	In PictBridge (Wi-Fi)	IPv4	–	Máy ảnh kỹ thuật số
	Epson Connect (In email, In từ xa)	IPv4	✓	–
	AirPrint (iOS, Mac OS)	IPv4, IPv6	✓	iOS 5 trở lên hoặc OS X Mavericks (10.9.5) trở lên*

Chức năng			Được hỗ trợ	Ghi chú
Quét qua mạng	Epson Scan 2	IPv4, IPv6	✓	–
	Epson ScanSmart	IPv4	✓	Windows 7 hoặc mới hơn, hoặc OS X El Capitan (10.11) hoặc mới hơn
	Event Manager	IPv4	✓	Windows Vista/Windows XP, hoặc OS X Yosemite (10.10)/OS X Mavericks (10.9.5)
	Epson Connect (Quét vào đám mây)	IPv4	–	–
	AirPrint (Quét)	IPv4, IPv6	✓	OS X Mavericks (10.9.5) trở lên*
Fax	Gửi fax	IPv4	✓	–
	Nhận fax	IPv4	✓	–
	AirPrint (Gửi fax đi)	IPv4, IPv6	✓	OS X Mavericks (10.9.5) trở lên*

* Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phiên bản iOS hoặc Mac OS mới nhất.

Giao thức bảo mật

SSL/TLS	HTTPS Server/Client, IPPS
SNMPv3	

Các Dịch Vụ Bên Thứ Ba Được Hỗ Trợ

Dịch vụ		Được hỗ trợ	Ghi chú
AirPrint	In	✓	iOS 5 trở lên/OS X Mavericks (10.9.5) trở lên*
	Quét	✓	OS X Mavericks (10.9.5) trở lên*
	Fax	✓	OS X Mavericks (10.9.5) trở lên*

* Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phiên bản iOS hoặc Mac OS mới nhất.

Kích thước

ET-4810 Series/L5590 Series

Kích thước	<p>Bảo quản</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.) <input type="checkbox"/> Chiều sâu: 347 mm (13.7 in.) <input type="checkbox"/> Chiều cao: 237 mm (9.3 inch) <p>In</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.) <input type="checkbox"/> Chiều sâu: 578 mm (22.8 in.) <input type="checkbox"/> Chiều cao: 253 mm (10.0 inch)
Trọng lượng*	Xấp xỉ 11.5 kg (5.2 lb)

* Không có mực và dây nguồn.

ET-2840 Series/L3560 Series

Kích thước	<p>Bảo quản</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.) <input type="checkbox"/> Chiều sâu: 347 mm (13.7 in.) <input type="checkbox"/> Chiều cao: 179 mm (7.0 inch) <p>In</p> <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Chiều rộng: 375 mm (14.8 in.) <input type="checkbox"/> Chiều sâu: 578 mm (22.8 in.) <input type="checkbox"/> Chiều cao: 253 mm (10.0 inch)
Trọng lượng*	Xấp xỉ 9.5 kg (4.3 lb)

* Không có mực và dây nguồn.

Thông số kỹ thuật điện

ET-4810 Series/L5590 Series

Định mức nguồn điện	AC 100–240 V	AC 220–240 V
Dải tần số định mức	50–60 Hz	50–60 Hz
Dòng điện định mức	0.4–0.2 A	0.2 A

Công suất tiêu thụ (có Kết nối USB)	Đang sao chụp độc lập: Khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: Khoảng 7.1 W Chế độ ngủ: Khoảng 0.9 W Tắt nguồn: Khoảng 0.2 W	Đang sao chụp độc lập: Khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: Khoảng 7.1 W Chế độ ngủ: Khoảng 0.9 W Tắt nguồn: Khoảng 0.2 W
-------------------------------------	---	---

Lưu ý:

- Kiểm tra nhãn trên máy in để biết điện áp.
- Với người dùng Châu Âu, xem trang web sau đây để biết chi tiết về công suất tiêu thụ.
<http://www.epson.eu/energy-consumption>

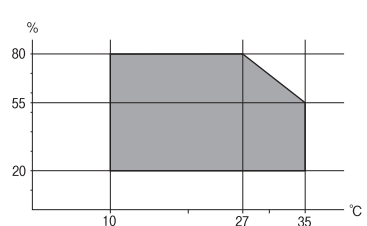
ET-2840 Series/L3560 Series

Định mức nguồn điện	AC 100–240 V	AC 220–240 V
Dải tần số định mức	50–60 Hz	50–60 Hz
Dòng điện định mức	0.4–0.2 A	0.2 A
Công suất tiêu thụ (có Kết nối USB)	Đang sao chụp độc lập: Khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: Khoảng 7.1 W Chế độ ngủ: Khoảng 0.8 W Tắt nguồn: Khoảng 0.2 W	Đang sao chụp độc lập: Khoảng 12.0 W (ISO/IEC24712) Chế độ sẵn sàng: Khoảng 7.1 W Chế độ ngủ: Khoảng 0.8 W Tắt nguồn: Khoảng 0.2 W

Lưu ý:

- Kiểm tra nhãn trên máy in để biết điện áp.
- Với người dùng Châu Âu, xem trang web sau đây để biết chi tiết về công suất tiêu thụ.
<http://www.epson.eu/energy-consumption>

Thông số kỹ thuật môi trường

Vận hành	Sử dụng máy in trong dải thông số được trình bày trong phần sau đây.  Nhiệt độ: 10 đến 35°C (50 đến 95°F) Độ ẩm: 20 đến 80% RH (không ngưng tụ)
Bảo quản	Nhiệt độ sau khi nạp mực ban đầu: -15 đến 40°C (-5 đến 104°F)* Nhiệt độ trước khi nạp mực ban đầu: -20 đến 40°C (-4 đến 104°F)* Độ ẩm: 5 đến 85% RH (không ngưng tụ)

* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở nhiệt độ 40°C (104°F).

Thông số kỹ thuật môi trường cho lọ mực in

Nhiệt độ bảo quản	-20 đến 40 °C (-4 đến 104 °F)*
Nhiệt độ đông lạnh	-15 °C (5 °F) Mực tan ra và có thể sử dụng được sau khoảng 2 tại 25 °C (77 °F).

* Bạn có thể bảo quản trong một tháng ở 40 °C (104 °F).

Yêu cầu hệ thống

Windows

Windows Vista, Windows 7, Windows 8/8.1, Windows 10, Windows 11 hoặc mới hơn
Windows XP SP3 (32 bit)
Windows XP Professional x64 Edition SP2
Windows Server 2003 (SP2) hoặc mới hơn

Mac OS

Mac OS X 10.9.5 hoặc mới hơn, macOS 11 hoặc mới hơn

Lưu ý:

- Mac OS có thể không hỗ trợ một số ứng dụng và tính năng.
- Hệ thống file UNIX (UFS) cho Mac OS không được hỗ trợ.

Thông tin pháp lý

Tiêu chuẩn và phê chuẩn

Tiêu Chuẩn Và Chấp Nhận Đối Với Mẫu Thiết Bị Của Mỹ

An toàn	UL60950-1 CAN/CSA-C22.2 No.60950-1
EMC	FCC Part 15 Subpart B Class B CAN ICES-3 (B)/NMB-3 (B)

Thiết bị này chứa môđun không dây sau.

Nhà sản xuất: Seiko Epson Corporation

Loại: J26H006

Sản phẩm này tuân thủ Phần 15 của Quy định FCC và RSS-210 của Quy định IC. Epson không chịu trách nhiệm cho mọi hỏng hóc nhằm thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ xuất phát từ việc sửa đổi sản phẩm không khuyến dùng.

Hoạt động tuân thủ hai điều kiện sau: (1) thiết bị này không thể gây nhiễu có hại, và (2) thiết bị này phải thu được mọi tín hiệu nhiễu nhận được, kể cả tín hiệu nhiễu có thể khiến thiết bị hoạt động không mong muốn.

Để phòng tránh nhiễu sóng vô tuyến đối với dịch vụ cấp phép, thiết bị này được thiết kế để hoạt động trong nhà hoặc xa với các cửa sổ nhằm cho phép bảo vệ tối ưu. Thiết bị (hoặc ăngten phát liên quan) vốn được lắp đặt ngoài trời phải tuân thủ giấy phép.

Thiết bị này tuân thủ các giới hạn phơi nhiễm bức xạ FCC/IC quy định cho môi trường chưa kiểm soát và đáp ứng Các Nguyên tắc Phơi nhiễm tần số vô tuyến (RF) FCC trong Phụ lục C đến OET65 và RSS-102 của Quy định Phơi nhiễm tần số vô tuyến (RF) IC. Thiết bị này phải được lắp đặt và vận hành sao cho nguồn bức xạ được duy trì cách xa cơ thể người ở mức tối thiểu là 20 cm (7,9 inch) hoặc nhiều hơn (ngoại trừ tứ chi: bàn tay, cổ tay, chân và mắt cá chân).

Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở châu Âu

Đối với người dùng Châu Âu

Ở đây, Seiko Epson Corporation tuyên bố rằng kiểu thiết bị sóng vô tuyến sau tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU. Toàn bộ văn bản của tuyên bố của Liên minh châu Âu về tính tuân thủ có sẵn ở trang web sau.

<http://www.epson.eu/conformity>

C622C, C634K

Chỉ sử dụng ở Ireland, Vương quốc Anh, Áo, Đức, Liechtenstein, Thụy Sĩ, Pháp, Bỉ, Luxemburg, Hà Lan, Italy, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Iceland, Croatia, Đảo Síp, Hy Lạp, Slovenia, Malta, Bungaria, CH Séc, Estonia, Hungary, Latvia, Lithuania, Ba Lan, Romania và Slovakia.

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.

Tần số	Nguồn tần số vô tuyến tối đa đã truyền
2400–2483,5 MHz	20 dBm (EIRP)



Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở Úc

EMC	AS/NZS CISPR32 Class B
-----	------------------------

Epson xin tuyên bố rằng các mẫu thiết bị sau đây tuân thủ các yêu cầu thiết yếu và các điều khoản liên quan khác của AS/NZS4268:

C662C

Epson không thể chấp nhận trách nhiệm của bất kỳ tình huống nào không thỏa mãn các yêu cầu bảo vệ do việc sửa đổi không được khuyến nghị đối với sản phẩm.

Các tiêu chuẩn và phê chuẩn cho kiểu máy ở New Zealand

General Warning

The grant of a Telepermit for any item of terminal equipment indicates only that Telecom has accepted that the item complies with minimum conditions for connection to its network. It indicates no endorsement of the product by Telecom, nor does it provide any sort of warranty. Above all, it provides no assurance that any item will work correctly in all respects with another item of Telepermitted equipment of a different make or model, nor does it imply that any product is compatible with all of Telecom's network services.

Telepermitted equipment only may be connected to the EXT telephone port. This port is not specifically designed for 3-wire-connected equipment. 3-wire-connected equipment might not respond to incoming ringing when attached to this port.

Important Notice

Under power failure conditions, this telephone may not operate. Please ensure that a separate telephone, not dependent on local power, is available for emergency use.

This equipment is not capable, under all operating conditions, of correct operation at the higher speeds for which it is designed. Telecom will accept no responsibility should difficulties arise in such circumstances.

This equipment shall not be set up to make automatic calls to the Telecom '111' Emergency Service.

Phê duyệt kiểu ZICTA cho người dùng ở Zambia

Xem trang web sau để kiểm tra thông tin Phê duyệt kiểu ZICTA.

<https://support.epson.net/zicta/>

Giới hạn sao chép

Quan sát các giới hạn sau nhằm đảm bảo việc sử dụng có trách nhiệm và hợp pháp với máy in.

Luật pháp cấm sao chép các mục sau:

- Hối phiếu ngân hàng, tiền xu, chứng khóa có thể giao dịch trên thị trường do chính phủ phát hành, trái phiếu của chính phủ và chứng khoán đô thị
- Tem bưu điện chưa sử dụng, bưu thiếp dán tem sẵn và các mặt hàng bưu chính chính thức khác có cước phí bưu chính hợp lệ
- Tem doanh thu do chính phủ phát hành và chứng khoán được phát hành theo thủ tục pháp lý

Thận trọng khi sao chép các mục sau:

- Chứng khoán tư nhân có thể giao dịch trên thị trường (chứng chỉ cổ phiếu, hối phiếu có thể chuyển nhượng, séc, v.v.), vé tháng, vé nhượng quyền, v.v.
- Hộ chiếu, giấy phép lái xe, giấy đăng kiểm cho mô-tô hạng nhẹ, vé cầu đường, phiếu thực phẩm, vé, v.v.

Lưu ý:

Pháp luật cũng có thể cấm sao chép các mục này.

Sử dụng có trách nhiệm đối với tài liệu có bản quyền:

Máy in có thể bị sử dụng sai bằng việc sao chép không thích hợp các tài liệu có bản quyền. Trừ khi thực hiện dựa trên tư vấn của luật sư có kiến thức, hãy có trách nhiệm và tôn trọng bằng việc xin phép người giữ bản quyền trước khi sao chép tài liệu đã xuất bản.

Nơi nhận trợ giúp

Trang web hỗ trợ kỹ thuật. 235

Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson. 235

Trang web hỗ trợ kỹ thuật

Nếu bạn cần trợ giúp thêm, vui lòng truy cập trang web hỗ trợ của Epson được trình bày dưới đây. Chọn quốc gia hoặc khu vực của bạn và vào phần hỗ trợ của trang web Epson tại địa phương của bạn. Cũng có các trình điều khiển mới nhất, Câu hỏi thường gặp, hướng dẫn sử dụng và các nội dung tải xuống khác tại trang web này.

<http://support.epson.net/>

<http://www.epson.eu/support> (Châu Âu)

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không chuẩn và bạn không thể giải quyết vấn đề, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp.

Liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson

Trước khi liên hệ với Epson

Nếu sản phẩm Epson hoạt động không bình thường và bạn không thể giải quyết vấn đề khi sử dụng thông tin khắc phục sự cố trong hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, hãy liên hệ với dịch vụ hỗ trợ của Epson để được trợ giúp thêm.

Danh sách hỗ trợ Epson sau đây dựa trên quốc gia bán hàng. Một số sản phẩm không được bán ở địa điểm hiện tại của bạn, vì vậy hãy nhớ liên hệ với bộ phận hỗ trợ của Epson cho khu vực bạn đã mua sản phẩm của mình.

Nếu bộ phận hỗ trợ của Epson cho khu vực của bạn không có trong danh sách dưới đây, hãy liên hệ với đại lý nơi bạn đã mua sản phẩm.

Bộ phận hỗ trợ của Epson sẽ có thể giúp bạn nhanh hơn rất nhiều nếu bạn cung cấp cho họ thông tin sau:

- Số sê-ri sản phẩm
(Vị trí dán nhãn tùy thuộc vào sản phẩm; có thể ở mặt sau, mặt phía mở của nắp hoặc ở đáy.)
- Kiểu sản phẩm
- Phiên bản phần mềm của sản phẩm
(Nhấp **About**, **Version Info** hoặc nút tương tự trong phần mềm sản phẩm.)
- Nhãn hiệu và kiểu máy tính của bạn
- Tên và phiên bản hệ điều hành máy tính của bạn
- Tên và phiên bản của các ứng dụng phần mềm bạn thường sử dụng cùng với sản phẩm

Lưu ý:

Tùy thuộc vào sản phẩm, dữ liệu danh sách quay số cho thiết lập fax và/hoặc mạng có thể được lưu trữ trong bộ nhớ của sản phẩm. Do bị hỏng hoặc sửa chữa sản phẩm, dữ liệu và/hoặc các thiết lập có thể bị mất. Epson không chịu trách nhiệm cho việc mất bất kỳ dữ liệu nào, cho việc sao lưu và phục hồi dữ liệu và/hoặc cài đặt, ngay cả trong thời kỳ bảo hành. Chúng tôi khuyên bạn tạo dữ liệu sao lưu của mình hoặc ghi chú lại.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Châu Âu

Xem Tài liệu Bảo hành Pan-Châu Âu để biết thông tin về cách liên hệ với bộ phận hỗ trợ ở Châu Âu.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Đài Loan

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.tw>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: +886-2-2165-3138

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- Tra cứu dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trung tâm dịch vụ sửa chữa:

<http://www.tekcare.com.tw/branchMap.page>

Công ty TekCare là trung tâm bảo hành ủy quyền cho Epson Taiwan Technology & Trading Ltd.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Úc

Epson Australia muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao hơn. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn tiếp nhận thông tin sau:

Internet URL

<http://www.epson.com.au>

Truy cập các trang World Wide Web của Epson Australia. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 1300-361-054

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, kiểu máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần có.

Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này. Buộc chặt hộp mực bằng băng keo và cũng phải giữ sản phẩm thẳng đứng.

Trợ Giúp Đối Với Người Dùng Ở New Zealand

Epson New Zealand muốn cung cấp cho bạn mức độ dịch vụ khách hàng cao cấp. Bên cạnh hướng dẫn sử dụng sản phẩm của bạn, chúng tôi cung cấp các nguồn sau để bạn thu thập thông tin:

Internet URL

<http://www.epson.co.nz>

Truy cập các trang World Wide Web của Epson New Zealand. Thật đáng để thỉnh thoảng truy cập vào đây! Trang này cung cấp vùng tải xuống cho trình điều khiển, các địa điểm liên hệ của Epson, thông tin sản phẩm mới và hỗ trợ kỹ thuật (email).

Trợ giúp của Epson

Điện thoại: 0800 237 766

Trợ giúp của Epson được cung cấp làm nơi dự phòng cuối cùng nhằm đảm bảo khách hàng của chúng tôi có thể tiếp cận dịch vụ tư vấn. Các nhân viên vận hành tại bộ phận Trợ giúp có thể giúp bạn cài đặt, cấu hình và vận hành sản phẩm Epson của bạn. Nhân viên Trợ giúp trước khi bán hàng của chúng tôi có thể cung cấp tài liệu về các sản phẩm Epson mới và tư vấn về đại lý hoặc đại lý dịch vụ gần nhất ở đâu. Chúng tôi có thể trả lời nhiều kiểu câu hỏi ở đây.

Chúng tôi khuyến khích bạn có sẵn toàn bộ thông tin liên quan khi gọi đến. Càng chuẩn bị nhiều thông tin, chúng tôi càng có thể giúp giải quyết vấn đề nhanh hơn. Thông tin này bao gồm hướng dẫn sử dụng sản phẩm Epson, loại máy tính, hệ điều hành, các chương trình ứng dụng và bất kỳ thông tin nào mà bạn cảm thấy cần thiết.

Vận chuyển sản phẩm

Epson đề nghị giữ lại thùng đựng sản phẩm để vận chuyển sau này. Buộc chặt ống mực bằng băng keo và cũng phải giữ sản phẩm thẳng đứng.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Singapore

Nguồn thông tin, hỗ trợ và dịch vụ từ Epson Singapore bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.sg>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ), tra cứu kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật thông qua email.

Trợ giúp của Epson

ĐT miễn phí: 800-120-5564

Nhóm Trợ giúp của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- Các câu hỏi về cách sử dụng sản phẩm hoặc khắc phục sự cố
- Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trợ giúp dành cho người dùng ở Thái Lan

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.th>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ) và email.

Trung tâm chăm sóc khách hàng Epson

Điện thoại: 66-2460-9699

Email: support@eth.epson.co.th

Nhóm Trung tâm chăm sóc khách hàng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trợ giúp dành cho người dùng ở Việt Nam

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

Trung tâm dịch vụ Epson

65 TRUNG ĐÌNH STREET . BEN THANH WA QUẬN 1 , THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.

Điện thoại (TP.Hồ Chí Minh): 84-8-3823-9239, 84-8-3825-6234

29 Tuệ Tĩnh , Quan Hai Bà Trưng , Thành phố Hà Nội , Việt Nam

Điện thoại (TP.Hà Nội): 84-4-3978-4785, 84-4-3978-4775

Trợ giúp dành cho người dùng ở Indonesia

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.id>

- Thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống
- Câu hỏi thường gặp (FAQ), Tra cứu kinh doanh, câu hỏi thông qua email

Đường dây nóng của Epson

Điện thoại: +62-1500-766

Fax: +62-21-808-66-799

Nhóm hỗ trợ qua đường dây nóng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại hoặc fax:

- Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm

Hỗ trợ kỹ thuật

Trung tâm dịch vụ Epson

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
JAKARTA	Epson Sales and Service Jakarta (SUDIRMAN)	Wisma Keiai Lt. 1 Jl. Jenderal Sudirman Kav. 3 Jakarta Pusat - DKI JAKARTA 10220	021-5724335 ess@epson-indonesia.co.id ess.support@epson-indonesia.co.id
SERPONG	Epson Sales and Service Serpong	Ruko Melati Mas Square Blok A2 No.17 Serpong-Banten	082120090084 / 082120090085 esstag@epson-indonesia.co.id esstag.support@epson-indonesia.co.id
SEMARANG	Epson Sales and Service Semarang	Komplek Ruko Metro Plaza Block C20 Jl. MT Haryono No. 970 Semarang -JAWA TENGAH	024 8313807 / 024 8417935 esssmg@epson-indonesia.co.id esssmg.support@epson-indonesia.co.id
JAKARTA	Epson Sales and Service Jakarta (MANGGA DUA)	Ruko Mall Mangga Dua No. 48 Jl. Arteri Mangga Dua, Jakarta Utara - DKI JAKARTA	021 623 01104 jkt-technical1@epson-indonesia.co.id jkt-admin@epson-indonesia.co.id
BANDUNG	Epson Sales and Service Bandung	Jl. Cihampelas No. 48 A Bandung Jawa Barat 40116	022 420 7033 bdg-technical@epson-indonesia.co.id bdg-admin@epson-indonesia.co.id
MAKASSAR	Epson Sales and Service Makassar	Jl. Cendrawasih NO. 3A, kunjung mae, mariso, MAKASSAR - SULSEL 90125	0411- 8911071 mksr-technical@epson-indonesia.co.id mksr-admin@epson-indonesia.co.id
MEDAN	Epson Service Center Medan	Jl. Bambu 2 Komplek Graha Niaga Nomor A-4, Medan - SUMUT	061- 42066090 / 42066091 mdn-technical@epson-indonesia.co.id mdn-adm@epson-indonesia.co.id
PALEMBANG	Epson Service Center Palembang	Jl. H.M Rasyid Nawawi No. 249 Kelurahan 9 Ilir Palembang Sumatera Selatan	0711 311 330 escplg@epson-indonesia.co.id escplg.support@epson-indonesia.co.id
PEKANBARU	Epson Service Center Pekanbaru	Jl. Tuanku Tambusai No. 459 A Kel. Tangkerang barat Kec Marpoyan damai Pekanbaru - Riau 28282	0761- 8524695 pkb-technical@epson-indonesia.co.id pkb-admin@epson-indonesia.co.id
PONTIANAK	Epson Service Center Pontianak	Komp. A yani Sentra Bisnis G33, Jl. Ahmad Yani - Pontianak Kalimantan Barat	0561- 735507 / 767049 pontianak-technical@epson-indonesia.co.id pontianak-admin@epson-indonesia.co.id

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
SAMARINDA	Epson Service Center Samarinda	Jl. KH. Wahid Hasyim (M. Yamin) Kelurahan Sempaja Selatan Kecamatan Samarinda UTARA - SAMARINDA - KALTIM	0541 7272 904 escsmd@epson-indonesia.co.id escsmd.support@epson-indonesia.co.id
SURABAYA	Epson Sales & Service Surabaya (barat)	Jl. Haji Abdul Wahab Saimin, Ruko Villa Bukit Mas RM-11, Kec. Dukuh Pakis, Surabaya - 60225	031- 5120994 sby-technical@epson-indonesia.co.id sby-admin@epson-indonesia.co.id
YOGYAKARTA	Epson Service Center Yogyakarta	YAP Square, Block A No. 6 Jl. C Simanjutak Yogyakarta - DIY	0274 581 065 ygy-technical@epson-indonesia.co.id ygy-admin@epson-indonesia.co.id
JEMBER	Epson Service Center Jember	JL. Panglima Besar Sudirman Ruko no.1D Jember-Jawa Timur (Depan Balai Penelitian & Pengolahan Kakao)	0331- 488373 / 486468 jmr-admin@epson-indonesia.co.id jmr-technical@epson-indonesia.co.id
MANADO	EPSON SALES AND SERVICE Manado	Jl. Piere Tendean Blok D No 4 Kawasan Mega Mas Boulevard - Manado 95111	0431- 8805896 MND-ADMIN@EPSON-INDONESIA.CO.ID MND-TECHNICAL@EPSON-INDONESIA.CO.ID
CIREBON	EPSON SERVICE CENTER Cirebon	Jl. Tuparev No. 04 (Depan Hotel Apita) Cirebon, JAWA BARAT	0231- 8800846 cbn-technical@epson-indonesia.co.id
CIKARANG	EPSON SALES AND SERVICE CIKARANG	Ruko Metro Boulevard B1 Jababeka cikarang - Jawa Barat,	021- 89844301 / 29082424 ckg-admin@epson-indonesia.co.id ckg-technical@epson-indonesia.co.id
MADIUN	EPSON SERVICE CENTER MADIUN	Jl. Diponegoro No.56, MADIUN - JAWA TIMUR	0351- 4770248 mun-admin@epson-indonesia.co.id mun-technical@epson-indonesia.co.id
PURWOKERTO	EPSON SALES AND SERVICE Purwokerto	Jl. Jendral Sudirman No. 4 Kranji Purwokerto - JAWA TENGAH	0281- 6512213 pwt-admin@epson-indonesia.co.id pwt-technical@epson-indonesia.co.id
BOGOR	EPSON SALES AND SERVICE Bogor	Jl.Pajajaran No 15B Kel Bantarjati Kec Bogor Utara - JAWA BARAT 16153	0251- 8310026 bgr-admin@epson-indonesia.co.id bgr-technical@epson-indonesia.co.id
SERANG	EPSON SERVICE CENTER Serang	Jl. Ahmad Yani No.45C, SERANG - BANTEN	0254- 7912503 srg-admin@epson-indonesia.co.id srg-technical@epson-indonesia.co.id
PALU	EPSON SALES AND SERVICE Palu	Jl. Juanda No. 58, Palu - Sulteng	0451- 4012 881 plw-admin@epson-indonesia.co.id plw-technical@epson-indonesia.co.id

Tỉnh	Tên công ty	Địa chỉ	Điện thoại Email
BANJARMASIN	EPSON SERVICE CENTER BANJARMASIN	Jl. Gatot Soebroto NO. 153 BANJARMASIN - KALSEL 70235	0511- 6744135 (TEKNISI) / 3266321(ADMIN) bdj-admin@epson-indonesia.co.id bdj-technical@epson-indonesia.co.id
DENPASAR	EPSON SALES AND SERVICE Denpasar	JL. MAHENDRADATA NO. 18, DENPASAR - BALI	0361- 3446699 / 9348428 dps-admin@epson-indonesia.co.id dps-technical@epson-indonesia.co.id
JAKARTA	EPSON SALES AND SERVICE CILANDAK	CIBIS Business Park Tower 9 LT. MEZZANINE, Jalan TB Simatupang No.2, Jakarta Selatan - DKI JAKARTA 12560	021- 80866777 esscibis.support1@epson-indonesia.co.id esscibis.support2@epson-indonesia.co.id esscibis.admin@epson-indonesia.co.id esscibis.sales@epson-indonesia.co.id
SURABAYA	EPSON SALES AND SERVICE SURABAYA (GUBENG)	JL. RAYA GUBENG NO. 62, SURABAYA - JAWA TIMUR	031- 99444940 / 99446299 / 99446377 esssby@epson-indonesia.co.id esssby.support@epson-indonesia.co.id
AMBON	EPSON SERVICE CENTER AMBON	Jl. Diponegoro No.37 (Samping Bank Mandiri Syariah) Kel.Ahusen, Kec.Sirimau - Ambon 97127	-

Đối với các thành phố khác chưa liệt kê ở đây, hãy gọi đến Đường dây nóng: 08071137766.

Trợ giúp dành cho người dùng ở Hong Kong

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng được chào đón liên hệ với Epson Hong Kong Limited.

Trang chủ trên Internet

<http://www.epson.com.hk>

Epson Hong Kong đã thiết lập trang chủ địa phương bằng cả tiếng Trung Quốc và tiếng Anh trên Internet nhằm cung cấp cho người dùng thông tin sau:

- Thông tin sản phẩm
- Trả lời cho những câu hỏi thường gặp (FAQ)
- Các phiên bản mới nhất cho trình điều khiển sản phẩm của Epson

Đường dây nóng hỗ trợ kỹ thuật

Bạn cũng có thể liên hệ với nhân viên kỹ thuật của chúng tôi tại số điện thoại và số fax sau:

Điện thoại: 852-2827-8911

Fax: 852-2827-4383

Trợ giúp dành cho người dùng ở Malaysia

Thông tin liên hệ về các dịch vụ, hỗ trợ và thông tin gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.com.my>

- Thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống
- Câu hỏi thường gặp (FAQ), Tra cứu kinh doanh, câu hỏi thông qua email

Trung tâm chăm sóc khách hàng Epson

Điện thoại: 1800-81-7349 (Điện thoại miễn phí)

Email: websupport@emsb.epson.com.my

- Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Trụ sở

Điện thoại: 603-56288288

Fax: 603-5628 8388/603-5621 2088

Trợ giúp dành cho người dùng ở Ấn Độ

Các mối liên hệ để nhận được thông tin, hỗ trợ và dịch vụ bao gồm:

World Wide Web

<http://www.epson.co.in>

Có thông tin về các thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống và tra cứu sản phẩm.

Số điện thoại trợ giúp

- Thông tin dịch vụ, sản phẩm, và đặt mua hàng tiêu dùng (Điện thoại BSNL)
Số ĐT miễn phí: 18004250011
Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)
- Dịch vụ (Người dùng CDMA & Di động)
Số ĐT miễn phí: 186030001600
Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)

Trợ giúp dành cho người dùng ở Philippines

Để nhận hỗ trợ kỹ thuật cũng như các dịch vụ hậu mãi khác, người dùng vui lòng liên hệ với Epson Philippines Corporation theo số điện thoại, số fax và địa chỉ email dưới đây:

World Wide Web

<http://www.epson.com.ph>

Có sẵn thông tin về thông số kỹ thuật sản phẩm, trình điều khiển để tải xuống, Câu hỏi thường gặp (FAQ) và tra cứu qua email.

Chăm sóc Khách hàng Epson Philippines

ĐT miễn phí: (PLDT) 1-800-1069-37766

ĐT miễn phí: (Kỹ thuật số) 1-800-3-0037766

Vùng thủ đô Manila: (632) 8441 9030

Trang web: <https://www.epson.com.ph/contact>

E-mail: customercare@epc.epson.com.ph

Có thể gọi đến từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều, thứ Hai đến thứ Bảy (Ngoại trừ các ngày lễ)

Nhóm Chăm sóc Khách hàng của chúng tôi có thể giúp bạn các công việc sau qua điện thoại:

- Tra cứu kinh doanh và thông tin sản phẩm
- Các câu hỏi về sử dụng sản phẩm hoặc vấn đề
- Các thắc mắc về dịch vụ sửa chữa và bảo hành

Epson Philippines Corporation

ĐT chính: +632-706-2609

Fax: +632-706-2663